

Larry Berman

Điệp Viên Hoàn Hảo

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net/>

Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

MUC LUC

[LỜI TỰA](#)

[MỞ ĐẦU](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương kết](#)

[LỜI CẢM ƠN](#)

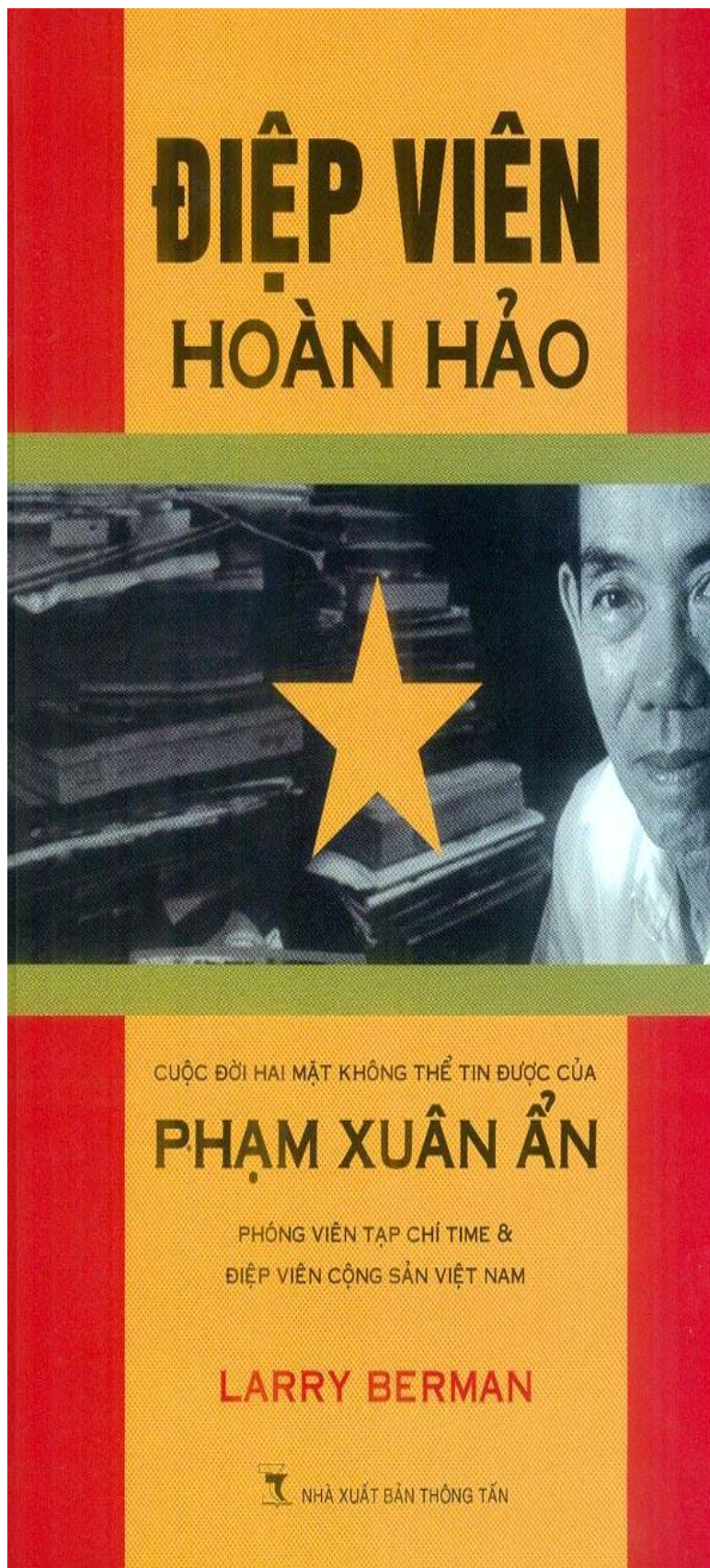
Larry Berman

Điệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

LỜI TỰA

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: PERFECT SPY





Larry Berman và Nguyễn Đại Phương

Copyright 2007 by Larry Berman Published by arrangement with Smithsonian Books in association with Harpercollins Publishers

Bản quyền năm 2007 của Larry Berman

Xuất bản có sự thoả thuận với Smithsonian Books kết hợp với Nhà xuất bản Harpercollins

Bản quyền tiếng Việt thuộc về Nhà xuất bản Thông tấn.



Phạm Xuân Ân

LỜI TỰA

Tháng 4/2007, giáo sư, nhà sử học người Mỹ Larry Berman cho ra mắt độc giả cuốn sách viết về nhà tình báo Việt Nam Phạm Xuân Ân với tựa đề **Điệp viên hoàn hảo** (Perfect Spy). Cuốn sách là công trình nghiên cứu công phu của tác giả suốt 5 năm, trong đó khắc hoạ chân dung Phạm Xuân Ân - một nhà tình báo nổi tiếng của chúng ta.

Ngay sau khi phát hành, cuốn sách đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của độc giả trong và ngoài nước Mỹ, trong đó có độc giả Việt Nam.

Về thiếu tướng tình báo, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Phạm Xuân Ân, cho đến nay đã có khá nhiều tư liệu, tác phẩm, bài viết của các tác giả trong và ngoài nước đánh giá cao về ông. Tuy nhiên, còn nhiều điều "bí ẩn" trong con người Phạm Xuân Ân mà bạn đọc muốn biết. Cuốn sách **Điệp viên hoàn hảo** của Larry Berman đã phần nào đáp ứng mong muốn đó của độc giả.

Nếu có thể nói một điều gì chung nhất về Phạm Xuân Ân thì đó chính là lòng yêu nước vô bờ bến,

lòng trung thành với Đảng, với ngành tình báo của một đảng viên cộng sản trung kiên, một cán bộ tình báo mẫu mực, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Larry Berman đã viết: "Động cơ cuộc sống của Phạm Xuân Ân chính là những mục đích cao cả của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Tình yêu dành cho đất nước đã giúp ông tin tưởng vào con đường cách mạng mình đã chọn - con đường mà ông có thể cống hiến tốt nhất cho đất nước.

"Tôi đã hứa trước Đảng... Tôi còn có nhân dân trông cậy vào tôi và sứ mạng của tôi. và ông đã không phụ lòng tin của Đảng, của nhân dân. Những tin tức tình báo quan trọng kèm theo sự phân tích, đánh giá sắc sảo của ông đã góp phần giúp Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương có cơ sở tin cậy để đề ra quyết sách đúng đắn trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Những báo cáo tình báo của Phạm Xuân Ân chính xác đến mức Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng nhận xét rằng, "dường như chúng ta có mặt ngay trong phòng tác chiến của Mỹ".

Là một nhà tình báo có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, từng hoạt động trong "vỏ bọc" một nhà báo làm việc cho Tạp chí *Time* của Mỹ tại Sài Gòn, Phạm Xuân Ân không mưu cầu lợi ích cho riêng mình, mà ông hoạt động vì sự nghiệp giải phóng đất nước. Với nghề tình báo thầm lặng và đơn tuyến, chỉ một sai lầm nhỏ là có thể nguy hiểm tới sự an toàn của tổ chức, tính mạng của bản thân và đồng đội Phạm Xuân Ân quả không chút phóng đại khi nói về cái nghiệp đã "vận vào mình": "Người ta có thể nói gì về cuộc sống khi mà luôn chuẩn bị sẵn sàng hy sinh.

Để chiến thắng đối phương phải hiểu rõ đối phương. Phạm Xuân Ân đã được cơ quan tình báo quân sự của chúng ta cử sang Mỹ học báo chí cũng nhằm mục đích đó. Trong suốt thời kỳ chiến tranh, Phạm Xuân Ân thầm lặng hoạt động trong lòng đối phương. Với nghiệp tình báo mà ranh giới giữa thực và giả thật mong manh, thật khó phân định, thì Phạm Xuân Ân - "một con người bị xẻ đôi" như một nhà báo Mỹ từng gọi ông, sẽ luôn là ẩn số đối với chúng ta. Đó chính là thành công của nhà tình báo Phạm Xuân Ân.

Năm 1975 khi hoà bình lập lại, Phạm Xuân Ân bước ra từ "vỏ bọc" trở về với cuộc sống đời thường của một công dân ở đất nước bao năm oằn mình trong chiến tranh với vô vàn khó khăn. Vì vậy, sự "trở về" ấy không hề đơn giản, nó đòi hỏi ở ông sự thấu hiểu và cảm thông. Và không có gì đáng ngạc nhiên khi trong con mắt của nhà sử học Mỹ Larry Berman, cuộc đời của nhà cựu tình báo và cuộc đời của một con người bình thường luôn có những mâu thuẫn giằng xé những suy tư trăn trở. Trong cuốn sách *Điệp viên hoàn hảo*, con người trong "vỏ bọc" mà Phạm Xuân Ân "tạo ra" thuở nào nhằm hoàn thành nhiệm vụ tình báo được giao và con người Phạm Xuân Ân trong cuộc sống đời thường đã được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau. Xuyên suốt trong cuốn sách là sự vĩ đại gắn liền với những chiến công to lớn và sự dung dị, gần gũi rất con người trong các mối quan hệ, suy nghĩ, cảm xúc của một nhà tình báo; là tính chất anh hùng, vinh quang đi liền với gian khổ, khó khăn, hy sinh âm thầm của nghề tình báo, những day dứt, thậm chí bị kịch của đời riêng không thể

chia sẻ của con người tình báo. Dưới ngòi bút của Larry Berman, tất cả những điều dường như là mâu thuẫn đó đã được thể hiện sống động, thống nhất trong cùng một con người Phạm Xuân Ân. Phải chăng đó chính là sự "hoàn hảo" của nhà tình báo Phạm Xuân Ân và cũng chính là thành công của tác giả.

Cuốn sách **Diệp viên hoàn hảo** cung cấp cho độc giả nhiều thông tin mới, trong đó có cả những suy nghĩ, nhận xét riêng của tác giả. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn rằng, đó chưa phải là toàn bộ thông tin liên quan đến con người và hoạt động của Phạm Xuân Ân. Lý do rất đơn giản, gắn liền với một nguyên tắc sống còn của nghề tình báo - nguyên tắc bí mật.

Cần nhớ rằng, khi tiếp xúc với Larry Berman, Phạm Xuân Ân vẫn là một nhà tình báo chuyên nghiệp. Ông đồng ý tiếp xúc với Larry Berman để "mở" cho thế giới thấy rõ hơn về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, nhưng trong ông cũng luôn thường trực ý thức "đóng" để giữ bí mật cho ngành tình báo, cho những đồng đội của ông đang còn đứng trong bóng tối. Chắc chắn có nhiều thông tin Phạm Xuân Ân biết nhưng sẽ không bao giờ nói ra. Bởi vậy đối với nhiều người, Phạm Xuân Ân sẽ vẫn tiếp tục là một "bí ẩn".

Giáo sư Larry Berman là một nhà sử học nổi tiếng ở Mỹ, tác giả của nhiều cuốn sách về cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành ở Việt Nam như: *Không hoà bình, không danh dự: Nixon, Kissinger và sự phản bội ở Việt Nam*, *Con đường đi đến bế tắc ở Việt Nam*, *Vạch kế hoạch cho một thảm họa: Mỹ hoá cuộc chiến tranh ở Việt Nam*. Cuốn sách **Diệp viên hoàn hảo** và những cuốn sách nói trên của ông có giá trị lịch sử giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về quá trình can thiệp của Mỹ vào cuộc chiến tranh Việt Nam và nguyên nhân thất bại của Mỹ.

Tuy nhiên, là một nhà nghiên cứu nước ngoài, chưa thể hiểu thật sâu sắc và đầy đủ về lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam, nên cách nhìn nhận, đánh giá của tác giả trong cuốn sách còn có chỗ khác biệt với chúng ta. Đó cũng là điều dễ hiểu. Chúng ta có thể chia sẻ và cảm thông với tác giả.

Trân trọng công trình nghiên cứu của giáo sư Larry Berman, đồng thời mong muốn cung cấp thêm một nguồn tư liệu để bạn đọc và các nhà nghiên cứu hiểu hơn về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, qua đó thấy được thắng lợi vĩ đại của dân tộc, sự lãnh đạo tài tình của Đảng, sự hy sinh to lớn của nhân dân, chúng tôi xuất bản cuốn sách này.

Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả một ấn phẩm rất đáng tham khảo.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

MỞ ĐẦU**"GIỜ THÌ TÔI CÓ THỂ THANH THẢN RA ĐI ĐƯỢC RỒI"**

Lần đầu tiên tôi gặp Phạm Xuân Ân là vào tháng 7/2001 tại Nhà hàng hải sản Song Ngư nằm trên con phố nhộn nhịp Sương Nguyệt Ánh. Hôm đó bạn tôi là Giáo sư James Reckner, Giám đốc Trung tâm Việt Nam tại Đại học Texas, mời tôi dùng bữa tối. Cùng dự có khoảng 20 người ngồi quanh một chiếc bàn dài và khá hẹp. Cách bố trí chỗ ngồi khiến tôi chỉ có thể trò chuyện được với hai người ngồi kề hai bên hoặc với người ngồi đối diện. Nhưng tôi, một từ tiếng Việt bẻ đôi cũng không biết. Cả đám người dự tiệc chỉ có hai học giả người Việt Nam thì lại ngồi hai đầu bàn và đều không nói được tiếng Anh. Các ghế quanh bàn đều có người ngồi cả trừ mỗi chiếc ghế đối diện với tôi là để trống.

Tôi ngán ngẩm vừa bắt đầu nghĩ rằng bữa tối nay lại là một cuộc tra tấn dài dằng dặc đây. Cùng lúc đó, tôi thấy mọi người đang ngồi quanh bàn đều đứng cả dậy để chào một người đàn ông Việt Nam đáng thanh mảnh đến dự chung bữa tối với chúng tôi. Tôi đoán người này trạc gần 70 tuổi. Ở ông toát lên một phong cách nhẹ nhàng, khiêm tốn. Tôi nghe Jim (*tên gọi tắt của James Reckner - ND*) nói: "Xin chào tướng Ân, chúng tôi rất hân hạnh có ông cùng tham dự". Ngay sau đó, ông Phạm Xuân Ân ngồi xuống ghế đối diện tôi. Thấy vị tướng này trả lời Jim bằng tiếng Anh, tôi bèn giới thiệu nhanh về mình là một giáo sư dạy Đại học California - Davis. Ông Phạm Xuân Ân nghe tôi tự giới thiệu như vậy thì mắt ông bỗng sáng lên. Vị tướng này nói: "Ông từ California đến! Tôi đã từng có thời sống ở đó và học đại học ở Costa Mesa đấy. Đó là thời kỳ hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi".

Trong suốt hai tiếng đồng hồ sau đó, Phạm Xuân Ân và tôi đã nói chuyện với nhau về rất nhiều chủ đề, từ chuyện ông học hai năm ở Trường Đại học Orange Coast, chuyên ngành báo chí đến chuyện ông đi khắp nước Mỹ; những điều ông học được; và chuyện ông khâm phục nhân dân Mỹ. Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng ông đã từng đến Davis thời kỳ thực tập tại báo Sacramento Bee. Phạm Xuân Ân kể lại lòng tốt của chủ bút Elenor McClatchy. Ông khoe đã được gặp Thống đốc California Edmund G. "Pat" Brown tại một hội nghị dành cho các biên tập viên những tờ báo của các trường đại học ở Sacramento. Phạm Xuân Ân rạng lên một niềm tự hào khi ông kể với tôi về người con trai cả của ông tên là Phạm Xuân Hoàng Ân, gọi theo tiếng Anh là Ân Phạm, cũng đã từng học ngành báo chí Đại học North Carolina ở Chapel Hill, Hoa Kỳ. Vừa qua, Phạm Ân đã lấy thêm một bằng cử nhân luật tại Đại học Luật Duke.

Chỉ chạm đĩa một chút xíu vào các món ăn, trong suốt bữa tiệc ông luôn hút thuốc lá. Phạm Xuân Ân hỏi về công việc nghiên cứu hiện nay của tôi. Vào thời điểm đó, tôi đang viết một cuốn sách về

những cuộc đàm phán bí mật tại Paris giữa Henry Kissinger và đối thủ Cộng sản Bắc Việt Nam của ông ta là Lê Đức Thọ. Đó là thời kỳ Nixon còn làm Tổng thống. Ông Phạm Xuân Ẩn liền hào hứng đưa ra những phân tích tinh tế và chi tiết về các cuộc đàm phán đó, cung cấp cho tôi những thông tin mới và cách nhìn mới mẻ.

Trong lúc nghe ông nói, tôi bỗng nhớ lại mình đã từng đọc về một phóng viên của Tạp chí *Time* rất được kính nể - người mà sau này trở thành một điệp viên của miền Bắc Việt Nam. Tôi ngờ ngợ rằng người đang ngồi ăn tối với tôi đây chính là nhà báo đó.

Suốt cả buổi tối hôm ấy, Phạm Xuân Ẩn không hề nói một lời nào về nghề tình báo của ông mà chỉ nói nhiều về một nghề khác, nghề phóng viên cho Hãng tin *Reuters* và Tạp chí *Time*. Ông nói say sưa về nghề nghiệp với những tình cảm yêu quý dành cho nhiều người bạn đồng nghiệp Mỹ. Phạm Xuân Ẩn nhắc tới tên của những nhà báo nổi tiếng nhất thời đại như Robert Shaplen, Stanley Karnow, Frances Fitzgerald, Robert Sam Anson, Frank McCulloch, David Halberstam, Henry Kamm, và Neil Sheehan. Ông nói với tôi rằng bạn bè của ông không chỉ là những người làm báo mà bao gồm cả người của CIA như Lou Conein, đại tá Edward Lansdale, cựu Giám đốc CIA William Colby - người từng là chỉ huy trưởng CIA ở Sài Gòn. Phạm Xuân Ẩn cũng nhắc tới tên nhiều nhà chính trị và tướng lĩnh của chính quyền Sài Gòn như Trần Văn Đôn, Bùi Diễm, Dương Văn Minh hay còn gọi là Minh "Lớn" - người sau này trở thành Tổng thống cuối cùng của Chính quyền Sài Gòn, và cựu Thủ tướng, phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ - người thường tìm đến ông Phạm Xuân Ẩn để nhận được những lời khuyên về cách huấn luyện chó và gà chọi như thế nào.

Dường như Phạm Xuân Ẩn biết tất cả những nhân vật tai to mặt lớn trong thời kỳ chiến tranh. Khi chia tay nhau tối hôm đó, Phạm Xuân Ẩn trao cho tôi tấm danh thiếp của ông trên đó in hình một con chó chăn cừu Đức tại một góc, còn góc kia in hình một con gà trống. - ông bảo tôi ngày mai gọi điện thoại cho ông để tiếp tục câu chuyện về các cuộc đàm phán Paris. Sau bữa tối hôm đó, một người bạn của tôi tên là Lê Khanh làm việc cho Trung tâm Việt Nam tại Trường Đại học Công nghệ Texas Tech cho biết người mà tôi vừa nói chuyện đúng 8 tiếng đồng hồ tại bữa tiệc chính là Phạm Xuân Ẩn, thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn từng được nhận bốn Huân chương Giải phóng, sáu Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, và được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Việt Nam.

Tôi rất tò mò muốn biết liệu Lê Khanh có cảm thấy căm thù đối với một người đã từng không chỉ là kẻ thù, mà còn là người từng sống một cuộc đời giả dối dường như phản bội lại nhiều người ở miền Nam Việt Nam hay không ông Khanh bảo rằng trong thời kỳ chiến tranh, ông không hề biết ông Phạm Xuân Ẩn. Ông Khanh cũng không biết phải ứng xử thế nào khi cách đây vài năm ông được một người bạn của cả ông và ông Phạm Xuân Ẩn mời đi uống cà phê với ông Ẩn. Ông Khanh nhận thấy Phạm Xuân Ẩn là một người khiêm nhường và đầy cá tính - một người mà chưa bao giờ,

dù chỉ một lần, tỏ ra kiêu ngạo của kẻ thắng trận.

Ông Khanh dùng từ "thân thiện và cởi mở" để nói về Phạm Xuân Ẩn và cố làm cho tôi hiểu là Phạm Xuân Ẩn sống một cuộc đời rất bình dị.

Cả Phạm Xuân Ẩn và Lê Khanh đều bị mất mát trong chiến tranh. Lê Khanh phải bỏ đất nước mà đi vào ngày 30/4/1975. Phạm Xuân Ẩn mất một người em trai là Phạm Xuân Hoà chết trong một vụ máy bay trực thăng rơi năm 1964. Phạm Xuân Hoà ngày đó làm thợ máy cho không lực Việt Nam Cộng hoà.

Ông Ẩn cũng không có được điều mà ông mơ ước một nước Việt Nam thống nhất có thể mang lại. Thật trớ trêu, ông Lê Khanh thì được tự do đi lại một cách thường xuyên từ nơi ông ở tại Lubbock, bang Texas đến thành phố Hồ Chí Minh trong những chuyến thăm kéo dài cùng với gia đình mình. Tướng Phạm Xuân Ẩn, người anh hùng của Cách mạng, thì lại chưa bao giờ rời Việt Nam đi thăm viếng bạn bè hoặc thành viên gia đình của mình ở bên Mỹ. Cả Phạm Xuân Ẩn và Lê Khanh đều hiểu rõ những mất mát của nhau; mối quan hệ giữa hai người này là minh chứng cho sự hoà hợp giữa những người yêu nước ở hai bên chiến tuyến.

Khi tôi gọi cho ông vào sáng hôm sau, ông Ẩn gợi ý ngay chúng tôi nên gặp nhau ở tiệm cà phê Givral.

Trong thời gian chiến tranh, tiệm cà phê Givral nằm đối diện Khách sạn Continental và nằm trong tầm nghe của toà nhà Quốc hội trước đây. Tiệm này từng là nơi tụ tập của cánh nhà báo, cảnh sát, và quan chức chính phủ. Đây chính là nơi những tin tức được tung ra, được kiểm chứng và là nơi mọi người săn tìm những thông tin nóng nhất trong ngày. Nơi đây là cỗ máy sản xuất tin đồn, thường được gọi đùa là "*Đài phát thanh Catinat*" vì tiệm cà phê này tọa lạc trên con phố mà thời Pháp có tên là *Rue de Catinat*. Sau năm 1954, con phố này được đổi tên thành đường Tự do và sau năm 1975 lại được đổi tên thành phố Đồng khởi. Mặc dù thời gian với biết bao thay đổi như vậy, ông Phạm Xuân Ẩn vẫn được mệnh danh là Tướng Givral vì chính tại tiệm cà phê này, ông có thể thu lượm được những thông tin mới nhất trong ngày. Mỗi khi đến đây, ông Phạm Xuân Ẩn thường dắt theo một con chó Đức to và rất trung thành được đặt tên là King. Chiếc xe hơi *Renault* màu xanh lá cây của ông thường đỗ ngay trước cửa tiệm.

Hai năm tiếp theo cho đến khi Phạm Xuân Ẩn ốm nặng, ông và tôi thường gặp nhau tại tiệm cà phê Givral. Tự dung hình thành nên thói quen mỗi lần gặp nhau bao giờ tôi cũng đến trước, chọn một bàn bên cửa sổ. Trong lúc ngồi chờ ông Ẩn tôi xem lại phần ghi chép của mình, đọc lại những câu hỏi. Phạm Xuân Ẩn đến sau trên một chiếc xe gắn máy cũ kỹ màu xanh. Sau khi nhận những lời chào nồng nhiệt từ phía các nhân viên nhà hàng, ông đi thẳng tới chỗ bàn tôi đang ngồi. Những giờ tiếp theo trong ngày, chúng tôi làm việc theo kiểu tôi nêu câu hỏi rồi ghi chép phần Phạm Xuân Ẩn giải thích về những sự nhạy cảm chính trị và lịch sử. thỉnh thoảng ông lại đặt điều thuốc lá trên tay

xuống, cầm tập ghi chép của tôi lên và viết những tên riêng hoặc những câu giúp tôi nắm được ý ông muốn nói. Khi tôi hỏi ông đã mệt chưa, Phạm Xuân Ân thường gợi ý gọi đồ ăn trưa rồi tiếp tục làm việc. Nói chuyện chỉ một lúc với ông tôi đã nhận thấy David Greenway, một người bạn của Phạm Xuân Ân đã đúng khi nói: "*Ông Ân đã giúp tôi nhận ra rằng đi Việt Nam càng nhiều, tôi càng hiểu biết ít về Việt Nam*".

Năm 2003, sau năm thập kỷ hút thuốc lá, Phạm Xuân Ân mắc bệnh phổi rất nặng. Ông Ân là người cực kỳ mê tín. Từ năm 1955 ông đã bắt đầu hút loại thuốc lá Lucky Strikes. Khi đó, một người bạn Mỹ của ông đã dạy ông cách nuốt khói, đồng thời đảm bảo với ông rằng Hãng thuốc Lucky Strikes sẽ mang đến cho ông nhiều may mắn. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi đã hút thuốc lá 52 năm rồi. Giờ đây tôi đang phải trả giá cho điều đó. Hút thuốc lá liên tục trong bằng ấy năm mà tôi chỉ bị bệnh phổi trong có 3 năm là thắng lợi chứ". Giống như hầu hết người dân Việt Nam, chuyện tướng số đóng vai trò lớn trong cuộc đời Phạm Xuân Ân. Sinh ra ngày 12/9/1927 thuộc cung Xử nữ nằm trong 6 dấu cung Hoàng đạo, trong đó chỉ có một nữ thần, nên ông Ân được nữ Chúa che chở cho suốt đời. Do vậy, ông tự cảm thấy mình có trách nhiệm phải bảo vệ phụ nữ.

Tôi đến thành phố Hồ Chí Minh vào ngày Phạm Xuân Ân phải đi viện. Một tờ báo địa phương đưa tin ám chỉ rằng ông chỉ còn sống được một thời gian ngắn nữa. Tôi điện thoại cho Phạm Xuân Ân, ông cũng xác nhận kết quả chẩn đoán là rất xấu. Trước khi rời thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã viết cho ông một lá thư riêng, trong đó bày tỏ hy vọng rằng chúng tôi còn có dịp lại gặp nhau ở tiệm cà phê Givral. Tôi nói đùa với Phạm Xuân Ân rằng với tư cách một điệp viên, ông đã đánh lừa thần chết nhiều lần rồi, nên lần này chắc ông chưa thể đi gặp Diêm Vương được đâu. Sau đó tôi chẳng biết ông Ân có đọc lá thư đó của tôi không.

Vài tháng sau, tôi nhận được tin Phạm Xuân Ân đã xuất viện về nhà phục hồi sức khỏe. Ông đã cảm ơn tôi về lá thư, đồng thời nói rằng ông mong gặp tôi để tiếp tục cuộc trao đổi. Phạm Xuân Ân bảo tôi nhớ mang cho ông ba cuốn sách mà ông thích đọc. Thời gian ngắn sau đó, tôi trở lại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng vì ông Ân còn yếu nên tôi đề nghị được gặp ông tại nhà riêng của ông. Đó là ngôi nhà ở số 214 phố Lý Chính Thắng, trước kia là nhà riêng của một nhà ngoại giao Anh. Hai chúng tôi vừa ngồi uống trà, vừa trò chuyện trong nhiều giờ. Xung quanh là những tủ sách báo quý giá và hàng chục loại chim luôn hót véo von, vài con gà trống thỉnh thoảng lại cất tiếng gáy, những con gà chọi thường xuyên được ông huấn luyện, một con chim ó, bể cá, và hai chú chó con thay thế cho con chó berger Đức trước đây.

Cuốn sách tôi viết về cuộc đàm phán Paris đã được xuất bản. Giờ đây tôi muốn lấy câu chuyện về cuộc đời Phạm Xuân Ân coi đó như một cửa sổ để giúp hiểu về những sự phức tạp của cuộc chiến tranh. Tôi hỏi Phạm Xuân Ân vì sao ông chưa tự viết hồi ký.



Ông Phạm Xuân Ân tại một trong nhiều cuộc trao đổi của chúng tôi

Trước đó nhiều năm, Stanley Karnow đã từng khích lệ Phạm Xuân Ân viết hồi ký, nhưng ông đã khăng khăng nói rằng do ông nắm giữ quá nhiều bí mật nên sợ viết ra có thể làm hại những người đang còn sống hoặc thân nhân của những người đã khuất.

Phạm Xuân Ân chẳng bao giờ tự viết hồi ký về cuộc đời tình báo của mình. Ông cứ khăng khăng cho rằng mình chỉ là một mắt xích nhỏ trong cả một mạng lưới tình báo Cộng sản rộng lớn. Phạm Xuân Ân tự coi mình tương tự như một nhà phân tích của CIA chỉ ngồi một chỗ ở Langley đọc tài liệu rồi gửi đi những báo cáo. Khi tôi hỏi liệu tôi có thể viết hồi ký cho ông được không, Phạm Xuân Ân trả lời thẳng thừng "Không!". Tuy vậy, cuộc trao đổi của chúng tôi vẫn tiếp tục. Tôi đưa ra càng nhiều câu hỏi về những việc ông đã làm trong nghề tình báo, Phạm Xuân Ân kể cho tôi nghe càng nhiều. Khi đó, tôi luôn tay ghi chép và bắt đầu ghi âm những cuộc nói chuyện của chúng tôi. Phạm Xuân Ân vẫn tiếp tục kể.

Thế rồi tôi gặp may. Nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng của Việt Nam trong "Cuộc chiến tranh của Mỹ", Phạm Xuân Ân nổi lên như một người anh hùng được tôn vinh ở Việt Nam. Hai cuốn sách chính thức về cuộc đời ông được xuất bản. Cuốn "**Phạm Xuân Ân: tên người như cuộc đời**", đã được trao giải thưởng thể loại sách không hư cấu hay nhất trong năm. Tựa đề cuốn sách là lời chơi chữ trong tiếng Việt, vì tên của Phạm Xuân Ân có nghĩa là che giấu, bí mật, ẩn nấp, vì vậy nên thực tế cuộc đời của ông cũng giống như tên của ông vậy?

Phạm Xuân Ân đưa cho tôi cuốn sách và lời nhận xét: "Đây là cuốn sách nhỏ cho ông biết cách mạng Việt Nam đem lại may mắn vì sự may mắn tốt hơn những kỹ năng". Cuốn sách nói về Phạm Xuân Ân trong nghề tình báo cũng như những cái nhìn sâu vào tính cách của ông. Tôi trở thành bạn bè với tác giả cuốn sách, nhà báo Nguyễn Thị Ngọc Hải - người đã giúp tôi trong việc nghiên cứu tìm hiểu bằng cách dàn xếp những cuộc phỏng vấn với các thành viên trong mạng lưới tình báo của Phạm Xuân Ân. Trong cuốn sách của mình, tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải cho rằng ông Ân không làm điều gì sai trái. Giống như George Washington, ông không biết nói dối, và giống như Abraham Lincoln, ông trưởng thành từ một con người bình thường trở thành một vĩ nhân. Một cuốn sách khác cũng do hai nhà báo viết tên sách "**Phạm Xuân Ân: Một vị tướng tình báo**" đã được dịch ra tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha, trở thành cuốn sách bán chạy nhất đối với khách du lịch tại các hiệu sách ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tôi bắt đầu sử dụng một số chi tiết mới nêu trong hai cuốn sách này để làm cơ sở cho các câu hỏi của tôi đối với Phạm Xuân Ân.

Ông Phạm Xuân Ân lại phải vào nằm viện. Lần này ông phải thở máy suốt 5 ngày liền. Vợ ông, bà Thu Nhân, theo truyền thống của người Việt Nam, đã đem tất cả tài liệu, sổ tay, ảnh, và những thứ

khác đặt vào trong một chiếc rương để nếu như ông chết sẽ được chôn cùng với những bí mật của mình. Trong khi ông đang nằm viện, bản dịch tiếng Anh của cuốn "**Phạm Xuân Ân: Một vị tướng tình báo**" đã được đăng tải nhiều kỳ trên một tờ báo Việt Nam và có thể đọc được trên Internet. Kỳ cuối cùng của loạt bài này có tựa đề "Sự vĩ đại" nói về đánh giá chính thức đối với Anh hùng Phạm Xuân Ân. "Nếu có thể rút ra được điều gì từ cuộc đời của ông, thì đó chỉ có thể là bài học về chủ nghĩa yêu nước. Người Việt Nam luôn luôn là những người yêu nước nồng nàn như thế, nhưng không kẻ ngoại xâm nào đề cao yếu tố này của dân tộc Việt Nam. Những kẻ xâm lược cũng không thể hiểu được đối thủ của chúng và vì vậy mà chúng đã phải chuốc lấy những thất bại. Nếu hiểu được điều đó chúng đã chẳng bao giờ dám có âm mưu xâm lược Việt Nam. Phạm Xuân Ân là một nhà tình báo vĩ đại".

Một lần nữa, Phạm Xuân Ân tránh được cuộc đi gặp Diêm Vương. Ông xuất viện trở về nhà với hai lá phổi chỉ còn làm việc được 35% công suất. Trông ông ốm yếu khủng khiếp. Tuy nhiên, đầu óc, trí nhớ, và cả khiếu hài hước trong ông vẫn sắc lẹm như thường.

Ông nói đùa với tôi về cái đầu mới cắt tóc của ông đã bị cạo trọc như tóc của các binh lính, nói rằng cắt tóc như vậy là cần thiết vì ông yếu quá, không thể giơ nổi cánh tay lên để chải tóc nữa. Phạm Xuân Ân thường phàn nàn rằng vợ ông, bà Thu Nhân, đã làm cho đồng tài liệu của ông lộn xộn cả lên, mà ông thì hiện nay ốm yếu quá, không thể sắp xếp lại cho gọn gàng đúng chỗ được.

Tôi hỏi Phạm Xuân Ân ông nghĩ gì về sự nổi tiếng mới đây của ông? Phạm Xuân Ân trả lời: "Đến bây giờ thì mọi người đã hiểu tôi chẳng làm điều gì sai trái cả và tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa: Tôi đã không phản bội. Đã có sự cố gắng làm thay đổi cách nói chuyện của tôi trong suốt một năm và cách nghĩ của tôi trong thời gian dài hơn thế nữa. Người ta có thể làm gì? Tôi không thể bị bắn. Người ta nói với tôi rằng không thích cách nói của tôi và rằng tôi khác lắm. Thậm chí đến nay, cũng không ai biết tôi có bao nhiêu thông tin và tôi biết những gì. Thậm chí, tôi đã phải chứng minh sự trung thành của mình, do vậy mà đến nay, mọi người có thể đã hiểu tôi hơn. Tôi đã dám đang ở Mỹ mà bỏ để trở về nước, và đây là một bài học cho thanh niên đất nước tôi. Tôi được coi là một tấm gương tốt cho thế hệ trẻ về lòng yêu nước".

Trong suốt cuộc nói chuyện kéo dài hai giờ đồng hồ của chúng tôi, bên cạnh Phạm Xuân Ân luôn có một bình oxy. Ông bảo tôi rằng ông muốn nằm xuống một lúc để được thở dưỡng khí. Ông mời tôi xem lướt qua thư viện của ông. Tôi tìm thấy bản gốc cuốn sách **Sổ tay địa lý Đông Dương** được ấn hành từ năm 1943 do một nhà tình báo hải quân Anh viết. Hồi tháng 4/1975, Phạm Xuân Ân đã từng sử dụng cuốn sách này để giúp đỡ nhiều gia đình bạn bè (phía đối phương) chạy trốn bằng cách chỉ cho họ những dòng hải lưu và những đường biển thuận lợi. Trên giá sách của ông, tôi thấy có cả tờ Tạp chí *New York Times* số ra ngày 1/12/1963 ngay sau khi Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát. Tờ tạp chí này đề cập đến một chủ đề vốn là một trong những vấn đề rắc rối nhất mà Tổng thống

mới của Hoa Kỳ Lyndon Baines Johnson đang phải đương đầu giải quyết. Tại góc dưới bên phải tờ tạp chí có tấm hình ba người đàn ông mặc quân phục đi cùng với một nhà báo Việt Nam miệng đang ngậm một điếu thuốc lá, còn tay thì đang ghi chép. Chú thích của bức ảnh viết: "Một trong những việc làm đầu tiên của Tổng thống Johnson là khẳng định lại chính sách của Hoa Kỳ viện trợ cho chính quyền Nam Việt Nam chống lại các du kích Cộng sản. Đây một cố vấn quân sự Mỹ và một sĩ quan Nam Việt Nam đang xem xét khẩu súng của một du kích Việt cộng vừa bị bắt". Phóng viên chiến trường trẻ tuổi David Halberstam đã gửi cho Phạm Xuân Ẩn bài báo này và đề bên dưới bức ảnh ông Ẩn dòng chữ: "*Liệu Phạm Xuân Ẩn có phải là một vấn đề lớn không hay?*"

Tôi lần giờ từng cuốn sách trên giá, đọc những dòng chữ mà bạn bè của ông Phạm Xuân Ẩn đã đề tặng. Nhà báo Neil Sheehan: "*Tặng Phạm Xuân Ẩn - người bạn của tôi, người đã vinh dự phục vụ một cách xuất sắc sự nghiệp báo chí và sự nghiệp của đất nước ông - hãy nhận ở tôi lời chào thân thiết nhất*". Laura Palmer: "*Tặng Ẩn yêu quý và thân thiết của tôi, người đã hiểu rằng các chính phủ thì chỉ đến rồi đi, nhưng bạn bè thì ở lại mãi mãi. Bạn là một người thầy lớn, một người bạn vĩ đại luôn chiếm một phần trong trái tim tôi. Hãy nhận ở tôi tình bạn yêu quý và một niềm vui tìm thấy bạn sau tất cả những năm tháng này*". Gerald Hickey: "*Tặng Phạm Xuân Ẩn - một người bạn chân chính trải qua bao thời gian trắc trở, chúng ta cùng chung một thời chiến tranh. Hãy nhận ở tôi lời thăm hỏi rất thân thiết*". Nayan Chanda: "*Tặng Phạm Xuân Ẩn, một nhà yêu nước quả cảm, một người thầy, người bạn vĩ đại. Hãy nhận ở tôi lời biết ơn*". Robert Shaplen: "*Tặng Phạm Xuân Ẩn, hiện tại cuối cùng rồi cũng đã đuổi kịp được quá khứ? Chúng ta có những kỷ ức để mà chia sẻ và áp ủ - Nhưng trên hết là một tình bạn dài lâu*". Stanley Karnow: "*Tặng Phạm Xuân Ẩn, người anh em thân thiết của tôi - người đã giúp tôi hiểu Việt Nam trong nhiều năm. Hãy nhận ở tôi lời thăm hỏi nồng ấm*".

Đáng chú ý là những lời đề tặng trên hai cuốn niên giám 1958 và 1959 của Trường Đại học Orange Coast College, nơi Phạm Xuân Ẩn đã từng học trước đây.

Lời của hai người bạn học, Lee Meyer: "*Ẩn - rất thú vị khi tôi được gặp bạn. Chắc Ẩn biết rằng đối với bạn sẽ rất quan trọng khi trở về Tổ quốc của mình - bạn đã có một sự hiểu biết to lớn về báo chí và triết học. Lúc nào bạn cũng sẽ bên tôi, trong mọi suy nghĩ của tôi*". Rosam Rhodes: "*Tạm biệt Ẩn - nơi tôi gặp bạn và chúng ta cùng làm việc với nhau trong suốt năm qua thật tuyệt vời. Hy vọng bạn sẽ thực hiện được điều mơ ước của mình trong thế giới này - có lẽ chúng ta sẽ lại gặp nhau - khi mà cả hai đều đã trở thành những nhà báo nổi tiếng*".

Tôi quyết định liều một lần cuối cùng đề nghị Phạm Xuân Ẩn để cho tôi viết sách về ông. Tôi bèn van nài Phạm Xuân Ẩn, hy vọng được ông chấp nhận với tôi một điều rằng cuốn hồi ký về cuộc đời ông phải để cho một nhà sử học như tôi viết ra, chứ không chỉ các nhà báo Việt Nam viết về ông, vì có thể ở Việt Nam vẫn còn áp dụng kiểm duyệt. Tôi bèn lật ngửa con bài cuối cùng của mình bằng

cách nói rằng sẽ là thích hợp nếu một giáo sư đại học ở California - một bang của nước Mỹ mà tại đây, ông Ân từng có đầy kỷ ức đẹp đẽ - viết hồi ký về cuộc đời Phạm Xuân Ân. Đó là cuộc đời của một nhà tình báo chiến lược trong chiến tranh, về những ngày ông hoạt động báo chí, về những năm tháng ông sống trên đất Mỹ, về những tình bạn của ông - đó là câu chuyện về một cuộc chiến tranh, một thời kỳ hoà hợp dân tộc và hoà bình. Tôi không dám ép Phạm Xuân Ân phải tiết lộ nhiều những bí mật tình báo mà ông đang nắm giữ, vì biết rằng ông chẳng bao giờ làm điều đó.

Phạm Xuân Ân nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nói: "OK". Ông nói với tôi rằng ông rất tôn trọng những cuốn sách trước đó của tôi về Việt Nam và ông hy vọng những người trẻ ở Mỹ có thể học từ cuộc đời của ông về cuộc chiến tranh Việt Nam, về chủ nghĩa yêu nước và về sự khâm phục của ông đối với nhân dân Mỹ. Ông hứa sẽ hợp tác với tôi, nhưng với điều kiện là ông bảo lưu quyền được nói rằng: "Điều này nói ra chỉ để cho ông hiểu toàn cảnh bức tranh, chứ không được viết vào sách, vì nó có thể làm đau lòng con cháu của người đó và xin đừng bao giờ kể câu chuyện đó với ai hoặc nhắc đến tên người ấy".

Trong suốt ngày làm việc cuối cùng của tôi với ông, Phạm Xuân Ân luôn lo ngại rằng những điều ông nói ra có thể gây hậu quả ngược lại không phải đối với ông mà là đối với những người khác. Lúc đó, tôi rất trân trọng và thực hiện tất cả những đề nghị này của ông Phạm Xuân Ân.

Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng ông không muốn đọc bản thảo trước khi cuốn sách của tôi được xuất bản. Ông dẫn ra một câu thành ngữ Việt Nam "Văn mình, vợ người". Ông khẳng định nếu đọc sách của tôi ông sẽ tìm thấy những đoạn mà ông không thích, nhưng ông không muốn là người chỉ ngòi rồi đưa ra đánh giá này nọ về những kết luận mà người viết tiểu sử cho mình đưa ra. Vì ông đã nhận không tự viết về câu chuyện cuộc đời mình. Ông Phạm Xuân Ân và tôi đã thoả thuận với nhau như vậy. Đổi lại, tôi có điều kiện thuận lợi không ai sánh bằng để tìm hiểu về người điệp viên này.

Tôi tự thấy mình phải làm việc rất khẩn trương. Phạm Xuân Ân đã yếu lả rồi và thường hay nói đến cái chết, đại loại như "Tôi đã sống quá lâu rồi ông ạ". Mỗi khi nói câu này, gương mặt ông lại rạng lên một nụ cười.

Sau khi đã được phép của Phạm Xuân Ân rồi, tôi quyết định đến gặp ông càng nhiều càng tốt. Chẳng ai có thể biết khi nào thì ông vĩnh viễn ra đi. Vào thời điểm cảm thấy ngày ra đi của mình đang đến rất gần, Phạm Xuân Ân bỗng tỏ ra cởi mở hơn, cung cấp cho tôi những tài liệu quý giá mà ông thu được trong thời kỳ chiến tranh. Đó là hàng chục bức ảnh cá nhân và những trao đổi thư từ, tiếp cận với những thành viên trong mạng lưới của ông, những người bạn của ông ở Mỹ và quan trọng nhất là ông cho tôi lật giở đến tận đáy chiếc tủ gia đình đựng tài liệu của ông. Chiếc tủ bằng sắt cũ kỹ và han gỉ trong đó lưu giữ hàng chục tài liệu ầm môt.

Cuối năm 2005, Phạm Xuân Ân đưa ra hai quyết định chứng tỏ tôi là người được chấp nhận viết hồi ký cho ông. Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu sản xuất một bộ phim truyền hình dài

10 tập về cuộc đời của ông. Viết kịch bản cho bộ phim tài liệu này là Nguyễn Thị Ngọc Hải - tác giả của cuốn hồi ký được giải thưởng. Tôi được nhóm làm phim phỏng vấn. Phạm Xuân Ân yêu cầu đoàn làm phim phải quay hình kéo dài một giờ buổi làm việc của ông với tôi và với một người Việt Nam viết hồi ký cho ông.

Người Việt Nam đó là Hải Vân - một nhà báo từng viết cuốn "**Phạm Xuân Ân: Một vị tướng tình báo**". Để dàn cảnh, đoàn làm phim bố trí để tôi lên xe hơi đi từ khách sạn nơi tôi ở đến nhà Phạm Xuân Ân rồi bắt đầu bấm máy từ đoạn ông ra đón tôi tại cổng trước.

Tối hôm đó, tôi dùng bữa cùng đoàn làm phim. Hải Vân và tôi trao đổi nhiều chuyện về Phạm Xuân Ân.

Tôi ngờ rằng cả hai chúng tôi đều chưa để lộ những con át chủ bài của mình. Tôi cũng đã nói chuyện một số lần với Lê Phong Lan, chủ nhiệm bộ phim tài liệu này. Lê Phong Lan đặc biệt tò mò về thời gian Phạm Xuân Ân sống bên Mỹ. Sau này, có lần tôi hỏi Phạm Xuân Ân vì sao ông cứ khăng khăng muốn tôi phải tham gia vào bộ phim tài liệu nói trên. Ông ném sang tôi một cái nháy mắt ám chỉ điều gì đó mà tôi không hiểu. Phạm Xuân Ân biết rằng tôi đang tiến hành nghiên cứu, lục giở những tài liệu tại một số trung tâm lưu trữ và đã tìm thấy một số tư liệu mới về cuộc đời ông. Phạm Xuân Ân cũng đã biết tôi từng phỏng vấn hàng chục người bạn của ông, trong đó có nhiều người là bạn thời còn đang học đại học. Tôi đã tạo dựng được một cách độc lập sự hiểu biết về ông vượt quá cả những điều mà đất nước ông cho phép. Đó chính là điều mà trong những ngày cuối cùng của cuộc đời mình Phạm Xuân Ân mong muốn.

Quyết định thứ hai mang tính chất riêng tư hơn. Phạm Xuân Ân bảo tôi cho ông sử dụng nhờ cái máy ghi âm nhỏ xíu của tôi để ghi lại những lời ông muốn gửi cho một số người bạn cũ ở Mỹ. Ông đã yếu quá rồi, không đủ sức để cầm bút hoặc đánh máy chữ, chỉ muốn nói lời cảm ơn và tạm biệt đối với một số người bạn của mình. Ông bảo tôi ghi âm ba trong số những đoạn dài (sau này, những đoạn ghi âm đó đã trở thành những tư liệu lịch sử bằng lời có thể kiểm chứng được). Phạm Xuân Ân cho phép tôi sử dụng bất cứ điều gì mà ông đã nói để cho tôi có cơ sở hiểu bối cảnh sự kiện, trừ những đoạn mà ông đã dặn tôi rất kỹ trong một buổi làm việc của chúng tôi. Nhưng nếu người trong cuộc cho phép, thì tôi có thể dùng những tư liệu đó. Phạm Xuân Ân nhờ tôi chuyển trả lại giúp một số lá thư riêng mà gia đình Brandes ở Mỹ đã gửi cho ông hồi những năm 1950. Brandes là gia đình Mỹ đầu tiên gây cho Phạm Xuân Ân ấn tượng về sự hào phóng và thiện chí của nhân dân Mỹ. Cả ông Phạm Xuân Ân và gia đình Brandes đều đã đồng ý và cho phép tôi sử dụng những lá thư đó để đưa vào cuốn sách này.

Giống như rất nhiều người trẻ tuổi tham gia cách mạng để chống lại thực dân Pháp, Phạm Xuân Ân có tầm nhìn vì một sự công bằng xã hội và một nền độc lập của Việt Nam. Ông đấu tranh vì một nền tự do và chống lại sự đói nghèo. Là một nhà tình báo chân chính, ông không mưu cầu danh vọng

hoặc tiền tài cho mình, mà tất cả chỉ vì nhân dân của nước ông.

Phạm Xuân Ân không hề muốn mình là một điệp viên, mà ông làm điều đó chẳng qua chỉ vì nghĩa vụ đối với dân tộc mình. Mặc dù vậy, ông vẫn nhận nhiệm vụ tình báo một cách nghiêm túc, cho dù nghề đó không mang lại cho ông nhiều niềm vui. Những điều ông mơ ước về cách mạng trở thành vấn đề lý tưởng, nhưng tôi tin rằng động cơ cuộc sống của Phạm Xuân Ân chính là những mục đích cao cả của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Đảng cộng sản Việt Nam đã tuyển mộ Phạm Xuân Ân làm tình báo viên với bí số X6 - một điệp viên đơn tuyến trực thuộc mạng lưới tình báo H.63 ở Cù Chi.

Mạng lưới này là đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đảng đã chỉ thị cho ông chọn nghề báo làm vỏ bọc tốt nhất. Đảng gom góp tiền để cử Phạm Xuân Ân sang Mỹ và khéo léo tạo ra một lý lịch giả để hỗ trợ cho vỏ bọc của ông. Trong hồ sơ của Đảng, ông Phạm Xuân Ân được mang bí danh là Trần Văn Trung nhằm giữ bí mật cho ông. Phạm Xuân Ân nói rằng đó là vận mệnh của ông, đồng thời cho rằng người ta không thể không đấu tranh với cuộc sống.

Khi còn trẻ, ông đã nghiên cứu Voltaire và tâm đắc câu nói của nhà khoa học này: "*Bạn cần phải khác biệt để được đón đầu và vui sướng*". Phạm Xuân Ân cho biết, khi đó ông mới 17 hoặc 18 tuổi, nên đã làm theo tất cả những điều ông được chỉ thị làm.

Phạm Xuân Ân trở thành tình báo viên khi các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản nhận thấy rằng Mỹ đang chuẩn bị ráo riết để thay thế thực dân Pháp ở Việt Nam. Lại một lần nữa, dân tộc Việt Nam không được tự quyết định tương lai của mình. Lợi ích sống còn của Mỹ khi đó là không để Việt Nam rơi vào tay chủ nghĩa Cộng sản. Chiến tranh lạnh, sự cấm vận, học thuyết đômônô chẳng có lợi ích gì đối với Việt Nam, chỉ mang lại chết chóc và sự tàn phá mà thôi.

Sứ mạng của nhà tình báo Phạm Xuân Ân là cung cấp các báo cáo tình báo chiến lược về những kế hoạch chiến tranh của Mỹ và sau đó gửi vào "rừng" cho chỉ huy cấp trên. Là một nhà phân tích, Phạm Xuân Ân lấy mẫu hình điệp viên CIA Sherman Kent, tác giả cuốn "*Tình báo chiến lược đối với chính sách toàn cầu của Mỹ*" - một cuốn sách nổi tiếng không thể thiếu được đối với dân tình báo chiến lược. Phạm Xuân Ân biết đến Kent và nhận được những bài học đầu tiên của Kent về nghề tình báo từ đại tá CIA huyền thoại Edward Lansdale và các cộng sự bí mật của đại tá. Đó là những người Mỹ đã đến Việt Nam từ năm 1954. Trên cơ sở những mối quan hệ tiếp xúc ban đầu, Phạm Xuân Ân đã xây dựng họ thành những nguồn thạo tin và tốt nhất ở Sài Gòn. Mục đích cuối cùng là cung cấp cho Hà Nội những thông tin cần thiết nhất để nắm bắt những kế hoạch từng trận đánh và chiến thuật của Mỹ. Trong suốt giai đoạn đầu của quá trình gia tăng sự có mặt của Mỹ ở Việt Nam, Phạm Xuân Ân là một tình báo viên quý giá nhất so với tất cả các tình báo viên hoạt động ở miền Nam. Thông tin tình báo của ông có giá trị cao về tính chính xác, bởi vì ông đã thiết lập được một vỏ bọc chắc

chấn gần như không thể lộ được. Những báo cáo tin tình báo đầu tiên của ông chính xác đến mức tướng Giáp đã có lần nói rằng: "Giờ đây, chúng ta đã có mặt ngay trong phòng tác chiến của Mỹ".

Phạm Xuân Ân là người đã giúp cho các nhà báo Mỹ hiểu được sự phức tạp trong tình hình chính trị ở Việt Nam. Ông được các giới chính trị, quân sự, tình báo của cả hai bên đánh giá cao, bởi vì ông có khả năng phân tích về Mỹ cho phía Việt Nam. Thời kỳ 1965-1975, tên Phạm Xuân Ân luôn được đưa vào danh sách những phóng viên được phép đưa tin các sự kiện do Bộ Chỉ huy và viện trợ quân sự Mỹ ở Việt Nam (MACV) tổ chức. Ông chưa bao giờ phải làm cái việc ăn cắp tài liệu mật, vì ông luôn được các nguồn tin của mình cung cấp những tài liệu mật để phân tích giúp cho họ những tình hình quân sự và chính trị to lớn hơn.

Có lẽ nguồn tin cơ sở tốt nhất của Phạm Xuân Ân trong toàn bộ những tháng năm làm tình báo của ông chính là Tổ chức Tình báo Trung ương miền Nam Việt Nam (CIO). Đây là một cơ quan được tổ chức rập khuôn theo mẫu hình Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA). Phạm Xuân Ân từng tư vấn cho việc lập ra CIO và luôn duy trì mối quan hệ thân thiết với những người bạn của ông làm việc trong tổ chức anh báo này. Ông cho biết: "Họ coi tôi là một người đồng nghiệp, một người bạn và bất cứ khi nào tôi cần gì thì chỉ cần nêu yêu cầu là được cung cấp ngay". Dường như không một nhân viên tình báo nào của chế độ Sài Gòn nhìn thấu qua được vỏ bọc của Phạm Xuân Ân.

Ông đã qua mắt được tất cả các nhân viên tình báo không chỉ của chế độ Sài Gòn, mà cả của Mỹ. Ông Bùi Diễm - cựu Đại sứ của chế độ Sài Gòn tại Hoa Kỳ, nhớ lại: "Chúng tôi thường dùng bữa trưa với nhau tại Brodard và tôi chẳng bao giờ nghi ngờ điều gì cả".

Thật trớ trêu, khi cuộc chiến tranh đã chấm dứt và Việt Nam không còn bị chia cắt nữa, thì lại có một số người trong cơ quan công an Việt Nam tin rằng quan hệ của Phạm Xuân Ân với người của tình báo Mỹ và CIO vẫn còn quá thân thiết. Và rằng, người Anh hùng tình báo của họ tồn tại được lâu như vậy là vì đã làm việc cho các bên khác nhau nên rất có thể Phạm Xuân Ân là một điệp viên đồng thời cho cả ba cơ quan tình báo. Sự rắc rối đối với Phạm Xuân Ân bắt nguồn từ việc ông luôn dùng những lời lẽ thân thiết để nói về những người bạn của mình từng làm việc cho CIA và CIO.

Phạm Xuân Ân được đánh giá cao không chỉ vì những tin tức ông thu thập được, mà còn vì sự phân tích hiểu biết của ông về những thông tin đó. Trong nghề tình báo, người ta dùng thuật ngữ xử lý tin để phân tích, đánh giá các thông tin nhằm giúp cho người sử dụng những thông tin đưa ra được những quyết định về chính sách. Phạm Xuân Ân là một nhà phân tích sắc sảo, nên ông thường đưa ra rất sớm những nhận định được xử lý từ những bản kế hoạch quân sự phức tạp được ông thể hiện dưới dạng những báo cáo dễ hiểu gửi cho cấp trên của ông.

Thực hiện tất cả những điều đó, Phạm Xuân Ân hiểu rằng chỉ cần một sai lầm nhỏ của mình cũng có thể dẫn đến việc ông bị bắt hoặc bị giết. Đề cập đến những năm tháng hoạt động tình báo, Phạm Xuân Ân nói: "Người ta có thể nói gì về cuộc sống, khi mà người ta phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng

hy sinh".

Phạm Xuân Ân bắt đầu một nhiệm vụ như thế nhưng sứ mạng của ông có lẽ chỉ kết thúc khi đất nước ông được thống nhất hoặc là khi ông bị bắt. Một người bạn tình báo của Phạm Xuân Ân là Lou Conein làm việc cho CIA đã khuyên ông hãy xé toang màn bí mật về những năm tháng đó, luôn giữ cho mình tự kiểm soát được và không bao giờ được mắc sai lầm dù là nhỏ. Sự thán phục của Conein là sự thán phục "của một sĩ quan tình báo chuyên nghiệp đối với một người cũng đóng vai trò tương tự. Người ta không thể không thán phục một con người rất tài giỏi trong nghề nghiệp của mình".

Điều làm cho câu chuyện về cuộc đời Phạm Xuân Ân trở nên không thể tin được đó là việc rõ ràng ông rất thích sống trong vỏ bọc của mình, thích làm một phóng viên để điều mơ ước về tự do báo chí trở thành hiện thực trong cách nhìn của ông về cách mạng.

Trong suốt hơn hai mươi năm, Phạm Xuân Ân sống trong vỏ bọc, nhưng vẫn hy vọng điều mà ông hằng mơ ước sẽ trở thành sự thật. Đó là điều ông mơ ước được làm phóng viên cho một tờ báo của nước Việt Nam thống nhất. Ông khâm phục và kính trọng những người Mỹ mà ông đã từng gặp ở Việt Nam, cũng như những người ông gặp trong thời kỳ còn ở bên Mỹ. Ông tin rằng hiện nay, những người Mỹ đó chẳng làm gì ở đất nước của ông. Laura Palmer đã từng viết về Phạm Xuân Ân: "Những người bạn của ông là tài sản quý giá trong trái tim ông".

Lúc đầu đối với tôi, không có gì khó khăn hơn là viết về cuộc đời ông Phạm Xuân Ân mà phải cố gắng hiểu được những tình bạn đó của ông. Để tồn tại, Phạm Xuân Ân phải lừa dối hay đơn giản là không nói gì với những người thân thiết nhất của ông về nhiệm vụ bí mật mà ông đang đảm nhiệm. Thế nhưng, không một ai trong số những người bạn của Phạm Xuân Ân thù ghét ông một khi họ được cho biết rằng ông là một tình báo viên cộng sản. Phạm Xuân Ân phải là người như thế nào thì mới có thể xây dựng được những tình bạn bền lâu trên một nền tảng giả dối, mà khi sự giả dối đó bị bóc trần vẫn không ai trong số những người bạn ấy cảm thấy bị phản bội.

Chỉ có rất ít người cảm thấy họ đã bị sử dụng làm nguồn cung cấp thông tin để cho Phạm Xuân Ân viết ra những báo cáo tình báo chiến lược gửi ra Hà Nội.

Phạm Xuân Ân có niềm tin tưởng rằng ông không bao giờ tham gia vào bất cứ hành động nào phản bội lại nhân dân Mỹ. Đến tận những ngày cuối cùng của cuộc đời mình, Phạm Xuân Ân vẫn khẳng khái cho rằng không một người bạn Mỹ nào của ông lại bị ảnh hưởng xấu về mặt con người lẫn nghề nghiệp do những việc ông làm. Ngược lại, hầu hết những người bạn của ông đều được hưởng lợi từ sự giúp đỡ của ông.

Khoảng những năm 1970 (nếu không phải là trước đó nữa), gần như tất cả những người bạn Mỹ của Phạm Xuân Ân đều xem xét cuộc chiến tranh Việt Nam dưới nhãn quan của ông. Cứ cho rằng Phạm Xuân Ân trên thực tế đã phản bội những người bạn của ông; và cứ cho rằng những người bạn Mỹ này đã thông cảm với những gì thuộc những hiểu biết cơ bản của ông về cuộc chiến tranh, hầu

hết những người bạn của ông đều không có lý do gì để thất vọng khi nhiều năm sau đó họ biết rằng Phạm Xuân Ẩn là một điệp viên. Tôi quan tâm đến việc sứ mạng dưới vỏ bọc chắc chắn như của ông đã không thể không gây ra những căng thẳng về mặt đạo đức bên trong nhà tình báo. Phạm Xuân Ẩn luôn luôn sống trong lo sợ và thường xuyên phải đối mặt với sự tự nghi ngờ liên quan đến việc sử dụng bạn bè của mình vào mục đích tình báo. Việc Phạm Xuân Ẩn đã giải quyết mâu thuẫn bé tấc đó như thế nào sẽ là một phần trong bức màn bí ẩn có thực trong cuộc đời của ông.

Dù nhìn nhận ở góc độ nào về cuộc đời của một trùm tình báo được thừa nhận như Phạm Xuân Ẩn, thì cũng cần xem xét một thực tế rằng có rất nhiều người khác - cả người Mỹ lẫn người Việt, phải chịu hậu quả của các hoạt động tình báo Cộng sản. Các thành viên trong mạng lưới tình báo H.63 của Phạm Xuân Ẩn đã từng "giết nhiều lính Mỹ và nguy, phá huỷ nhiều xe tăng, xe bọc thép và máy bay chiến đấu phản lực của kẻ thù". Vấn đề đánh giá tác động của những hành động tình báo cụ thể là điều không mấy dễ dàng. Tuy nhiên, nếu Phạm Xuân Ẩn trên thực tế đúng là một điệp viên Cộng sản vĩ đại nhất của cuộc chiến tranh và những lời ca ngợi thành tích của mạng lưới tình báo "anh hùng" của ông là chính xác, thì một cách gián tiếp, những hành động của ông đã gây ra tổn thất và chết chóc cho nhiều người.

Sau chiến tranh, Phạm Xuân Ẩn thấy cô đơn. Ông không còn liên hệ với những người bạn Mỹ và cũng không còn làm việc như một nhà báo. Hàng tháng ông đi họp chi bộ. "Chi bộ của tôi ngày càng ít người đi vì có những người bạn của tôi qua đời. Nhưng tôi vẫn đi họp đều đặn mỗi tháng một lần và để nói những chuyện đại khái như là tuần này tôi có giáo sư Larry Berman đến thăm. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau về cuộc đua ngựa và những chuyện khác". Phạm Xuân Ẩn vừa nói vừa mỉm cười.

Khi tôi hỏi liệu người ta có thật sự quan tâm đến việc ông kể về cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi hay không, Phạm Xuân Ẩn trả lời: "Những điều tôi nói mọi người đều đã biết cả rồi. Những điều tôi nói lại chẳng qua chỉ là để thử thách xem tôi có trung thực và trung thành hay không mà thôi. Do vậy, cách tốt nhất là nói tất cả những gì người ta đã biết. Ngoài ra, ai cũng biết tôi là người thẳng thắn, và người ta biết rõ tôi cảm thấy thế nào về tất cả những việc này. Tôi thì già quá rồi, không thể thay đổi được, còn họ thì vì thận trọng mà cũng không thể thay đổi được. Dù vậy, sau mỗi năm tình hình lại được cải thiện tốt hơn. Có lẽ trong 50 năm tới thì tình hình sẽ là OK.

Phạm Xuân Ẩn vẫn là người có cảm tình với Mỹ trong suốt cả cuộc đời mình. Ông đã rất vui khi sống được đến ngày chứng kiến một chương mới mở ra trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Theo lời mời của cả Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Raymond Burghardt và Tổng lãnh sự Hoa Kỳ Emi Lynn Yamauchi, Phạm Xuân Ẩn lên thăm tàu hải quân Mỹ USS Vandegrift hồi tháng 9/2003. Cùng thăm tàu có các quan chức cao cấp khác nhân dịp lần đầu tiên, một tàu hải quân Mỹ cập cảng Việt Nam kể từ khi chiến tranh kết thúc năm 1975. Một trong những tài sản đáng giá của Phạm Xuân Ẩn

là tấm hình ông chụp chung với Tổng lãnh sự Yamaguchi và thuyền trưởng Richard Rogers trên tàu Vandegrift do cơ quan Tổng lãnh sự Mỹ tặng. Kể lại chuyện này cho tôi nghe, Phạm Xuân Ân nói hôm ấy ông rất tự hào, đã sống được đến ngày đầy vui sướng hoà hợp và hợp tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam: "*Giờ thì tôi có thể thanh thản ra đi được rồi. Tôi đã phục vụ đất nước tôi, nhân dân tôi, và sự tái thống nhất Tổ quốc*". Sau này con trai Phạm Ân của ông nói với tôi: "Cháu mừng vì ba cháu đã từng trải nghiệm như vậy. Điều đó chứng tỏ rằng tiến trình bình thường hoá đang tiến triển tốt đẹp và điều này có ý nghĩa rất lớn đối với ba cháu".

Hôm lên tàu Vandegrift, Phạm Xuân Ân mặc thường phục nên chỉ có mỗi một người trong phái đoàn Việt Nam trên tàu nhận ra ông. Một vị đại tá Việt Nam tiến lại gần ông và hỏi bằng tiếng Việt: "Xin lỗi, có phải ông là tướng Phạm Xuân Ân không ạ?".

Phạm Xuân Ân nghe vậy liền ngừng mặt lên đáp "Vâng, đúng là tôi".

Vị đại tá liền đáp: "Rất hay được gặp ông", rồi trong lúc Phạm Xuân Ân đang đứng giữa rất nhiều quan chức cấp cao Mỹ, vị đại tá quay sang phía Phạm Xuân Ân hỏi hài hước:

"Vậy ông là tướng của bên nào?".

Không một chút do dự, Phạm Xuân Ân liền đáp: "Của cả hai bên".

Lúc đó vị đại tá nhìn có vẻ khó chịu. Phạm Xuân Ân nói: "Chỉ là trò đùa thôi mà".

Khi kể lại câu chuyện này cho tôi nghe, ông kết luận:

"Giáo sư thấy đấy, đó chính là lý do vì sao tôi chưa được ra nước ngoài: Người ta vẫn chưa hiểu rõ tôi là người thế nào".



"Giờ thì tôi có thể thanh thản ra đi được rồi", đó là điều ông Ân mô tả cảm xúc của mình trên tàu hải quân Mỹ USS Vandegrift tháng 9/2003 (ảnh do Tổng lãnh sự Quán Mỹ tại thành phố Hồ Chí Minh cung cấp).

Larry Berman

Điệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 1

Hoà bình, nhà tình báo và người bạn

Tặng Phạm Xuân Ân - người đã dạy tôi về Việt Nam và về ý nghĩa đích thực của tình hữu nghị. Với bạn, một người can đảm nhất mà tôi từng gặp, tôi vẫn còn nợ một điều mà chắc không bao giờ có thể trả được. Xin nhận ở tôi lời chào Hoà Bình.

Robert Sam Anson viết tặng trong cuốn sách của ông mang tựa đề "Tin chiến tranh: Một phóng viên trẻ ở Đông Dương".

Tháng 8/1970

Chuyến bay chín mươi phút từ Singapore đến Sài Gòn đối với cô Diane Anson dường như dài bất

tận. Vài ngày trước đó, cô nhận được thông báo chính thức rằng chồng cô, nhà báo Robert Sam Anson, làm việc cho Tạp chí Time đã bị mất tích ở Campuchia. Ngày mất tích chính thức là mùng 3/8/1970. Ngoài ra không có một thông tin nào khác. Bob (tên gọi tắt của Robert Anson - ND) có thể đã chết mất xác giống như trường hợp phóng viên ảnh tự do San Flynn của Tạp chí Time và Dana Stone làm việc cho Hãng truyền hình CBS, khi cả hai đều mất tích đầu tháng 4 ở ngay ngoại ô Phnôm Pênh.

Campuchia được coi là vùng đất nguy hiểm đối với cánh nhà báo. Chỉ riêng trong tháng 9, hai mươi lăm nhà báo thiệt mạng chỉ ở nước láng giềng này của Việt Nam. Trong số họ có một số nhà báo Mỹ và nhà báo quốc tế cùng một tổ làm phim bỏ xác tại Takeo, cách Phnôm Pênh một giờ xe hơi. Nhìn con gái bé nhỏ và đứa con trai sơ sinh của mình ở ghế bên cạnh, Diane cố không nghĩ tới việc tên của cha hai đứa nhỏ có thể bị liệt kê trong danh sách những nhà báo đã thiệt mạng đó.

Diane Anson căm ghét cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Chính cô và chồng của cô đã gặp nhau tại một cuộc biểu tình phản đối chiến tranh trong khu học xá của Trường Đại học Notre Dam. Nhà báo Anson từng viết: "Việt Nam là lý do để chúng tôi gặp nhau. Tôi thấy Diane đứng trong đội ngũ những người biểu tình phản đối việc hàng năm Cha cố Hesburgh đều tổ chức cầu nguyện ủng hộ cho Quân đoàn đào tạo sĩ quan dự bị (ROTC). Diane là một trong số ít nữ sinh tham gia cuộc biểu tình và là người tỏ ra tức giận nhất trong số khoảng trên dưới chục người chúng tôi có mặt hôm đó. Tôi nhận thấy những biểu hiện trên nét mặt của cô khá hấp dẫn. Anson lúc đó mang một tấm biểu ngữ "Chiến tranh là một nghề kinh doanh tốt, hãy đầu tư con trai của các người". Chỉ một tuần sau, hai người yêu nhau rồi tổ chức đám cưới ở Las Vegas.

Tất cả những điều đó giờ đây đối với Diane dường như đã quá lâu rồi và cứ thế cô miên man nghĩ cho đến khi máy bay hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Rời phi trường, Diane đi thẳng tới trụ sở của Văn phòng Tạp chí Time -life đặt tại Khách sạn Continental. Một tay bế con trai Sam mới 15 tháng tuổi còn tay kia dắt đứa con gái Christian mới hai tuổi rưỡi, cô vào hết phòng này đến phòng khác để hỏi các phóng viên tại đây thông tin về chồng mình.

Nhưng tất cả họ đều chẳng giúp được gì cho cô. Các đồng nghiệp của Bob tại văn phòng tìm cách an ủi động viên Diane, nhưng đều vô ích. Linh cảm mách bảo cô rằng Bob đã vĩnh viễn ra đi. Diane lúc đó sợ điều xấu nhất đã xảy ra đối với người phóng viên trẻ nhất của Tạp chí Time, đồng thời là người chồng mới hai mươi lăm tuổi của mình.

Diane khóc nức nở khi cô tới văn phòng một người bạn tốt của chồng cô, một phóng viên người Việt Nam tên là Phạm Xuân Ân. Suốt cuộc gặp, Phạm Xuân Ân cứ nhìn chăm chăm vào hai đứa trẻ.

Trong đầu ông bỗng loé lên ý nghĩ về một ngày cách đó vài tuần Bob Anson đã hẹn gặp ông ở tiệm cà phê Givral để nhờ ông đọc qua lá thư xin từ chức mà Bob định sẽ gửi cho Trưởng phân xã Tạp chí Time là Marsh Clark - một người tai tiếng khắp Sài Gòn về việc công khai bộc lộ sự hoan hỉ của ông

ta đối với chiến tranh. Cha của Clark là một thượng nghị sĩ Hoa Kỳ; ông nội của Clark từng là Chủ tịch Hạ viện Hoa Kỳ. Anson coi Clark là loại người Mỹ mà có lẽ anh chưa bao giờ gặp.

Khi nhận nhiệm vụ sang Việt Nam, Bob Anson nghĩ về công việc đang chờ đợi anh ở đó khác rất nhiều so với thực tế. Anh được tặng cho biệt danh "Người mới của Công ty Time". Cũng như hầu hết các phóng viên trẻ đến Việt Nam, chuyên công tác này là cơ hội để Bob tạo dựng danh tiếng của mình giống như các đồng nghiệp David Halberstam, Malcolm Browne, và Neil Sheehan đã từng làm hồi những năm đầu thập kỷ 1960. Khi đó, cuộc chiến tranh vẫn còn chưa lan rộng. Nhưng sau vài tháng ở Việt Nam, các bài viết của Anson không được chấp nhận đăng trên Tạp chí Time. Hai phóng viên cao cấp thường trú tại Sài Gòn là Clark và Burt Pines dường như cũng gặp ít nhiều rắc rối khi các bài viết của họ không được Trưởng ban biên tập Tạp chí Time Henry Grunwald ở New York duyệt.

Cuộc Tổng tấn công của Cộng sản hồi Tết Mậu Thân 1968 đã chứng tỏ rằng cho dù Mỹ đã đổ vào Việt Nam 525.000 quân, hàng tỷ đô la, và cả một chiến dịch ném bom toàn diện mang tên "Sấm rền", thì cường độ chiến tranh, năng lực giành thắng lợi và kiểm soát cuộc chiến tranh đó không phải do người Mỹ với sự vượt trội về công nghệ quyết định, mà là do đối phương.

Hậu quả của cuộc tổng tấn công và nổi dậy đó là Mỹ rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan ở Việt Nam. Tình thế khiến Mỹ còn lâu mới đạt được mục tiêu chính trị của mình, khác nào quay lại điểm xuất phát của thời kỳ bắt đầu chiến dịch Mỹ hoá chiến tranh năm 1965.

Điều này tác động về mặt tâm lý rất mạnh lên Lyndon Johnson. Tại một buổi thông báo tin tức cho các phóng viên nước ngoài, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson bị các nhà báo hỏi về những tín hiệu từ phía Hà Nội và về việc ông cảm thấy hoà bình đã đến gần chưa? Tổng thống liền lớn tiếng: "Tín hiệu à, tôi sẽ nói cho các bạn biết về những tín hiệu. Tôi có ăngten ở Washington. Tôi có ăngten ở London. Tôi có ăngten ở Paris. Tôi có ăngten ở Tokyo. Thậm chí tôi có cả ăngten ở Rangoon! Vậy các bạn có biết những tín hiệu mà tất cả các ăngten của tôi nghe được từ phía Hà Nội là gì không? Tôi sẽ nói cho các bạn biết về điều mà những tín hiệu từ Hà Nội đang nói: Đó là "Đ. mẹ thằng Lyndon Johnson".

Sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Johnson được đề nghị cho tăng thêm 206.000 quân nữa vào Nam Việt Nam. Trước khi đưa ra lời cam kết chính thức, Johnson lập ra một đội công tác chuyên trách đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tân Bộ trưởng Quốc phòng Clark Clifford. Johnson chỉ thị cho Clifford là tìm cách để giảm bớt số lính Mỹ bị chết ở Việt Nam.

Sau đó, Johnson triệu tập một cuộc họp với các cố vấn của ông về chính sách đối ngoại để thảo luận về báo cáo Clifford đi đầu trong việc cố gắng thuyết phục Tổng thống rằng chính sách hiện nay của ông không thể giúp đạt mục đích duy trì hoà bình ở miền Nam Việt Nam. "Chúng ta hình như đang có một cái thùng "không đáy". Chúng ta càng đổ thêm quân vào thì đối phương cũng tăng quân: Tôi

chỉ thấy càng giao tranh nhiều, thì càng gây ra nhiều thương vong hơn cho phía Mỹ và đó là điều sẽ liên tục diễn ra tiếp nối nhau không bao giờ ngừng".

Phát biểu trước toàn thể nhân dân Mỹ ngày 31/3/1968, Johnson nói về một nền hoà bình sắp đạt được thông qua thương lượng và kêu gọi ngừng ném bom từng phần. Tổng thống Johnson đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh hãy cùng với ông làm việc nhằm đạt được một nền hoà bình thông qua thương lượng. Mỹ đã "sẵn sàng cử các đại diện của mình tới bất kỳ diễn đàn nào, bất kỳ lúc nào để thảo luận các biện pháp nhằm đưa cuộc chiến tranh xấu xí này đến hồi kết".

Tiếp đó, trong một cử chỉ phô diễn tỏ ra là vì sự đoàn kết dân tộc, Tổng thống đã tuyên bố từ bỏ cơ hội tái cử của mình: "Tôi sẽ không tìm kiếm và sẽ không chấp nhận việc đề cử của đảng tôi cho một nhiệm kỳ nữa với tư cách là tổng thống của các bạn".

Tháng 1/1969 khi Richard Nixon nhậm chức Tổng thống, lực lượng quân sự Mỹ ở Việt Nam đã vượt quá con số 540.000 quân, phần lớn là lính chiến trên bộ. Hơn 80.000 người Mỹ đã bị thiệt mạng và cuộc chiến tranh đã nuốt 80 tỷ USD trong năm tài chính 1969. Chỉ riêng năm 1968 đã có 14.500 lính Mỹ bị thiệt mạng. Nixon nêu quyết tâm không để cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam làm hỏng nhiệm kỳ tổng thống của ông.

Khoảng tháng 3/1969, Nixon đưa ra một kế hoạch hành động. Theo đó, Mỹ sẽ bắt đầu thu hẹp vai trò của mình, tìm kiếm những điều kiện để đạt được một giải pháp trên cơ sở thương lượng, hai bên đều rút quân đội của mình khỏi miền Nam Việt Nam. Kế hoạch của Nixon thực chất là sự phi Mỹ hoá cuộc chiến tranh, thay vào đó là Việt Nam hoá chiến tranh. Theo kế hoạch này, quân đội Việt Nam Cộng hoà được xây dựng mạnh hơn để có thể gánh vác được những nhiệm vụ chiến đấu to lớn hơn. Cùng lúc đó, Mỹ sẽ rút các đơn vị chiến đấu khỏi miền Nam Việt Nam. Như vậy, vai trò của quân đội Mỹ sẽ chuyển từ chỗ tham chiến trực tiếp sang chỉ làm cố vấn cho quân đội Sài Gòn. Trong khi đó, Mỹ sẽ viện trợ ồ ạt vũ khí và thiết bị quân sự cho Việt Nam Cộng hoà. Có lẽ điều quan trọng nhất lúc này là Nixon thay đổi mục tiêu chính trị trong quá trình can thiệp của Mỹ. Từ chỗ Mỹ gánh trách nhiệm đảm bảo cho miền Nam Việt Nam được tự do và độc lập, đến chỗ Mỹ chỉ tạo ra cơ hội để cho miền Nam Việt Nam tự quyết định lấy tương lai chính trị của mình. Việt Nam hoá chiến tranh và thương lượng là hai trụ cột được sản sinh ra cùng một lúc nhằm đạt được điều mà Nixon gọi là "Hoà bình trong danh dự".

Trong con mắt của Anson, cuộc chiến tranh này là giết chóc và vô đạo đức. Đây cũng chính là quan điểm chung về cuộc chiến tranh tồi tệ được cảm nhận ở mọi nơi, trừ bên trong bốn bức tường của Văn phòng Tạp chí Time ở Sài Gòn cũng như tại tổng hành dinh tờ tạp chí này ở New York - nơi đưa ra quyết định cuối cùng về những nội dung sẽ xuất hiện trên Tạp chí Time ra hàng tuần. Khi Anson nêu vấn đề với ban biên tập Tạp chí Time về sự tự quyết của người Việt Nam, anh liền bị gán cho nhãn hiệu là kẻ phản chiến nhụt chí và âm mưu. Anson gửi về toà soạn những bài của anh trong đó

viết từ "Việt Nam" theo lối người Việt vẫn dùng là chữ Việt và chữ Nam tách rời nhau thì liền bị Trưởng phân xã Marsh Clark phê bình, nói rằng Time là một tờ tạp chí của Mỹ, do vậy chữ "Việt Nam" cần phải được viết theo kiểu Mỹ. Sự bức bối sôi sục suốt bữa tiệc tối tại Văn phòng Tạp chí Time do John Scott, một uỷ viên biên tập trong vai chủ tiệc.

Cuộc nói chuyện tại bữa tiệc tối hôm đó xoay quanh vấn đề Mỹ đang giành được những tiến bộ lớn trong chiến tranh. Khi ấy, Anson nghĩ cuộc nói chuyện chẳng khác nào buổi thông báo tin tức thường kỳ của Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Việt Nam, trong đó người ta lảng tránh thực tế bằng cách đưa ra những thành tích bằng con số lấp lánh. Những nhà lãnh đạo chiến tranh luôn nhìn thấy ánh sáng cuối đường hầm; chỉ còn một góc nữa để rẽ cho đến khi nào chúng ta đạt tới điểm được gọi là ngã rẽ của cuộc chiến tranh.

Anson không thể chịu được nữa. Anh xô ra một tràng "Các bạn đã bỏ qua một điểm chính rồi. Đó là, chúng ta đang làm cái đéch gì ở đây, tại vị trí số một này? Hãy xem đi, người Việt Nam đã từng ở đây lâu rồi, từ những năm 1940 chống Nhật Bản, có nhớ không? Người Việt Nam đã từng đánh bại Nhật Bản, đánh bại Pháp, và họ đang đánh bại chúng ta, bất kể chúng ta đã dùng đến vũ khí gì để đánh họ. Người Việt Nam kiên trì lắm, họ rất quyết tâm, và lịch sử đang đứng về phía họ. Có lẽ các người không nhận ra điều đó chủ nghĩa thực dân cũng đã chẳng tài cán gì".

Burt Pines nói chen ngang: "Có lẽ các bạn nói sai rồi. Chúng ta đang làm những gì ở đây, khác nào với chủ nghĩa thực dân". Anson liền chộp lấy câu nói này của Burt Pines: "Câu hoàn toàn đúng. Tôi muốn nói đây chính là chủ nghĩa thực dân mới. Đó là một cuộc chiến tranh xâm lược tội ác của chủ nghĩa thực dân mới, trong đó người ta bất chấp đạo lý là cái điều mà ngay cả chính sách đối ngoại Hoa Kỳ cũng ít đề cập".

Nghe Anson nói vậy, vị khách mời danh dự John Scott quay sang Anson hỏi: "Vậy theo anh thì những người Cộng sản họ đúng à?". Anson trả lời: "Tôi chỉ muốn nói rằng đó không phải là việc của chúng ta phán quyết họ đúng hay sai, mà là việc của người Việt Nam. Chúng ta đang làm gì ở đây ngoài việc giết nhiều người của họ và cả của ta nữa".

Anson không hề cảm thấy hối tiếc những điều anh đã nói. Nhưng chính những lời anh nói ra đã mang lại tai hoạ cho anh. Marsh Clark không bỏ qua cho anh việc này. Ngày hôm sau được bắt đầu một cách buồn tẻ bằng việc Clark yêu cầu Anson phải chuẩn bị một bài viết về những ý định của Bắc Việt Nam trong vài tháng tới. Nội dung và lời lẽ về cuộc trao đổi giữa các đồng nghiệp buổi tối hôm đó được phát tán nhanh chóng. Bằng chứng là Trưởng phòng hành chính quản trị Văn phòng Tạp chí Time ở Sài Gòn Nguyễn Thuỳ Đăng gặp Anson cũng đưa ra nhận xét: "Anh đáng ra không phải chịu rắc rối như vậy. Trong mắt họ anh dường như là rất giống kẻ thù".

Chẳng bao lâu sau, Clark bắt đầu trở mặt, bí mật gửi một lá thư báo cáo các sếp của hắn ở New York. Nhận được thư của Clark, lãnh đạo Tạp chí Time ở New York liền gửi một lá thư cho tất cả

các phóng viên và biên tập viên của Tạp chí Time đang làm việc trên khắp thế giới nói rằng "Tôi không muốn can thiệp vào những đánh giá của Bob Anson về Việt Nam bởi vì anh ta mới đến Việt Nam được một thời gian tương đối ngắn. Trước khi đến Việt Nam, Bob đã từng cảm thấy rằng cuộc chiến tranh ở Việt Nam là vô đạo đức; và rằng Việt Nam hoá chiến tranh chỉ đơn giản là kéo dài cuộc chiến tranh vô đạo đức mà thôi; rằng khái niệm về chống Cộng ở miền Nam Việt Nam không đáng để bàn luận; và rằng Việt Nam, Đông Nam Á, và thậm chí cả châu Á là không thể tránh khỏi rơi vào tay các lực lượng giải phóng dân tộc. Chẳng có điều gì ở Việt Nam khiến Bob thay đổi được cách nhìn cũ của anh ta".

Ai có thể trách cứ được Bob Anson về việc anh muốn từ chức sau khi đọc được những điều mà anh hiểu rằng Clark đã công khai muốn đuổi anh đi. Đó là lý do tại "sao anh đã đi tìm gặp một người bạn thân nhất của mình ở Việt Nam, ông Phạm Xuân Ẩn.

Giống như hầu hết các phóng viên ở Sài Gòn, Anson khâm phục Phạm Xuân Ẩn vì các mối quan hệ của ông trong Phủ Tổng thống và Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn. Phạm Xuân Ẩn dường như biết tất cả mọi người và mọi điều xảy ra ở Sài Gòn, đồng thời luôn sẵn sàng giúp đỡ các phóng viên Mỹ tìm hiểu về đất nước ông. Đôi khi Phạm Xuân Ẩn nhặt được những mẩu tin hấp dẫn về an ninh chỉ sau sự kiện vài giờ. Tại phân xã các toà báo nước ngoài người ta đồn rằng Phạm Xuân Ẩn là cựu nhân viên mật vụ dưới thời Ngô Đình Diệm, một điệp viên của Pháp, một nhân viên CIA, một điệp viên của chính quyền Sài Gòn, hoặc là cùng lúc làm điệp viên cho tất cả các cơ quan nói trên.

Nhưng còn có một nguyên nhân khác khiến Anson hay tìm đến gặp Phạm Xuân Ẩn. Đó chính là việc ông có thể giảng giải rất hùng biện về cái nơi mà Anson cũng như hầu hết các nhà báo khác đang sống, nhưng lại hiểu biết rất ít về nơi đó. Việt Nam là một đất nước không chỉ có chiến tranh, mà còn có một bề dày lịch sử phong phú, có những bài học mà ít người có thời gian để học. Anson nhớ lại: "Cũng có một vài người cảm thấy khó nói chuyện với ông Phạm Xuân Ẩn, chủ yếu là vì ông quen với cách trả lời theo kiểu Việt Nam mỗi khi được hỏi. Đó là nếu bắt đầu từ thế kỷ XV thì phải theo cách giảng giải của ông từ thời gian đó đến nay".

Phạm Xuân Ẩn khâm phục Bob Anson chính vì cái cá tính mà Bob đã khiến cho Marsh Clark ghét anh. Anson có phẩm chất của một người độc lập quyết liệt.

Ông Ẩn hỏi tương về những người bạn Mỹ mà ông từng gặp trong hai năm sống ở California. Anson là người rất say sưa với những niềm tin của mình và không hề sợ nói ra những điều ngược lại. Phạm Xuân Ẩn nể tính cách đo của Anson. Ông kể, có lần Anson dám thách thức các đồng nghiệp Tạp chí Time về một lá cờ Mỹ lớn treo ở bên ngoài Văn phòng phân xã tại phố Hàn Thuyên. Time là một cơ quan báo chí độc lập chứ không phải là một trụ sở chính thức của cơ quan chính phủ, Anson nói. Do vậy, nên có hai lá cờ, một của Mỹ, một của Việt Nam Cộng hoà sóng đôi.

Các đồng nghiệp ở Tạp chí Time liền miễn cưỡng làm theo ý kiến của Anson. Nhưng sau đó, Anson

lại thấy là cờ Mỹ thì to hơn cờ của Việt Nam Cộng hoà. Anh liền tìm gặp Đặng - Trưởng phòng hành chính quản trị của Văn phòng Tạp chí Time - yêu cầu phải tìm một lá cờ Việt Nam Cộng hoà to hơn để có cùng kích thước với lá cờ Mỹ. Ông Đặng miễn cưỡng làm theo.

Phạm Xuân Ân quan sát và theo dõi diễn biến từ đầu nên tỏ ra khâm phục người đồng nghiệp trẻ tuổi dám đấu tranh cho cả những vấn đề chỉ mang tính biểu tượng. Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Điều đó chứng tỏ Anson hiểu được điều mà nhiều người Mỹ và một số người Việt Nam đã quên mục đích của cuộc chiến tranh. Nhiều người Mỹ cho rằng lịch sử của chúng tôi là không quan trọng, bởi vì người Mỹ đã vạch ra kế hoạch về một tương lai tươi sáng cho chúng tôi".

Phạm Xuân Ân giải thích: Tất nhiên có tiếng nói của Anson ở Văn phòng Tạp chí Time vẫn tốt hơn. Bởi vì theo quan điểm của ông, Anson là người am hiểu lịch sử, văn hoá, và con người Việt Nam hơn các phóng viên khác của Tạp chí Time, đặc biệt là Marsh Clark và Burt Pines. Tạp chí Time cần những con người như Bob Anson và sẽ là rất không tốt nếu để mất Anson. Đáng tiếc là lúc đó Frank McCulloch không còn ở đó, vì khi McCulloch mới đến Việt Nam, cách nghĩ của ông ta cũng giống hệt như của Marsh Clark. Nhưng khi kết thúc nhiệm kỳ rời Việt Nam, McCulloch lại có quan điểm giống hệt Anson.

Frank McCulloch dù đứng ở đâu cũng dễ bị nhận ra chỉ vì cái đầu cao trội của anh ta. Bởi vậy, trẻ đánh giầy, dân bán hàng dạo ở Sài Gòn thường gọi Frank McCulloch là "sư cụ". McCulloch lần đầu tiên đến Sài Gòn tháng 1/1964. Trong nhiệm kỳ bốn năm làm việc tại Văn phòng Tạp chí Time -life khu vực Đông Nam Á ở đây, McCulloch chứng kiến bảy lần thay đổi người đứng đầu chính quyền Sài Gòn. Thời kỳ cao điểm nhất, McCulloch phát về tổng xã số tin bài tổng cộng 50.000 từ mỗi tháng bằng máy telex. Frank McCulloch là người được các nguồn tin tin cậy, đồng nghiệp tôn trọng, nhân viên dưới quyền trung thành. Vì vậy McCulloch được mệnh danh là nhà báo của các nhà báo. McCulloch cho rằng mỗi phóng viên làm việc ở Việt Nam đều phải trải qua những giai đoạn khác nhau về quan điểm, nhận thức. "Giai đoạn một: Rất hứng khởi với niềm tin rằng người Mỹ có thể bảo vệ được người Việt Nam, người Việt Nam thực sự muốn được bảo vệ và biết ơn người Mỹ. Giai đoạn hai (thường khoảng ba tháng sau): Chúng ta có thể làm được điều đó, nhưng công việc trở nên khó khăn hơn tôi tưởng lúc đầu và hiện tại đang được lên giầy cốt. Giai đoạn ba (khoảng từ sáu đến chín tháng sau): Người Việt Nam (luôn luôn là người Việt chứ không bao giờ là người Mỹ) đang thực sự phải lên giầy cốt. Giai đoạn bốn (mười hai đến mười lăm tháng sau): Chúng ta đang thất bại tồi tệ hơn nhiều so với điều tôi tưởng. Giai đoạn năm: Bất lực. Người Mỹ không nên đến đây và chúng ta đang làm những điều tai hại nhiều hơn là điều tốt":

Khi McCulloch bước vào giai đoạn cuối cùng của đời phóng viên ở Việt Nam, anh đã gửi về tổng xã một bài viết về sự tăng quân ồ ạt vào Việt Nam năm 1965.

Thông tin này McCulloch lấy được từ các mối quan hệ của anh trong hải quân Mỹ đúng bốn tuần

trước khi được công bố. (Phạm Xuân Ân cũng từng được nhận một Huân chương Chiến công vì đã rút ra kết luận giống như vậy trong các báo cáo của ông gửi ra cho Hà Nội). Vậy mà cấp trên của McCulloch ở New York đã từ chối đăng bài viết này của anh chỉ vì đích thân Tổng thống Mỹ yêu cầu không đăng. Tổng biên tập Tạp chí Tim Hedley Donovan sau này nói với McCulloch rằng bản thân ông đã nhận được điện thoại trực tiếp từ Tổng thống Mỹ Johnson nói: "Donovan, Tổng thống Hoa Kỳ đây... Ông có một cậu phóng viên đầu trọc lùn mò khắp nơi dưới nắng nhiệt đới mà cứ để đầu trần đấy. Tay phóng viên này làm rối tung rối mù lên. Ông phải rút tay phóng viên này ra khỏi Việt Nam ngay!".

Vào cuối năm 1967, khi McCulloch rời Việt Nam, quan điểm của anh không khác mấy so với quan điểm của Anson về cuộc chiến tranh. Bằng chứng là vào ngày 8/6/1967, phát biểu tại một buổi lễ khai giảng ở Trường Đại học Nevada, McCulloch nói: "Tôi quen biết một sĩ quan Việt Nam Cộng hoà từng tham chiến trong một phần tư thế kỷ, một kẻ giết người chuyên nghiệp, thế mà rất lạ là vẫn không tin tưởng người Mỹ. Đó là một người đàn ông nhẹ nhàng và sâu sắc. Một hôm tôi hỏi người sĩ quan: Theo anh thì tương lai sẽ ra sao. Người sĩ quan nhún vai và chỉ cười. Sau đó ông ta nói: Có lẽ tiếp đến chúng tôi phải đánh người Mỹ thôi. Thấy tôi sững sốt, người sĩ quan nói tiếp: "Khi tôi 19 tuổi, người Nhật Bản kéo vào nước tôi và bảo chúng tôi rằng Nhật Bản là bạn của Việt Nam, đến đây để giải phóng chúng tôi khỏi đám người da trắng. Nhưng thực tế, người Nhật không phải là những người đến giải phóng chúng tôi và chúng tôi đã phải kháng Nhật. Khi cuộc kháng chiến chống Nhật Bản vừa kết thúc, người Pháp trở lại bảo chúng tôi rằng lần này người Pháp đến Việt Nam không phải là những ông chủ thực dân, mà là những người bạn. Nhưng chúng tôi đã phải đánh họ suốt chín năm, đến tận 1954 mới kết thúc và người Pháp phải cuốn gói ra đi. Những người Cộng sản thì không phải đến, mà họ đã sẵn ở đây, cũng nói họ là bạn của chúng tôi, nhưng từ năm 1955 chúng tôi đã phải đánh nhau với họ. Điều lạ là tôi thực sự không muốn đánh bất kỳ ai trong số nói trên và tôi cho rằng hầu hết họ cũng không muốn đánh chúng tôi. Bây giờ người Mỹ đang ở đây với tư cách những người bạn, những người giải phóng của chúng tôi. Tôi tự hỏi liệu có ai trong số chúng ta học được điều gì từ lịch sử đã từng diễn ra ở Việt Nam hay không?" Tôi không thể trả lời câu hỏi của người sĩ quan".

Chiến lược đa gọng kìm của Hà Nội là bằng mọi cách tranh thủ được dư luận Mỹ. Phạm Xuân Ân hiểu rằng có Anson trong Tạp chí Time sẽ rất lợi, vì nhà báo này đưa ra các thông tin về chiến tranh giống như quan điểm của Phạm Xuân Ân. Đó là không tô vẽ cho những thắng lợi, mà mô tả cuộc chiến tranh như một cái thùng không đáy. Phạm Xuân Ân quả quyết rằng ông không hề tìm cách gây ảnh hưởng đối với cách nghĩ của Anson. Ông nói với tôi: "Anson đã dành khá nhiều thời gian ra ngoại ô Sài Gòn và vào các thôn làng, nói chuyện với những người dân địa phương. Anson đã học được nhiều điều qua những chuyến đi ấy hơn là học từ tôi". Sau này, chính Anson cũng nói với tôi:

"Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình bị Phạm Xuân Ân lôi kéo. Ông Phạm Xuân Ân có thể chỉ trích bên này, bên kia một cách có dụng ý. Nhưng ngay từ khi tôi đặt chân đến Sài Gòn, thì cả ông Phạm Xuân Ân và tôi đều đã có quan điểm chống chiến tranh rồi cơ mà".

Phạm Xuân Ân lắng nghe lời của Diane cầu xin giúp đỡ tìm kiếm chồng mình, ông nghĩ tới nghĩ lui về cái ngày ở tiệm cà phê Givral. Ông đã bảo Anson xé lá đơn xin từ chức đó đi. Nếu ông không khuyên Anson như vậy, rất có thể hôm nay biết đâu gia đình Anson lại chẳng đang cùng nhau đi nghỉ ở Singapore hay Bali. Vài tuần sau khi Anson gặp ông ở tiệm cà phê Givral, Marsh Clark gọi Anson tới văn phòng của ông ta - nơi có treo trên tường một tấm bản đồ Đông Dương khổ lớn. Clark chỉ vào Việt Nam, đoạn quay sang nói với Anson: "Tôi phụ trách đưa tin khu vực này". Sau đó ông ta chỉ sang vị trí nước Lào và Campuchia nói: "Còn hai nước này thuộc về anh phụ trách". Kết thúc buổi làm việc hôm ấy, Clark bảo Anson đóng gói đồ đạc để ra sân bay: "Tôi không muốn thấy cái mặt anh ở đây nữa".

Phạm Xuân Ân cố tìm lời an ủi Diane bằng cách nói rằng ông sẽ làm tất cả mọi điều có thể để giúp đỡ, nhưng trong lòng thì ông cũng nghĩ rằng bạn mình có thể không còn nữa. Chính vì thế mà ông thấy mình càng phải có trách nhiệm hơn.



Lúc nào người ta cũng thấy ông Ân dắt theo con chó King. Khi ông viết báo cáo mật và chụp các tài liệu mật thì con chó này cũng đứng nhìn ông (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Nếu Anson trước đó từ chức thì anh đã không phải sang Campuchia. Phạm Xuân Ẩn hứa với Diane rằng ông sẽ tiếp tục kiểm tra các nguồn tin. Ông cũng không ngăn cản việc Diane dán hình Anson với những lời tìm kiếm bằng 3 thứ tiếng lên những cây cổ thụ dọc các đường phố mà Bob thường qua lại trước khi anh mất tích.

Sau khi Diane và hai đứa nhỏ rời văn phòng của ông, Phạm Xuân Ẩn suy nghĩ mông lung về người bạn Bob Anson của mình. Ông biết rõ những điều cần làm, nếu không cẩn thận có thể làm hỏng sứ mệnh của mình. Nhà tình báo hàng đầu của Hà Nội ở Sài Gòn chấp nhận rủi ro bị lộ tẩy để cứu mạng sống cho một phóng viên người Mỹ. Ông biết rằng nếu Bob Anson chết, người Việt Nam cũng mất đi một người bạn chân chính. Trong lòng ngập tràn trách nhiệm nặng nề về sự mất tích của Anson, Phạm Xuân Ẩn quyết tâm tìm bằng được câu trả lời về việc Anson còn sống hay đã chết.

Việt Nam và Campuchia từ lâu từng là những người láng giềng không thân thiện của nhau. Tình hình trở nên xấu hơn kể từ tháng 3/1970 khi tướng Lon Nol lật đổ Hoàng thân Sihanouk để lập nên một chính phủ quân sự do chính Lon Nol đứng đầu.

Sihanouk vốn là người trung lập, nhưng đành phải nhượng bộ để làm hài lòng cả phe Cộng sản lẫn phe không Cộng sản. Sihanouk cho phép Mỹ bí mật ném bom Việt Cộng, nhưng lại cung cấp nơi trú ẩn ngay trong lãnh thổ Campuchia cho Bắc Việt Nam. Ông ta còn cho phép cộng sản Việt Nam sử dụng hải cảng Sihanoukville của Campuchia để vận chuyển tiếp viện cho đội quân của họ đang đóng ở những "vùng đất thánh".

Chỉ một tháng sau cuộc đảo chính quân sự, Lon Nol tổ chức một cuộc thanh trừng sắc tộc đối với những người dân tộc thiểu số Việt Nam sinh sống tại Campuchia. Phóng viên Sydney Chanberg của tờ New York Times đã chứng kiến quân đội của Lon Nol giết hai người bị tình nghi là Việt Cộng rồi đem treo ngược đầu thi thể bị cháy sém của họ tại một quảng trường ở trung tâm thành phố. Làm như vậy, Lon Nol nhằm đưa ra một thông điệp răn đe cho tất cả những ai còn đang cân nhắc việc giúp đỡ Cộng sản. Chứng kiến cảnh này, một đồng nghiệp của Sydney Chanberg làm việc cho Tạp chí Time là Henry Kamm liền nói với viên chỉ huy Campuchia rằng hành xử với các tử thi như vậy là vi phạm Công ước Geneva. Viên chỉ huy chỉ cười. Một viên tướng tên là Sosthene Fernandez người Campuchia gốc Philippines sau này leo lên đến chức tư lệnh các lực lượng vũ trang bắt đầu sử dụng những thường dân trong nhóm người dân tộc Việt thiểu số làm bia đỡ đạn cho quân đội Campuchia mỗi khi họ mở những đợt tấn công vào trận địa của Việt Cộng. Viên tướng này nói: "Đó là một kiểu chiến tranh tâm lý mới".

Chính quyền Nixon luôn lo ngại rằng nếu Campuchia trở thành một căn cứ của Cộng sản Việt Nam, công cuộc Việt Nam hoá chiến tranh có thể sẽ thất bại. Ngày 30/4/1970, Richard Nixon tuyên bố 6.000 lính quân đội Việt Nam Cộng hoà được sự hỗ trợ của các máy bay ném bom, trọng pháo và các

cố vấn Mỹ đã xâm lược khu vực Mỏ Vẹt - một khu rừng già rậm rạp ở vùng đông nam Campuchia, kéo dài xuống miền Nam Việt Nam. Đây là nơi được đồn đại là đại bản doanh của Trung ương Cục miền Nam. Cuộc hành quân này là một nỗ lực nhằm làm trung lập hoá việc Bắc Việt Nam sử dụng lãnh thổ Campuchia. Trong bài phát biểu với dân chúng Mỹ, Nixon công bố. "Đêm nay, các đơn vị quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng hoà sẽ tấn công các tổng hành dinh nơi chỉ huy toàn bộ hoạt động quân sự của Cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Việc vùng đất trung tâm kiểm soát chủ chốt này bị Bắc Việt và Việt Cộng chiếm đóng trong 5 năm qua là một sự vi phạm trắng trợn nền trung lập của Campuchia".

Chỉ một năm trước đó thôi, Tổng thống Nixon đã từng hứa sẽ kết thúc sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam. Thế mà nay ông ta lại mở rộng cuộc chiến sang cả nước láng giềng Campuchia.

Một ngày sau khi Nixon phát biểu trước quốc dân Mỹ, Phạm Xuân Ẩn gửi cho Anson một bịch tài liệu, trong đó có bản dịch sang tiếng Anh một tập tài liệu thu được của Việt Cộng. Đây là loại tài liệu mà các phóng viên dễ dàng tiếp cận, nhưng Phạm Xuân Ẩn cung cấp thêm cả lời bình luận cho đồng nghiệp của mình - người vừa mới trở về Sài Gòn nghỉ cuối tuần.

Tập tài liệu này là một kế hoạch trận đánh tháng 7/1969 thu được tháng 10/1969, trong đó Bắc Việt dự đoán rằng với sự thất bại của kế hoạch Việt Nam hoá chiến tranh, Nixon có thể chuyển hướng chú ý sang Campuchia. Phạm Xuân Ẩn khoanh tròn một đoạn trong tài liệu và gạch chân câu cuối cùng viết ngang trang giấy: "Bọn Mỹ chết tiệt. Chúng bay đọc mà chẳng bao giờ chịu học".

Đoạn văn bản trong tài liệu mà Phạm Xuân Ẩn khoanh tròn gửi cho Anson viết: "Nếu các cuộc tấn công của ta trên tất cả các mặt mà không đủ hiệu quả; nếu tạm thời Mỹ có khả năng vượt qua một phần khó khăn, chúng sẽ cố gắng kéo dài cuộc chiến tranh ở Nam Việt Nam thêm một thời gian nhất định nữa. Trong thời gian đó, chúng sẽ xuống thang ở một số mặt và thực hiện phi Mỹ hoá chiến tranh kéo dài đến khi chúng phải thừa nhận thất bại và chấp nhận một giải pháp chính trị. Trong cả hai trường hợp này, đặc biệt là trong trường hợp phải xuống thang kéo dài, trong những hoàn cảnh nhất định, Mỹ có thể gây áp lực đối với chúng ta bằng cách đe dọa mở rộng cuộc chiến tranh sang Campuchia".

Cuộc hành quân sang Campuchia đã gây ra sự hoảng sợ đối với những người dân tộc thiểu số Việt đang sinh sống ở đây. Chính phủ Lon Nol bắt đầu khơi dậy cơn sốt chống Việt Nam. Theo đó, một trong những chiến dịch thanh trừng sắc tộc của Lon Nol đã diễn ra tại thị xã Takeo - nơi nổi tiếng là một căn cứ của Cộng sản. Tại đây, thường xảy ra những cuộc phản đối chống chế độ Lon Nol. Hơn hai trăm thường dân, trong đó có nhiều trẻ em bị phía Campuchia xác định là Việt Cộng, đã bị vây ráp và bắt giam giữ trong một trại tập trung ở Takeo. Ba tiểu đoàn lính dù Campuchia được huy động canh gác những người Việt này. Anson khi đó được phái sang Campuchia để viết bài về sự kiện nói trên. Cứ mỗi sáng Anson cùng với người cộng tác viên của anh là Tim Allman lái xe hơi từ Phnôm

Pênh đi Takeo để kiểm đếm số lượng những người Việt bị giam giữ. Một thời gian sau, vào một đêm lính Campuchia xả súng vào tất cả những người Việt Nam này. Đó là một vụ thảm sát. Sáng hôm sau, khi Anson và Allman lái chiếc xe Ford Cortina màu trắng mà các anh thuê chạy đến nơi thì đã thấy những thi thể, người nọ nằm đè lên người kia giữa một vũng máu lớn. Anson nhớ lại: "Lúc đầu tôi cứ nghĩ tất cả họ đã chết. Nhưng khi bước lại gần hơn, tôi nhìn thấy một vài người cử động đồng thời nghe thấy những tiếng kêu rên. Tôi đếm nhanh thấy khoảng hơn hai chục người đàn ông và một bé trai còn sống đang nằm giữa đống thi thể nhiều gấp ba lần họ. Ngoài những tiếng rên và tiếng ruồi nhặng bay vo ve, xung quanh hoàn toàn vắng lặng. Một ông già bị bắn gãy chân cố gắng nói với chúng tôi rằng: Chúng nó bảo chúng tôi là Việt Cộng, thực tế chúng tôi chỉ là những người bán hàng. Các ông hãy đưa chúng tôi ra khỏi đây ngay, nếu không đêm nay, chúng quay lại sẽ giết chết hết những người còn sống sót trong chúng tôi. Xin các ông hãy đưa chúng tôi ra khỏi đây". Anson quỳ xuống gần một bé trai chừng tám tuổi. "Khuôn mặt cậu bé trắng bệch như phấn. Tôi đặt bàn tay lên ngực bé thấy còn nhịp thở phập phồng. Vạch mảnh trong quần quanh người bé lên, tôi nhìn thấy một vết dài năm sáu lỗ đạn xuyên từ hông đến mắt cá chân bé". Anson và Allman quyết định chở chú bé tới bệnh viện ở Phnôm Pênh, đồng thời gọi thêm các phóng viên khác tới đưa những người bị thương đi, nếu không, lính Campuchia trở lại sẽ giết hết những người còn sống sót. Anson và Allman xếp những người bị thương càng nhiều càng tốt vào xe hơi rồi chở họ về Phnôm Pênh. Một bệnh viện của Pháp tại Phnôm Pênh đã chấp nhận chữa cho chú bé bị thương. Allman nán lại bệnh viện để trông coi đứa trẻ và hứa sẽ trở lại Takeo ngay sau khi biết chắc vết thương của bé có thể chữa khỏi. Anson chạy thẳng về khách sạn để gặp đoàn phóng viên mới tới. Anh hét to: "Xuống Takeo ngay. Người ta đang bắn giết người Việt Nam. Gọi cả những nhà báo khác nữa".

Henry Kamm của báo New York Times và Kevin Buckley của Tạp chí Newsweek đề nghị được lái xe chở Anson tới Takeo. Đúng lúc các nhà báo đến nơi, một tập lính Campuchia đã quay lại. Một tên có vẻ là chỉ huy nói: "Chúng tôi chẳng có gì phải giấu giếm. Chúng tôi chỉ thực hiện cái điều cần phải làm thôi. Tất cả bọn chúng đều là Việt Cộng". Anson hỏi gần đây có bệnh viện nào không? Tên lính trả lời: "Có. Nhưng không phải để cho những người này". Anson yêu cầu phải ngừng ngay việc giết trẻ em vô tội. Nhóm lính Campuchia phá lên cười, nói rằng chúng chỉ giết Việt Cộng thôi.

Trời tối dần. Allman lái chiếc xe Cortina chở đầy các nhà báo trở lại để viết bài về vụ thảm sát. Anson yêu cầu mỗi nhà báo mang một cháu bé về Phnôm Pênh. nhưng Keyes Beech, một phóng viên cao cấp được kính nể, từng đoạt giải thưởng Pulitzer về đưa tin quốc tế năm 1951 nói: "Đừng dính vào việc này. Nếu chúng ta mang những người này đi theo tức là đã can dự vào rồi. Đó không phải là việc của chúng ta".

Anson chẳng tìm được ai giúp sức đưa đứa trẻ đi cấp cứu. Mãi một lúc sau chỉ có mỗi Kevin Buckley tới nói muốn giúp một tay. Anson nhớ lại: "Các phóng viên khác chỉ đứng nhìn chúng tôi

một lúc rồi lần lượt bỏ đi. Buckley, Anson, và Allman nhồi nhét được năm đứa trẻ và ba người lớn vào chiếc xe Cortina. Allman lái xe chở họ đi bệnh viện và hứa sẽ quay trở lại vào rạng sáng mai. Tại đó vẫn còn nhiều người còn sống. Anson hiểu rằng nếu để mặc họ nơi đây sẽ không an toàn cho tính mạng của họ. Những người Việt Nam này cần được bảo vệ và trông coi.

Kevin Buckley tình nguyện ở lại cùng với Anson, "Đã thương thì thương cho chết".

Đêm đến, đám lính Campuchia chuẩn bị cuộc thảm sát cuối cùng của chúng. Anson bắt đầu sợ, linh cảm thấy sự có mặt của hai nhà báo Mỹ cũng không thể ngăn cản được những người Campuchia. Đúng lúc đó, có tiếng xe hơi đang đến gần. Thì ra đó là xe của Bernard Kalb, phóng viên của hãng CBS cùng cả nhóm làm phim từ Phnom Penh lên để chở vài người bạn ra khỏi Takeo. Nhận ra hai đồng nghiệp, Bernard Kalb nói: "Các cậu cho rằng đứng đây là có thể ngăn chặn được đám lính Campuchia hành quyết những người đó sao? Nếu chúng đã có ý định giết những người Việt này, thì chúng sẽ giết họ thôi. Và khi đó thì cả các cậu cũng không thoát".

Anson không muốn đi, nói rằng anh không nỡ bỏ mặc những đứa trẻ Việt Nam ở lại. Bernard Kalb liền đặt bàn tay hộ pháp của anh lên vai Anson có vẻ như để an ủi đồng viên đồng nghiệp. Nhưng không, bàn tay của người khổng lồ đã túm chặt lấy cổ Anson rồi cùng với các phóng viên truyền hình khiêng Anson ấn vào xe hơi.

Henry Kamm - người sau này được nhận giải thưởng Pulitzer về loạt bài anh viết về những thuyền nhân Việt Nam và những người di tản từ Campuchia và Lào - đã có bài đăng trên trang nhất báo New York Times về vụ thảm sát người Việt Nam ở Campuchia. Trong đó, anh nêu rõ nhà báo Anson đứng đầu một nhóm người tìm cách cứu Việt Cộng. Những bài báo viết về vụ thảm sát nói trên đã làm dấy lên sự căm phẫn ở Sài Gòn, đặc biệt là trong đám phi công quân lực Việt Nam Cộng hoà. Những phi công này thường vẫn tổ chức những đợt tấn công vào các vị trí của Bắc Việt ở Campuchia. Giờ đây họ sôi sục đi bắn phá và dội bom xuống các làng mạc Campuchia để trả đũa vụ thảm sát.

Bob Anson sòn sống, nhưng suýt nữa thì bị giết chết. Theo lời kể của Anson thì anh bị quân đội Bắc Việt Nam bắt sống tại địa điểm bên kia một con sông trên đất Campuchia cách thị trấn Skoun vài kilômet do anh không để ý đến hai hoặc ba trạm gác trên đường. Sau này, Phạm Xuân Ẩn nói với tôi: "Anson rất thiếu thận trọng. Ông ấy luôn lái xe chạy quá nhanh. Đối với người đàn ông có một gia đình trẻ mà như vậy là quá liều lĩnh".

Điều kiện hoạt động nghiệp vụ của các phóng viên chiến trường ở Campuchia và Việt Nam khác nhau rất nhiều. Tại Việt Nam, các phóng viên được đi cùng với xe quân sự của Mỹ hoặc của quân đội Việt Nam Cộng hoà và thường được lính vũ trang che chắn, giúp đỡ. Trong khi đó, tại Campuchia, các phóng viên phải thuê xe giống như loại Ford Cortina hoặc Mercedes chạy bằng dầu diesel để tự lái và chẳng có sự hỗ trợ nào của quân đội. Nếu xe mà chết máy giữa đường thì phóng

viên bị mắc kẹt và sẽ chẳng có ai đến cứu. Do vậy, điều đầu tiên cần chú ý khi đi lấy tin ở Campuchia là phải làm sao để tới được vùng chiến sự sau đó trở về mà không bị bắn hoặc bị bắt sống. Nhà báo phải tự lái xe từ Phnôm Pênh xuống vùng chiến sự. Dọc đường vắng tanh không hề có an ninh bảo vệ. Nhiều khi đến nơi rồi mà phóng viên cũng chả biết phải làm gì.

Sau khi bị bắt, Anson bị người ta tống xuống một cái hố có sẵn, ấn vào tay một dụng cụ đào công sự và bị yêu cầu phải đào cho sâu hơn. Anson cảm thấy như anh đang tự đào hố chôn mình. Hy vọng chỉ bị bắn vào ngực chứ không phải vào đầu, Anson cầu mong cho thi thể của anh sẽ được tìm thấy. Anson nghĩ về Diane: "Cô ấy là một phụ nữ còn trẻ sống xa nhà, không có chút kỹ năng chợ búa nào, lại còn có hai con nhỏ... Lạy Chúa, con thật có lỗi vì những gì đã làm đối với mẹ con cô ấy". Anson cũng nghĩ tới những người đồng nghiệp bị mất tích San Flynn và Dana Stone; Anson lầm rầm cầu nguyện cầu lạy Đức Mẹ đồng trinh. Rồi anh bị ra lệnh lên đứng bên miệng hố. Một họng súng AK dí vào trán anh. Tiếng kim loại của khoá cò súng kêu đánh rạch. Vì quá hoảng sợ, nước tiểu chảy thành dòng từ lúc nào theo ống quần ướt xuống chân anh. Anson kêu lên những lời cuối cùng bằng tiếng Việt: "Hoà bình, hoà bình". Có ai đáp lại cũng bằng một từ tiếng Việt: "Hoà bình", tiếp đó là một sự im lặng. Hôm ấy Anson đã không bị giết.

Những ngày tiếp sau đó là quãng thời gian đầy sợ hãi đối với Anson. Những người đã bắt anh không tin rằng anh là nhà báo. Họ nghĩ anh là một phi công Mỹ bị bắn rơi. Anson mang theo mình một cuốn sổ tay của phóng viên trong đó có đoạn anh ghi chép nội dung một cuộc phỏng vấn cách đó không lâu với một lính mũ nồi xanh. Anh đã ghi bằng chữ viết hoa "USAF" (Không lực Hoa Kỳ - ND) để xác định những vị trí mà Mỹ đã ném bom xuống Campuchia. Đối với những người đã bắt Anson, thì những chữ viết hoa này là dễ hiểu nhất. Những ngày và đêm tiếp theo, Anson bị dẫn giải đi. Khi thì phải đi bộ, lúc thì chạy xuyên qua những địa hình rừng già dọc đường mòn Hồ Chí Minh trong tư thế tay bị trói. Anh nghĩ chắc những người lính Bắc Việt đang dẫn giải anh ra Hà Nội để nhốt chung với những phi công khác tại "Khách sạn Hilton" (Nhà tù Hoà Lò - Hà Nội, nơi giam giữ phi công Mỹ bị bắt giữ trong những năm chiến tranh phá hoại miền Bắc - NXB) nếu anh còn sống được đến lúc đó.

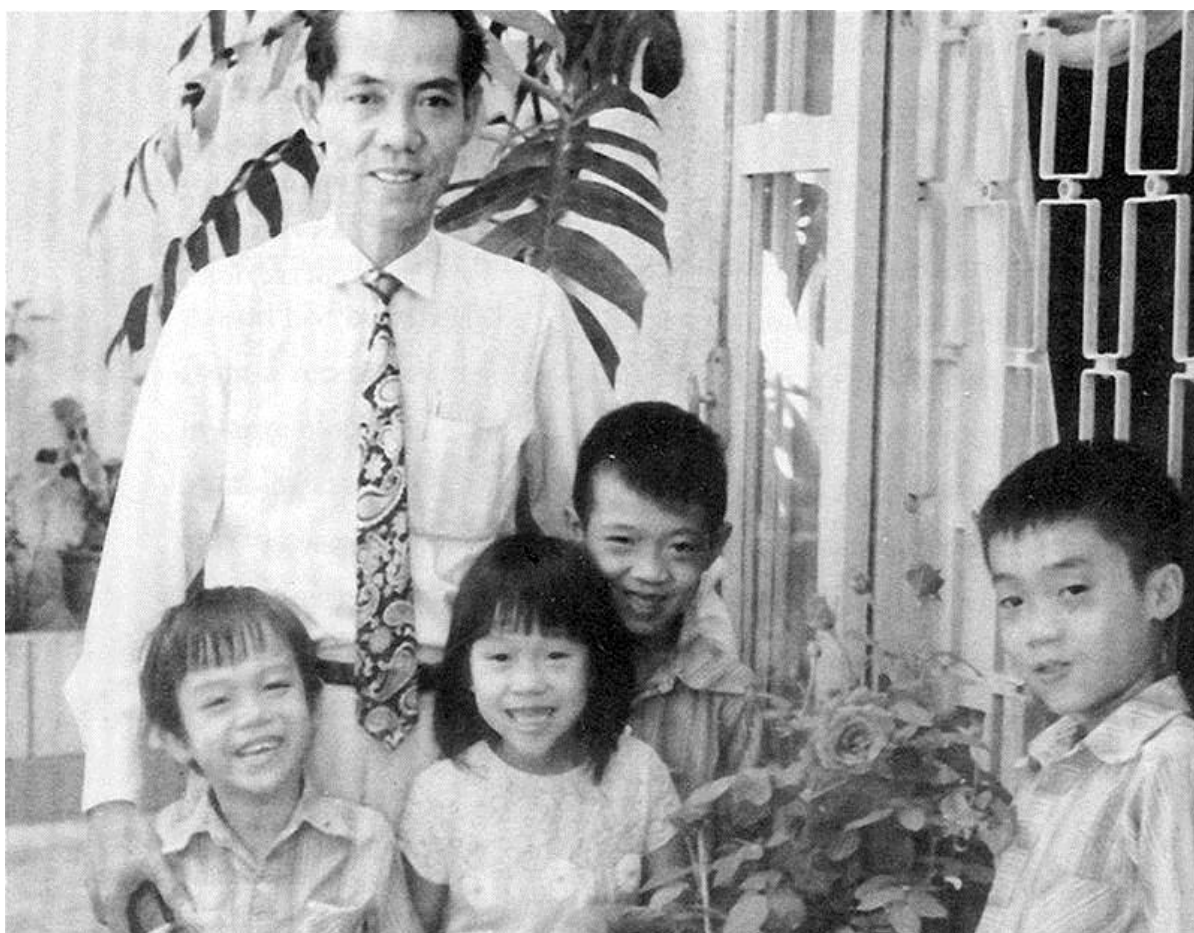
Cuộc đi bộ bắt buộc đã dẫn Anson đến một ngôi làng nhỏ. Tại đây, Anson bị một người sĩ quan nói được tiếng Anh thẩm vấn. Anson bị yêu cầu phải khai mọi chi tiết về đời sống cá nhân và nghề nghiệp, không được che giấu điều gì. Anson bắt đầu khai ra hàng loạt thông tin về hoàn cảnh cá nhân, lai lịch gia đình, học vấn. Bỗng người sĩ quan thẩm vấn nêu câu hỏi về tên con gái của Anson là Christian Kennedy Anson có phải đã được đặt theo tên của John Kennedy - Tổng thống Mỹ từng là người đầu tiên đưa quân vào Việt Nam hay không? Anson đáp lại một cách rành rọt: "Không. Tên cháu được đặt theo tên của Robert Kennedy là người muốn chấm dứt chiến tranh".

Anson tự giới thiệu mình là phóng viên của Tạp chí Time, không phải là lính chiến. Đồng thời, anh

trình ra những thông tin về các mối liên hệ của anh có thể kiểm chứng được. Bỗng người sĩ quan thẳm vắn reo lên: "A! Time là một ấn phẩm rất quan trọng của Mỹ. Nhưng có lẽ không quan trọng bằng New York Times, nhưng lại quan trọng hơn Tạp chí Newsweek. Đúng không?" Anson đáp: "Vâng, đúng" và mỉm cười, tưởng tượng đến phản ứng của Arnaud (de Borchgrave) nếu anh có cơ hội để kể chuyện này cho ông ấy nghe.



Ngày 25/1/1962 là ngày cưới của Thu Nhàn và Phạm Xuân Ân (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)



Phạm Xuân Ân cùng với bốn người con của ông: Hoàng Ân (tức Phạm Ân, con cả, bìa phải), Hoàng Vũ bên phía tay phải ông Ân, Hoàng An bên phía tay trái, và Thanh Bình, con gái (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Tại Sài Gòn, sau cuộc gặp đầy xúc động với Diane Anson, Phạm Xuân Ân trở về nhà. Đêm hôm đó, chờ cho đến khi các con đã đi ngủ, Phạm Xuân Ân đặt mấy hạt gạo và đổ một ít nước bên chiếc thìa rồi đưa lên lửa nấu cho đến khi gạo trở thành một chất hồ sền sệt. Bên cạnh ông, con chó Đức và bà Thu Nhân vợ ông đứng nhìn. Phạm Xuân Ân nhúng ngòi bút vào thìa cháo đặc, rồi bắt đầu viết lên một tờ giấy gói thông thường.

Vài phút sau mực bay hơi biến mất, nhưng ông vẫn tiếp tục viết giống như ông đã từng làm cứ vài tuần một lần như vậy trong suốt một thập kỷ qua.

Bà Thu Nhân làm việc tại một trung tâm sản xuất hàng thủ công Sài Gòn ở gần tiệm cà phê Givral, khi lần đầu tiên gặp ông Phạm Xuân Ân, bà kể: "Lần đầu tiên gặp ông Phạm Xuân Ân, tôi nghĩ ông là người có học, trông rất trí thức và có phong cách lịch lãm. Ông ấy là người dễ gần và rất hay nói đùa". Hai người yêu nhau được sáu tháng thì làm lễ cưới vào ngày 25/1/1962. Bà Thu Nhân nhớ lại:

"Có rất nhiều, rất nhiều nhà báo đến dự lễ cưới của chúng tôi". Sáu tháng sau, Phạm Xuân Ân nói với vợ rằng ông cũng làm việc cả cho cách mạng nữa. Điều này đã khiến con tim bà rạo rục hẳn lên. Bà Thu Nhân kể: "Khi còn ở bậc tiểu học, tôi rất thích học môn lịch sử, những bài giảng về những cuộc nổi dậy ở đất nước tôi chống giặc ngoại xâm... Trong máu tôi đã sẵn có tình yêu đất nước vì thế mà cho đến nay tôi vẫn còn nhớ những bài hát, bài thơ ca ngợi, đề cao chủ nghĩa yêu nước". Bà Thu Nhân luôn sẵn sàng làm tất cả mọi điều để ủng hộ sự nghiệp của chồng mình. "Khi biết chồng tôi đang thực hiện những hoạt động bí mật cho cách mạng và gánh vác những nhiệm vụ rất nặng nề và nguy hiểm nhằm mang lại độc lập cho đất nước, tôi chấp nhận ngay sự nghiệp của chồng để công tác cùng với chồng, sao cho an toàn và hiệu quả nhất. Như chúng tôi thường nói, thuận vợ thuận chồng thì bề Đông tát cũng cạn". Bà Thu Nhân thường đi cùng với ông Phạm Xuân Ân để làm nhiệm vụ cảnh giới cho ông mỗi khi ông phải chuyển giao tài liệu. Những lúc cần thiết, bà còn thức gần như trắng đêm cùng với chồng để chụp ảnh các tài liệu bên dưới hai bóng phân tán tư tưởng bởi những việc liên quan đến con cái gia đình.

Bà Thu Nhân nói với tôi rằng ông Phạm Xuân Ân đã giao hẹn với bà rằng nếu ông có bị bắt, bà không cần phải đi chạy vạy xin xỏ cho ông được thả ra, cũng không phải cậy nhờ ai giúp đỡ. Bởi vì ông không bao giờ phản bội lại các nguồn tin của mình, đồng thời sẵn sàng hy sinh. Bà Thu Nhân cho biết ông Phạm Xuân Ân luôn mang bên mình một viên thuốc để khi cần có thể tự sát. Điều này khẳng định thêm lời mà ông Phạm Xuân Ân đã nói với tôi nhiều lần. "Là một phụ nữ, tôi rất lo ngại và sợ. Lúc nào tôi cũng ở trong tình trạng sẵn sàng đối phó với trường hợp xấu nhất. Lúc nào tôi cũng cảm giác mình như cá nằm trên thớt".

Phạm Xuân Ân là người luôn tin ở sự may mắn và lần này Bob Anson đã gặp may bởi vì sáng hôm sau, ông Ân có hẹn gặp với bà Nguyễn Thị Ba, một người liên lạc lâu năm của ông. Năm 1976, bà Nguyễn Thị Ba được tuyên dương Anh hùng các lực lượng vũ trang. Chính ông Phạm Xuân Ân đã lựa chọn bà Ba làm liên lạc cho mình, vì ông tin rằng chỉ có phụ nữ làm liên lạc thì mới dễ che mắt được đối phương. Bà Nguyễn Thị Ba lớn hơn ông Ân 12 tuổi, mồm luôn bồm bẻm nhai trầu, nên không hề gây ra sự chú ý nào đối với người khác. Trước khi lựa chọn bà Ba làm liên lạc cho mình, Phạm Xuân Ân đã từ chối chín người khác. Bà Nguyễn Thị Ba kể cho tôi nghe: "Trước khi được gặp ông Ân lần đầu tiên, tôi được mọi người cho biết ông này chẳng giống ai cả đâu, cho nên phải chuẩn bị tinh thần sẽ bị ông từ chối. Ông Phạm Xuân Ân là người rất đặc biệt và luôn đòi hỏi cao". Nhớ lại buổi gặp gỡ đầu tiên, bà Ba kể rằng bà làm như người đang mang hoa đi lễ chùa. Theo qui định trước, ông Phạm Xuân Ân chào bà: "Chào chị Bảy Ba". Bà đáp lại bằng câu: "Chào anh Ba Ân". Nếu hai con số thứ tự trao đổi mà có tổng là 10, thì cả hai đều nhận nhau là người của cách mạng. Suốt từ năm 1961 đến năm 1975, bà Ba là người liên lạc tình báo duy nhất của ông Phạm Xuân Ân. Bà Nguyễn Thị Ba mang bí số nữ tình báo B3 nhớ lại: "Mỗi tháng tôi gặp ông Ân ba, bốn lần để

nhận tài liệu. Tuy nhiên, trong tình hình khẩn cấp, mỗi tháng chúng tôi có thể gặp nhau từ năm đến sáu lần. Khi đi nhận tài liệu từ phía ông Ân, tôi thường trong vai một người bán hàng rong, khi thì bán rau xanh, lúc bán tạp hoá, cát để dễ trà trộn trong đám đông. Nếu tài liệu ông Ân trao mà ở dạng phim, ông thường cuộn lại rất nhỏ rồi giấu bên trong một bánh xà phòng hoặc bên trong những chiếc nem chua". Bà Nguyễn Thị Ba cố giải thích để cho tôi hiểu về chiếc nem chua, một món ăn được làm bằng thịt sống gói trong lá chuối là thứ mà ông Ân rất hay giấu những cuộn phim.

Anson đã may mắn thoát chết chỉ vì Hà Nội đang chờ báo cáo phân tích chi tiết của Phạm Xuân Ân về cuộc tấn công của Nixon vào Campuchia, cũng như những thông tin cập nhật về sự huấn luyện và tinh thần của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Phạm Xuân Ân quyết định chỉ gửi một bức điện với vài cuộn phim. Ông nêu yêu cầu cấp trên cung cấp cụ thể những thông tin về một nhà báo Mỹ, đồng nghiệp của ông làm việc cho Tạp chí Time, một người bạn của Việt Nam vừa bị bắt sống. Ông đề nghị rằng nếu Bob Anson chưa chết, cần phải trả lại tự do ngay cho anh ta, không cần hỏi lại ông giải thích rằng người Mỹ này đã cứu nhiều mạng sống của trẻ em Việt Nam ở Takeo.

Ông Phạm Xuân Ân làm điều này là rất mạo hiểm vì nếu chẳng may bà Ba hoặc bất kỳ thành viên nào trong tổ tình báo khi đang vận chuyển báo cáo của ông mà bị bắt, thì vỏ bọc của ông bị lộ tẩy ngay tức khắc.

Chỉ có Phạm Xuân Ân mới dám đưa ra đề nghị về Anson như vậy. Điều đó chứng tỏ những đánh giá cá nhân của ông với tư cách một sĩ quan tình báo được đánh giá rất cao. Trong thời gian cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cấp trên trực tiếp của ông là Tư Cang thông báo với Phạm Xuân Ân rằng ông đã được tặng thưởng Huân chương đặc biệt vì những đóng góp của ông dẫn đến chiến thắng Ấp Bắc năm 1963, cũng như vì những báo cáo của ông được cấp trên đánh giá cao. Ông Tư Cang được cử vào Sài Gòn để làm việc với Phạm Xuân Ân nhằm xác định những con đường thâm nhập vào thành phố. Chính ông Tư Cang là người đã viết báo cáo thành tích của ông Ân để ông được trao tặng Huân chương nói trên. Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Ông biết không, đó là lần đầu tiên tôi được nghe về những nhận xét của họ đối với những báo cáo tình báo của tôi. Khi ông Tư Cang cho biết tôi đã được tặng Huân chương về vụ Ấp Bắc, tôi đã biết rằng tôi chẳng bao giờ có thể được đeo tấm Huân chương ấy cho đến khi chiến tranh kết thúc. Nhưng giờ đây tôi quyết định đeo tấm Huân chương đó.

Ngày hôm sau, Phạm Xuân Ân đi chợ chim, thú cùng với con chó Đức của ông luôn ở bên. Ông nổi tiếng khắp Sài Gòn là người nuôi chim cảnh và huấn luyện chó giỏi. Những con chim, thú cũng tạo cho ông một vỏ bọc tình báo tuyệt vời.

Phạm Xuân Ân còn huấn luyện được cả con chó cứ chạy đến tè vào những góc cây mà ông sử dụng làm hộp thư chết cho những lần trao đổi tin tức tình báo. Ông có thể bất ngờ vắng mặt vài ngày vẫn không gây nghi ngờ. Mỗi lần thấy ông vắng mặt, mọi người lại cho rằng ông đang đi chợ chim, thú

hoặc lại đang bận đi huấn luyện chó hay tìm mua bán chó.

Chợ chim, thú lúc nào cũng đông nghẹt người. Tại đây người ta bán đủ loại chim thú từ khi, vẹt, thỏ, chó, mèo, cá cảnh, và đủ loại chim. Phạm Xuân Ân xem kỹ những con chim cu gáy châu Phi, bồ câu Pháp, cú vọ vẹt chiến chiến, gà lôi đỏ, yến.

Biết bà Nguyễn Thị Ba sắp đến để liên lạc, Phạm Xuân Ân nán nà chờ tại quầy bán dơi. Vài phút sau, bà Ba tới và ông Phạm Xuân Ân bắt chuyện. Hai người trao đổi về kinh nghiệm sử dụng tiết con dơi hoà với rượu gạo để làm thuốc cổ truyền chữa trị bệnh lao. Phạm Xuân Ân hướng dẫn tỉ mỉ cho người quen của mình cách cắt tiết con dơi như thế nào, pha chế thuốc ra sao. Trong lúc trò chuyện, thỉnh thoảng ông lại mời bà một chút đồ ăn. Có lẽ, bà Ba mang về để ăn sau, vì không thể nào ăn hết được tất cả những chiếc nem cuốn gói trong những tờ giấy trắng này. Bà Ba cảm ơn ông Ân rồi trao lại cho ông một cái gì đó để toại lòng nhau. Sau đó, họ chia tay mỗi người đi một ngả. Phạm Xuân Ân trở về Văn phòng Tạp chí Time còn bà Nguyễn Thị Ba đi về hướng Củ Chi ngoại ô Sài Gòn. Tại đây, một mạng lưới hỗ trợ tinh vi đang chờ bà Ba chuyển giao những gói nem cuốn. Trong gói đó có cả những chỉ thị của ông Phạm Xuân Ân về thời gian, địa điểm cho những cuộc gặp gỡ tiếp theo. Bà Nguyễn Thị Ba kể với tôi: "Mỗi tháng, chúng tôi đặt thời gian cho một cuộc gặp chính và hai cuộc gặp phụ. Mỗi cuộc cách nhau mười ngày. Mọi chuyện đều được đặt trước vào các ngày chẵn 10, 20, 30 hằng tháng.

Nhưng các ngày luôn thay đổi nên không có một khuôn mẫu nào. Trong trường hợp có việc rất khẩn cấp vì đã biết nơi các con ông Phạm Xuân Ân đang học nên tôi chỉ cần đến trước công trường chờ cho đến khi ông Ân chở các con tới trường. Chỉ cần để cho ông Ân nhìn thấy tôi là đủ, không cần nói với nhau câu gì. Như thế cũng đủ để ông ấy hiểu có yêu cầu cấp bách về tin tức và tự ông sẽ lên hệ với căn cứ".

Bà Nguyễn Thị Ba thường chỉ mang gói thư của ông Phạm Xuân Ân đến Hóc Môn nằm giữa chặng đường đến Củ Chi. Tại đây, bà chuyển tiếp gói thư đó cho một người liên lạc khác. Bản thân bà rất ít khi đi Củ Chi. Ngoài ra, giữa ông Phạm Xuân Ân và bà Nguyễn Thị Ba không hề có kiểu liên lạc gì khác: không điện thoại, không điện đài vô tuyến sóng ngắn, không thư tín. Ngày đó bà Ba chưa biết chữ. Bà cũng chẳng cần biết ông Phạm Xuân Ân sống ở đâu. Đây thực sự là một cặp tình báo viên thuộc loại cổ điển nhất và cũng là hiệu quả nhất trong lịch sử.

Chuyến đi đến Củ Chi, cách Sài Gòn khoảng ba mươi kilômét về phía tây bắc là chuyến đi nguy hiểm, vì khu vực này có rất nhiều lính Mỹ với những trạm kiểm soát dày đặc. Dưới lòng đất Củ Chi là một mạng lưới địa đạo bằng nhện giống như mạng nhện. Vùng này là một dải đất trải dài từ Sài Gòn đến biên giới Campuchia. Hệ thống địa đạo lúc đầu được đào làm nơi ẩn náu của các du kích Việt Minh trong các trận đánh chống Pháp. Từ giữa những năm 1960, Củ Chi đã trở thành một nơi tự ôm vào mình đủ thứ từ khu dân cư đến kho bãi, nhà máy đạn dược, bệnh viện, tổng hành dinh của

tình báo quân sự. Tình báo Mỹ biết rõ tại đây có những đường địa đạo đang tồn tại nên Củ Chi là một trong những nơi phải hứng chịu nhiều nhất những trận bom, hoá chất làm rụng lá cây của Mỹ. Củ Chi cũng là một trong những quận bị tàn phá nhiều nhất trong chiến tranh. Bà Hà Thị Kiện (tức Tám Kiện), một nữ giao liên khác kể: "Chẳng còn gì ở đây cả. Khu vực này đã bị rải chất độc nhiều lần nên trông như một vùng đất chết. Trên thực tế, toàn bộ dân Củ Chi từ lâu đã bị gom vào cái gọi là ấp chiến lược ngoại trừ những làng ở rừng Hồ Bò vốn từng được biết đến như là những làng giải phóng và dưới sự kiểm soát của Việt Cộng. Phạm Xuân Ân ít khi đến các địa đạo vì sau năm 1969, Mỹ đã tăng cường rất nhiều nỗ lực nhằm xác định căn cứ của Việt Cộng ở Củ Chi. Nếu Phạm Xuân Ân đi tới đó sẽ rất nguy hiểm cho ông, biết đâu ông có thể bị bắt hoặc bị giết trong một trận tấn công của Mỹ.

Tại căn cứ ở Củ Chi, người ta chỉ cần một ít dung dịch i-ốt đổ lên tờ giấy gói là có thể đọc được những báo cáo tình báo của Phạm Xuân Ân. Bên dưới những lớp cuộn của chiếc nem chua là những cuộn phim và các thông tin chi tiết về thời gian, địa điểm, ngày tháng cho những những cuộc gặp gỡ tiếp theo. Phạm Xuân Ân luôn luôn là người chủ động đưa ra những chi tiết này. Những phần quan trọng nhất trong báo cáo tình báo của Phạm Xuân Ân thường được gửi qua đường vô tuyến điện đến tổng hành dinh Trung ương Cục miền Nam sau khi đã được mã hoá. Những cuộn phim và bản tóm tắt nội dung bản báo cáo của Phạm Xuân Ân sẽ được một đơn vị Việt Cộng có vũ trang chuyển đến Cục tình báo vùng, cuối cùng là được chuyển ra Hà Nội.

Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Nhiều người đã phải hy sinh để bảo vệ những báo cáo của tôi đấy. Họ là những người rất dũng cảm, thế mà tôi không hề biết gì về điều này, chỉ đến khi hết chiến tranh mới được biết".

Sau khi gửi báo cáo đi, Phạm Xuân Ân không biết phải làm gì nữa ngoài chờ đợi tin tức về số phận của Bob Anson.

Sau nhiều tuần bị bắt giữ, một hôm vào lúc nửa đêm, Bob Anson được một trong những sĩ quan thẩm vấn đánh thức dậy, thông báo rằng việc anh là phóng viên của Tạp chí Time đang được xác minh, có thể có kết quả trong vài ngày tới nhưng anh sẽ sớm được trả lại tự do. Người sĩ quan thẩm vấn này muốn biết tại sao Anson không nói cho họ biết mọi điều trong các cuộc thẩm vấn. Nghe người sĩ quan thẩm vấn nói vậy, Anson nghĩ thầm mình chẳng giấu giếm điều gì.

Nhưng trước khi anh nói điều đó ra thì người sĩ quan thẩm vấn hỏi tiếp tại sao anh không nói điều gì về Takeo. Người sĩ quan nói: "Ở Việt Nam chúng tôi có truyền thống rằng người nào chỉ cần cứu mạng sống của một trong số con em chúng tôi thôi thì đã được chúng tôi ghi nợ bằng máu. Mặt trận xin cảm ơn anh. Anh được tự do... Từ nay anh là người của phía chúng tôi. Một người chiến sĩ cách mạng".

Bob Anson hết sức vui mừng, nhưng anh cũng bối rối. Anh đã không nghĩ đến việc phải tiết lộ

chuyện xảy ra ở Takeo, đơn giản chỉ là vì kể về chuyện đó chẳng liên quan gì đến lời khai của anh. Thậm chí, anh đã gạt tất cả mọi chuyện sang một bên để chỉ nghĩ đến việc về với Diane và các con anh. Chín ngày sau, Anson được rời nơi tạm giam. Những người bạn chiến sĩ cách mạng của anh tặng cho anh món quà là một đôi dép Bác Hồ. Đế dép làm bằng mảnh lốp xe tải các quai dép làm bằng săm ô tô. Một chiến sĩ nói: "Chúng tôi toàn dùng đồ tốt nhất đấy. Săm, lốp do Mỹ sản xuất nhé. Dây bốn lớp!".

Mười bảy năm sau Bob Anson trở lại Việt Nam vì lý do cá nhân. Nửa đêm Anson đến thăm nhà Phạm Xuân Ân. Ông ra chào khách trong một bộ quân phục với hàm Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, trên ngực đeo Huân chương. "Lúc nào anh cũng mặc thế này à?", Anson hỏi. "Phải. Lúc nào cũng thế này", ông Ân đáp và mỉm cười. Sau này, Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng Anson hôm đó bị khoảng chục nhân viên an ninh đi theo. "Anson không hề biết ông ấy bị bám đuôi. Nhưng hôm sau, tôi được các nhân viên an ninh đến thăm. Tôi đã kể cho họ nghe câu chuyện ở Takeo, sau đó họ ra về".

Khi gặp lại Anson, câu đầu tiên Phạm Xuân Ân hỏi là: "Thế nào, các cháu Christian và Sam có khoẻ không? và Diane có khoẻ không?". Anson nghĩ "mười bảy năm đã trôi qua, thế mà ông Ân vẫn chưa quên một chi tiết nào. Mười bảy năm đã trôi qua, vậy mà ông vẫn còn biết cách làm vui lòng tôi. Kỹ năng này chắc đã khiến ông rất giỏi trong nghề của mình". Sau một tiếng rưỡi đồng hồ trò chuyện một cách thân thiện, cuối cùng Anson hỏi bằng cách nào những người đã bắt giữ anh trước đây có thể biết được câu chuyện ở Takeo? Lần đầu tiên ông Ân thừa nhận với Anson rằng chính ông đã báo cho Mặt trận về việc người bạn của ông bị bắt giam và ông đã kể cho họ nghe những chi tiết về hành động anh hùng ở Takeo của người bạn ấy. Tuy nhiên, đêm hôm đó ông Ân chỉ nói cho Anson một phần của sự thật. Khi ấy ông đã bảo với Anson rằng một người của Mặt trận đến nhà ông ở Sài Gòn để xác minh lời khai của Anson về thời gian anh làm việc cho Tạp chí Time.

Trong cuốn Tin chiến trường của mình, Anson kể lại đoạn đối thoại giữa anh và ông Ân về chuyện này như sau: " Nhưng tại sao? Tôi và ông, chúng ta là những người ở khác bên cơ mà. Ông Ân nhìn vào tôi có vẻ suy nghĩ lắm, dường như ông rất thất vọng rằng sau tất cả những lời giảng giải của ông, tôi vẫn không nắm được bài học cơ bản nhất của ông rồi nói "Không. Chúng ta là bạn của nhau".

Còn một trang cuối cùng của câu chuyện này. Đó là khi ấy vào thời điểm năm 1988 ông Ân chưa sẵn sàng để chia sẻ với Anson toàn bộ sự thật. Vì vẫn còn quá nguy hiểm đối với ông nếu tiết lộ phương thức hoạt động của một điệp viên. Mười tám năm sau, ông Ân đã kể cho tôi nghe trên thực tế điều gì đã diễn ra. Đó là trên thực tế, đã chẳng có người nào của Mặt trận đến nhà riêng của ông. Vì như vậy, có thể khiến ông bị lộ. Ngoài ra, gần như chẳng có ai trong Mặt trận biết nhiệm vụ bí mật của ông, và nếu biết thì Mặt trận cũng không sẵn sàng đặt ông vào rủi ro để cứu một người Mỹ.

Bob Anson được thả là do một báo cáo bí mật của ông Phạm Xuân Ân nói về Takeo mà chính báo

cáo này đã được bà Nguyễn Thị Ba và một nữ giao liên khác chuyển đến Củ Chi. Rất đơn giản. Anson thoát chết còn do may mắn vì trước đó ông Phạm Xuân Ân đã có cuộc hẹn gặp bí mật với bà Ba; vì anh đã kết bạn với ông Ân; vì chính anh đã từng dùng cảm cứu những đứa trẻ Việt Nam ở Takeo; và còn vì mạng lưới tình báo H.63 của ông Ân làm việc rất hiệu quả. Ông Ân nói với tôi: "Anson không bắt buộc phải cố gắng giúp đỡ những đứa trẻ Việt Nam đó, thế mà anh ấy vẫn cố làm. Sau đó, anh ấy còn liên hệ với những đứa trẻ này để đảm bảo chắc chắn rằng chúng được an toàn và được chăm sóc tốt. Anh ấy là một người tốt và cũng là một người may mắn nữa".

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 2

Thời gian học nghề của một điệp viên

Sự thâm nhập của Việt Cộng vào báo chí là đáng kể

Nhà báo Nguyễn Hùng Vương nói với các đồng nghiệp của mình Robert Shaplen và Phạm Xuân Ân.

PHẠM XUÂN ÂN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ORANGE COAST

Costa Mesa, California

Phạm Xuân Ân mỉm cười khi ông đọc dòng địa chỉ của người gửi đề trên phong thư: Mills C.

Brandes, 2329 đường South Joyce, Arlington, bang Virginia.

Đó là vào tháng 4/1958, Phạm Xuân Ân đang sắp kết thúc năm học thứ nhất Đại học Orange Coast.

Đã có rất nhiều điều tốt lành đến với Phạm Xuân Ân kể từ tối ngày 16/8/1957, khi ông và gia đình Brandes chia tay nhau tại sân bay Tân Sơn Nhất, Sài Gòn.

Mills Brandes khi đó mới vừa hoàn thành hai năm làm việc dưới vỏ bọc ở Sài Gòn và cả gia đình đang đi nghỉ mát trước khi Mills trở lại Washington D.C để nhận nhiệm vụ mới.

Mối quan tâm đầu tiên của Mills trên đoạn đường lái xe ra sân bay không phải là về việc gia đình ông sắp trở lại Hoa Kỳ, mà là về một người bạn Việt Nam trẻ tuổi trong vài tuần tới sẽ rời Sài Gòn đi Costa Mesa, California, để bắt đầu học báo chí tại trường Orange Coast. Mills và vợ ông, bà Janet đã mua cho Phạm Xuân Ân một chiếc vali mới và không quên dặn anh rằng nam California thì không nóng ẩm như ở Sài Gòn. Mills hy vọng Phạm Xuân Ân vẫn tiếp tục học tiếng Anh nên đã dàn xếp

với một người đồng nghiệp của mình là Conrad Dillow để thay Janet dạy tiếng cho ông. Trước khi nói lời chia tay lần cuối, Mills đã trao cho Phạm Xuân Ân một danh sách những người bạn và người nhà của mình để khi nào đến California, anh có thể liên hệ với họ.

Lần đầu tiên Mills gặp Phạm Xuân Ân vào năm 1956. Khi đó Mills đang làm một nhiệm vụ do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ giao cho trong lĩnh vực thủy điện hoặc ít nhất thì đó là một câu chuyện nguy trang của ông ta. Là bạn thân của sĩ quan chỉ huy CIA huyền thoại Lou Conein, Brandes trên thực tế đang bí mật giúp đỡ chính quyền Ngô Đình Diệm trong việc đàn áp sự nổi dậy của Cộng sản Việt Minh. Conein và Brandes từng là những nhân viên của cùng một đơn vị độc lập của Cục công tác chiến lược (OSS) trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Năm 1954, Conein sang miền Bắc Việt Nam để làm nhiệm vụ bí mật cho Edward Lansdale là tổ chức một nhóm lính dù chống cộng cài lại để chuẩn bị phá hoại các cơ sở công nghiệp và tiến hành chiến tranh gián điệp. Đích thân Conein đã tiến cử Brandes đến Việt Nam để tham gia cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản. Khi nghe tôi kể điều này rằng Brandes đã làm việc bí mật dưới một vỏ bọc, Phạm Xuân Ân tỏ ra ngạc nhiên nói: "Tôi không biết điều đó. Tôi chỉ biết Mills Brandes là một người chống cộng dữ dội, nhưng tôi không biết mối quan hệ của ông ta với Lou Conein. Tôi cũng biết Conein rất rõ. Chúng tôi thường uống rượu Black & White với nhau, đặc biệt là cùng với Bob Shaplen. Tôi còn biết Conein có mối quan hệ rất tốt với CIA, nhưng tôi không biết về quan hệ của Brandes với Conein". Phạm Xuân Ân nói bằng một giọng tôn trọng chuyên nghiệp đối với nghề bình phong của bạn mình.

Phạm Xuân Ân luôn coi gia đình Brandes là "gia đình Mỹ đầu tiên" của ông. Mills và Janet đã tìm mọi cách để ông Ân tham gia vào các hoạt động của gia đình mình. Sau khi dỗ cho ba đứa con nhỏ đi ngủ, Janet thường ngồi hàng giờ giúp Phạm Xuân Ân thực hành tiếng Anh. Ông Phạm Xuân Ân rất quý ba đứa con của Janet là Jud, Julianne, và Mark. Ông nhớ lại: "Lần đầu tiên trong đời tôi được những trẻ em Mỹ bày cho tôi cách chơi với những trẻ em Mỹ khác, cách làm sao để liên hệ được với chúng". Phạm Xuân Ân còn đưa cả Mills và Janet về nhà mình để gặp bố mẹ và anh em ông. Năm mươi năm sau, Julianne Brandes Owing kể với tôi chuyện ngày thơ ấu: "Thậm chí bây giờ cháu vẫn còn nhớ ông Phạm Xuân Ân như một người bạn đặc biệt; ít người cháu được biết từ ngày còn thơ ấu đối xử với cháu một cách tôn trọng và thân thiết hơn chú Ân". Một hôm, Mills bảo Phạm Xuân Ân có muốn tham gia cùng với gia đình mình thực hiện một chuyến đi dài khắp miền Nam Việt Nam. Phạm Xuân Ân sẽ giúp gia đình Mills làm người hướng dẫn và phiên dịch. Ngồi trên chiếc xe Land Rover trên những chặng đường dài, cả gia đình Mills đều giúp đỡ Phạm Xuân Ân thực hành tiếng Anh. Có những câu chuyện mà đến năm mươi năm sau, cả ông Ân và đám trẻ nhà Mills vẫn còn nhớ để kể cho tôi nghe với nội dung giống hệt nhau. Chuyện thứ nhất xảy ra khi mọi người đang ngồi trên xe hơi từ Ban Mê Thuộc đi Nha Trang dọc theo quốc lộ 1. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Chúng tôi nhìn thấy một ngọn núi và trên đỉnh có một hình người mẹ đứng bồng con. Tôi đã kể cho gia đình

Mills nghe câu chuyện về Hòn vọng phu và sau đó Janet đã bảo tôi phải viết ra giấy để bà sửa lỗi tiếng Anh cho tôi. Chuyện rằng có hai đứa trẻ trong một nhà, đứa trai là anh, gái là em. Một hôm hai anh em có chuyện xô xát đánh nhau to. Đứa anh liền cầm dao bổ vào đầu em làm chảy máu. Máu ra nhiều đến mức đứa anh sợ quá bỏ trốn không bao giờ trở về nhà nữa. Gia đình đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng không tìm được người anh. Sau khi bỏ trốn khỏi gia đình, người anh đi tới một làng khác rồi ở luôn đó không về nhà nữa. Người anh trở thành dân chài. Một lần, người anh gặp một cô gái mà sau này trở thành vợ của anh mà không hề biết đó chính là em gái ruột của mình. Hai người có con với nhau và sống rất hạnh phúc. Một hôm, người vợ ngồi chải chấy trên đầu mình và nhờ chồng giúp. Người chồng nhìn thấy vết sẹo trên đầu vợ liền hỏi vì đâu có vết sẹo này. Khi nghe xong câu chuyện, người vợ kể về căn nguyên vết sẹo, người chồng liền nhận ra mình đã lấy em gái ruột làm vợ, đó là tội loạn luân. Sau đó, lương tâm người chồng luôn cắn rứt đến mức người chồng không thể chịu đựng được nữa liền bỏ nhà ra đi biệt tăm. Vì làm nghề chài lưới, người chồng khi còn sống cùng vợ con thường ra khơi rất sớm và trở về nhà mỗi khi trời tối, nên ngày nào người vợ cũng bồng con lên núi ngóng trông chồng. Hai mẹ con cứ chờ mãi, chờ mãi. Mỗi ngày hai mẹ con lại trèo lên cao hơn. Cho đến một hôm, người vợ kiệt sức và chết trong tư thế vẫn còn bồng con. Trời đã thương tình biến hai mẹ con thành đá để hai mẹ con có thể đứng chờ cho đến khi chồng, cha của họ trở về. Ngày nay, những người dân chài ở miền Trung Việt Nam, đặc biệt là ở Qui Nhơn, mỗi khi ra khơi thường nhìn lên Nàng vọng phu mà khẩn rằng: "Xin Bà phù hộ cho gió tây nam thổi mạnh lên... Chồng của Bà giờ đang ở Qui Nhơn, chúng con đang đi theo ông, vì vậy xin Bà cho gió thổi mạnh để giúp chúng con ra khơi nhanh".

Ông Phạm Xuân Ân đã đọc lời khẩn như vậy cho tôi nghe và thậm chí còn viết lời khẩn đó ra bằng tiếng Việt cho tôi. Khi tôi đề cập câu chuyện này với gia đình Brandes, Jud đã lôi trong cuốn album ra để chỉ cho tôi bức ảnh về Nàng vọng phu.

Trong chuyến đi dài ấy còn có một câu chuyện khác đáng nhớ. Chuyện là, một hôm Mills lái xe đi nhầm vào một con đường ở vùng sâu. Xe của họ liền bị đám du kích Việt Minh bồng từ đâu chạy ra vây kín lấy xe. Lũ trẻ nhà Mills trên xe sợ xanh mắt. Phạm Xuân Ân lúc đó bảo gia đình cứ bình tĩnh để ông ra nói chuyện với các du kích. Hai bên có vẻ không làm gì to chuyện. Sau vài phút vung tay chỉ chỗ này chỗ kia với những người du kích, Phạm Xuân Ân trở lại xe, hướng dẫn cho Mills lối đi ra đường cái. Chẳng hiểu ông Ân đã nói điều gì mà rất hiệu quả, bởi vì nghe ông nói xong, các du kích liền biến mất vào trong rừng.

Đêm hôm ấy Mills gọi các thành viên trong gia đình mình lại và bảo rằng không bao giờ được quên ơn Phạm Xuân Ân đã cứu tính mạng họ. Sau này các con của Mills kể lại lời của cha mình đã nói "Nếu không có chú Phạm Xuân Ân, chắc chúng ta đã bị giết chết rồi". Đến tận bây giờ, gia đình Brandes vẫn khẳng định không bao giờ quên ơn Phạm Xuân Ân về hành động của ông mà họ cho là

rất dũng cảm và hữu nghị. Với họ, đó là một món nợ mà không bao giờ có thể trả được đầy đủ. Tôi hỏi Jul và Jud về phản ứng của cha các cháu khi biết tin ông Phạm Xuân Ân là một điệp viên Cộng sản, cả hai đều nói: "Ba nói với chúng cháu rằng chú Ân là bạn của chúng ta, nên ba không phán quyết về chú. Chúng ta yêu Việt Nam, chúng ta yêu chú Ân, chúng ta hiểu chủ nghĩa dân tộc, người Việt Nam là bạn của chúng ta. Chú Phạm Xuân Ân đã làm những việc mà chú ấy phải làm vì đất nước, vì gia đình của chú ấy. Chú ấy xây dựng tình bạn cho tương lai. Chú ấy đã làm việc này một cách hết sức tinh tế".

Phạm Xuân Ân sau này kể với tôi rằng khi ông tiến lại chỗ những du kích Việt Minh, ông chỉ nói rằng ông là hướng dẫn viên du lịch cho một gia đình trẻ Mỹ và họ đã bị lạc vì không thuộc đường địa phương. "Tôi đã nói với họ rằng Mills không đe dọa bất kỳ ai và ông ấy không làm việc cho chính phủ". Tôi ngờ rằng đó chưa phải là tất cả những điều Phạm Xuân Ân đã nói với các du kích nên cố gắng hỏi ông. Phạm Xuân Ân chỉ trả lời: "Có một số điều mà thậm chí năm mươi năm sau tôi cũng không thể nói ra" - Cách nói của Phạm Xuân Ân ngụ ý là nên chuyển sang đề tài khác.

Cầm phong thư chưa mở trên tay, Phạm Xuân Ân nghĩ về ngày ông thấy Mills Brandes đang đạp chiếc xích lô lên một trong những đường dốc nhất của Sài Gòn trong khi người lái xe Việt Nam dáng gầy gò, ốm yếu thì lại ngồi vào ghế như một hành khách. Phạm Xuân Ân chưa bao giờ thấy một ông Tây đạp xích lô, nhưng điều làm ông còn ngạc nhiên hơn là người lái xe xích lô thì ngồi ghế khách, còn ông khách ngoại quốc thì lại phải đạp xe. Nhưng đến khi xe xích lô bò lên được đến đỉnh dốc cạnh Bệnh viện Grall thì hai người lại đổi vị trí cho nhau để cho người lái xe xích lô chở Mills Brandes đến nhà riêng ở tại số nhà 213B đường Công Lý. Sau này, Mills giải thích cho Phạm Xuân Ân rằng hôm đó trời quá nóng, thậm chí nóng cả đối với người Sài Gòn. Là người có thân hình to lớn, nên Mills cảm thấy không tiện lắm nếu cứ ngồi trên ghế khách để cho người lái xe xích lô ốm yếu gầy gò đạp xe. Đối với Phạm Xuân Ân thì đây là một câu chuyện mà ông không bao giờ quên. Phạm Xuân Ân nói: "Ông biết không, đó là một tấm gương rất nhân đạo in sâu trong trí nhớ của tôi cho đến khi tôi chết. Lần đầu tiên những người Mỹ đã cho tôi thấy họ là những người giàu lòng thương người và hào hiệp như thế nào".

Phạm Xuân Ân mong nhận được nhiều thông tin cập nhật từ phía Mills, nhưng lá thư này lại mang đến cho ông nhiều tin tức không vui. Trong thư, Mills Brandes viết: "Tôi hy vọng anh sẽ không cảm thấy phiền đối với việc chúng tôi muốn hỏi ý kiến anh về những điều liên quan đến các mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Chúng tôi làm thế bởi vì chúng tôi quan tâm đến những mối quan hệ này và vì chúng tôi tin rằng anh sẽ cho chúng tôi biết ý kiến chân thành của anh. Cuối cùng, chính anh là người đã dạy cho tôi và gia đình tôi gần như tất cả những gì mà chúng tôi giờ đây đã hiểu biết về đất nước của anh". Gửi kèm theo lá thư là bốn bài báo, trong đó có một bài báo nói về việc Chính quyền Ngô Đình Diệm vừa phát hiện ra ở miền Nam một số phóng viên là người của Cộng sản. Mills đã cảnh

báo cho Phạm Xuân Ân về những trường hợp nhà báo bị bắt này.

Lá thư của Mills chỉ ra mối nguy hiểm về sự tồn tại của Cộng sản và sự nhận thức của dân chúng về sự tồn tại đó. "Chúng tôi chẳng có ai làm việc tuyên truyền chuyên trách ở miền Nam Việt Nam, chỉ có mỗi tự do báo chí - điều mà anh sắp được học đấy. Đã nhiều lần tôi cảm thấy rằng nước Mỹ của chúng tôi đang đấu tranh trong tình trạng bị bó tay. Hãy cứ để cho chúng tôi hy vọng rằng sự chưa thuận lòng của phía chúng tôi trong việc đương đầu với những người Cộng sản bằng cuộc tuyên truyền do Chính phủ Mỹ bảo trợ, thì đó không phải là do sai lầm hèn nhát từ phía những người bạn chúng tôi".

"Tôi phải thừa nhận rằng tôi đã gặp nhiều người hơn ở đất nước của anh và cả những người khác ở Viễn Đông. Họ là những người khôn ngoan trước các chiến lược và sách lược của Cộng sản hơn nhiều so với những người của chúng tôi ở miền Nam Việt Nam. Tôi chỉ là một cá nhân thôi, không phải là đại diện cho trong nước hay ngoài nước. Nhưng nếu có một ngày nào đó mọi người đều hiểu được sự thật về chủ nghĩa cộng sản thế giới có âm mưu thống trị toàn cầu dưới sự kiểm soát hoàn toàn bởi một nhóm người điên rồ, thì khi đó chủ nghĩa cộng sản sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Tôi không nghĩ rằng nhân dân miền Nam Việt Nam chưa nhận thức được sự nguy hiểm với ý nghĩa thực sự của nó. Hơn nữa, tôi không tin rằng chúng ta chưa biết những vũ khí mạnh mẽ nhất của chúng ta có thể giúp tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản chính là - sự thật, sự chân thành, và sự hội nhập cá nhân".

Từ lá thư này, Phạm Xuân Ân rút ra được hai điều quan trọng. Thứ nhất, ở quê nhà, Chính quyền Ngô Đình Diệm đang đàn áp những người bị tình nghi là có cảm tình với Cộng sản. Thứ hai, vỏ bọc của ông vẫn còn nguyên vẹn.

Sứ mạng của ông ở Hoa Kỳ là tìm hiểu càng nhiều càng tốt về người Mỹ và văn hoá của họ, để khi về Việt Nam làm việc dưới vỏ bọc là một nhà báo. Các uỷ viên Bộ Chính trị ở Hà Nội đang theo dõi sát sao các nguồn tin từ Hoa Kỳ chuẩn bị được tung vào Việt Nam khi Pháp bị đánh bại ở Điện Biên Phủ năm 1954. Không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ đến một ngày có chiến tranh giữa Việt Nam và Mỹ.

Trước khi rời Việt Nam, Phạm Xuân Ân được chỉ thị phải luôn cố gắng làm cho mình hoà nhập được vào cách viết, cách nghĩ của người Mỹ. Ông Mười Hương, một cấp trên của Phạm Xuân Ân nói:

"Nếu không làm được như vậy, anh sẽ không thành công. Khi đến Hoa Kỳ, anh phải nghiên cứu văn hoá Mỹ một cách thấu đáo và phải hoàn toàn hiểu được người Mỹ. Chỉ có như vậy anh mới hoàn thành được nhiệm vụ".

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, Phạm Xuân Ân đã khâm phục nhân dân Mỹ, những giá trị của họ và văn hoá Mỹ. Tình cảm này có nguồn gốc từ ngày còn ở Việt Nam, ông đã giao lưu với những người Mỹ như gia đình Brandes, hay với đại úy Sergeant Frank C. Long và ba đứa trẻ của anh là Amada, Peter, và Kathy. Ông khâm phục lòng thương người, tính độc lập và thiện chí của họ. Phạm Xuân Ân từng nói với Henry Kamm: "Tôi luôn mong rằng Hoa Kỳ sẽ sớm nhìn ra và giúp đỡ một nước Việt

Nam thực sự".

Phạm Xuân Ân gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2/1953 tại một buổi lễ được tổ chức ở vùng đất Mũi Cà Mau, cách Sài Gòn 350 km. Nhà lãnh đạo Việt Minh cấp cao nhất ở miền Nam Việt Nam lúc đó là ông Lê Đức Thọ đã chủ trì buổi lễ kết nạp Đảng cho ông Ân. Sau đó, ông Lê Đức Thọ đã đưa Phạm Xuân Ân ra ngoài để nói chuyện riêng. Ông Lê Đức Thọ là một trong những người đi theo Hồ Chí Minh từ rất sớm và là một trong những người tham gia sáng lập ra Đảng Cộng sản Đông Dương(1). Ông từng bị giam cầm 10 năm trong nhà tù của Pháp, trong đó bao gồm cả thời gian tù khổ sai ở nhà tù Côn Đảo (Poulo Condore) - một nhà tù khét tiếng về điều kiện giam cầm độc ác. Khi còn bị giam tại nhà tù Nam Định, ông Lê Đức Thọ đã sáng tác bài thơ "Phòng giam uất hận" trong đó có những câu như "Căm giận khiến tôi phải chống lại bọn đế quốc dã man. Đã nhiều năm gót giày của chúng giẫm nát đất nước tôi... ngàn ngàn lần áp bức".

Gần ba mươi năm sau, ông Lê Đức Thọ đối mặt với ông Henry Kissinger trong các cuộc đàm phán ở Paris nhằm kết thúc chiến tranh Việt Nam. Hai người được trao chung một giải Nobel Hoà bình, nhưng ông Lê Đức Thọ từ chối nhận giải thưởng với lý do rằng hoà bình thực sự vẫn chưa đạt được, vì Mỹ và chính quyền Sài Gòn lừa dối. Tại cuộc gặp nhau đầu tiên ở Paris hôm 21/2/1970, ông Lê Đức Thọ đã thách thức Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger bằng một bài phát biểu cùng một kiểu với bài diễn văn khi ông kết nạp đảng viên mới đêm ấy tại rừng U Minh: "Nếu thể hệ chúng tôi chưa giành được thắng lợi, thì thể hệ các con, các cháu của chúng tôi sẽ tiếp tục đấu tranh. Chúng tôi thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu làm nô lệ một lần nữa. Đây là ý chí gang thép của chúng tôi. Chúng tôi đã từng đấu tranh hai mươi lăm năm chống lại Pháp và Mỹ. Các ông muốn dập tắt tinh thần của chúng tôi bằng bom đạn. Nhưng các ông không thể bắt buộc được chúng tôi phải khuất phục... Các ông đe dọa chúng tôi. Tổng thống Nixon đe dọa chúng tôi. Nhưng nếu các ông từng đọc lịch sử của chúng tôi thì biết, chúng tôi đã đấu tranh chống Pháp trong chín năm. Khi đó, chúng tôi chỉ có hai bàn tay trắng. Như tôi đây này, tôi tham gia kháng chiến chống Pháp mà chẳng biết gì về quân sự. Thế mà chúng tôi vẫn thắng... Đây không phải là một sự thách thức. Tôi nói thật đấy. Chúng tôi là một dân tộc nhỏ. Chúng tôi không thách thức được ai. Chúng tôi đã từng bị đô hộ trong nhiều năm... Tôi tin rằng chúng tôi sẽ thắng".

"Anh Sáu Búa" các cán bộ gọi ông Lê Đức Thọ như vậy - đã tiên đoán với Phạm Xuân Ân rằng khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, Mỹ sẽ không để cho người Việt Nam tự quyết định tương lai của mình.

Những tên đế quốc mới sẽ thay thế những tên thực dân Pháp. Nhưng cuộc chiến tranh mới này sẽ là một cuộc chiến tranh lâu dài và tàn khốc. Phạm Xuân Ân được chuẩn bị sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ nào mà Đảng giao cho để bảo vệ đất nước mình.

Trước đó mười năm, Phạm Xuân Ân không thể nào tưởng tượng được mình sẽ trở thành một đảng

viên Cộng sản. Sau khi Pháp đầu hàng Hitler, Nhật nhảy vào chiếm đóng Việt Nam, Phạm Xuân Ẩn lúc đó mới hơn mười tuổi sống ở Rạch Giá. Ông đã tận mắt chứng kiến cảnh quân đội Nhật đối xử độc ác với các tù binh Pháp. Những người tù Pháp bị xích vào nhau, bắt phải đi bộ và bị lính Nhật đánh đập. Ông nói: "Tôi không thích người Pháp bởi vì con em của thực dân Pháp đối xử với chúng tôi, những trẻ con Việt Nam rất tồi. Nhưng sự độc ác của người Nhật còn làm tôi căm giận. Khi thấy những người tù Pháp khát nước, ba tôi bảo tôi đun một ít nước mang cho họ. Khi tôi mang nước uống ra cho những tù nhân Pháp, người Nhật trông thấy thế liền tát vào mặt những người Pháp". Ngày 6/8/1945, quả bom nguyên tử đầu tiên của Mỹ ném xuống Hiroshima; ba ngày sau quả bom nguyên tử thứ hai được ném xuống Nagasaki. Nhật Bản nhanh chóng đầu hàng, kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai. Ngay sau đó, các lực lượng Việt Minh của Cụ Hồ Chí Minh đã tiến vào Hà Nội, lật đổ chính quyền, làm cuộc Cách mạng tháng Tám. Ngày 2/9 trước khoảng 400.000 người tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Cụ Hồ đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử của Việt Nam, trong đó trích dẫn câu nói nổi tiếng của Thomas Jefferson: "Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá đã ban cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, đó là quyền sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Cụ Hồ nói với đồng bào mình rằng "Những câu nói bất hủ đó được nêu trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Suy rộng ra có nghĩa là tất cả mọi dân tộc trên trái đất sinh ra đều bình đẳng, tất cả mọi dân tộc đều có quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc và tự do".

Giáo sư David Marr giải thích rằng Cụ Hồ có ý định so sánh bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ với bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1789 với bản Tuyên ngôn Độc lập của các công dân bị tám mươi năm sống dưới chế độ thực dân Pháp.

Sau khi đọc được một đoạn, Cụ Hồ dừng lại nhìn xuống một biển người và hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?" Đáp lại là một tiếng đồng thanh vang như sấm: "Rõ!". Sau này Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Bác và một biển người hoà vào làm một. Phạm Xuân Ẩn sau này nói với tôi rằng "Không một nhà lãnh đạo nào ở miền Nam, dù đó là Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu hay bất cứ ai được mọi người yêu mến đến như vậy. Chúng tôi luôn luôn khai thác sự thật cơ bản đó".

Cụ Hồ kết thúc bài diễn văn bằng lời kêu gọi phe Đồng minh ủng hộ nền độc lập của Việt Nam:

"Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

Khi Cụ Hồ vừa dứt lời, Bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp của Chính phủ mới, nói với đám đông quân chúng rằng "Mỹ... là một nước dân chủ, không có tham vọng về lãnh thổ. Thế mà nước Mỹ đã phải gánh vác nặng nề nhất trong việc đánh bại kẻ thù phát xít Nhật của chúng ta. Do vậy, chúng ta coi Mỹ là người bạn tốt". Dưới đám đông có ai đó giương cao tấm biển mang dòng chữ "Việt Nam

tôn vinh Truman".

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ nổi lên như một cường quốc thế giới. Việt Nam nhanh chóng trở thành một con tốt đen trong ván bài chiến tranh lạnh mới. Những nhà hoạch định chính sách đã cố tình quên một thực tế rằng Cụ Hồ đã nhận được bản dịch Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ từ tay Archimedes Patti làm việc tại Phòng Công tác chiến lược (OSS); rằng Cụ Hồ đã giúp cứu các phi công Mỹ, cung cấp các thông tin tình báo về hoạt động của Nhật Bản, vì thế mà tại OSS người ta mở riêng một hồ sơ số 19 với bí số Lucius; và rằng Việt Minh đã tham gia đội Con nai OSS để huấn luyện và tập trận gần biên giới với Trung Quốc.

Đối với các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ, nhưng điều đó cũng không quan trọng. Với họ, việc để một nước ở Đông Nam Á rơi vào tay chủ nghĩa Cộng sản mới đáng được quan tâm, vì nó sẽ gây tác động kinh khủng lên lợi ích của Mỹ về mặt địa - chính trị.

Cuối năm 1945, lần cuối cùng Cụ Hồ tìm kiếm sự ủng hộ của Mỹ bằng cách viết thư cho Tổng thống Harry S. Truman và Ngoại trưởng James Byrnes. Thư nói rằng nền độc lập của Philippines đã tạo ra một kiểu thi đua: "Với niềm tin vững chắc đó chúng tôi đề nghị Hoa Kỳ với tư cách là những người bảo vệ và những nhà quán quân về công lý trên thế giới hãy có bước đi mang tính chất quyết định để ủng hộ nền độc lập của chúng tôi. Điều mà chúng tôi đề nghị chính là điều mà Hoa Kỳ đã dành cho Philippines. Giống như Philippines, mục đích của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác hoàn toàn với Hoa Kỳ".

Đề nghị này của Cụ Hồ đã không được đáp ứng.

Phạm Xuân Ẩn và một thế hệ người Việt Nam đã tham gia cách mạng để chống lại những nỗ lực cuối cùng trong tuyệt vọng của Pháp nhằm vớt vát ánh hào quang của chủ nghĩa thực dân. Phạm Xuân Ẩn nhớ lại, khi Cụ Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập thì ông đang ở Cần Thơ. "Tôi đã rất phấn khởi. Tôi muốn tham gia và vì đất nước tôi mà chiến đấu đánh bại thực dân Pháp. Tôi chỉ là một trong số rất nhiều người Việt Nam như vậy. Và đó cũng là sự đáp lại một cách tự nhiên thôi". Ngày còn nhỏ, Phạm Xuân Ẩn và các bạn của mình cảm thấy như bị tra tấn trong các buổi lễ kéo cờ ở nhà trường. Cờ Pháp được kéo lên trước, cờ ba sọc được kéo lên sau và học sinh phải hát bài "Maréchal, nous voilà" - một bài hát rất nổi tiếng của Chính phủ Pháp Vichy ca ngợi Thống chế Henri-Philippe Pétain. Dưới chế độ thực dân Pháp, người Việt Nam bị coi là đồ nhà quê.

Còn nhỏ tuổi, Phạm Xuân Ẩn chẳng hiểu gì về Marx hay Lênin, nhưng ông đã mơ ước đất nước ông được độc lập và chấm dứt cảnh bất bình đẳng do chủ nghĩa thực dân gây ra từ nhiều thập kỷ trước đó. Sinh năm 1927 ở làng Bình Trước phía nam tỉnh Đồng Nai, Phạm Xuân Ẩn theo cha đi khắp nơi. Cha ông làm nghề khảo sát đất đai nên thường đưa ông đi đến nhiều vùng xa xôi của miền Nam Việt Nam. Thấy con không chăm chú vào học hành, ông liền gửi Ẩn về sống với người bà con ở Huế với mục đích để cho con biết được sự khác nhau giữa cuộc sống của người giàu và người nghèo. Phạm

Xuân Ân sống trong một gia đình nghèo ở Huế, nghèo đến nỗi phải dùng mỡ chuột để làm nến thấp sáng vì không có đèn dầu.

Phạm Xuân Ân đã chứng kiến cảnh những địa chủ đánh đập các tá điền của họ và vì thế mà ông khâm phục những người vô sản. "Đó là lý do vì sao mà tôi tôn trọng người Mỹ đến thế. Họ đã dạy cho tôi phải giúp đỡ những kẻ yếu", Phạm Xuân Ân nói.

Tháng 10/1945, Phạm Xuân Ân bỏ học ở Cần Thơ để đăng ký gia nhập một đơn vị Việt Minh chuẩn bị vào rừng để đánh Pháp. Tháng 11/1946, khi các tàu chiến của Pháp nã đại bác vào Hải Phòng, thì cuộc chiến tranh toàn diện giữa Việt Minh và Pháp bùng nổ. Ngày 19/12/1946, Cụ Hồ ra Lời kêu gọi đồng bào cả nước: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ Quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc, xuống, gậy gộc. Ai cũng phải gia sức chống thực dân Pháp cứu nước. Hỡi anh em binh sĩ tự vệ dân quân! Giờ cứu nước đã đến! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh thì thắng lợi nhất định về dân tộc ta! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm. Kháng chiến thắng lợi muôn năm".

Phạm Xuân Ân đã không được dùng súng hoặc dùng gậy gộc trong trận chiến này. Ông buộc phải trở lại Sài Gòn năm 1947 để chăm sóc cha ông đang bị bệnh lao rất nặng. Tại đây, ông trở thành người tổ chức các cuộc phản đối của sinh viên chống Pháp và sau này là chống Mỹ. Ông còn nhớ như in những hình ảnh vào một ngày tháng 8/1950, tàu Mỹ USS Richard B. Anderson cập cảng Sài Gòn chờ hàng tiếp viện cho quân Pháp chống lại các lực lượng Việt Minh. Phạm Xuân Ân là một trong những người tổ chức các cuộc biểu tình đường phố chống lại việc con tàu Mỹ cập cảng Sài Gòn. Việc lãnh đạo các cuộc biểu tình của Phạm Xuân Ân nhanh chóng chấm dứt khi người chỉ huy trực tiếp của ông là bác sĩ Phạm Ngọc Thạch nói với ông rằng ông có nhiệm vụ khác để làm việc cho cách mạng.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, một phụ tá thân thiết từ rất sớm của Cụ Hồ Chí Minh, đã ra lệnh cho ông Ân thôi không tham gia tất cả các cuộc phản đối trên đường phố để giảm bớt nguy cơ bị bắt hoặc gây chú ý không cần thiết. Phạm Xuân Ân cảm thấy bối rối và bức xúc đối với những chỉ thị này, lòng tự hỏi cách mạng sẽ dành cho mình vai trò gì đây? Chẳng bao lâu sau, ông được gọi về căn cứ Việt Minh ở Củ Chi phía bắc Sài Gòn. Tại đây, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đã thông báo cho Phạm Xuân Ân rằng ông đã được giao nhiệm vụ tham gia lớp tình báo chiến lược đầu tiên của Việt Nam.

Phạm Xuân Ân không thích làm cái việc mà ông xem là "con chim môi". Nhưng dù sao thì sự việc cũng đã được quyết định. Ông nói: "Cấp trên đã tin cậy mới trao cho công việc đó bởi vì họ tin tưởng chắc chắn là tôi sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong quá trình đó tôi cũng sẽ học được nhiều. Tôi

chẳng có sự lựa chọn nào khác. Đất nước đã trao cho tôi một sứ mạng mới. Không còn gì để nói. Đó là tất cả những gì về nghề mới của tôi".

Hà Nội cử hai điệp viên vào Sài Gòn để dạy cho Phạm Xuân Ân những kiến thức cơ bản về nghề tình báo, nhưng việc học tập thực sự sẽ được tiến hành theo kiểu vừa học vừa làm. Phạm Xuân Ân làm tài vụ và kế toán cho Hãng dầu mỏ Caltex, sau đó lại chuyển sang làm thanh tra hải quan cho Pháp. Khi làm công việc thanh tra hải quan, ông có nhiệm vụ báo cáo về tình hình di chuyển quân đội Pháp ở Việt Nam và những nguồn cung cấp của Mỹ cho Pháp. Ông cũng tìm hiểu càng nhiều càng tốt những người Pháp và Mỹ ở Việt Nam. "Tôi phải quan sát, sau đó viết báo cáo không nhiều lắm" - ông nói.

Phạm Xuân Ân nhanh chóng chuyển mỗi quan tâm của mình sang các nỗ lực đang được tiến hành để xây dựng và huấn luyện một lực lượng khung mới cho quân đội miền Nam Việt Nam. Phái đoàn cố vấn và viện trợ quân sự (MAAG) ở Sài Gòn đã được thành lập năm 1950 để giám sát việc thực hiện dự án 10 triệu USD thiết bị quân sự để hỗ trợ cho lính lê dương Pháp chiến đấu với các lực lượng Việt Minh. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, MAAG cũng được giao trách nhiệm cải tổ các đơn vị quân đội miền Nam Việt Nam càng nhanh càng tốt. Một đội ngũ cán bộ khung được lập ra với các cơ quan bên trong MAAG như một tổ chức chuyên về huấn luyện có sự tham gia của hai quốc gia gọi tắt theo chữ cái tiếng Anh là TRIM. Một trong những trách nhiệm của TRIM là trợ giúp và cố vấn cho các cơ quan quân sự Nam Việt Nam trong việc xây dựng lại các lực lượng vũ trang. TRIM có biên chế gồm 209 sĩ quan Pháp và 68 sĩ quan Mỹ (sẽ được bổ sung 121 sĩ quan Mỹ nữa sau khi các sĩ quan Pháp rút đi). Trong số các sĩ quan Mỹ này, chẳng ai nói được tiếng Việt và chưa đầy mười người nói được tiếng Pháp.

Trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Việt Nam, Phạm Xuân Ân đã học tiếng Anh từ các cha đạo Thiên Chúa ở Cần Thơ. Sau đó, ông làm bạn với nhà ngoại giao Webster của sứ quán Anh ở Sài Gòn - người sẵn sàng dành hàng giờ để giúp Phạm Xuân Ân thực hành tiếng Anh. Tiếp đó là ông Newell giúp ông học tiếng Anh, nên khi Phạm Xuân Ân chuyển sang làm với TRIM, ông đã là một trong những người Việt Nam nổi bật nhất.

Điều này giúp Phạm Xuân Ân sớm chứng tỏ mình là nhân vật có giá trị đối với cả người Mỹ và người Việt Nam. Ông đã xây dựng được hàng chục mối quan hệ với những nhà lãnh đạo của miền Nam Việt Nam trong tương lai, cũng như những người Mỹ sau này có ảnh hưởng lớn.

Tháng 2/1956, Phạm Xuân Ân tham gia Sư đoàn 25 quân đội Nam Việt Nam hoạt động ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long có nhiệm vụ tiêu diệt các hạ tầng của Việt Minh. Ông nói: "Trên thực tế, tôi phục vụ cho cả ba quân đội. Đó là quân đội Pháp trong thời kỳ chuyển tiếp; quân đội Nam Việt Nam khi tôi giúp họ lập ra Sư đoàn bộ binh nhẹ; và các lực lượng vũ trang của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Năm 1990, khi Phạm Xuân Ân được phong hàm cấp Thiếu tướng một sao Quân đội Nhân

dân Việt Nam, ông đã nói đùa với các nhà lãnh đạo Cộng sản: "Tôi thân thiết với cả năm quân đội của Việt Minh, Pháp, Việt Cộng, Mỹ, và quân đội Sài Gòn, vậy thì tôi phải được phong hàm cấp tướng năm sao chứ. Tuy nhiên, tôi không nghĩ rằng khi đó các nhà lãnh đạo hiểu được sự hài hước của tôi".

Phạm Xuân Ân kể về hai cố vấn quân sự Mỹ làm việc với ông là Hicks và Glenn với nhiều cảm tình: "Họ là những người tốt muốn giúp nhân dân Việt Nam. Tôi đã có những cuộc trò chuyện với họ về đất nước tôi. Họ đã giúp tôi thực hành tiếng Anh và sau này dạy tôi hút thuốc lá sao cho đúng kiểu cách. Tôi không biết hít khói vào như thế nào. Vì vậy, họ đã đưa cho tôi xem và cho nhiều thuốc lá Lucky. Họ đã làm việc tốt", Phạm Xuân Ân nói và mỉm cười.

Tổ chức Huấn luyện vũ khí Tổng hợp (CATO) đã thay thế TRIM từ tháng 4/1956 và có nhiệm vụ tham mưu cho chỉ huy trưởng MAAG - cơ quan kiểm soát tất cả những đơn vị độc lập trên chiến trường - để giao nhiệm vụ cho các trường học và chỉ huy sở của phía Việt Nam. Phạm Xuân Ân được chuyển từ TRIM sang CATO và được giao trách nhiệm xử lý các hồ sơ, giấy tờ tiến hành các cuộc phỏng vấn đối với những sĩ quan quân đội Nam Việt Nam trước khi được chọn cử sang Hoa Kỳ dự các khoá huấn luyện về chỉ huy.

Trong số những hồ sơ được ông Phạm Xuân Ân xử lý, có hồ sơ của trung tá Nguyễn Văn Thiệu, người sau này trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng hoà; thiếu tá Cao Văn Viên, sau này trở thành Tổng tham mưu trưởng liên quân; Nguyễn Chánh Thi, sau này trở thành tướng Chỉ huy trưởng Quân đoàn I; đại úy Lê Nguyên Khang, sau này trở thành chỉ huy trưởng thủy quân lục chiến. "Tôi phụ trách việc làm các thủ tục cho các chuyến đi của họ tới Hoa Kỳ. Sau đó, tôi làm người liên lạc giữa những sĩ quan này và gia đình họ, thông báo cho các gia đình về ngày giờ các sĩ quan về nước để gia đình chuẩn bị đi đón. Vì thế, dần dần chúng tôi quen biết nhau", Phạm Xuân Ân nói.

Những quan hệ đó sau này trở thành những mối quan hệ không thể thiếu được trong công tác của ông. Một trong những chiến lược được xây dựng rất thận trọng của Phạm Xuân Ân là không bao giờ được tỏ ra quá thân thiết với những người mà ông đã biết rõ hoặc nghĩ là có cảm tình với Cộng sản. Trái lại, ông luôn tìm cách gần gũi với những nhân vật được thừa nhận là những tay chống Cộng khét tiếng. Mục đích là để bảo vệ vỏ bọc của mình và để có điều kiện nhìn sâu vào cách tư duy của người Mỹ. Phạm Xuân Ân bắt đầu bằng việc làm quen với Đại tá Edward Lansdale, người đã đến Sài Gòn từ năm 1954, giai đoạn giao thời sau khi Pháp bị đánh bại ở Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Genève. Hiệp định này chia cắt Việt Nam bằng một đường giới tuyến tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc tại vĩ tuyến 17. Việt Minh kiểm soát miền Bắc. Pháp và chính quyền Sài Gòn tạm thời kiểm soát miền Nam. Các lực lượng Pháp sẽ phải rút khỏi miền Bắc và các lực lượng Việt Minh rút khỏi miền Nam. Sau đó, một cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào năm 1956. Theo qui định của Hiệp định Genève, bất cứ người dân nào cũng được phép di cư từ Bắc vào Nam hoặc từ Nam ra Bắc trước ngày

18/5/1955. Đã có chín mươi ngàn cán bộ Việt Minh tập kết ra Bắc, đồng thời gần một triệu tín đồ Thiên Chúa giáo di cư từ Bắc vào Nam.

Lansdale là Giám đốc Phái đoàn quân sự ở Sài Gòn (SMM), một đơn vị CIA khác tách khỏi cơ quan thông thường. Thời điểm đó tại Việt Nam có hai nhóm CIA cùng làm việc. Một nhóm dưới sự chỉ huy của trưởng trung tâm chịu trách nhiệm về các hoạt động tình báo thông thường và làm việc dưới vỏ bọc là những nhà ngoại giao trực thuộc Đại sứ quán Mỹ. Nhóm kia là Phái đoàn Quân sự của Lansdale phụ trách các hoạt động của lính dù làm việc dưới vỏ bọc và thực thi các nhiệm vụ của MAAG ở Đông Dương.

Lansdale là nhân vật đã trở thành huyền thoại trong vai trò đánh bại các phong trào những người Cộng sản Huk ở Philippines và anh hùng dân tộc Ramon Magsaysay. Khi đến miền Nam Việt Nam, Lansdale được Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles chỉ bảo: "Hãy làm giống như anh đã từng làm ở Philippines". Người anh của Lansdale là Giám đốc CIA Allen Dulles nói thêm: "Cầu Chúa phù hộ cho em". Hoạt động dưới vỏ bọc là Trợ lý tùy viên Không quân, nhưng Lansdale có nhiệm vụ chính là tạo ra một chính phủ phi Cộng sản ở miền Nam Việt Nam.

Chính tại Bộ chỉ huy của quân đội miền Nam Việt Nam, Rufus Philips của CIA đã lần đầu tiên gặp Phạm Xuân Ẩn. Khi đó, ông Ẩn đang làm nhân viên giúp việc cho người anh họ của ông là Đại úy Phạm Xuân Giai. Công việc của Phạm Xuân Ẩn là giúp phiên dịch và tham gia một số hoạt động liên quan với tư cách nhân viên thư ký tổng hợp của Cục Chiến tranh tâm lý trực thuộc lực lượng dự bị liên quân. Philips đến Sài Gòn ngày 8/8/1954, trước khi Hiệp định Genève có hiệu lực.

Vì những công trạng đối với Phái bộ Quân sự Mỹ ở Sài Gòn, Philips được nhận Huy chương Tình báo danh dự của CIA. Phạm Xuân Giai từng tốt nghiệp trường chiến tranh tâm lý của quân đội Pháp và sau đó học tiếp trường tác chiến tâm lý của Mỹ ở Ford Bragg, bang North Carolina. Ông ta là trưởng nhóm G-5, trên thực tế là một bộ phận tổng hợp chịu trách nhiệm về các tin tức về binh lính, huấn luyện, truyền bá... để phục vụ cuộc chiến tranh tâm lý hoặc chiến tranh tâm lý kết hợp tuyên truyền nhằm vào các mục tiêu cụ thể là dân chúng và Việt Minh. Sau này Philips nhớ lại: "Vì Phạm Xuân Ẩn làm việc cho Phạm Xuân Giai, nên đầu tiên ông ta được giới thiệu với Lansdale, sau đó là với tôi".

Philips, Conein, và những người khác trong nhóm bạn của Lansdale vừa gặp đã thích ông Phạm Xuân Ẩn ngay bởi vì bản tính không kiêu căng và lại có năng khiếu hài hước của ông: Ngoài ra, Phạm Xuân Ẩn còn nói tiếng Anh tốt hơn hầu hết những người Việt Nam khác, nên điều đó càng làm cho ông trở nên rất hữu ích. Những việc Phạm Xuân Ẩn làm cho Lansdale hay Philips chẳng liên quan gì đến cấp cao hoặc tiếp cận được với bất kỳ bí mật nào. Phạm Xuân Ẩn chỉ phát triển thêm các mối quan hệ tình báo nhằm củng cố thêm cho vỏ bọc của ông mà thôi. Ông học cách nói chuyện làm hài lòng người Mỹ và tạo thêm lòng tin của họ đối với ông để công việc được thuận lợi.

Phạm Xuân Ân kể với tôi về lần đầu tiên gặp Lansdale như thế nào. Một hôm Phạm Xuân Ân đang làm việc một mình trong văn phòng G-5 thì trợ lý của Lansdale tới hỏi tên tất cả các công nhân viên của G-5. Cuối ngày, khi Phạm Xuân Giai trở về, ông đã nói với người anh họ của mình rằng ông đã trao cho Đại úy Roderick toàn bộ danh sách. Phạm Xuân Giai nói: "Ồ, em ngốc quá. Em chả hiểu gì về tình báo cả. Tại sao em lại có thể trao danh sách của chúng ta cho Lansdale?". Sau này Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Ông biết không, ngay sau lần ấy Lansdale rất thích tôi bởi vì tôi đã giúp ông ta bản danh sách ấy, cho dù đó là một sai lầm của tôi. Sau đó, cứ gặp tôi lúc nào là ông ta lại nói đùa: "Ân, anh có thể trở thành một điệp viên dễ sợ đấy".

Rufus Philips và Phạm Xuân Ân có một tình bạn đặc biệt, tồn tại cho đến tận cuối đời của ông Ân. Philips nói với tôi: "Trong số tất cả những người Việt Nam mà tôi đã từng gặp, thì Phạm Xuân Ân là người sắc sảo và giữ được cân bằng nhất với tư cách một nhà quan sát đối với cả Mỹ và Việt Nam trong suốt thời kỳ chiến tranh lâu dài. Tôi không nghĩ rằng Phạm Xuân Ân nằm trong đường dây của Đảng Cộng sản. Tôi chỉ biết ông là một người yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc, chứ không phải là một người Cộng sản. Đó là vì sao tôi luôn nhớ đến ông".

Lansdale coi Phạm Xuân Ân là một tiềm năng để có thể tuyển mộ phục vụ cho cuộc chiến tranh chống lại chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, Lansdale đã đề nghị được bảo trợ cho Phạm Xuân Ân sang học ở Trường hạ sĩ quan về tình báo và tâm lý chiến (NCO). Nếu tốt nghiệp trường này trở về Việt Nam, Phạm Xuân Ân sẽ được đề bạt rất nhanh, vượt qua nhiều cấp bậc.

Phạm Xuân Ân báo cáo cho cấp trên trực tiếp của mình là ông Mười Hương về đề nghị này của Lansdale. Ông Mười Hương đã khuyên Phạm Xuân Ân nên tránh việc này vì đơn giản là nó quá mạo hiểm. Những người Cộng sản đã có các điệp viên cài cắm vào ban lãnh đạo của quân đội miền Nam Việt Nam, có người sau này leo lên cấp đại tá, nhưng chưa có ai đủ trình độ để thực hiện sứ mệnh kiểu như của ông Phạm Xuân Ân. Học nghề báo chí, Phạm Xuân Ân có thể được gửi sang học đại học ở Hoa Kỳ. Nếu ông gia nhập quân đội lúc này thì việc sang học báo chí ở Mỹ sẽ không thực hiện được. Ông Mai Chí Thọ nói: "Ông Phạm Xuân Ân là điệp viên duy nhất mà chúng tôi cử sang Mỹ...". Ông Mai Chí Thọ khi đó đứng đầu bộ phận tình báo ở miền Nam. Ông Mai Chí Thọ và một số người khác đã làm tất cả mọi điều để đảm bảo chắc chắn rằng Phạm Xuân Ân được đào tạo bài bản và được bảo vệ đúng mức nhằm hỗ trợ cho nhiệm vụ của ông.

Khi Phạm Xuân Ân nói với Lansdale rằng ông muốn được học báo chí, Lansdale lập tức đề nghị được đứng ra bảo trợ cho ông đồng thời liên hệ ngay với Quĩ Á châu. Được thành lập năm 1954 với ngân sách hoạt động thời gian đó là gần 8 triệu USD, Quĩ Á châu là một công cụ độc quyền của CIA thay mặt Chính phủ Mỹ thực hiện các hoạt động văn hoá, giáo dục theo cách không mở cho các cơ quan chính thức của Mỹ. Một đại diện của Quĩ này đến thăm Sài Gòn năm 1956 để tìm hiểu khả năng lập một chương trình dành cho các nhà báo Việt Nam. Lansdale đã dàn xếp với phòng Tuỳ viên

quân sự ở Sài Gòn để đưa ông Ân đến gặp đại diện của Quĩ Á châu. Ông đại diện này đã giới thiệu Phạm Xuân Ân với Tiến sĩ Lon E. Hildreth, Trưởng phòng giáo dục thuộc Phái bộ Tác chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam. Sau này, ông làm cố vấn trưởng cho Bộ Giáo dục chính phủ Nam Việt Nam từ năm 1956 - 1958.

Hildreth luôn mong được bảo trợ cho những thanh niên Việt Nam nhiệt huyết và thông minh sang học tập ở Mỹ. Gặp Phạm Xuân Ân, Hildreth nhận thấy đây là một ứng cử viên hoàn hảo. Phạm Xuân Ân nói được tiếng Anh, đầu óc thông minh, lại được sự thông qua của Lansdale, một chuyên gia hàng đầu nước Mỹ về chống Cộng. Hildreth là bạn thân của Tiến sĩ Basil Peterson, Chủ tịch Trường Đại học Orange Coast.

Một tuần sau khi Lansdale đặt chân đến Sài Gòn, ông vua vắng mặt Bảo Đại, lúc đó đang sống ở Paris, đã mời Ngô Đình Diệm lên giữ chức thủ tướng của chính quyền miền Nam Việt Nam. Bảo Đại nói rằng "Sự cứu nước Việt Nam tùy thuộc ở điều đó". Học bổng dành cho Diệm vừa qua chứng tỏ Diệm và em trai của ông là Ngô Đình Nhu đã phải dùng đến rất nhiều mưu mô từ một năm trước đó nhằm đưa Ngô Đình Diệm vào đúng vị trí này.

Tháng 5/1954, khi Điện Biên Phủ thất thủ, Ngô Đình Diệm đã tự cho mình là một người theo chủ nghĩa dân tộc có quan hệ tốt với Washington. Là tín đồ Thiên Chúa giáo, xuất thân từ một gia đình quan lại khá giả, Ngô Đình Diệm có một lý lịch chống Cộng nhà nòi. Ông ta đã cầu cứu đến nhiều nhân vật chống Cộng ở Mỹ nắm giữ các vị trí cao như Thượng nghị sĩ Mike Mansfield, Hồng y Francis Spellman, Thượng nghị sĩ John F. Kennedy, và Chánh án Tòa tối cao William O. Douglas. Quan hệ được với hai anh em theo đạo Thiên chúa và chống Cộng sản điên cuồng John Foster Dulles ở Bộ Ngoại giao và Allen Dulles ở CIA, Ngô Đình Diệm đã có mối quan hệ tay trong với chính quyền Eisenhower.

Đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất đúng ba tuần sau khi Lansdale tới miền Nam Việt Nam, Ngô Đình Diệm tuyên bố ngay tại sân bay "Giờ quyết định đã đến". Ngô Đình Diệm phải đối mặt với một liên minh các kẻ thù hùng mạnh sẵn sàng bằng mọi giá chống lại việc củng cố quyền lực của Ngô Đình Diệm.

Trong số kẻ thù của Ngô Đình Diệm có tướng Nguyễn Văn Hinh, Tư lệnh lục quân miền Nam Việt Nam có quan điểm thân Pháp. Nguyễn Văn Hinh là người từng đứng ra vận động các chức sắc tôn giáo chính trị Cao Đài, Hoà Hảo; Bình Xuyên, một tổ chức băng đảng kiểu mafia kiểm soát việc buôn lậu thuốc phiện cờ bạc, dĩ điểm ở Sài Gòn lật đổ Ngô Đình Diệm. Để trả được món nợ hàng triệu đô la tiền thua bạc, Bảo Đại đã bán cho Bình Xuyên toàn quyền hoạt động cờ bạc ở Chợ Lớn, kể cả sòng bạc Đại thế giới Grand Monde và nhà thờ Phòng Gương lớn nhất châu Á thời đó. Bảo Đại cũng đã bán quyền kiểm soát cảnh sát quốc gia cho kẻ cầm đầu của Bình Xuyên là Chuẩn tướng Bảy Viễn.

Lansdale nhanh chóng vạch ra một kế hoạch, trước hết là không để cho các đối thủ chính trị của Ngô Đình Diệm cụm lại với nhau để lật đổ Diệm với tư cách thủ tướng mới. Sau đó, sẽ lần lượt tiêu diệt từng đối thủ đó bằng sức mạnh quân sự hoặc bằng các thủ đoạn chính trị. Lansdale bắt đầu bom tiền từ Phái bộ Quân sự của Mỹ ở Sài Gòn cho các hoạt động trong chiến lược chia để trị của ông ta, trước khi Mỹ vào thay chân Pháp.

Lansdale chú ý đầu tiên đến các lãnh tụ đạo Cao Đài, một tôn giáo tự xưng có hai triệu tín đồ và một đội quân được Pháp tài trợ. Đại bản doanh của đạo Cao Đài đặt ở Núi Bà Đen do Trịnh Minh Thế cầm đầu.

Bằng cách tiếp cận với lực lượng ly khai có quan điểm vừa chống Cộng sản vừa chống Pháp trong Cao Đài, Lansdale hy vọng sẽ xây dựng được một liên minh giữa hai kẻ vừa chống Cộng sản vừa chống Pháp là Trịnh Minh Thế và Ngô Đình Diệm. Ngô Đình Diệm và Trịnh Minh Thế đã liên lạc với nhau trước khi Lansdale đến Núi Bà Đen. Đây có thể là ý tưởng của Diệm đưa Lansdale xuống gặp Thế nhằm tung ra tín hiệu rằng Lansdale có thể cung cấp viện trợ của Mỹ.

Trước khi tiến hành, Lansdale cần sự chấp thuận của Ngô Đình Diệm đối với các chuyển động gây tranh cãi này. Đồng thời, Lansdale cũng cần sự ủng hộ của tướng John "Iron Mike" O Daniel, chỉ huy trưởng MAAG ở Sài Gòn. Diệm chấp thuận ngay kế hoạch của Lansdale. O Daniel cũng vậy, nhưng mong muốn các đội quân của Cao đài sẽ sáp nhập với quân đội miền Nam Việt Nam.

Được tháp tùng bởi một nhóm thân tín của mình đến đại bản doanh của Trịnh Minh Thế ở Núi Bà Đen, Lansdale đã dàn xếp được một thoả thuận theo đó Thế đồng ý quay sang ủng hộ Diệm trong cuộc chiến giành sự kiểm soát với Pháp. Đổi lại, đội quân của Trịnh Minh Thế được sáp nhập vào Quân đội Việt Nam Cộng hoà, nhưng Thế được giữ hàm cấp tướng.

Mặc dù việc Lansdale dàn xếp với các thủ lĩnh Cao Đài tiến triển thuận lợi, Ngô Đình Diệm vẫn chỉ tiến bước chậm chạp trên con đường bình ổn chính phủ còn non trẻ của mình. Tổng thống Eisenhower rất lo ngại cho Ngô Đình Diệm nên đã phái tướng J. Lawton "Lighting Joe" Collins sang Sài Gòn làm Đại sứ để tìm hiểu xem điều gì quái gở đang diễn ra ở đó.

Collins và phái đoàn của mình đến Sài Gòn ngày 8/9/1954 chỉ để "ngạc nhiên và hốt hoảng" trước tình hình ở đó. Sau năm tháng làm việc ở miền Nam Việt Nam, đại sứ Collins trở về Washington tổ chức hàng loạt cuộc họp cấp cao nhằm xác định số phận chính phủ còn non trẻ của Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam. Trước các cuộc họp này, Ngoại trưởng John Foster Dulles đã nói với người em của mình là Giám đốc CIA Allen Dulles rằng có vẻ như tình hình đang diễn ra rất xấu đối với ông bạn ở Đông Nam Á và cánh băng đảng cao bồi sẽ thắng thế".

Trong một bản ghi nhớ gửi cho Allen Dulles, Sherman Kent - trợ lý của Giám đốc Ban Dự liệu quốc gia trực thuộc CIA đã tóm tắt những ý chính trong bài phát biểu tại cuộc họp kéo dài bốn tiếng đồng hồ tại Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Sherman Kent chính là người mà Phạm Xuân Ẩn coi là một nhà tình

báo chiến lược mẫu để ông noi theo. Bản tóm tắt của Sherman Kent viết: "Diệm đã thối tha, tình hình ở miền Nam Việt Nam là hoàn toàn do sự thất bại của Ngô Đình Diệm. Nếu muốn tránh tình hình rối ren, Diệm sẽ phải ra đi". Dưới đầu đề "Diệm thối tha", Sherman Kent viết: "Khi nói về Ngô Đình Diệm với tư cách một người đứng đầu chính phủ, chính quyền người ta chỉ có thể nói được điều gì tốt đẹp. Ông ta chẳng có năng khiếu gì đối với nhiệm vụ phía trước, chẳng có khả năng hành chính nào. Ông ta nhắm mắt đối với những vấn đề mà ông ta đang phải đối mặt... Ngô Đình Diệm không thể thu hút được những người có năng lực, chỉ thích những kẻ đầu óc nông cạn làm việc bên cạnh mình. Collins tuyên bố rằng... ông ta hoàn toàn tuyệt vọng với mọi giải pháp chùng nào Diệm vẫn còn tại vị Collins tin rằng không thể tránh khỏi một cuộc nội chiến xảy ra ở miền Nam Việt Nam. Vào thời điểm đó, thời gian đảng viên dự bị của Phạm Xuân Ẩn cũng vừa kết thúc. Ông chuẩn bị phải gửi một tin tình báo có giá trị đặc biệt đầu tiên của mình về căn cứ trong rừng. Từ các mối quan hệ của mình đang làm việc trong Phòng Nhì Pháp và từ người anh họ Phạm Xuân Giai thân Pháp, Phạm Xuân Ẩn biết được Collins đã trở nên "thân thiết" với một nữ điệp viên Việt Nam đang làm việc dưới vỏ bọc là một nhân viên của tình báo Pháp. Bà này đã có nhiệm vụ cung cấp cho Collins các thông tin càng bất lợi đối với Diệm càng tốt. Collins cũng để lộ rằng ông ta chuẩn bị trở về Washington để nhằm mục đích cuối cùng là gạt bỏ Diệm, đồng thời giới thiệu Phan Huy Quát - một người thân Pháp - lên làm quốc trưởng.

Nhận được tất cả những thông tin này từ những mối quan hệ của ông trong cơ quan tình báo Pháp, Phạm Xuân Ẩn đi thẳng đến Củ Chi với nhận thức rằng những thông tin về sự thay đổi chính phủ đến trước sẽ là những thông tin quý giá đối với những nhà lãnh đạo Việt Minh.

Sau này, Phạm Xuân Ẩn nói với tôi: "Những thông tin mà tôi lấy được về Collins là rất giá trị bởi vì nếu Diệm bị thay thế thì người Mỹ sẽ đưa ra lời đe dọa rằng Mỹ sẽ ra đi, đồng thời cắt mọi khoản tiền viện trợ. Điều này có nghĩa rằng chúng tôi có cơ hội thống nhất đất nước rất nhanh chóng. Tôi đã kiểm tra với hai nguồn tin của mình sau đó mới báo cáo tất cả lên cấp trên của tôi. Sự thay thế Diệm đã không diễn ra, nhưng thông tin của tôi là chính xác".

Ngày 27/4 Dulles gửi một bức điện đến Đại sứ quán với chỉ thị rằng quyền Trưởng Phái bộ phải chuẩn bị tìm một người khác để làm thủ tướng. Từ bức điện của Dulles, Lansdale đã hiểu được rằng sắp có sự thay đổi trong chính sách của Mỹ. Nhận thấy thời gian còn rất ít Lansdale liền đến hỏi ý kiến Diệm để ra lệnh một cuộc phản công ồ ạt. Nhưng Ngô Đình Diệm không chờ đến khi bị thúc giục. Trong nhiều tuần trước đó, Diệm đã vạch ra kế hoạch tấn công, và đã công bố kế hoạch của mình nhằm chiếm tổng hành dinh của tổ chức Bình Xuyên. Ngô Đình Diệm cũng biết rằng các em của ông đã khéo léo tranh thủ sự ủng hộ của đám sĩ quan Quân đội Việt Nam Cộng hoà từ mùa thu năm trước đó. Hơn nữa, Lou Conein đã mua được sự trung thành của các sĩ quan chủ chốt bằng lời hứa sẽ từ bỏ Hình vì sợ rằng mọi viện trợ của Mỹ sẽ bị ngừng nếu Hình giành được thắng lợi. Quân

đội quốc gia đi với Diệm thì tốt hơn, vì ông ta được Washington ủng hộ.

Trong một trận chiến kéo dài chín giờ đồng hồ, những tên phi Binh Xuyên đã bị đẩy ra khỏi Sài Gòn. Trong cuộc giao tranh chống lại Binh Xuyên, tướng Trịnh Minh Thế đã bị tiêu diệt bằng một phát đạn bắn vào gáy khi ông ta đang ngồi trên xe Jeep. Phạm Xuân Ẩn kể với tôi rằng Thế đã bị ám sát theo lệnh của Ngô Đình Nhu - em trai của Diệm. Kẻ thực hiện lệnh ám sát đó chẳng phải ai khác là thiếu tá Tạ Thành Long, một tín đồ Cao Đài. Sau vụ ám sát này, Tạ Thành Long được thăng chức nhanh chóng lên cấp bậc Thiếu tá Quân đội Việt Nam Cộng hoà, đồng thời được giao nhiệm vụ phụ trách các nhân viên quân sự đặc biệt của Tổng thống. Phạm Xuân Ẩn nghĩ rằng sự nổi tiếng của Thế với tư cách một người theo chủ nghĩa dân tộc đồng thời là một kẻ chống Cộng sản quyết hết là mối đe dọa đối với chính phủ của gia đình Diệm, vì những người không theo đạo Thiên Chúa sẽ tụ tập xung quanh Thế. Ngày mùng 1/5, bằng một thủ tục hành chính hiếm khi xảy ra, Ngoại trưởng Dulles thông báo với Đại sứ Collins rằng bức điện mà ông gửi trước đó đã bị rút lại.

Dulles cho rằng thắng lợi của Diệm trong việc dẹp bỏ nhóm Binh Xuyên là bằng chứng cho thấy thủ tướng đã củng cố được quyền lực và hiện tại, ông ta có thể không bị phế truất. Bức điện viết: "Đối với chúng tôi lúc này, việc tham gia vào một âm mưu loại bỏ Diệm không chỉ là một vấn đề không thực tế trong nước mà còn là điều rất có hại cho uy tín của chúng ta ở châu Á".

Với việc đã bảo toàn được cơ sở quyền lực của mình và vô hiệu hoá được các giáo phái, Diệm quyết định quay sang phế truất Bảo Đại bằng cách tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân. Trong đó, Diệm tự xác định mình là người chống lại vua Bảo Đại. Chẳng ai ngạc nhiên, Diệm đã giành thắng lợi gần như tuyệt đối với đa số phiếu ủng hộ đạt 98,2% - một con số mà Cựu nhân viên ngoại giao Howard Simpson cho rằng đến "Ông chủ chính trị tại New York Tammany cũng phải đỏ mặt vì xấu hổ". Ba ngày sau, với số phiếu được kiểm nhiều hơn số cử tri đăng ký đến hàng ngàn phiếu, Ngô Đình Diệm tuyên bố rằng Hoàng đế Bảo Đại đã bị phế truất, đồng thời Diệm tự tuyên bố mình là Tổng thống mới của Việt Nam Cộng hoà.

Khoảng cuối năm 1955, điều tưởng như không thể đã xảy ra: vị trí của Ngô Đình Diệm đã được củng cố thêm rất nhiều. Có được điều này là do sự giúp đỡ bí mật và quan trọng của Lansdale cùng các cộng sự của ông - những người đã thành công trong việc trung lập hoá các âm mưu của những đối thủ chính trị của Diệm.

Tháng 5/1957, Tạp chí Life tuyên bố Ngô Đình Diệm là "Người hùng thần diệu của châu Á". Ngô Đình Diệm bay sang Mỹ để đọc một bài phát biểu trước lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ. Tại New York, Thị trưởng Robert F. Wagner đã gọi Ngô Đình Diệm là "Một người mà lịch sử chưa điều chỉnh kịp để trở thành một trong những nhân vật vĩ đại của thế kỷ XX. Tờ báo Bưu điện tối thứ bảy gọi Diệm là "Ông quan mặc complet da cá mập - người đang làm thất vọng thời gian biểu Đờ".

Năm tháng sau chuyến đi thăm Mỹ đầy thắng lợi của Ngô Đình Diệm, ông Phạm Xuân Ẩn đặt chân

xuống California theo một "Thời gian biểu Đồ" khác.

Chú thích:

(1) Lê Đức Thọ (1911-1990) tên thật là Phan Đình Khải từng tham gia các hoạt động cách mạng và bị thực dân Pháp bắt giam hai lần (1930-1936 và 1939-1944). Sau khi được thả tự do lần thứ hai, ông trở về Hà Nội hoạt động và trực tiếp phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Năm 1948, ông vào miền Nam Việt Nam làm Phó bí thư, kiêm Trưởng ban Tổ chức Xứ uỷ Nam Bộ cho tới Hiệp định Giơnevơ được ký kết năm 1954.

Sau khi tập kết ra Bắc 1955, ông được bầu vào Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam (sau đổi là Đảng Cộng sản Việt Nam). Đầu năm 1968, ông trở lại miền Nam làm Phó bí thư Trung ương cục miền Nam. Đến tháng 5/1968, ông làm cố vấn đặc biệt cho đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Paris, bàn về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Việt Nam. Các cuộc đấu trí giữa Lê Đức Thọ và Henry Kissinger, cả bí mật lẫn công khai tại Paris, đã trở thành một huyền thoại trong lịch sử ngoại giao thế giới. (NXB).

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 3

California rộng mở

Trong cuộc đời, tôi thực sự được hưởng trọn hai năm yên bình khi tôi ở California.

Phạm Xuân Ân viết thư riêng cho Rosann và Rich Martin ngày 13/12/1969

Tối thứ Bảy ngày 12/10/1957, chàng trai 30 tuổi Phạm Xuân Ân đặt chân xuống California. Ông thật may mắn vì hồ sơ hộ chiếu, visa của ông từng bị kẹt do bệnh quan liêu giấy tờ rất nặng nề tồn tại trong cơ quan xuất nhập cảnh của miền Nam Việt Nam. Trong tuyệt vọng, Phạm Xuân Ân phải điện thoại tới người anh họ làm việc cho ông em út của anh em họ Ngô là Ngô Đình Cẩn - lãnh chúa miền Trung Việt Nam, để xem có giúp được gì không. Hồ sơ của Phạm Xuân Ân khi đó được chuyển tới ông bác sĩ Trần Kim Tuyến với chỉ thị phải kiểm tra với phía Mỹ về tính cách và lòng trung thành của Phạm Xuân Ân. Chỉ riêng lời khuyến nghị của Lansdale thôi cũng đủ hiệu quả cho Trần Kim Tuyến duyệt ngay mọi giấy tờ thủ tục của Phạm Xuân Ân, giúp ông kịp thực hiện được chuyến đi

Mỹ. Từ giờ phút này trở đi, cuộc đời của điệp viên cộng sản Phạm Xuân Ân và cuộc đời của kẻ chống cộng khét tiếng Trần Kim Tuyền được đan dệt vào nhau mãi mãi.

Trần Kim Tuyền là Trưởng Phòng nghiên cứu chính trị - xã hội, được gọi tắt là SEPES (viết tắt của các từ Service d'etudes Politiques et Sociales). Làm việc tại toà nhà phụ bên trong khuôn viên Phủ Tổng thống và báo cáo trực tiếp cho em trai của Tổng thống Diệm là Ngô Đình Nhu, cơ quan này có quan hệ chặt chẽ với CIA và chỉ sử dụng các nhân viên là những người trung thành với Ngô Đình Nhu và Trần Kim Tuyền. Cơ quan an ninh và tình báo Phủ Tổng thống này là một đơn vị cảnh sát mật có thể vươn vòi bạch tuộc ra mọi góc ngách của xã hội Nam Việt Nam để thực hiện thành công mọi dự án dù to hay nhỏ.

Nếu có chút gì trục trặc khiến Phạm Xuân Ân phải lùi ngày lên đường thì chính là việc ông phải về nhà vào ngày 24/9/1957, tức là ngày mùng 1 tháng 8 âm lịch. Đó chính là ngày cha của Phạm Xuân Ân qua đời trên tay ông ở tuổi 57. Cha mất đi, mọi gánh nặng trút hết lên vai Phạm Xuân Ân, bởi vì ông là con trưởng nên phải có trách nhiệm với gia đình, đặc biệt là trong những ngày Tết của ba năm chịu tang cha. Khi cha qua đời, Phạm Xuân Ân không nghĩ mình có thể được đi học đại học ở Mỹ.

Tại ngã rẽ đầu tiên trong cuộc đời Phạm Xuân Ân, nhiệm vụ công tác được ông đặt lên trên hết. Ông Mai Chí Thọ, một người em của ông Lê Đức Thọ đã tham gia một cách tích cực vào việc chuẩn bị cho chuyến đi của ông Ân. Ông Mai Chí Thọ kể với tôi: "Khi đó chúng tôi vẫn còn hoạt động trong bí mật. Tôi phải kín đáo gom góp tiền bằng cách một phần sử dụng quỹ hoạt động tình báo, số còn lại đi vay mượn thêm". Tôi hỏi ông Mai Chí Thọ "Vì sao ông Phạm Xuân Ân lại được lựa chọn để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này?". Ông Mai Chí Thọ đáp: "Vì ông ấy nói được tiếng Anh tốt hơn những người khác, đồng thời ông có năng khiếu nghề nghiệp. Một trong những sức mạnh lớn nhất của người điệp viên là luôn bình tĩnh và có nhiều bạn bè; phải luôn chơi được với mọi người để không gây sự chú ý nào. Phạm Xuân Ân là người làm được điều ấy đối với mọi người và đó chính là lý do vì sao tôi coi ông Ân là một trong những nhà tình báo vĩ đại nhất trong lịch sử đất nước tôi".

Người chỉ đạo trực tiếp của Phạm Xuân Ân là ông Mười Hương. Chỉ có ông Mười Hương mới là người chịu trách nhiệm đưa ra quyết định liệu có hoãn chuyến đi Mỹ của Phạm Xuân Ân hay không. Nhận thấy rằng không ai khác sẵn sàng cho nhiệm vụ đặc biệt này, ông Mười Hương đã đảm bảo với ông Phạm Xuân Ân rằng Đảng sẽ chăm sóc gia đình cho ông.

Phạm Xuân Ân nói: "Lúc đó tôi biết mình sẽ đi Mỹ nhưng vẫn phải xin phép để giải thích lý do với mẹ vì vẫn còn trong thời gian chịu tang cha". Bà Thu Nhân vợ ông Phạm Xuân Ân cho biết: "Bà cụ hoàn toàn ủng hộ chồng tôi nhưng bà không hề can dự vào các công việc của anh Phạm Xuân Ân. Cụ biết anh ấy làm việc cho cách mạng, thế là đủ". Được sự đồng ý của mẹ, Phạm Xuân Ân đáp chiếc máy bay bốn cánh quạt của Hãng hàng không Pan Am sang Mỹ vào tối ngày 10/10/1957, chậm vài tuần sau khi lớp học ở Orange Coast đã khai giảng.

Đại học Orange Coast được thành lập năm 1948 tại một căn cứ quân sự từ hồi chiến tranh thế giới thứ hai ở Costa Mesa. Ngày khai trường vào tháng 9/1948 có 500 sinh viên nhập học. Chín năm sau khi ông Phạm Xuân Ân đến học, nhà trường vẫn còn là một trường cao đẳng bé nhỏ. Ban Giám hiệu nhà trường cứ nghĩ rằng ông Ân không đến học nên đã lấy phòng dành cho ông ở ký túc xá bố trí cho sinh viên khác ở.

Người phụ trách ký túc xá là ông Henry Ledger tình cờ đi ra ngoài thì gặp Phạm Xuân Ân đến. "Tôi đã chờ anh trong suốt một tháng. Anh ở chỗ quái nào thế?" Ledger hỏi. Ký túc xá cũng chính là trại lính một thời phục vụ căn cứ không quân Santa Ana mới được sửa chữa lại. Vì tất cả các phòng của ký túc xá đã bố trí hết cho sinh viên, nên ông Ledger sửa chữa phòng kho vải cũ thành một phòng đơn cho Phạm Xuân Ân ở tạm. Nhưng đối với ông Ân, như thế cũng là quá tốt rồi. Phạm Xuân Ân nhanh chóng dỡ đồ, lấy ra 5 bộ quần áo và những đồ dùng cá nhân từ chiếc vali mà Mills Brandes đã mua cho ông. Ông Ledger hỏi: "Anh có đói không?". Không chờ Phạm Xuân Ân trả lời, ông ta mở ngay một hộp thịt bò kho. Lần đầu tiên, ông Ân được ăn thịt bò hộp. Dù không ngon đối với ông nhưng dầu sao đây cũng là một kiểu đào tạo tại chức cần phải biết món ăn của người Mỹ vì nhiệm vụ của ông là phải học được văn hoá Mỹ.

Là một cựu binh chiến tranh thế giới thứ hai lại xấp xỉ bằng tuổi cha ông Ân, ông Ledger ngay lập tức đặt Phạm Xuân Ân dưới sự che chở của mình. Ông Ledger thích chơi đàn guitar và ăn mặc như cao bồi. Thứ tư nào ông và Phạm Xuân Ân cũng ngồi xem đánh box trên tivi và tối chủ nhật nào hai bác cháu cũng xem đánh bowling. Ông Ledger có chiếc xe tải hạng nhẹ mui che, sau này ông đã dạy cho Phạm Xuân Ân biết lái ô tô. Phạm Xuân Ân cho biết: "Tôi yêu quý và coi ông gần như một người cha. Ông đã giúp đỡ tôi khi tôi đang phải chịu đựng nỗi đau khủng khiếp là mất cha. Ông là một người tốt, luôn muốn tôi không cảm thấy lạ khi đến nơi ở mới của mình, muốn tôi là một phần của một gia đình mới. Lúc đầu những ngày mới đến, tôi thấy cô đơn nên ông đã cố làm cho tôi cảm thấy rằng mình được chào đón tại nơi ở mới này".

Ngày cuối tuần đầu tiên ở Trường Orange Coast (OCC) người ta tổ chức khiêu vũ. Ông Ledger cứ thúc ép Phạm Xuân Ân, khi ấy rất miễn cưỡng, tham dự buổi khiêu vũ để được gặp nhiều người. Khi Phạm Xuân Ân vừa bước vào phòng dancing, tất cả các cặp mắt đều đổ dồn vào anh chàng Việt Nam đầu tiên sang học ở OCC và cũng là người Việt Nam đầu tiên ở Quận Cam thời đó. Ông nhanh chóng bị các bạn cùng lớp đặt cho biệt danh "confucius". Phạm Xuân Ân nổi bật trong đêm khiêu vũ đó chỉ đơn giản là vì ông là người châu Á, nhưng lại mặc complet cravat đến dự cuộc dancing của phương Tây.

Tối hôm đó, đang hy vọng mình chỉ là người thừa đứng ngoài xem thôi, nào ngờ một bạn nữ sinh viên đến mời Phạm Xuân Ân ra nhảy cùng. Phạm Xuân Ân hoàn toàn bối rối. Nói đúng theo nghĩa đen thì lúc đó, ông như bị đóng băng tại chỗ vì xưa nay ở Việt Nam ông chưa hề khiêu vũ, cũng chưa

từng nắm tay một người phụ nữ nào. Cô nữ sinh viên vừa mời vừa ép buộc Phạm Xuân Ân ra nhảy, nói rằng cầm tay khi khiêu vũ thì OK. Cuối buổi tối hôm đó, cô nữ sinh gợi ý Phạm Xuân Ân nên đăng ký học một lớp khiêu vũ thay cho môn thể dục. Tám tháng sau, Phạm Xuân Ân trở thành một tay nhảy cừ. Khi tổng kết năm học đầu tiên ở OCC, trong một bài báo viết để đăng trên tờ báo của nhà trường "the Barnacle", Phạm Xuân Ân viết rằng: "Lớp học khiêu vũ giải trí đã giúp tôi khắc phục được sự ngượng ngùng cao độ của mình chỉ vì sự khác biệt về văn hoá".

Trong cuốn niên giám trường OCC, Roberta Seibel viết: "Anh là người khiêu vũ giỏi. Hãy sống tốt như chính anh đã từng nhé". Khi tôi nói chuyện với bà Judy Coleman - một người bạn của Phạm Xuân Ân trong cuộc khiêu vũ chia tay trước khi về nước một năm sau đó, bà Judy Coleman cho biết: "Anh ấy là một người khiêu vũ giỏi không thể tưởng tượng được. Hôm đó, chúng tôi đã nhảy với nhau suốt đêm. Anh ấy thật quyến rũ".

Mỗi khi gặp những người mới quen của mình, Phạm Xuân Ân thường nói: "Tôi đến từ Việt Nam". Một số sinh viên nhớ lại rằng trước đó vài tháng, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã sang thăm Hoa Kỳ, nhưng rất ít người biết được nước Việt Nam xa xôi ấy nằm ở chỗ nào trên bản đồ thế giới. Trên các bản đồ cũ của Pháp, quê hương của Phạm Xuân Ân chỉ là một phần của xứ Đông Dương thuộc Pháp. Câu chuyện này còn trở nên rối rắm hơn tại buổi học đầu tiên về báo chí, khi ông Maurice Gerard, người được phân công giúp đỡ Phạm Xuân Ân, đã giới thiệu ông với các bạn nhà báo đầy hoài bão cùng lớp. Pete Conaty, từng công tác tại khu vực phía bắc thành phố Huế của Việt Nam với tư cách một sĩ quan tình báo chiến lược kỹ thuật, liền nói chen vào một cách bỗ bã: "À, vậy là cậu đến từ nơi có trận đánh lớn Điện Biên Phủ chứ gì?".

Phạm Xuân Ân liền đáp lại: "Điện Biên Phủ chỉ là một phần của Việt Nam! Bản đồ Pháp trên tường kia đã quá lạc hậu rồi. Chúng ta cần phải có một tấm bản đồ mới!". Hơn bốn mươi năm sau, Phạm Xuân Ân nhắc lại buổi học đó trong email của ông gửi cho một sinh viên khác, đồng thời là người bạn đặc biệt của ông thời đó, Lee Meyer: "Tôi đoán rằng đến bây giờ thì chắc bạn đã nhận ra lúc ấy tôi đã cảm thấy thế nào khi tên của đất nước tôi không có trên tấm bản đồ đó. Ngày ấy, đất nước tôi còn là một thuộc địa của Pháp". Sau này một người bạn của Phạm Xuân Ân là Ross Johnson nhớ lại: "Ông Ân luôn tỏ ra là người chống thực dân rất mạnh mẽ".

Vài năm sau, Phạm Xuân Ân và Pete Conaty được bố trí làm việc tại hai nơi cùng ở miền Nam Việt Nam, nhưng cách nhau vài trăm kilômét. Cả hai đều hoạt động tình báo, nhưng phục vụ cho hai bên khác nhau. Khi tôi nói điều này với Phạm Xuân Ân, ông tỏ ra thất vọng một cách chân thành: "Tôi không biết Pete Conaty ở đó. Rất tiếc là cậu ấy đã không đến Sài Gòn để gặp tôi. Tôi đã nói với tất cả bạn bè cùng lớp rằng nếu có ai đến Sài Gòn, thì nhớ liên hệ với tôi. Đáng lẽ Pete Conaty phải làm như vậy chứ?". Tôi hỏi Phạm Xuân Ân rằng liệu ông có cảm thấy bối rối khi phải tiếp đón một sĩ quan tình báo Mỹ không? Ông đáp: "Không hề. Chúng tôi đều là những người bạn tốt của tờ báo nhà

trường Barnacle. Nếu Pete Conaty tới, tôi sẽ giới thiệu cậu ấy với những người bạn của tôi như Bob Shaplen và những người làm ở Tạp chí Time. Tất cả chúng tôi đều là nhà báo mà".

Một trong những khía cạnh nổi bật trong thời kỳ Phạm Xuân Ân ở California là mức độ ông học được tất cả mọi khía cạnh trong cuộc sống ở trường. Nói một cách nôm na là ông đã thấm vào nền văn hoá Mỹ. Trong khi nhiều điệp viên phải chấp nhận mình luôn ở một vị trí không nổi bật, thì Phạm Xuân Ân lại chọn cách thâm nhập vào cuộc sống để tạo thêm vỏ bọc cho mình. Ông thường xuyên tham gia các trận đấu bóng đá và các bữa tiệc trên bãi biển, trở nên nổi tiếng là người thích đùa. Ông cũng thường xuyên phải nằm chờ cho ông bạn cùng ở ký túc xá là Ross Johnson tắm trước. Trong những toà nhà ký túc xá ọp ẹp các môi hàn đã long lở, mỗi lần Phạm Xuân Ân xả nước toilet thì lại phá lên cười, vì ông biết khi đó Ross Johnson trong nhà tắm sẽ bị một đợt nước lạnh như băng dội vào. Johnson nhớ lại: "Cậu ấy hay nghịch ngợm cho rằng thế là vui. Tôi thích Phạm Xuân Ân. Không một ai may mắn nghi ngờ cuộc đời bí mật của cậu ấy. Tôi nghĩ, tôi đã rất hiểu Phạm Xuân Ân".

Gần đến ngày Lễ Tạ ơn năm 1957, tờ báo nhà trường Barnacle đăng bài đặc tả về việc Phạm Xuân Ân đến khu học xá kèm một bức ảnh ông Ân với lời chú thích bên dưới: "Trong tiếng Anh, bạn nói điều ấy thế nào?". Bài báo đó - bài báo đã tạo cơ sở cho vỏ bọc của Phạm Xuân Ân, viết rằng: "Một sinh viên ngoại quốc mới đặt chân đến OCC hôm 12/10 và hiện đang sống tại ký túc xá của trường. Tên của sinh viên ấy là Phạm Xuân Ân, một người Việt Nam, một người châu Á đến từ Viễn Đông. Anh hy vọng kết thúc khoá học hai năm ở OCC, sau đó trở về Sài Gòn, thành phố quê hương của anh và làm việc cho Tổ quốc anh với tư cách một nhà báo... Phạm Xuân Ân hiện giờ đang tiếp tục khám phá những điều mới lạ về cuộc sống của anh ở ký túc xá và ở trên nước Mỹ. Với cách này, anh có thể tìm thấy và làm được những điều mà anh muốn để mang về đất nước quê hương của anh.

Phạm Xuân Ân nhanh chóng ổn định học tập và làm quen với cuộc sống sinh viên ở Orange Coast. Trong vở kịch của sinh viên mang tên "Quý bà Ba Tư và Omar Khavam, Phạm Xuân Ân đóng vai vũ công Xiêm múa con rồng ở thế phòng vệ. Tờ báo nhà trường Barnacle mô tả đó là "múa võ judo tự phạt".

Phạm Xuân Ân đặc biệt thích tham gia các buổi hội truyền thống của sinh viên nhà trường trong đó có món thịt heo quay, tụ tập đám đông, múa kiếm do anh sinh viên Tualua Tofili, một người bạn của ông từ đảo Samoa tới. Trong một cuốn niên giám nhà trường có đoạn lưu bút do nữ sinh viên Paula Jacoby nói về Phạm Xuân Ân như là một người quân tử: "Tôi rất vui khi được biết bạn. Tôi hy vọng năm tới bạn vẫn ở lại đây với chúng tôi. Đừng trở về đất nước quê hương của bạn. Cảm ơn bạn vì chiếc áo len mà bạn trao cho tôi tại buổi hội trường Luau. Chiếc áo đã giữ cho tôi khỏi bị lạnh. Hẹn gặp lại bạn vào năm tới. (Giữ gìn nhé). Thân mến, Paula Jacoby".

Phần lý thú nhất trong thời gian Phạm Xuân Ân sống ở đây là những lúc làm việc trong Ban thời sự

của tờ báo Barnacle của trường. Ông đã xây dựng tình bạn thân thiết với Rosann Rhodes, Rich Martin, Pete Conary, Ross Johnson, và Lee Meyer. Chính Phạm Xuân Ân đã giới thiệu làm mối cho Rosann và Rich. Chẳng bao lâu sau đó, hai người đã đính hôn.

Năm 1961 Rosann Martin viết thư cho Phạm Xuân Ân ở Sài Gòn, bày tỏ sự thất vọng rằng ông Ân đã không dự được đám cưới của họ. Tuy nhiên, Rosann vẫn muốn Phạm Xuân Ân biết một điều: "Bức ảnh của bạn được dán trong cuốn sách về ngày cưới của chúng tôi với lời chú thích: Làm sao để chúng ta gặp được nhau".



Phạm Xuân Ân thích xuống thuyền ra khơi Newport cũng như dự các bữa tiệc và hội lớp trên bãi biển (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Khi tôi nói chuyện với Rosann hồi tháng 10/2006, bà cho biết Phạm Xuân Ân "lúc nào cũng dễ chịu và có năng khiếu hài hước tuyệt vời". Bà Rosann đã khiến tôi vô cùng ngạc nhiên khi nói rằng: "Ông Phạm Xuân Ân đã muốn cưới tôi. Tôi nhớ rất rõ lúc đó chúng tôi đang ở trong lớp báo chí, thì Phạm Xuân Ân tiến lại phía tôi và rất trịnh trọng nói: Rosann, năm nay tôi trở nên rất quý mến bạn. Tôi muốn cưới bạn, nhưng tôi ngại rằng bạn sẽ không cảm thấy hạnh phúc ở đất nước tôi bởi vì nó rất khác. Mọi người ở nước tôi chỉ đi xe đạp, khi đi ra ngoài đường, người quê tôi vẫn mặc đồ pyjamas, và cửa sổ thì treo đủ thứ lộn xộn. Tôi muốn bạn suy nghĩ về điều đó. Tôi đã bị sốc khi nghe Phạm Xuân Ân nói những lời như vậy vì chúng tôi chưa hề đính hôn. Hôm sau, tôi nói với Phạm Xuân Ân

rằng tôi không thể kết hôn với ông ấy được. Vì thế mà năm tiếp theo đó, Phạm Xuân Ân đã mai mối cho tôi lấy Rich".

Ngoài Rosann, Phạm Xuân Ân còn có mối tình đặc biệt với Lee Meyer. Chuyện xảy ra khi năm học đầu tiên đã trôi qua, còn một năm học nữa thì khoá học ở OCC kết thúc. Phạm Xuân Ân đã trải qua một năm kinh nghiệm làm báo Barnacle, Lee từng làm phóng viên tại Trường Trung học Pasadena. Trước khi chuyển đến OCC, Lee đã học trường Cao đẳng thành phố Pasadena. Cô một lúc làm việc cho cả hai tờ báo Sierra Madre News và nhật báo Garden Grove News.

Phạm Xuân Ân lập tức bị hút hồn bởi cái điều như lời ông mô tả về Lee: "Mái tóc vàng nhẹ, cặp mắt xanh thông minh sau cặp kính trắng dày, trí óc thông thái với những nhận xét, đánh giá xác đáng và nhận thức rất nhanh".

Tháng 1/1958, Lee được bổ nhiệm chức tổng biên tập tờ Barnacle. Phạm Xuân Ân cũng được đề bạt từ phóng viên viết phóng sự lên chức biên tập viên trang 2. Điều này có nghĩa là Phạm Xuân Ân và Lee có thể làm việc gần bên nhau trong suốt học kỳ mùa xuân năm 1958.

Phạm Xuân Ân đăng một mẫu tin trên tờ Barnacle thông báo việc ông mới được đề bạt như sau: "Ân Phạm, sinh viên ngoại quốc từ Việt Nam sẽ đảm nhận nhiệm vụ của một biên tập viên trang 2. Ân trước đây làm phóng viên viết phóng sự cho tờ Barnacle và là thành viên ban biên tập các tin tức liên quan đến quê hương anh".



Trên thực tế, trong suốt thời gian một năm ấy Lee Meyer và Phạm Xuân Ân không lúc nào rời nhau. Lee đã mời Ân về nhà mình để dự Lễ Tạ ơn và mừng Lễ Giáng sinh. Từ đó trở đi cứ vào những dịp

tết lễ là gia đình nhà Meyer lại gửi một món quà đến Hội tâm nguyện Hoa Kỳ, đề tên người gửi là Phạm Xuân Ân.

Trong một lá thư gửi Lee Meyer, Phạm Xuân Ân viết:

"Tôi đoán em không thể tưởng tượng được rằng lòng tốt của em luôn muốn tôi được tự nhiên như ở nhà mình đã khiến tôi xúc động như thế nào trong lúc tôi xa nhà".

Phạm Xuân Ân đã yêu Lee Meyer. Sau này ông nói với tôi: "Cô ấy biết rõ tình cảm của tôi. Tôi yêu cô ấy. Tôi không thể nói với Lee điều đó, nhưng tôi biết Lee đã cảm nhận được tình cảm của tôi".

Bằng chứng duy nhất mà chúng tôi có được về tình cảm của bà Lee Meyer đối với ông Phạm Xuân Ân là những trao đổi qua email giữa hai người trong năm 2001, tức là chỉ hai năm trước khi bà Lee Meyer qua đời. Trong một email gửi cho Phạm Xuân Ân, bà Lee Meyer viết: "Em thường nghĩ về anh và luôn tự hỏi chẳng biết anh có bình an không và làm sao em biết được anh có khoẻ không? Em rất vui được biết năng khiếu hài hước của anh vẫn còn được thể hiện ngay cả trong email của anh.

Anh có nhớ cái đêm mà anh đến thăm nhà em và sau đó, em lái xe đưa anh trở lại ký túc xá Spartan ở OCC không? Hôm ấy, trời sương mù dày đặc đến mức chúng ta chẳng nhìn rõ đường. Thế là anh phải ra khỏi xe đi phía trước để em biết đường mà lái xe theo anh. Vì một số lý do đặc biệt, nên em nhớ về kỷ niệm đó rất rõ ràng, chứ không như trong sương mù đâu. Em đã khâm phục anh rất nhiều về khả năng thích nghi cuộc sống của anh, vì anh có thể sống được trong ký túc xá mà nơi ở được thiết kế cho những học sinh nhỏ tuổi, chứ không phải cho những chàng trai đã trưởng thành. Cuộc sống ở đó đã thực sự làm giàu thêm sự trải nghiệm học đường đối với một người có học thức và thanh lịch như anh. Còn với tụi em, chỉ cần là những người bạn tốt của nhau thôi thì cũng đã là một món quà đáng ngạc nhiên với em rồi".

Tài năng báo chí của Phạm Xuân Ân nở rộ với sự hướng dẫn của Lee Meyer. Dưới sự lãnh đạo của Lee, tờ báo nhà trường Barnacle đã được Hiệp hội Báo chí học đường xếp hạng nhất trong số các tờ báo của các trường đại học, cao đẳng. Lee Meyer đã khuyến khích Phạm Xuân Ân viết những bài báo so sánh giữa Việt Nam với Hoa Kỳ để các sinh viên trường OCC có thể hiểu biết về đất nước ông cũng như về văn hoá Việt Nam. Bài báo đầu tiên của Phạm Xuân Ân dưới sự chỉ đạo của Lee Meyer có tựa đề: "Thi tốt nghiệp - Một vài quan điểm về nổi cực nhọc thi cử của sinh viên ở những nước xa xôi". Trong đó, Phạm Xuân Ân so sánh sự căng thẳng thi cử của sinh viên Việt Nam có những đêm mất ngủ với việc ôn thi nhồi nhét của sinh viên ở OCC. Ông viết: "Hàng năm, mỗi khi hoa phượng nở đỏ rực trên các đường phố Sài Gòn, một thành phố lớn ở Việt Nam, thì cũng là lúc các sinh viên bắt đầu nói với nhau về các kỳ thi". Cách viết của Phạm Xuân Ân vẫn còn khá vụng về. Chẳng bao lâu sau tay nghề của ông được nâng cao hơn. Các sinh viên ở Sài Gòn đối phó với sự căng thẳng mùa thi bằng cách uống nhiều cà phê, nước trà. Đó là những thứ được Phạm Xuân Ân mô tả như những "thuốc tỉnh ngủ" nổi tiếng ở "Pháp và các nước thuộc địa của Pháp".

Tháng tiếp theo, Phạm Xuân Ân viết một bài báo khác, bảo vệ cho những yêu cầu của lớp học tiếng Anh X tại trường OCC. Bài báo này rút ra những kinh nghiệm của những ngày ông làm việc cho chính quyền và quân đội trong các tổ chức TRIM và CATO trước đây Phạm Xuân Ân cho rằng những yêu cầu về tiếng Anh hội thoại cơ bản - thường bị chế nhạo là lớp học cho những kẻ đầu óc bần đầu - là những công cụ rất quan trọng đối với vai trò lãnh đạo của Mỹ. "Đặc biệt là tại các nước mới độc lập ở châu Á, châu Phi, và Trung Đông", Phạm Xuân Ân viết. Ông giải thích rằng người Việt Nam rất "khao khát học tiếng Anh, cố gắng hết sức để làm chủ thứ ngôn ngữ này" nhưng có một thời kỳ học tiếng Anh rất khó khăn. Ông viết: "Các trường tư thục dạy Anh ngữ phải trả ít nhất 3 USD/giờ cho bất kỳ người Mỹ nào đồng ý đến lớp để giúp cho các học sinh trình độ Anh ngữ trung bình thực hành hội thoại". Phạm Xuân Ân chia sẻ một câu chuyện riêng của mình: "Một lần tôi làm nhiệm vụ tuyển chọn các sĩ quan Việt Nam tốt nghiệp lớp tiếng Anh của Hội Việt - Mỹ để gửi sang Hoa Kỳ đào tạo. Đại tá Jameson bước vào văn phòng của tôi, chìa ra một tấm séc 7.500 USD rồi nói: Ân nhìn này, đây là khoản tiền chúng tôi đã phải trả cho các giáo viên dạy những học viên của anh đây. Thế mà, anh thử cho tôi biết xem có bao nhiêu sĩ quan đạt được trình độ tiếng Anh theo yêu cầu mà chúng tôi đặt ra?". Trên thực tế, có rất ít người nói tiếng Anh giỏi như Phạm Xuân Ân, bởi vì các giáo viên không có kỹ năng truyền thụ kiến thức một cách hiệu quả. Chính phương pháp "học vẹt" trong đào tạo tiếng Anh đã khiến các sĩ quan Việt Nam không được thoải mái còn bị bối rối. Người Việt Nam có rất ít cơ hội để đọc các giáo trình Mỹ hoặc gặp được những giáo viên chuyên nghiệp như ở lớp học tiếng Anh X tại trường OCC. Tại lớp X của OCC, các cuộc hội thoại và bối cảnh được nhấn mạnh. Phạm Xuân Ân dẫn dắt vấn đề để đi đến khuyến nghị rằng tiếng Anh X nên được Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ (USIS) và các cơ quan giáo dục khác của Việt Nam chấp nhận, coi đó là cách tốt để dạy tiếng Anh cho người Việt Nam. "Bởi vì điều đó giúp cho người Mỹ ở Việt Nam khắc phục được định kiến nói trên, cũng như nâng cao được uy tín của tiếng Anh Mỹ".

Tháng tiếp theo nữa, Phạm Xuân Ân viết bài về những trợ giúp ăn kiêng và những nỗi khổ của những người phụ nữ gầy. Ông viết: "Phụ nữ trẻ ở Sài Gòn, Việt Nam, đang có một mối quan tâm lớn, đó là béo. Quan niệm truyền thống về vẻ đẹp con gái ở châu Á là phải thướt tha như cành liễu. Người ta cho rằng cơ thể lý tưởng phải là một bộ xương gòn như cành mai, thịt đắp vào tạo nên khuôn mặt nhìn nghiêng như mặt con cò, bởi vì mặt con chim này rõ ràng là duyên dáng. Những người Sài Gòn này không chỉ giảm cân bằng cách nhịn ăn hoặc ăn kiêng, mà họ còn áp dụng những biện pháp có hại cho sức khoẻ như uống dấm hoặc các sản phẩm acid khác. Một số người giảm cân trở nên gầy và yếu đến mức nếu đến học ở Orange Coast, họ có thể bị gió ở Santa Ana thổi bay trở lại Sài Gòn". Cuối cùng, Phạm Xuân Ân kết luận với việc khuyến khích người muốn giảm cân nên ăn các thức ăn bổ dưỡng và cân đối, đồng thời thúc giục các sinh viên tham gia "Câu lạc bộ giảm calories" dưới sự giám sát của y tá Marthan Buss làm việc tại trường OCC.

Có lẽ sự đóng góp thú vị nhất của Phạm Xuân Ân cho tờ báo nhà trường Barnacle là phần ông điễm lại bộ phim truyện năm 1958 Người Mỹ trầm lặng. Trong bộ phim này, Audie Murphy đóng vai một nhà tư tưởng, tự do Mỹ đến Đông Dương năm 1952 để thúc đẩy "giải pháp thứ ba" giữa chủ nghĩa thực dân Pháp và sự nổi dậy của những người Cộng sản. Edward Lansdale được người ta coi là đại diện cho nhân vật chính Alden Pyle trong bộ phim. Lansdale làm cố vấn cho phim dựa vào cốt chuyện của Graham Greene. Bộ phim đề cập đến Ngô Đình Diệm. Điễm lại bộ phim này, Phạm Xuân Ân đã phải như người làm xiếc đi trên dây vừa phải viết về bộ phim, nghĩ về người bạn của mình là Lansdale, và có thể còn phải lo lắng rằng những điều ông viết ra dễ bị đổ vấy cho là có cảm tình với Việt Cộng.

Bộ phim đổ lỗi cho những người Cộng sản đã đánh bom Sài Gòn. Phạm Xuân Ân viết: "Sau sự thất bại của quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ hồi tháng 7/1954, sự tồn tại và tiến bộ của Việt Nam Cộng hoà tự do dưới sự lãnh đạo của đương kim Tổng thống Ngô Đình Diệm đã chứng tỏ rằng quan niệm về một "Lực lượng thứ ba" - vì nó mà người Mỹ trầm lặng đã phải hy sinh - nên được công nhận sớm hơn". Phạm Xuân Ân tin rằng không có khả năng đạt được một sự dàn xếp nào giữa những người Cộng sản và Pháp. Về mặt chính trị mà nói, bộ phim Người Mỹ trầm lặng có thể đã khiến người xem hiểu lầm ý nghĩa của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ. Nhiều người Việt Nam đã tin theo tuyên truyền của Cộng sản và trong cuộc đấu tranh để giành giật Đông Dương, người Mỹ đang tìm cách thay chân người Pháp". Phạm Xuân Ân không hề nghĩ rằng bộ phim Người Mỹ trầm lặng sau này lại được chiếu ở Việt Nam.

Phim Người Mỹ trầm lặng được làm lại vào năm 2002 với sự tham gia của các ngôi sao màn bạc Michael Caine, Brendan Fraser, Phillip Noyce. Nhà làm phim Australia trung thành hơn rất nhiều đối với tiểu thuyết của Greene, trừ hai đoạn thay đổi đáng kể. Một là, "sự sáp nhập hai nhân vật vào làm một để tạo ra nhân vật Hinh (Tzi Ma) trợ lý cho Fowler - được truyền cảm hứng bởi điệp viên hai mang tướng Phạm Xuân Ân". Hinh trong phim được mô tả như là một kẻ ám sát đầy hiệu quả chết người, đồng thời là một điệp viên theo chủ nghĩa dân tộc giả dạng là một trợ lý vô dụng của Caine. Bộ phim ra mắt lần đầu tiên tại Việt Nam được nhiều người ca ngợi.

Có lẽ bài báo dí dỏm nhất trong năm của Phạm Xuân Ân là bài viết về căn phòng ký túc xá của Ross Johnson, một người bạn tốt, cùng làm báo Barnacle với ông. Phòng của Ross được trang trí theo kiểu ngôi nhà nhiệt đới với những hàng rào cỏ gianh, lá dừa lợp mái, tường được bao quanh bằng những thân tre. Trên tường còn dán ảnh những con hổ, hươu nai như ở trong rừng. Để làm cho căn phòng trông có vẻ như thật, Ross nuôi một chú gà con. Âm nhạc của xứ nhiệt đới được mở suốt ngày. Phạm Xuân Ân viết: "Tôi thực sự nhớ nhà mỗi khi bước chân vào phòng của Ross. Thế nhưng, ở đây vẫn còn thiếu một thứ. Ross, gần như cái gì cậu cũng có trong cái nhà này. Tuy nhiên cậu cần phải có một ai đó nữa để chia sẻ giấc mơ tuyệt vời này với cậu chứ? Tớ hy vọng các nội qui của Orange

Coast sẽ tha thứ để cho cậu mang một người đặc biệt đến ở với cậu trong căn nhà này một tuần". Phạm Xuân Ân là một sinh viên giỏi, thường được nhận giấy khen mỗi học kỳ. Ông dự các lớp về lịch sử, khoa học chính trị, kinh tế học, triết học, và khoa học xã hội. Ngay còn ở trường OCC, Phạm Xuân Ân là người đầu tiên đưa ra sáng kiến thành lập một câu lạc bộ sinh viên nước ngoài mới. Câu lạc bộ này thu hút sự tham gia của các sinh viên từ Iran, Philippines, Trung Quốc, Nicaragua, Nhật Bản, Bỉ, Pháp, Canada, và Ba Lan. Ông là một trong chín sinh viên được lựa chọn để đại diện cho trường OCC tại Hội thảo các vấn đề thế giới nhân Ngày Thế giới ở Los Angeles. Một trong những chủ đề được thảo luận ngày đó là: "Liệu chủ nghĩa cộng sản có thắng ở Đông Nam Á hay không?". Phạm Xuân Ân còn là một trong sáu đại biểu đại diện Câu lạc bộ Quan hệ quốc tế của OCC đi dự hội nghị của Tổ chức Khu vực Long Beach thuộc Câu lạc bộ Quan hệ quốc tế với chủ đề "Đầu tư của Hoa Kỳ vào sự tiến bộ của thế giới". Phạm Xuân Ân còn tham dự Hội nghị báo chí tại Trường Đại học Redlands. Ngoài ra, ông còn tham gia đoàn đại biểu báo Barnacle đi dự Đại hội các nhà xuất bản quốc gia bang California tổ chức tại thành phố San Francisco.

Ở một mức độ nào đó, Phạm Xuân Ân luôn cố gắng để tham gia vào các hoạt động chính trị của các sinh viên. Lần đầu tiên, ông khước từ lời mời ra ứng cử chức phó chủ tịch tổ chức của các cựu binh. Tổ chức này chủ yếu dành cho các cựu binh trong cuộc chiến tranh Triều Tiên. Những người trong tổ chức đó muốn có một người châu Á chống Cộng sản tham gia. Sau này, ông cùng với năm người làm việc ở toà báo Barnacle, trong đó có cả Pete Conaty và Ross Johnson, ký tên vào một lá thư gửi tổ chức của hội sinh viên. Lá thư có tựa đề: "Cần có một dòng máu mới". Đây là một chiến dịch nhằm tìm kiếm ứng cử viên ra tranh với Fred Thomas chức chủ tịch hội sinh viên. Lá thư viết: "Chúng tôi muốn ủng hộ một người xứng đáng vào vị trí đó", những người cùng ký tên tuyên bố. Cuối cùng, chiến dịch này đã thắng lợi.

OCC là trường cao đẳng có nhiều sinh viên ngoại trú. Vào ngày cuối tuần, gần như tất cả mọi người đều về nhà hoặc đi nghỉ đâu đó, chứ không ở lại ký túc xá. Bruce Nott sống rất ít ở đây. Bruce nhớ lại rằng ngày ấy không ai muốn Phạm Xuân Ân ở lại ký túc xá một mình trong những ngày cuối tuần. Bruce là người đầu tiên đưa Phạm Xuân Ân về nhà mình. Bố mẹ của Bruce vừa gặp đã ngay lập tức quý mến Phạm Xuân Ân. Trong hai năm sau, bố của Bruce thường đến đón Phạm Xuân Ân về nhà chơi vào những ngày thứ bảy hoặc chủ nhật. Họ cùng nhau đi chơi, sau đó về sinh hoạt ở nhà. Bruce đưa Phạm Xuân Ân đi Disneyland, đến thăm cả trường của em gái Bruce là Barbara để nói chuyện về đất nước quê hương ông. Nott cho biết: "Phạm Xuân Ân là người rất dễ mến. Cậu ấy thích ngồi nói chuyện và pha trò cười. Cái gì cậu ấy cũng muốn biết và Phạm Xuân Ân đã bảo chúng tôi kể cho nghe mọi điều về cuộc sống ở Mỹ". Năm 2005, tôi mang giúp bức thông điệp viết dưới đây của Phạm Xuân Ân gửi cho Bruce: "Mình rất nhớ cậu và bố mẹ cậu, cũng như Barbara, em gái cậu. Mình rất vui khi biết rằng cậu thành đạt trong cuộc sống. Nếu chúng ta có may mắn, mình sẽ đến

thăm cậu và gia đình cậu trước khi mình đi gặp Diêm Vương".

Phạm Xuân Ân thích nội trợ và thích giới thiệu với các bạn mới của mình về ẩm thực Việt Nam. Do vậy, vào những buổi tối cuối tuần, đám bạn bè thường tụ tập ở nhà ai đó để Phạm Xuân Ân làm đầu bếp. Bruce Nott kể rằng tất cả cư dân ký túc xá đều nhón nháo cả lên khi nhìn thấy Ân ra ngoài bãi cỏ đang lúi húi bắt châu chấu. Mọi người đều biết rằng Phạm Xuân Ân lại sắp mang về khoảng trên dưới chục con, rồi bảo sẽ chế biến món ăn theo ẩm thực Việt Nam. Bruce nói: "Cậu ấy thỉnh thoảng lại mang về những con sâu, con bọ cho mọi người ăn, vẻ mặt luôn rạng rỡ với nụ cười - Để rồi tối nay, ai sẽ đòi ăn?".

Judy Coleman hiện còn nhớ Phạm Xuân Ân là một người tốt bụng và nhiệt tình, rất phù hợp với đời sống ký túc xá học đường. Judy gặp Ân tại một lớp học chụp ảnh. Chẳng bao lâu sau, Phạm Xuân Ân mời Judy Coleman đi nhảy với ông tại buổi khiêu vũ chia tay lớp học năm 1958. Bọn con trai ở ký túc xá trêu Phạm Xuân Ân bằng cách bảo với ông rằng theo truyền thống thì phải mời ba hoặc bốn cô gái làm bạn nhảy trong buổi khiêu vũ chia tay về nước. Nào ngờ, Phạm Xuân Ân làm thật, mời ba cô gái khác nhau để cặp đôi với mình trong cùng một buổi khiêu vũ. Khi những thằng bạn nghịch ngợm của ông bảo rằng đó chỉ là nói đùa, Phạm Xuân Ân mới tìm cách rút lại lời mời đối với các cô gái, trừ Judy Coleman.

Là một người tử tế, Phạm Xuân Ân cứ nhất định đòi được gặp bố mẹ Judy Coleman để xin phép đưa con gái của họ đến sàn nhảy. Bố của Judy là đạo diễn phim, đồng thời là phó chủ nhiệm một bộ phim mang tựa đề "Chóng mặt". Phạm Xuân Ân đã đến thăm ngôi nhà rất đẹp của gia đình Judy Coleman để xin phép "theo cách của người Việt Nam", đồng thời hứa sẽ đưa Judy trở về nhà trước 12 giờ đêm. Ông Coleman, bố của Judy, nói với Phạm Xuân Ân rằng vì đây là ngày đặc biệt của các cháu, nên việc trở về nhà trước lúc nửa đêm là không cần thiết. "Không, cháu hứa là sẽ làm như vậy", Phạm Xuân Ân nói. Judy Coleman vẫn còn nhớ hôm đó là một buổi tối tuyệt vời đầy tiếng cười và khiêu vũ. Đúng là hôm đó, Phạm Xuân Ân đã đưa Judy trở về nhà trước 12 giờ đêm.

Sau buổi khiêu vũ chia tay hôm ấy, Phạm Xuân Ân ít gặp lại Judy vì cô đã chuyển sang học ở Trường Đại học San Jose State. Tuy nhiên, ông vẫn thường xuyên tới thăm gia đình Coleman, ăn thịt nướng và chuyện trò cùng bố mẹ của Judy. "Cha tôi rất thích nói chuyện với Phạm Xuân Ân. Anh ấy là một người chín chắn, rất thú vị và nhiệt tình. Cha tôi và anh có thể ngồi nói chuyện với nhau hàng giờ", Judy nhớ lại.

Cuộc sống ở OCC không phải lúc nào cũng toàn là những chuyện vui và thú vị. Đã từng có một đêm, Henry Ledger tìm cách tự sát. Sau một chuyến đi gặp gỡ để chia tay với người yêu trở về, Ledger vào phòng của Phạm Xuân Ân và nói: "Tối nay, chúng ta sẽ ăn như những ông vua, bởi vì ngày mai có thể chúng ta sẽ phải chết". Phạm Xuân Ân chẳng để ý gì đến câu nói của Ledger. Hai người đã chén một bữa thịt gà no nê, ăn nhiều đến mức không ai nghĩ có thể ăn được đến như vậy. Chưa đến

giờ đi ngủ, nhưng Ledger nói muốn đi ngủ. Trong khi thu dọn, Phạm Xuân Ân nhìn thấy lọ thuốc ngủ trong phòng của Ledger đã không còn một viên. Trước đây, Ledger từng cho Phạm Xuân Ân vài viên thuốc ngủ, bởi vì ông thường nghe thấy Ledger ngáy to ở phòng bên cạnh mà không ngủ được. Lần này, hoàn toàn do linh cảm, Phạm Xuân Ân nghĩ Ledger đã uống hết số thuốc ngủ đó. Chợt Phạm Xuân Ân nhớ đến câu nói của Ledger: "Tôi nay, chúng ta sẽ ăn như những ông vua...", liền chạy sang cố lay cho Ledger tỉnh mà không được. Cuối cùng Phạm Xuân Ân đã phải gọi xe cứu thương.

Sáng hôm sau, Phạm Xuân Ân mới biết rằng bạn mình đã quá tuyệt vọng sau khi chia tay với người yêu nên đã tìm cách tự sát. Sau vụ đó, Ledger được cứu sống, nhưng bị cúp việc làm ở OCC. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Lúc đó, tôi bị sốc... một người trong cơn tuyệt vọng đã cố tìm đến cái chết mà lại bị đuổi khỏi nơi làm việc. Tôi thực sự không thể hiểu nổi". Khi đó, Phạm Xuân Ân đã đến Ban giám hiệu nhà trường để phản đối sự cúp việc của Ledger, nhưng tại đó ông được các nhân viên giải thích. Sau này, ông Phạm Xuân Ân kể lại rằng ngày đó "Tôi đã không hiểu văn hoá Mỹ; bằng việc tự sát, Ledger đã nêu một gương xấu cho các sinh viên".

Ledger sau đó cũng sớm tìm được nơi nhận về làm người giúp việc, nhưng không hề nói cho Phạm Xuân Ân biết chỗ ở mới của ông. Hai tuần sau, Phạm Xuân Ân tìm gặp Ledger tại nơi làm việc. Ledger nói: "Ân, tôi rất giận anh. Tại sao anh không để cho tôi chết? Anh đã cứu sống tôi để bây giờ tôi còn khổ hơn". Nghe Ledger nói vậy, một người bạn cùng làm việc với Ledger quát lên: "Anh ấy đã cứu mạng sống của mày, phải biết ơn anh ấy chứ?". Ledger và Phạm Xuân Ân liền ôm lấy nhau rất lâu và sau đó, đến thăm nhau rất nhiều lần.

Năm học đầu tiên ở OCC sắp kết thúc, Phạm Xuân Ân viết một bài báo đăng trên tờ Barnacle với nội dung so sánh giữa những thành công và thất bại của mình trong năm qua. Ông viết: "Tiếng Anh thực hành của tôi khi còn ở trong nước được nhà trường đánh giá là xuất sắc thế mà khi đến OCC, tôi chẳng hiểu gì khi nghe các bạn sinh viên nói chuyện với nhau. Đến này, tôi đã có thể hiểu được những điều các bạn sinh viên nói với nhau, mặc dù chưa hiểu hết, đặc biệt là khi họ dùng tiếng lóng". Tiếng Anh viết của Phạm Xuân Ân đã tiến bộ rất nhiều, bởi vì lớp tiếng Anh X đã giúp ông nâng cao trình độ về ngữ pháp và logic.

Tiếng Anh 1A là một lớp rất khó, vì nó đã "làm tôi đau đầu và khiến tôi nhiều lần mất ăn mất ngủ. Tôi tiếp tục thực hành tiếng Anh ở lớp báo chí. Tờ báo Barnacle có nhiều tự do và là một trong những tờ báo tốt nhất của các trường cao đẳng ở Nam California. Tờ báo này đã giúp cho tôi rất nhiều về cách làm báo - môn học chính của tôi. Ngoài những kết quả học đường, Orange Coast còn là nơi đầu tiên tôi học được cách điều chỉnh mình để hoà hợp với một nền văn hoá, tập quán, và lối sống mới. Tại đây, tôi có dịp kiểm chứng những gì tôi đã đọc được, nghe được về một thế giới mới để tôi trở nên khách quan hơn và để gạt bỏ những điều trong đầu mà tôi đã tiếp thu một cách vô ý

thức".

Phạm Xuân Ân rất nhớ gia đình và quê hương ở Việt Nam. "Những điều tôi mất mát không phải là nhỏ. Tôi nhớ gia đình, bạn bè, người thân, và đồng bào cũng như tiếng mẹ đẻ của tôi, nhớ mảnh đất bé nhỏ nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Thật may mắn, sự mất mát này chỉ là tạm thời. Hơn nữa, tại khoa báo chí OCC, các thầy cô, các bạn sinh viên đã đối xử với tôi rất tốt đến mức đôi khi tôi cảm thấy như đang sống giữa những người Việt Nam vậy".

Phạm Xuân Ân cũng rất lo ngại đến những sự kiện diễn ra ở quê hương. Ông mới nhận được một lá thư của Mills Brandes nên biết được ở quê nhà, chính quyền Ngô Đình Diệm đang thực hiện một chiến dịch đàn áp hàng loạt những người có cảm tình với Việt Cộng và những người Cộng sản nằm vùng. Phạm Xuân Ân tự hỏi chẳng biết có ai trong gia đình, bạn bè của ông bị bắt trong những cuộc càn quét này của chính quyền Diệm hay không? Những người bị bắt đang bị tra tấn trong những bức tường của nhà tù Côn Sơn. Điều mà Phạm Xuân Ân sợ nhất là có ai đó đã tiết lộ ông là một đảng viên cộng sản. Nếu điều đó xảy ra, ông có thể sẽ không bao giờ được trở về nước và gia đình ông sẽ phải chịu đựng những điều tồi tệ nhất do cảnh sát của chế độ Diệm mang lại. Tháng 1 năm 1958, em trai của Phạm Xuân Ân bị bắt. Sau này ông nhớ lại: "Được tin đó, tôi rất buồn. Tôi đã mất liên lạc với những người cộng sản, tất cả những người lãnh đạo trực tiếp của tôi đều đã bị bắt; em trai tôi cũng bị bắt. Sau khi em tôi được thả ra, chú ấy đã viết cho tôi một lá thư được mã hoá".

Thư của người em trai Phạm Xuân Ân viết dưới dạng kể chuyện ngày Tết. "Tết sắp đến rồi mà em chẳng biết kể chuyện gì với anh. Lúc này đây em biết anh thích những câu chuyện ngày xưa vì anh thích nói chuyện phiếm về trên trời, dưới đất để làm cho ngày Tết vui vẻ hơn. Em sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện ngày xưa". Sau đó là một đoạn được mã hoá dưới dạng một câu chuyện "Ngày xưa, có một ông già rất nghèo và cuộc sống gặp nhiều lam lũ. Ông nuôi hai người con trai. Hai con trai ông thích vào rừng chơi và đốn củi để lấy tiền chăm sóc cha. Một hôm, hai anh em vào rừng thì người em bị một con quỷ bắt mất. Người anh trốn thoát nhờ được một con chó và một con vẹt chỉ đường thoát ra khỏi cánh rừng. Người em vẫn bị con quỷ giam cầm và sắp bị ăn thịt. Người anh mất em thì buồn lắm. Người anh nhớ em mình nhiều đến mức anh cùng với con chó và con chim vẹt trở lại cánh rừng nơi em mình đã bị bắt. Nhưng chỉ có mỗi con chim vẹt trở về nhà một mình".

Phạm Xuân Ân đã giải thích về bức thư cho tôi thế này: "Khi tôi chuẩn bị đi sang Mỹ, tôi có một con chó và một con chim vẹt. Một người phụ trách đơn vị tình báo của tôi có một đứa con gái nhỏ tuổi. Tôi đã bảo với người phụ trách này đưa con chó và con vẹt về nhà cho con gái của ông nuôi bởi vì tôi sắp đi học ở Mỹ".

"Ô thật tồi tệ em đã bị bắt. Mình không biết phải làm thế nào. Nếu về nước lúc này, mình cũng sẽ bị bắt. Nhưng nếu ở lại Mỹ thì ở đến bao giờ?. Phạm Xuân Ân không biết chắc tương lai của mình sẽ ra sao, nên ông quyết định ở lại OCC học tiếng Tây Ban Nha để đề phòng khi cần thiết, ông sẽ trốn

sang Nam Mỹ hoặc Cuba. Những ý nghĩ như vậy cứ lớn vồn trong đầu Phạm Xuân Ân. Ông quyết định vào ngày nghỉ hè đầu tiên lái xe lên vùng bờ biển Monterey để thăm một số người bạn Việt Nam đang học ở Trung tâm Ngoại ngữ của Viện nghiên cứu Ngôn ngữ Bộ Quốc phòng. Ngày ấy, Trung tâm này có tên gọi là Trường Ngoại ngữ Quân đội. Nhiệm vụ của Viện nghiên cứu này là cung cấp mọi dịch vụ về ngoại ngữ để hỗ trợ cho các yêu cầu của lực lượng an ninh quốc gia. Trước đó ít lâu, Phạm Xuân Ân mua một chiếc xe hơi Ford Mercury màu xanh đậm đời 1947 đã qua sử dụng với giá 250 USD. Ross Johnson và Pete Conaty nhớ lại: Phạm Xuân Ân bao giờ cũng tuân thủ một cách nghiêm ngặt mọi điều trong sách hướng dẫn sử dụng xe. Chẳng hạn như sau khi khởi động máy thì để cho động cơ chạy không tải một lúc khoảng năm phút cho nóng máy. Mỗi khi lên xe, Phạm Xuân Ân cho nổ máy rồi ngồi chờ đến khi cảm thấy động cơ đã đủ nóng, ông mới bắt đầu cho xe chạy.



Phạm Xuân Ân với chiếc xe Ford Mercury 1947. Henry Ledger đã bán với giá rẻ khi mới chạy được chưa nhiều, ông nhớ lại (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Vào mùa thu năm đó, Phạm Xuân Ân trở lại làm việc cho tờ báo Barnacle của nhà trường. Lee Meyer biên tập mới là một người bạn thân của Phạm Xuân Ân tên là Rosann Rhodes. Thời Lee Meyer còn làm Tổng biên tập, Rosann phụ trách việc biên tập trang ba. Ngoài ra, Rosann Rhodes còn làm cho tờ Globe-Herald and Pilot của Costa Mesa. Pete Conaty giờ được bổ nhiệm từ chức biên tập viên thể thao lên biên tập viên tin. Ross Johnson trở thành trợ lý biên tập phóng sự. Rich Martin chuyển sang làm biên tập viên thể thao. Riêng Phạm Xuân Ân vẫn giữ nguyên công việc cũ là biên tập viên trang hai. Đây là nhóm bạn bè rất gắn bó với nhau, đồng thời là những người xuất sắc trong công việc làm báo. Rhodes, Martin, và Ân được đi dự hội nghị các biên tập viên ở Sacramento và được chụp ảnh chung với Thống đốc Edmund G. Brown.



Chụp ảnh cùng với Thống đốc bang California Brown, Rosann Rhodes và Rich Martin. Phạm Xuân Ẩn là người mai mối cho Rosann và Rich (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn)

Bên cạnh cuộc tranh luận về việc các nam sinh viên có nên hay không mặc quần soóc Bermuda trong khu học xá, một trong những đề tài khác nóng bỏng trong năm 1959 ở trường OCC là sinh viên có nên tự dọn sạch chỗ ngồi sau khi sử dụng? Lần đầu tiên và cũng là duy nhất trong suốt thời gian cộng tác với tờ Barnacle, Phạm Xuân Ẩn đứng tên một mình trong bài xã luận mang tựa đề "Dọn rác đi". Ông bắt đầu bài viết của mình bằng câu nói của Napoleon trước khi thất bại: "Sau tôi sẽ là một trận đại hồng thủy". Câu nói này đã được dùng làm đề bài thi hết trung học phổ thông ở Paris. Phạm Xuân Ẩn viết: "Nhiều thí sinh đã trượt chỉ vì họ hiểu lầm câu nói của Napoleon. Những thí sinh này cho rằng Napoleon là ích kỷ, không biết quan tâm đến điều gì sẽ xảy ra đối với nước Pháp sau khi ông qua đời. Thế nhưng, ý nghĩa thực sự trong câu nói của Napoleon chính là điều tiên đoán của Hoàng đế Pháp về những mất mát lớn lao đến với nước Pháp sau khi ông qua đời. Hoàng đế Napoleon trên thực tế đã biết lo đến tương lai của nước Pháp và những người sẽ lên cầm quyền sau khi ông mất".

Các sinh viên OCC không hề nghĩ gì đến những người vào phòng ăn sau mình. Họ sẽ phải ngồi xuống bên chiếc bàn ăn như thế nào sau khi mình đứng lên. "Trên thực tế, khi các sinh viên đến ăn

sáng hoặc ăn trưa tại Trung tâm sinh viên hay tại các tiệm ăn nhẹ, khi đứng lên, họ đều để lại phía sau một đồng rác bừa bãi trên bàn. Họ không cần quan tâm đến việc sau khi họ đứng lên thì ai sẽ tới ngồi ăn tại cùng chiếc bàn đó. Phạm Xuân Ân lập luận nhằm bênh vực ba người phụ nữ làm nhiệm vụ thu dọn tại nhà ăn trong suốt mười lăm tháng qua. "Một số sinh viên nghĩ rằng làm như vậy tức là họ đã tạo việc làm cho những người phụ nữ làm nhiệm vụ thu dọn này. Họ coi đó là một giải pháp để góp phần vào việc giảm thất nghiệp, giúp cho nền kinh tế tăng trưởng và kích hoạt một dòng chảy thu nhập bằng cách xả rác ra bàn. Chúng tôi cho rằng những người đó chắc phải là những sinh viên hạng A của một trường về nguy hiểm và duy lý".

Sau đó, Phạm Xuân Ân đặt vấn đề các sinh viên đó sẽ cảm thấy thế nào khi họ không thể tìm được chỗ ngồi bên chiếc bàn ăn nào sạch? Và ngược lại, họ sẽ cảm thấy như thế nào khi tìm được một chỗ ngồi bên bàn ăn tốt và sạch sẽ trong nhà ăn? Những người đến nhà ăn sau họ xứng đáng để được hưởng "ân huệ" này. Để thực hiện được điều ấy, Phạm Xuân Ân kêu gọi những sinh viên nam hãy tỏ ra "ga-lăng" dọn bàn sau khi ngồi ăn cùng với phụ nữ và những người phụ nữ thấy hành động đó của người bạn nam hãy bày tỏ sự đánh giá cao và cũng nên cùng dọn sạch bàn theo những bạn nam của mình. Cuối cùng, ông đưa ra kết luận: "Chúng ta chỉ còn bốn tuần nữa là kết thúc khoá học. Chúng ta không muốn trượt trong cuộc sát hạch đơn giản này trước khi phải đương đầu với những cuộc sát hạch khác khó khăn hơn".

Số cuối cùng trong năm 1959 của báo Barnacle có một bài viết đầy xúc động và sâu sắc của Phạm Xuân Ân để chia tay với cộng đồng của ông. Phạm Xuân Ân đã nhận được một món quà quý từ những người bạn của ông làm việc trong tờ báo Barnacle. Đó là một chiếc cốc uống cà phê có in hình Phạm Xuân Ân đang ngồi đánh máy chữ viết bài bên chiếc bàn của ông. Dưới bức hình có chữ ký của tất cả các nhân viên toà soạn báo Barnacle.

Chiếc cốc uống cà phê đó luôn được đặt ở vị trí nổi bật trong phòng ăn của Phạm Xuân Ân. Khi tôi đến thăm nhà ông hồi tháng 10/2006 để bày tỏ sự kính trọng của tôi sau khi Phạm Xuân Ân đã qua đời, tôi vẫn thấy chiếc cốc, đó là kỷ vật cá nhân duy nhất không liên quan gì đến quân sự trên bàn thờ của gia đình ông.



Bài báo cuối cùng của Phạm Xuân Ân được mở đầu bằng lời trích dẫn nhà văn Pháp Anatole: "Cuộc ra đi dù có mong muốn nhất thì bao giờ cũng để lại phía sau một chút sầu. Và tôi chia sẻ một cách sâu sắc những cảm xúc này của ông". Đối với Phạm Xuân Ân, việc phải nói lời chia tay với các bạn của ông ở OCC khó khăn hơn rất nhiều so với khi nói lời chào gặp mặt. "Mặc dù tôi rất mong trở về để được nhìn thấy Tổ quốc của mình nhưng sao ý nghĩ về việc phải xa Trường Orange Coast College, nơi khởi nguồn việc học của tôi ở Hoa Kỳ, đã gợi một nỗi buồn không thể tả nổi trong tâm trí tôi". Phạm Xuân Ân cảm ơn sự phóng khoáng của các nhân viên làm việc trong khoa vì tất cả những gì họ đã làm để giúp cho việc học tập của ông, cũng như chăm lo sức khoẻ cho ông; cảm ơn những phụ nữ nhiệt tình làm việc tại nhà ăn và tiệm ăn nhẹ vì đã nấu những bữa ăn để ông cảm thấy ngon miệng; cảm ơn các nhân viên làm việc trong ký túc xá và giảng đường vì lòng tốt của họ. Phạm Xuân Ân giải thích rằng những nhân viên này lúc nào cũng vui vẻ "mỗi khi tôi tới thùng thư để xem có thư từ người mẹ thân yêu của mình hay không". Phạm Xuân Ân cảm ơn những nhân viên trực điện thoại vì họ luôn an ủi ông mỗi khi không có lá thư nào từ quê hương cho ông. Yêu quý nhất là "những bạn học cùng lớp, cùng trường đã khắc sâu vào trong ký ức của tôi, tràn ngập tâm lòng tôi tình bạn hữu của họ". Phạm Xuân Ân đặc biệt tỏ ra buồn khi nghe tin toà nhà ký túc xá của trường đã bị dỡ bỏ chỉ một năm sau khi ông về nước. Bởi vì "Ký túc xá đó đã thay cho căn nhà của mẹ tôi. Chính tại đó, tôi đã học được tiếng Mỹ thực hành của giáo sư H. L. Menken, thưởng thức nhạc Hi-Fi, nhạc Rock-n-roll, làm bài tập ở nhà với chiếc radio và tiếng ồn quen thuộc của chiếc lò sưởi. Và

cũng chính tại nơi đó, tôi đã hít căng lồng ngực mình bầu không khí hài hước với các bạn cùng ký túc xá... Hy vọng mỗi năm được trở lại thăm Orange Coast khiến tôi mơ ước mình có đôi cánh như những con chim nhận di trú bay về với Orange Coast mỗi khi mùa xuân về để làm tổ dưới mái nhà Trung tâm tư vấn. Đây là nơi tôi đã nhận được những lời khuyên quý báu. Thay vì nói lời tạm biệt, tôi chỉ muốn nói lời chúc may mắn trước khi lên đường và hy vọng được gặp lại tất cả các bạn nhiều lần, nhiều lần nữa". Tại bữa tiệc vinh danh những học sinh tốt nghiệp, Phạm Xuân Ân được nhận được tấm giấy khen đặc biệt về sự phục vụ và lãnh đạo của ông viết trên tấm da thuộc ghi nhận những đóng góp của ông đối với trường OCC.



Phạm Xuân Ân thực tập tại báo Sacramento Bee

Quý Á châu đã dàn xếp một học bổng cho Phạm Xuân Ân và ông chuẩn bị một thời kỳ thực tập tại báo Sacramento Bee gần như ngay sau khi tốt nghiệp. Quý Á châu muốn ông phát triển một chương trình ở Sài Gòn để đào tạo các phóng viên Việt Nam. Chuyến đi thực tập này sẽ tạo cho Phạm Xuân

Ân không chỉ kinh nghiệm làm việc, mà còn tạo uy tín cho ông để làm công việc đó sau này. Trước khi rời Sacramento, Phạm Xuân Ân được nhận một món quà của các thành viên trong khoa và của nữ y tá nhà trường tên Martha Buss. Đó là cuốn sách Vòng quanh nước Mỹ trong 1.000 bức ảnh. Mặt trong của bìa trước cuốn sách có dòng đề tặng: "Phạm thân mến, hy vọng bạn sẽ luôn nhớ đến những lúc hạnh phúc ở OCC. Tất cả chúng tôi đều yêu quý và tôn trọng bạn. Bạn là một đại sứ thành công cho đất nước của bạn. Rất tự hào về bạn. Nhiều bức ảnh trong cuốn sách này nói về những nơi bạn chưa từng đặt chân tới. Nhưng đó chính là lý do chúng tôi muốn bạn xem cuốn sách này. Hãy trở lại Hoa Kỳ để thăm nốt những nơi bạn chưa đến. Rất hân hạnh được gặp bạn".

Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Tôi luôn giữ gìn quyển sách ảnh đó, với hy vọng sẽ có ngày trở lại và thăm những nơi tôi chưa từng đến. Có nhiều thứ để mà xem vì trong những ngày ở Mỹ tôi đã không có thời gian để mà đi".

Trong khi xếp đồ lên xe tô của mình để lái về Sacramento, Phạm Xuân Ân được thông báo cho biết căn hộ dự định bố trí cho ông ở đã thay đổi. Đây là lần duy nhất trong suốt thời gian sống ở Mỹ, Phạm Xuân Ân trở thành nạn nhân của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trước đây, một cặp vợ chồng trẻ đã đồng ý cho Phạm Xuân Ân thuê nhà chỉ vì họ chưa biết ông là "người Mông Cổ". Nay cặp vợ chồng đó không muốn cho ông thuê nhà của họ nữa vì lý do này. Nhờ sự giúp đỡ của cả toà soạn báo Sacramento Bee và Quỹ Á châu, cuối cùng ông cũng nhanh chóng tìm được một chỗ ở mới.

Tại toà báo Sacramento Bee, Phạm Xuân Ân kết bạn với Eleanor McClatchy, con gái của ông chủ bút C. K. McClatchy. Một hôm vào tháng bảy, ông trở thành khách đặc biệt của Eleanor ra sân bay Sacramento để gặp Phó Thủ tướng thứ nhất Liên Xô Frol R. Kozlov và một đoàn đại biểu hữu nghị của ông đi thăm dọc nước Mỹ trước chuyến thăm lịch sử của Nikita Khrusev đến Hoa Kỳ. Thống đốc bang và một nhóm các quan chức của bang cùng những khách VIP như McClatchy được mời ra sân bay để gặp đoàn đại biểu thiện chí Nga.

Nhiệm vụ ban đầu của Phạm Xuân Ân tại toà báo Sacramento Bee là đưa tin về Hội chợ hạt Sacramento. Phóng viên thực tập mà được ký tên mình dưới bài báo là điều tương đối không bình thường. Nhưng điều đó đã xảy ra vào ngày 20/6/1959, khi tờ Sacramento Bee đăng bài báo đầu tiên của Phạm Xuân Ân kèm với một mẫu thông tin trích ngang về ông "Phạm Xuân Ân từ Sài Gòn, miền Nam Việt Nam, ở Sacramento trong ba tháng để quan sát và học tập tại toà báo Sacramento Bee. Việc đào tạo sinh viên báo chí theo kiểu vừa học vừa làm này được sự bảo trợ của Quỹ Á châu. Khi hết thời gian đào tạo và sau một chuyến tham quan miền đông nước Mỹ, ông sẽ trở lại Sài Gòn để tìm việc làm tại một tờ báo. Bài báo của ông về Hội chợ hạt Sacramento và về một thể chế Mỹ được in dưới đây".

"Hội chợ hạt Sacramento năm 1959 là một Hội chợ hạt đầu tiên tôi được thấy ở Hoa Kỳ. Chất lượng cao của các sản phẩm nông nghiệp, thịt bò, sữa gia súc, gia cầm, thỏ, lợn, ngựa, và cừu không làm

cho tôi ngạc nhiên bởi vì những thứ đó trên khắp thế giới ai cũng biết thông qua sách, báo, phim ảnh. Điều gây ấn tượng mạnh đối với tôi là những con vật này đã được những thanh thiếu niên từ 12 đến 20 tuổi nuôi. Những thanh thiếu niên đó chắc chắn sau này sẽ trở thành những nông dân thành đạt trong tương lai ở Hoa Kỳ.

Những chàng trai, cô gái xinh đẹp và khoẻ mạnh ngồi tựa vào những con bò hoặc con cừu đã gọi cho tôi hình ảnh về những chú bé chăn trâu ở Việt Nam đang cho trâu ăn cỏ sau một ngày lao động vất vả trên cánh đồng lúa.

Những tiếng gáy của những chú gà trống lớn đảo Rhode cất lên, trời nắng nóng, những người đi hội chợ bận rộn - tất cả không phải là không thân thuộc. Vào mùa hè ở quê hương tôi, chúng tôi còn có thêm cảnh chơi gà trong vòng tròn...

Vui chơi giải trí là phương tiện tốt nhất để thu hút đám đông. Tôi đã từng đến thăm những nơi vui chơi nổi tiếng như Disneyland, thành phố ma, Santa Cruz, và Marineland, nên những trò vui chơi giải trí này tương đối quen thuộc đối với tôi.

Tuy nhiên, những nơi nổi tiếng đó đã không cho tôi thấy được hình ảnh những thanh niên năng động và tài năng của California giống như tôi đã từng thấy ở Hội chợ hạt Sacramento".

Một tuần sau, tờ Sacramento Bee đã đăng một bài phóng sự sâu về Phạm Xuân Ẩn với tựa đề "Nhà báo Việt Nam với mục tiêu chống tuyên truyền Đỏ". Phạm Xuân Ẩn nhớ lại: "Tôi đã dùng tất cả những gì mà Lansdale đã dạy tôi để đưa vào bài báo này. Lansdale là một thầy giáo tuyệt vời". Bài báo được in dưới đây:

"Là thành viên trong một gia đình có bốn người, Phạm được tuyển vào làm việc tại Cục Chiến tranh tâm lý Việt Nam trong chiến dịch 1954 chống lại cuộc tấn công của du kích Cộng sản chia rẽ đất nước.

Ông giải thích về chiến dịch bằng thực tế là các nhà lãnh đạo Đỏ chưa bao giờ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản công khai thời đó, mà họ đã dán nhãn hiệu cho phong trào của họ là cuộc đấu tranh dân tộc chống lại Pháp - nước vẫn còn cai trị Đông Dương.

Ông nói thực tế này khiến ông đi đến quyết định rằng cách tốt nhất để giúp đất nước mình là trở thành một nhà báo để ông có thể giải thích cho công chúng những mục tiêu thực sự và phương pháp của chủ nghĩa cộng sản.

Ông cho biết Chính phủ Nam Việt Nam hiện nay đang duy trì một sự kiểm duyệt chặt chẽ đối với tất cả mọi tờ báo, coi đó là cần thiết vì nếu không, bọn Đỏ sẽ có có ngày truyền bá tư tưởng của họ ra toàn cõi đất nước".

Có chín tờ nhật báo ở Sài Gòn, thủ đô của miền Nam Việt Nam. Trong đó có sáu ấn phẩm bằng tiếng Việt một bằng tiếng Pháp, một bằng tiếng Anh, và một bằng tiếng Hoa.

Tất cả những tờ nhật báo này đều có số phát hành khá nhỏ, bởi vì ít người có điều kiện để mua báo

hàng ngày. Tuy nhiên việc người ta thuê báo về đọc đã trở thành phổ biến ở Việt Nam.

Phạm Xuân Ân kết luận: "Nhân dân chúng tôi rất nghèo. Nhưng từ cậu học trò đến anh đạp xích lô, mọi người đều khao khát được học hỏi".

Ông cho biết khi về nước, ông có kế hoạch tham gia vào một trong những tờ báo hàng ngày của Việt Nam.

Bài báo đó là biến Phạm Xuân Ân trở thành một người nổi tiếng ở Sacramento. Một người phụ nữ sau khi đọc bài báo ấy đã ghé vào toà soạn báo Sacramento Bee để mời Phạm Xuân Ân đi thăm hồ Tahoe. Bà lái xe đưa Phạm Xuân Ân đi tham quan. Trước hết hai người dừng chân ở Căn cứ không quân Andrew, nơi con trai bà đóng quân chỉ để chào một tiếng. Lần đầu tiên trong đời, Phạm Xuân Ân được nhìn vào căn cứ không quân Mỹ (không có sự ám chỉ chiến lược nào). Sau đó, hai người tăng tốc chiếc xe thể thao màu đỏ của bà chạy trên đường 50 tới thung lũng Squaw Valley để xuống bơi xuống gỗ mùa hè.

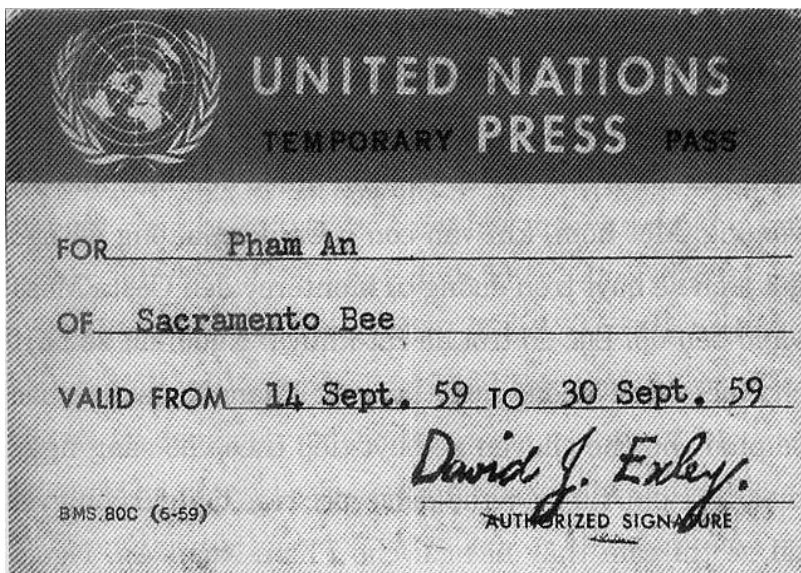
Nhiệm vụ của Phạm Xuân Ân ở toà báo Sacramento Bee còn bao gồm cả việc đưa tin toà án, các cuộc thi tài năng của dân cao bồi, ươm cá giống, nhà tù Folsom nơi ông đã từng được ăn cùng với những tù nhân và đọc sách trong thư viện của nhà tù. Phạm Xuân Ân rất thích kỹ thuật trồng lúa ở Sacramento bằng phương pháp cơ giới hoá, khác rất nhiều so với ở Việt Nam. Ông thán phục hệ thống đê điều ở vùng đồng bằng Sacramento và tỏ ra ngạc nhiên khi thấy những máy bay bay thấp trên cánh đồng để gieo hạt giống.

Khi Phạm Xuân Ân rời toà báo Sacramento Bee, Eleanor McClatchy tặng ông một cuốn sách của riêng do cha cô viết. Trên cuốn sách có vài lời đề tặng: "Tặng Phạm Xuân Ân, chúng tôi rất vui có anh cùng làm việc tại toà báo Sacramento Bee và hy vọng anh lại đến với chúng tôi".

Sau đó, Phạm Xuân Ân đi thực tập ở Liên hợp quốc cũng do Quỹ Á châu dàn xếp. Khi biết rằng Quỹ này đã bố trí để ông đi bằng máy bay từ Sacramento đến New York, thì Phạm Xuân Ân liền lái xe thẳng đến tổng hành dinh của Quỹ Á châu ở San Francisco để thuyết phục các nhà tài trợ cho ông được lái xe hơi đi dọc nước Mỹ. Ông đề nghị tiền mua vé máy bay thì nên trao cho ông để chi phí dọc đường. Sau một hồi cảnh báo cho ông những mối nguy hiểm dọc đường nếu ông một mình lái xe đi dọc nước Mỹ, cuối cùng Quỹ cũng đã phải chiều theo nguyện vọng của Phạm Xuân Ân sau khi ông hứa là sẽ không bắt khách xin đi nhờ dọc đường.

Với món quà của bà Buss đặt trên chiếc ghế không người ngồi bên cạnh, Phạm Xuân Ân bắt đầu chuyến đi dọc nước Mỹ. Ông giải thích với tôi rằng chuyến đi đã giúp ông hiểu được rất nhiều về nhân dân Mỹ. Hàng ngày, ông dậy sớm và lái xe cho đến tận chiều tối nhưng đều dừng nghỉ tại hầu hết các điểm du lịch. Chọn con đường giữa nước Mỹ, Phạm Xuân Ân đi qua các bang Nevada, Utah, Wyoming, Nebraska, Iowa, Illinois, Indiana, Ohio (tại đây ông ghé thăm bố mẹ của Mills Brandes ở Huron), Pennsylvania, Maryland, New Jersey, New York, cuối cùng là đến Buffalo để ông có thể

tham dự một trại hè của sinh viên Việt Nam do các tu sĩ Thiên Chúa giáo thuộc ngành dịch vụ quốc tế tổ chức. Phạm Xuân Ân thậm chí còn vượt biên giới sang Canada để được ngắm thác nước Niagara một cách tốt nhất.



Phạm Xuân Ân thực tập tại Liên hợp quốc dưới danh nghĩa phóng viên báo Sacramento Bee (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Khi tôi hỏi Phạm Xuân Ân rằng ông đã học được điều gì trong chuyến đi, ông trả lời rằng ông rất ấn tượng "vì hệ thống tươi mới, khác rất nhiều so với Việt Nam... Tất cả mọi thứ đều hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Tôi có rất nhiều thứ để mà hấp thụ. Hầu hết mọi người đều thân thiện và sẵn sàng giúp đỡ. Và tôi khâm phục tính độc lập của người Mỹ trong suy nghĩ và trong lời nói. Tôi đã học được cách tư duy mới ở Mỹ và tôi có thể chẳng bao giờ thay đổi cách tư duy ấy kể cả đến thời kỳ sau chiến tranh người ta muốn làm thay đổi cách nghĩ của tôi cũng không được".

Sau đó, Phạm Xuân Ân kể cho tôi nghe một câu chuyện với hy vọng có thể minh họa cho tôi về tình hữu nghị của nhân dân Mỹ có ý nghĩa nhiều đến mức nào đối với ông. Một hôm, khi vẫn còn ở California, ông đã ngủ gật trên xe buýt trên đường từ Monterey đến Costa Mesa và lỡ bến đỗ. Lúc đó trời đã rất khuya. Người lái xe buýt cho biết xe sẽ không quay lại nữa. Phạm Xuân Ân chắc sẽ phải chờ cho chuyến xe buýt tiếp theo vào sáng ngày mai. Một phụ nữ trẻ nghe được cuộc trao đổi giữa ông với tài xế thì cảm thấy ái ngại cho Phạm Xuân Ân. Người phụ nữ này liền cùng xuống xe với ông để bà gọi một người bạn của gia đình đến chở Phạm Xuân Ân về Costa Mesa. Người phụ nữ nọ và Phạm Xuân Ân phải đi tìm một bộ điện thoại công cộng để gọi điện. Sau đó phải chờ gần hai giờ đồng hồ mới có xe của người bạn gia đình bà đến đón. Người phụ nữ này cũng ở lại chờ cùng với ông luôn. Phạm Xuân Ân nhớ lại: Người phụ nữ này là con gái của đại tá Thorton ở Stanford. Người

bạn của gia đình bà đến đón Phạm Xuân Ân là ông Mendenhall nhà ở Laguna Beach. Ông Mendenhall lái xe chở Phạm Xuân Ân trở về ký túc xá, trên đường đi ông cho biết ông có một người con trai làm việc trong không lực. Vài tuần sau, gia đình Mendenhall mời Phạm Xuân Ân đến nhà họ ăn cơm tối. Phạm Xuân Ân nhớ lại: Gia đình Mendenhall là những người ủng hộ mạnh mẽ Richard Nixon, trên tường phòng khách của gia đình treo bức ảnh lớn của Phó tổng thống Nixon. Trong bữa ăn, Phạm Xuân Ân biết rằng con trai của họ đóng quân tại tổng hành dinh quân sự ở Sài Gòn. Gia đình Mendenhall muốn Phạm Xuân Ân khi nào trở về Sài Gòn thì đến gặp con trai họ. Phạm Xuân Ân nói: "Là một tình báo viên, tôi đã nghĩ rằng hoàn toàn có thể khai thác được mối quan hệ này, nhưng tôi đã quyết định không làm việc đó và cũng không bao giờ nói về điều đó với cấp trên của tôi. Tôi vẫn giữ im lặng bởi vì sẽ là không sòng phẳng nếu như tôi lợi dụng một người mà con gái một người bạn của người ấy lại chính là vị cứu tinh đối với tôi vào tối hôm đó. Trong lúc tôi lạnh lẽo và cô đơn ai biết được điều gì có thể sẽ xảy ra đối với tôi đêm hôm đó. Thế mà người phụ nữ ấy đã đến cứu tôi và che chở cho tôi".

Phạm Xuân Ân lái xe từ Bumo qua Arlington, Virginia để có các cuộc hội ngộ với gia đình Brandes. Hôm đó, ông nghỉ lại tại nhà của họ ở đường South Joyce. Mills dẫn Phạm Xuân Ân vào thành phố Washington để đi thăm toà nhà FBI, Quốc hội, và sau đó là Nghĩa trang quốc gia Arlington. Những lúc không đi đâu, buổi sáng Phạm Xuân Ân ngồi xem truyền hình với Jud, đặc biệt là những chương trình đồ vui và phim. Những bộ phim ưa thích của Phạm Xuân Ân là Đồ Rê Mì, Đi tìm kho báu, Tim giá đúng, Tập trung, Tín Tác Dough, Tiếng đồng hồ, Maverick, Đoàn xe lửa, Khói súng, Có súng sẽ đi du lịch.

Sau đó Phạm Xuân Ân lái xe thẳng đến New York để tham gia chương trình thực tập nghề báo tại Liên hợp quốc. Ông đã đến kịp thời để được xem nhà lãnh đạo Liên Xô Nikita Khrusev phát biểu trước Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Khi Phạm Xuân Ân đang mải mê thực tập thì nhận được tin Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (khoá III) họp tại Hà Nội đã ra Nghị quyết về việc bắt đầu cuộc chiến tranh du kích ở miền Nam Việt Nam. "Khi tôi được tin về những người Cộng sản trở lại chiến tranh, tôi đã biết tôi phải trở về quê hương". Đặc điểm chiến tranh ở Việt Nam lúc này là diễn ra trong thời kỳ chuyển tiếp. Mùa hè năm ấy, một trận tấn công bất ngờ vào Trung tâm Huấn luyện của Quân đội Việt Nam Cộng hoà ở Biên Hoà đúng vào ngày kỷ niệm lần thứ năm Ngô Đình Diệm lên cầm quyền.

Cuộc tấn công đã gây ra những thương vong đầu tiên cho người Mỹ trong chiến tranh. Trận tấn công này được coi là táo bạo nhất của những người Cộng sản kể từ năm 1957, khi toà nhà thư viện của Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ (USIS) ở Sài Gòn bị đánh bom.

Phạm Xuân Ân bán chiếc xe tô của mình tại New York, đáp máy bay về California dự các cuộc họp với Quỹ Á châu để chuẩn bị cho cuộc trở về Việt Nam của ông. Quỹ Á châu đưa ra lời mời rất hấp

dẫn đối với ông: Phạm Xuân Ân có thể nhận việc làm với mức lương tuyệt vời tại Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ để thực hiện một chương trình có thể cho phép ông nhận được học bổng toàn phần lấy bằng tiến sĩ. Hoặc Phạm Xuân Ân có thể dạy tiếng Việt tại trường ngoại ngữ Monterey cho những cố vấn Mỹ sắp sang Việt Nam.

Rồi văn phòng Quỹ Á châu, Phạm Xuân Ân đi thẳng ra cầu Cổng Vàng để cân nhắc các khả năng lựa chọn. Ông mang theo tấm bưu thiếp mà Lee Meyer đã gửi cho ông trước đây trên mặt trước có bức ảnh về đảo Alcatraz. Là người mê tín, Phạm Xuân Ân tin rằng tấm bưu ảnh sẽ chỉ cho ông biết tương lai của ông sẽ như thế nào nếu ông trở về Việt Nam. Đảo Côn Sơn là Alcatraz. Ông cũng phân vân tự hỏi phải chăng tấm bưu thiếp là một tín hiệu muốn nói rằng ông nên ở lại California để được gần bên Lee? Cho tới lúc đó, Phạm Xuân Ân chưa hề nhận được chỉ thị nào về việc ông phải trở về Việt Nam.

Tại ngã tư đường quan trọng này, Phạm Xuân Ân đã quyết định rằng chỉ có về nước ông mới cống hiến được tốt nhất cho Tổ quốc Việt Nam của ông. "Tôi lo cho gia đình tôi, cho những người lãnh đạo của tôi, và nhiệm vụ của tôi. Tôi đã hứa trước Đảng. Nay tôi đã ba mươi hai tuổi rồi. Tôi biết sớm muộn gì thì tôi cũng phải trở về nước. Tôi còn có nhân dân trông cậy vào tôi và sứ mạng của tôi".

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 4

Sự xuất hiện của một cuộc đời hai mặt

Tài liệu này chứng tỏ rằng Ban lãnh đạo Cộng sản đã có năng lực chuyên môn để vạch ra những kế hoạch chi tiết...

Điều này sẽ đẩy lùi quan điểm của một số người có xu hướng coi Cộng sản chỉ là những nông dân trồng lúa lạc hậu và mù chữ...

Đoạn ghi chép về Việt Cộng theo Báo cáo Hành động về trận Ấp Bắc ngày 2/11/1963

Trở lại Sài Gòn vào một ngày cuối tháng 9/1959 sau hai năm ở Mỹ, điều mà Phạm Xuân Ân sợ nhất là vừa ra khỏi máy bay đã bị bắt giải đi mất tiêu. Phạm Xuân Ân đã bố trí cho cả gia đình ra đón ở

sân bay để nếu chẳng may ông bị bắt, thì còn có người chứng kiến. Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Có gia đình ở sân bay, nếu mình có bị bắt thì ít nhất má cũng biết con mình đã bị bắt như thế nào". Thời kỳ đó, rất nhiều đồng đội của Phạm Xuân Ân đã bị bắt tống vào nhà lao. Biết đâu có ai trong số họ đã khai ra việc ông là một đảng viên Cộng sản.

Một trong những người trung kiên nhất là ông Mười Hương, chỉ huy trực tiếp của Phạm Xuân Ân, cũng đã bị bắt năm 1958 và đang bị giam giữ ở nhà lao Chín Hàm. Ông Mười Hương là một trong những người tổ chức mạng lưới tình báo chiến lược ở miền Nam Việt Nam. Chính ông Mười Hương đã tuyển mộ Phạm Xuân Ân vào mạng lưới tình báo này rồi cử sang Mỹ làm nhiệm vụ.

Tại sân bay, khi các thành viên trong gia đình đang đi tới đi lui, Phạm Xuân Ân nhìn quanh một lượt để xem có cảnh sát không. Chẳng có ai tiến lại để bắt ông. Do đi vắng lâu không nắm được tình hình ở nhà, nên suốt một tháng đầu kể từ khi về nước, Phạm Xuân Ân cứ ở lì trong nhà. Phạm Xuân Ân đề phòng trường hợp nếu mạo hiểm đi ra ngoài đường một mình, ông có thể bị bắt. Hầu như ngày nào Phạm Xuân Ân cũng đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài để cố tìm xem có dấu hiệu nào chứng tỏ ông đang bị giám sát hay không. Ông đã thận trọng vạch ra một kế hoạch đơn giản để thử bằng cách viết gửi một lá thư cho bác sĩ Trần Kim Tuyền, người mà hai năm về trước đã giúp ông tháo gỡ khó khăn trong vấn đề hộ chiếu, visa. Trần Kim Tuyền vẫn còn quan hệ rất chặt với Ngô Đình Nhu, em trai của Ngô Đình Diệm.

Trong thư gửi bác sĩ Trần Kim Tuyền, Phạm Xuân Ân viết: "Tôi mới học xong lớp báo chí ở Mỹ và đã về nước, hiện đang cần một việc làm. Ông có thể bố trí cho tôi vào đâu được không?". Theo tính toán của Phạm Xuân Ân, nếu quả thực ông sắp bị bắt thì bác sĩ Trần Kim Tuyền không bao giờ bố trí việc làm cho ông. Vì Trần Kim Tuyền là người nắm giữ danh sách Việt Cộng.

Vóc dáng bé nhỏ, cân nặng chưa đầy 45 kg, Trần Kim Tuyền được William Colby mô tả là người "luôn tỏ ra điềm tĩnh, e dè như một nhà Nho". Thế nhưng, giấu kín bên dưới vẻ bề ngoài đó là một nhân vật chống Cộng sản rất quyết liệt, một tên trùm mưu mô, một kẻ âm mưu đảo chính khét tiếng. Trần Kim Tuyền học y khoa, nhưng chưa bao giờ hành nghề y. Thế nhưng quyền lực của ông ta lớn đến nỗi ai cũng gọi ông ta là bác sĩ. Trần Kim Tuyền chỉ tin cậy vài người bạn trong tổ chức của ông ta, những người tỏ ra trung thành với ông trong việc chống Cộng sản.

Bác sĩ Trần Kim Tuyền nhận thấy ngay giá trị của việc có một người tốt nghiệp ở Mỹ như Phạm Xuân Ân làm việc cho Chính quyền Diệm. Ông ta liền bố trí cho Phạm Xuân Ân vào làm nhân viên trong Văn phòng Phủ Tổng thống. Với vị trí này, Phạm Xuân Ân tiếp cận được các hồ sơ về quân đội, quốc hội, và nói chung là các loại hồ sơ về tất cả các tổ chức ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, ngay sau đó Trần Kim Tuyền lại nhận thấy một điều quan trọng hơn trong việc sử dụng kỹ năng báo chí của ông Phạm Xuân Ân, một đệ tử mới của ông ta vừa có lời xin bố trí việc làm. Bác sĩ Trần Kim Tuyền liền bảo Phạm Xuân Ân đến gặp Nguyễn Thái, Tổng Giám đốc Việt Tấn Xã (Vietnam Press).

Việt Tấn Xã là một cơ quan báo chí chính thức của chế độ Ngô Đình Diệm. Từ hàng ngàn tin tức do các hãng thông tấn lớn quốc tế cung cấp mỗi ngày, Việt Tấn Xã có nhiệm vụ lựa chọn ra những tin nào phù hợp về mặt chính trị để cho dịch sang tiếng Việt rồi xuất bản, coi đó như là quan điểm chính thức của Chính quyền Ngô Đình Diệm. Nguyễn Thái giải thích: "Do vậy, Việt Tấn Xã hoạt động như một cơ quan kiểm duyệt các tin tức quốc tế được lựa chọn để sử dụng trong nước. Các bản tin của Việt Tấn Xã được sử dụng trên tất cả các chương trình phát thanh của mạng lưới đài phát thanh quốc gia của chính phủ".

Giống như Phạm Xuân Ẩn, Nguyễn Thái cũng đã từng được đào tạo ở Mỹ. Chính tại Hoa Kỳ Nguyễn Thái đã gặp Ngô Đình Diệm lần đầu tiên vào tháng 6/1952 tại một hội nghị của các sinh viên Thiên Chúa giáo. Hồi đó Nguyễn Thái là chủ tịch của Hội sinh viên Thiên Chúa giáo ở Hoa Kỳ. Sau lần gặp ấy, Ngô Đình Diệm thường xuyên gửi thư cho ông để trao đổi những phân tích về tình hình chính trị ở Việt Nam, cũng như những đánh giá riêng của Diệm về cơ hội trở về nắm quyền. Sau này, Nguyễn Thái có lần đến thăm Ngô Đình Diệm ở Maryknoll Monastery thuộc Lakewood, bang New Jersey. Nguyễn Thái còn dàn xếp để cho Ngô Đình Diệm một lần đến giảng bài tại khoa Đông Nam Á của Đại học Cornell. Tháng 6/1954, sau khi đã trở về Sài Gòn, Ngô Đình Diệm điện cho Nguyễn Thái đang học tại Trường Đại học bang Michigan, đại ý nói rằng Thái nên về nước để giúp mình xây dựng một miền Nam Việt Nam độc lập. Chẳng bao lâu sau, Nguyễn Thái về nước trở thành một chủ bút đồng thời là Tổng Biên tập Tạp chí Thời báo Việt Nam. Tháng 5/1957, Nguyễn Thái được Ngô Đình Diệm cất nhắc lên chức Tổng Giám đốc Việt Tấn Xã.

Với vị trí của mình, Nguyễn Thái nắm được nhiều bí mật của chính quyền Ngô Đình Diệm. Nguyễn Thái nhớ lại: "Gần như ngày nào cũng vậy, tôi thường được đích thân Tổng thống Ngô Đình Diệm yêu cầu phải theo dõi mẩu tin đặc biệt này nọ để "nhào nặn" theo cách này cách khác vì những lý do đặc biệt về chính sách. Thông tin là quyền lực. Thông tin phải được sử dụng để phục vụ cho những người độc quyền thông tin đó". Một trong những người tìm cách kiểm soát thông tin là bác sĩ Trần Kim Tuyến. Nguyễn Thái nói: "Tôi chẳng lạ gì khi nghe Trần Kim Tuyến nói rằng vụ án quan trọng về mặt chính trị này nọ sẽ được toà án Sài Gòn xét xử để cho ra kết quả thế này thế khác. Hoặc là vào ngày này, ngày nọ sẽ có sự kiện (biểu tình đường phố, lục soát một tờ báo của phe đối lập, hoặc một cuộc bầu cử). Và rằng sẽ là "thích hợp" cho Việt Tấn Xã đưa tin liên quan theo cách này, cách khác nhằm phục vụ cho lợi ích của chế độ Ngô Đình Diệm".

Trần Kim Tuyến muốn Phạm Xuân Ẩn nằm trong Việt Tấn Xã để Tuyến có thể kiểm chế Nguyễn Thái.

Nhưng chính Nguyễn Thái cũng muốn Phạm Xuân Ẩn làm việc cho mình. Nguyễn Thái nhớ lại: "Phạm Xuân Ẩn là nhân viên đầu tiên của Việt Tấn Xã được đào tạo báo chí ở Mỹ và là người nói trôi chảy tiếng Anh. Hơn nữa, tôi đang cần một phóng viên giỏi như vậy để đưa tin từ văn phòng

Tổng thống, vì đây là một nhiệm vụ rất nhạy cảm. Tôi nhận thấy Phạm Xuân Ân rất thạo tin và quan hệ rộng. Dường như ông ấy quen biết tất cả những nhân vật quan trọng ở Nam Việt Nam, nhưng không bao giờ thấy ông khoe khoang điều đó. Đầu óc dí dỏm và khiếu hài hước khiến cho ông trở thành một người mà ai cũng thích".

Phạm Xuân Ân được các nhà báo quốc tế ở Sài Gòn yêu quý đến mức phóng viên quốc tế nào cũng đánh giá rất cao về ông, thậm chí họ sẵn sàng dẫn chứng ông là người vĩ đại của miền Nam Việt Nam. Ông Phạm Xuân Ân làm việc cho Việt Tấn Xã không lâu, bởi vì ông được các tờ báo lớn và các hãng thông tấn nước ngoài mời chào vào làm việc ở vị trí cao. Tất cả các cơ quan báo chí nước ngoài ở Sài Gòn đều đánh giá cao Phạm Xuân Ân bởi sự hiểu biết sâu sắc về chính trị Việt Nam của ông và việc ông có quan hệ rộng với các quan chức địa phương.

Ngày còn làm việc ở Việt Tấn Xã, Phạm Xuân Ân thể hiện là người có tính chuyên nghiệp cao, mà ông coi đó là đặc điểm xuyên suốt toàn bộ cuộc đời nghề nghiệp của mình. Bác sĩ Trần Kim Tuyền có kế hoạch sử dụng Việt Tấn Xã như một cơ quan bình phong cho các điệp viên của chính quyền Ngô Đình Diệm ra hoạt động ở nước ngoài. Trần Kim Tuyền chỉ thị cho Nguyễn Thái phải mở lớp đào tạo ngắn hạn về báo chí cho các điệp viên của ông ta trước khi được tung sang New Delhi, Jakarta, Cairo để hoạt động tình báo.

Nguyễn Thái hoàn toàn bác bỏ chỉ thị này của Trần Kim Tuyền. Cuối cùng, Trần Kim Tuyền bảo đó là mệnh lệnh của Ngô Đình Nhu thì Nguyễn Thái mới chịu chấp nhận vì không còn lựa chọn nào khác.

Nguyễn Thái liền giao nhiệm vụ cho Phạm Xuân Ân đào tạo nghề báo cho các điệp viên của Trần Kim Tuyền. Lý do không chỉ vì ông Phạm Xuân Ân vừa tốt nghiệp báo chí ở Mỹ trở về, mà còn vì ông có quan hệ tốt với Trần Kim Tuyền.

Khi Phạm Xuân Ân nhận thấy các điệp viên của Trần Kim Tuyền không dự lớp của ông một cách nghiêm túc, thì ông đã đi thẳng đến gặp Trần Kim Tuyền để phản ánh. "Ông xem đấy. Tôi không thể dạy cho người của ông được nữa, chừng nào ông ra lệnh cho họ phải hiểu được tầm quan trọng của việc có một vở bọc như thế nào. Bởi vì họ sẽ bị bắt ngay nếu không học được nghề bình phong này. Họ cần nắm được chi tiết cách viết và gửi tin bài, cách phỏng vấn, và cách xây dựng nguồn tin. Nếu họ không học được những điều đó, thì chắc chắn sẽ bị bắt và khi đó, ông cũng sẽ gặp rắc rối". Sau buổi đó, các điệp viên của Trần Kim Tuyền trở lại học nghề báo chí làm vở bọc nghiêm chỉnh hơn. Bản thân Phạm Xuân Ân là một điệp viên Cộng sản hoạt động dưới vở bọc, giờ đây lại đang đào tạo nghề vở bọc cho các điệp viên chống Cộng sản của bác sĩ Trần Kim Tuyền. Có lẽ đây là điều mà ở Việt Nam chưa bao giờ có.

Đúng như Nguyễn Thái từng dự đoán, Phạm Xuân Ân không ở làm việc cho Việt Tấn Xã được lâu, mà chuyển sang làm cộng tác viên cho Hãng thông tấn xã Anh Reuters. Phạm Xuân Ân cộng tác với

phóng viên Reuters Peter Smark, người Australia. Văn phòng của Reuters đặt ngay trong khuôn viên của Việt Tân Xã.

Sau này, Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Peter Smark thực sự là người rất hiểu biết về Việt Nam. Giáo sư cần đọc thêm những bài báo của ông ấy". Giọng điệu và cách nói của Phạm Xuân Ân khiến tôi hiểu rằng nếu tôi đọc những bài báo đó của Peter Smark tôi và ông sẽ có thêm nhiều đề tài nữa để trao đổi.

Tôi hôm đó, tôi đã lên mạng Internet tìm kiếm các bài viết của Smark, trong đó có bài viết dưới tựa đề "Chết chóc và nôn mưa: Nghĩa địch thực của cuộc chiến tranh". Peter Smark viết bài báo này năm 1990, nhưng kể lại những sự kiện mà chính ông chứng kiến ở Việt Nam hồi năm 1961. Khi đó, tôi mới hiểu vì sao Phạm Xuân Ân lại muốn tôi đọc bài báo nói trên để hiểu thêm về Peter Smark như lời ông đã viết: "Chúng tôi đến một làng nhỏ gần Mỹ Tho đi xuyên qua những cánh đồng lúa xanh mướt. Trên bờ ruộng lúa, những cây dừa vút lên, lá đong đưa theo gió. Dưới nắng trưa hè gay gắt, ba bé gái ríu rít như chim non, tay che mặt cười rúc rích khi thấy những người nước ngoài to lớn nặng nề và vụng về đang mò mẫm tìm kiếm điều gì. Bị vút chòng chөр như những đồng rác nằm trên đất là những xác chết. Tôi nhớ rất rõ và không bao giờ quên được có tất cả 82 xác chết. Nơi đây đã diễn ra một trận chiến ác liệt vào ngày hôm trước. Ruồi nhặng đã bu đầy lên những xác chết. Là phóng viên chiến trường, tôi đã chuẩn bị cho mình có thể phải chứng kiến cảnh đổ máu, lòi ruột, và mùi hôi thối. Nhưng chưa bao giờ tôi chuẩn bị cho mình phải chứng kiến cảnh ruồi nhặng bu đầy lên những xác chết. Tôi cũng chẳng biết vì sao trước đó tôi chưa từng nghĩ tới ruồi nhặng, chuột bọ. Nhưng nhờ vậy mà ở tuổi 24, tôi mới hiểu được ý nghĩa thật sự của chiến tranh... Ngày hôm đó vào năm 1961, tôi đã phải vã mồ hôi và nôn mưa khi nhìn những cảnh tượng khủng khiếp ấy. Những ý nghĩa dồn dập, rời rạc, chẳng liên quan gì đến nhau cứ cuồn cuộn trong đầu óc tôi...".

Hôm sau, tôi đến gặp Phạm Xuân Ân tại nhà riêng của ông. Tôi chia cho ông xem bài báo của Peter Smark. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi đã gặp và nói chuyện với Peter Smark sau khi ông ấy từ Mỹ Tho trở về. Peter Smark đã hiểu được chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam như thế nào và có gì thú vị trong cái chương trình mới nhằm chống lại những người nổi dậy. Peter Smark là một trong số những người đầu tiên nhận thấy tình hình sắp phát triển thành một cuộc chiến tranh lớn. Peter Smark và tôi trở nên rất thân thiết. Ông ấy đến dự đám cưới của tôi. Còn tôi thỉnh thoảng cũng cung cấp cho ông ấy một số thông tin có giá trị".

Như vậy, trong năm đầu tiên sau khi từ Mỹ trở về, ông Phạm Xuân Ân đã tiếp cận được với bác sĩ Trần Kim Tuyền, làm việc với tư cách một nhân viên trong Phủ Tổng thống, kết bạn được với Nguyễn Thái ở Việt Tân Xã, và chuyển sang làm việc cho Hãng tin Anh Reuters. Từ tháng 5/1962, một phóng viên người New Zealand tên là Nick Turner đã thay thế Peter Smark làm Trưởng phân xã Reuters tại Sài Gòn. Sau này, có lần Nick Turner viết: "Một điều thuận lợi khác mà tôi có đó là ông

trợ lý người Việt Nam của tôi, Phạm Xuân Ân. Chúng tôi phải phụ thuộc rất nhiều vào các trợ lý người Việt Nam, chẳng hạn như những người phiên dịch, những người hiểu và giúp phân tích cho chúng tôi nghe tình hình chính trị ở Việt Nam, cũng như cuộc chiến tranh quân sự đang ngày một tăng cường. Phạm Xuân Ân của tôi được coi là người giỏi nhất Sài Gòn, rất thạo tin và sắc sảo. Khi đó, Phạm Xuân Ân là một nhân viên tình báo của riêng tôi. Sau này, tôi mới biết Phạm Xuân Ân còn là một sĩ quan tình báo của Việt Cộng, mang quân hàm đại tá. Làm việc cho Reuters đã tạo cho Phạm Xuân Ân một vỏ bọc hoàn hảo để đi lại và thu thập tin tức".

Trên thực tế, khi đó công việc của Phạm Xuân Ân với tư cách một nhà tình báo chiến lược mới chuẩn bị bắt đầu. Ông có thể sử dụng tất cả những mối quan hệ của mình với các nhân vật chống Cộng sản khét tiếng. Đồng thời, Phạm Xuân Ân có thể phát huy tất cả những kỹ năng xã hội mà ông học được ở OCC để tiếp cận các tài liệu, các buổi thông báo tin tức giúp ông hiểu được những mấu chốt để chống lại những chiến thuật mới của Mỹ ở Việt Nam.

Miền Nam Việt Nam không có học viện đào tạo nghề tình báo. Điều trớ trêu ở đây là để chuẩn bị hành trang cho nghề điệp viên, Phạm Xuân Ân đã học được rất nhiều từ cuốn sách xuất bản năm 1963 mang tựa đề "Mổ xẻ nghề tình báo: Điệp viên và các kỹ thuật của điệp viên từ Rome cổ đại đến U-2".

Phạm Xuân Ân cho biết, nhà báo trẻ tuổi ở Sài Gòn hồi đó là David Halberstam đã tặng cho ông cuốn sách này. Nhờ đó mà ông đã nâng cao được rất nhiều kỹ năng viết tin tức, báo cáo của mình. Phạm Xuân Ân lấy cuốn sách từ trên giá sách của ông, rồi chỉ cho tôi thấy những đoạn quan trọng chủ yếu. Bắt đầu từ đoạn nói về siêu điệp viên Liên Xô Richard Sorge, một phóng viên được cấp thẻ làm việc cho bốn tờ báo khi ông hoạt động dưới vỏ bọc ký giả ở Nhật Bản từ năm 1933-1942. Vỏ bọc của Sorge đã cho phép ông tiếp cận được vào trong Đại sứ quán Đức. Nhờ đó, phóng viên Richard Sorge thiết lập được các mối quan hệ giá trị với liên tục nhiều đời đại sứ Đức. Những đại sứ này là nguồn cung cấp tin chủ yếu cho các báo cáo tình báo của Sorge. Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Điều đó rất quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là Sorge đã mắc sai lầm, ông đã bị bắt, và đã bị Nhật Bản treo cổ. Đó là số phận của những nhà tình báo mà lúc nào bản thân tôi cũng luôn lo sợ". Ngày 5/11/1964, Richard Sorge được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

Sau này có lần Phạm Xuân Ân nói với một người Việt Nam viết hồi ký cho ông: "Nghề của tôi có hai điều cấm kỵ và bắt buộc. Thứ nhất, nếu chẳng may bị bắt mà không thể trốn thoát, anh phải tự coi mình là người đã chết. Cái cần phải bảo vệ ở đây không phải là thân thể của mình. Anh phải tự coi mình đã chết rồi, nhưng các nguồn tin của mình thì không bao giờ được tiết lộ. Anh không được thú nhận. Đó là điều bắt buộc. Tất nhiên anh có thể khai nhận những điều mà kẻ thù đã biết. Tuy nhiên, điều sống còn đối với nghề là phải bằng mọi giá bảo vệ những người đã cung cấp tin cho mình. Thứ hai, tất cả những gì mà anh thu thập được phải là đầy đủ và hoàn toàn bí mật".

Trong cuốn sách về "mô xê nghề tình báo" của Phạm Xuân Ẩn, thấy đầy những đoạn đánh dấu đậm tại những đoạn nói về gặp gỡ với liên lạc viên tình báo. "Vi những lý do an ninh, thông thường vẫn được coi là an toàn hơn nếu việc tiếp xúc với liên lạc được thực hiện tại nơi công cộng có nhiều người. Hai người mà gặp nhau tại một nơi ít người qua lại thì dễ tìm được nhau, nhưng nếu một trong hai người đó bị lộ, thì tự động người kia cũng bị lộ theo. Tại nơi đông người, chẳng hạn như quán bar, nhà hát, nơi xem thi đấu thể thao, nhà ga xe lửa thì các cuộc tiếp xúc có thể được tiến hành dễ dàng mà không gây ra chú ý cho bất kỳ ai. Tài liệu liên lạc có thể được chuyển giao cho nhau bằng rất nhiều cách mà không nhất thiết hai người phải đứng nói chuyện với nhau". Một đoạn khác của cuốn sách cũng được đánh dấu đậm nói về mực bí mật và các kỹ thuật nguy trang khác.

Phạm Xuân Ẩn chọn cách nguy trang các cuộn phim của mình bằng cách giấu bên trong những bánh trứng cuộn hoặc những miếng nem chua gói lá chuối. Những tình báo viên khác lại chọn những phương pháp khác. Con trai của ông Ba Quốc - một sĩ quan tình báo, cũng được phong danh hiệu Anh hùng nhớ lại: "Chúng tôi mua một đôi dép, bóc một phần đế dép ra rồi dùng dao khoét một cái lỗ tại phần đệm êm của đế dép. Tài liệu dưới dạng phim âm bản có thể được giấu bằng cách này, sau đó dùng keo dán đế dép lại như cũ... một đôi dép có thể cất giấu được nửa cuộn phim. Nửa kia của cuộn phim âm bản phải được cắt rời ra, sau đó cuộn lại cho rất nhỏ rồi giấu trong một món đồ chơi của trẻ em". Tất cả những thứ đó được xếp vào trong một túi xách làm bằng giấy dầu màu vàng. Chính trên chiếc túi xách bằng giấy này cũng đã viết bằng mực bí mật các báo cáo tình báo, các bản tóm lược tài liệu khác mà không thể chụp ảnh được.

Con trai điệp viên Ba Quốc nói: "Chúng tôi dùng những giấy sau khi đã viết lên đó bằng mực bí mật như vậy để gói đồ hoặc dán chúng vào nhau làm thành những cái túi xách bằng giấy để đựng đồ... Như vậy, cả đồ đựng lẫn vật trong đồ đựng ấy đều mang các thông tin tình báo. Ba tôi thường đặt chiếc túi xách đó vào trong cốp xe hai bánh gắn máy Vespa, rồi chuyển giao cho một người là giao liên nội thành Sài Gòn".

Mối nguy hiểm thường trực đối với bất kỳ điệp viên nào là ở chỗ người liên lạc có thể bị bắt cùng với những tài liệu. Những tài liệu bị bắt này sẽ được chuyển cho Trung tâm khai thác tài liệu hỗn hợp (CDEC), nơi các chuyên gia có thể phát hiện và truy ra nguồn.

Ông Phạm Xuân Ẩn cho rằng: "Các tài liệu không chỉ là những báo cáo bí mật, mà còn là chính bản thân người điệp viên. Nếu anh để mất tài liệu anh cũng sẽ mất luôn người tình báo viên đó". Trước tháng 10/1965 bộ phận phân tích tài liệu, thường được gọi là bộ phận khai thác, chủ yếu do bên quân đội Việt Nam Cộng hoà phụ trách. Phạm Xuân Ẩn nhớ lại có lần, một đầu mối quan hệ của ông làm việc trong bộ phận khai thác cho ông xem tập tài liệu bắt được của đối phương. Tài liệu này lại chính là bản tóm tắt nội dung báo cáo tình báo của chính Phạm Xuân Ẩn với cấp trên của ông về kế hoạch chống nổi dậy và chiến lược của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi diên tiết

quá liền đi thẳng vào rừng nói với cấp trên rằng phải rất cẩn thận khi tóm lược và xử lý nội dung các báo cáo của tôi. Vì bản báo cáo nói trên tôi viết từ năm 1961, nên tôi biết đó chính là của tôi. Các thông tin trong đó tuy đã cũ, nhưng đối phương vẫn có thể từ đó mà lần mò ra được nguồn".

Phạm Xuân Ân luôn tự ví mình như một con sói cô đơn, bởi vì chẳng ai giám sát hoạt động hàng ngày của ông. Trong con mắt của cộng đồng tình báo Mỹ, Phạm Xuân Ân là một điệp viên đơn lẻ hoạt động trong môi trường bị cô lập. Tình hình nguy hiểm đến mức mọi tiếp xúc tình báo trực tiếp đều không cho phép. Tất cả mọi việc liên quan đến hoạt động tình báo đều tùy thuộc ở sự sáng tạo của Phạm Xuân Ân.

Thế mà ông đã từng có nhiều người chỉ huy trực tiếp, bắt đầu từ thời ông Mười Hương. Mỗi khi Trung ương Cục miền Nam có yêu cầu đặc biệt, Phạm Xuân Ân sẽ nhận được chỉ thị thông qua những thông tin được mã hoá do bà Ba chuyển tới, hoặc người nữ liên lạc này tìm cách gây chú ý với Phạm Xuân Ân khi ông đến đón các con giờ tan trường.

Phạm Xuân Ân luôn khẳng định: "Tôi là một nhà tình báo chiến lược, chứ không phải là nhà tình báo chính trị. Các nhà tình báo chính trị thì làm những việc như là tổ chức ra các nhóm lật đổ và làm những việc như những điệp viên chính trị. Tôi là một học trò của Sherman Kent. Công việc của tôi là phân tích thông tin".

Sherman Kent là tác giả nhiều cuốn sách, trong đó có cuốn giải quyết một cách hệ thống vấn đề phân tích tình báo. Cuốn sách này mang tựa đề "Tình báo chiến lược đối với chính sách thế giới của Mỹ". Phạm Xuân Ân biết đến Sherman Kent từ Lansdale và từ những đồng nghiệp của ông làm việc trong Tổ chức tình báo Trung ương Việt Nam (CIO) mỗi khi họ đi dự một khoá huấn luyện do CIA tổ chức. Tài liệu chính để các học viên khoá huấn luyện này đọc là sách về tình báo của Sherman Kent. Sau chuyến thăm lịch sử của Tổng thống Mỹ Richard Nixon đến Trung Quốc hồi tháng 2/1972, một sự thay đổi quan trọng đã diễn ra trong cách thức hoạt động của Phạm Xuân Ân. Ông nhớ lại: "Sau chuyến thăm của Nixon, tôi đã phải thay đổi tất cả mọi thứ, bởi vì có quá nhiều gián điệp Trung Quốc hoạt động ở Việt Nam. Bất cứ hoạt động gì cũng trở nên quá nguy hiểm, trừ các báo cáo. Do vậy, tôi đã phải dành nhiều thời gian để đọc và phân tích các tài liệu và sau đó đánh máy thành những báo cáo dài.

Chỉ có một lần vào năm 1974, tôi đã làm một việc ngoại lệ, nhưng khi đó Mỹ đã rút khỏi miền Nam Việt Nam. Tôi đã nói với cấp trên của mình rằng tôi chỉ là một nhà phân tích, nếu cấp trên cần các tài liệu thì hãy bảo những điệp viên khác làm điều đó. Những điệp viên ấy họ được học nhiều cách để lấy tài liệu chứ từ nay đừng bảo tôi nữa. Đã từng có một lần tôi suýt bị lộ tẩy chỉ vì tài liệu tôi gửi về nhà sau đó lại bị lọt vào tay đối phương".

Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng chính cuốn sách "Mỏ xè nghề tình báo" của Sherman Kent đã giúp cho ông chuẩn bị tinh thần để sống một cuộc đời cô đơn, tự kiểm soát mình và giữ nguyên tắc: "Tình

báo viên rất cô đơn. Chính bản chất các hoạt động của người tình báo không cho phép anh ta bộc lộ mình, vì nếu làm như vậy vô hình chung anh ta đã gián tiếp bộc lộ ý đồ của mình... Người tình báo phải hoàn toàn kiểm soát được mình và phải là người có khả năng hướng các linh cảm và sự phản ứng của mình vào nguyên tắc do anh ta tự đặt ra một cách nghiêm ngặt".

Cuốn sách nói trên cũng khiến cho các tình báo viên sau khi đọc, luôn cảm thấy nỗi lo sợ và sự ám ảnh rằng bất cứ lúc nào sứ mạng của họ cũng có thể kết thúc và cuộc đời cũng tiêu luôn. "Trong thời chiến cũng như thời bình, nhưng đặc biệt là trong thời bình, người tình báo phải luôn cảnh giác với kẻ thù của mình. Bất cứ ai cũng có thể trở thành người chống lại người tình báo. Chỉ cần tự bộc lộ trong một giây thoáng qua thôi, cũng đủ để đối phương mở một đợt tấn công người tình báo. Những người tình báo đều biết rõ điều này. Ngay từ đầu, anh ta đã phải nhận thức được sự trả thù mà đối phương dành cho mình sẽ như thế nào nếu chẳng may anh bị bắt. Đó là sự nguy hiểm về tính mạng. Hoặc giả nếu anh ta không bị giết, thì rất có thể đối phương sẽ tra tấn để moi ra bằng hết những thông tin mà anh ta nắm được. Sự tra tấn có thể là cắt chân, cắt tay mà người tình báo luôn phải nghĩ trước được".

Đối với Phạm Xuân Ân, "Điệp viên may mắn là điệp viên chưa bị bắt". Ông luôn tự cho mình là một điệp viên may mắn. Phạm Xuân Ân có một số lần suýt bị lộ nhưng đặc biệt có hai lần ông không bao giờ quên. Lần thứ nhất xảy ra khi Phạm Xuân Ân mới từ Mỹ trở về nước và đang làm việc chỗ bác sĩ Trần Kim Tuyền. Thời gian đó, ông Minh "Lớn" là Trung tá thuộc Sư đoàn 3. Phạm Xuân Ân đã tiến cử một phụ nữ thuộc Đội quân phụ nữ (WAC) vào làm việc tại văn phòng của Trần Kim Tuyền.

Phạm Xuân Ân hoàn toàn không hề biết rằng người phụ nữ này mặc dù làm việc trong văn phòng của Minh "Lớn", nhưng vẫn đang bí mật làm việc cho Mặt trận (Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam). Nhờ sự tiến cử của Phạm Xuân Ân, người phụ nữ này được chuyển sang làm việc tại văn phòng của Trần Kim Tuyền. Cơ quan An ninh quân đội (MSS) liền đến hỏi Trần Kim Tuyền rằng ai đã tiến cử cô gái đó vào vị trí này. Tất nhiên sau đó, Phạm Xuân Ân bị triệu lên để làm rõ. Phạm Xuân Ân lập tức cự cãi: "Làm sao tôi có thể biết được cô gái đó là Việt Cộng? Tôi là người chưa kết hôn, cô ấy xinh đẹp lại có khả năng đánh máy chữ, thì tôi giới thiệu việc làm cho cô ấy thôi. Ngoài ra, tôi chẳng biết gì khác". Kể đến đây, Phạm Xuân Ân dừng lại rồi giở sang trang số 30 của cuốn sách *Mồ xé nghề tình báo*, "Hành động mau lẹ hoặc sẵn sàng đối phó là hai điều gần như luôn có sẵn trong khi thi hành nhiệm vụ. Đôi khi điều đó giúp giải thoát cho nhà tình báo khỏi mối nguy hiểm".

Với vẻ mặt thoải mái, Phạm Xuân Ân vừa rót thêm trà cho hai chúng tôi, vừa nói:

- Giáo sư thấy không? Chẳng có cái gì là nhỏ quá không thể phân tích được hoặc ứng dụng được trong nghề của tôi. Hy vọng giáo sư viết cả điều này nữa vào trong sách của giáo sư nhé".

Lần thứ hai ông Phạm Xuân Ân cũng suýt chết. Sự nhanh ý đôi khi cũng chứa đựng cả tình huống thảm họa tiềm tàng. Một hôm, sau khi các con đã ngủ say, ông được con chó Đức và người vợ đứng

cảnh giới, Phạm Xuân Ân ngồi viết báo cáo và làm phim chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ với người liên lạc là bà Ba. Sáng hôm sau, Phạm Xuân Ân nghe thấy đứa con gái nhỏ của mình nói với anh nó rằng tối qua nó tỉnh giấc lúc nửa đêm, thấy ba đang ngồi viết bằng một thứ mực đặc biệt, viết xong các chữ đều biến mất. Phạm Xuân Ân sợ hết hồn. Hôm đó, ông đã không hề nhận thấy con gái mình lên ra đứng xem ông viết. Vợ thì do mệt quá đã ngủ mất, còn con chó thì do nó không coi con gái ông là người lạ, nên không sủa.

Phạm Xuân Ân rất sợ con gái nhỏ của ông có thể mang chuyện đó đến lớp kể cho các bạn nghe về một loại mực đặc biệt ấy. Phạm Xuân Ân liền nghĩ ra một trò để xoá câu chuyện lạ nói trên trong đầu con gái mình. Đêm đó, Phạm Xuân Ân đánh thức cô con gái nhỏ dậy. Ông đặt sẵn một bóng đèn sáng ngay trước mặt cô bé. Sau đó, ông bảo con gái nhìn xuống một trang giấy đã viết bằng mực thông thường xem có thấy gì không. Tất nhiên, trong vài phút đầu, khi mắt còn đang phải điều tiết, bé không thể nhìn thấy gì trên giấy. Khi ấy, Phạm Xuân Ân mới giải thích cho con rằng tối qua con ngủ dậy lúc nửa đêm, thấy ba đang viết. Con đi từ trong phòng tối ra nơi ba đang làm việc có đèn sáng, nên con không nhìn thấy chữ ba viết đấy thôi. Như vậy, mắt của con bị quáng nên con không nhìn thấy mực ba viết trên giấy và hơn nữa, vì con mệt nên quên đấy thôi. Sau đó, cô con gái nhỏ của Phạm Xuân Ân không hề nhắc đến câu chuyện mực đặc biệt nữa. Con trai lớn của Phạm Xuân Ân là cháu Phạm Ân thì nói với tôi rằng do cháu rất tinh ngủ nên thường thấy ba làm việc muộn, nhưng cháu không hề để ý gì về điều đó.

Phạm Xuân Ân luôn nhấn mạnh yếu tố may mắn trong nghề tình báo. Ông thường xuyên đi xem bói và nếu như thầy bói cảnh báo điềm xấu, thì hôm đó ông không đi ra ngoài. Ông coi dãy số trên biển đăng ký xe tô của mình "NBC 258" là con số không may mắn vì tổng của nó chẵn 10. Người Việt Nam nói chung coi con số 10 là không may mắn. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi còn nhớ khi bà Nhu đặt việc đánh bạc ra ngoài vòng pháp luật, chúng tôi ngồi một góc đánh cược với nhau về các biển số xe hơi. Khi đó, chẳng ai đến ngồi bên chiếc xe hơi của tôi, chỉ vì xe tôi có biển đăng ký là con số không may mắn".



Chiếc xe của Phạm Xuân Ẩn hiện đang trưng bày cùng với những khẩu súng ngắn của ông Tư Cang tại Bảo tàng Quân đội ở Hà Nội (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn)

Vai trò của sự may mắn trong nghề tình báo có lẽ được thể hiện rõ nhất trong trường hợp của điệp viên Ba Quốc. Ông Ba Quốc trong hồ sơ đảng tịch có tên là thiếu tướng Đặng Trần Đức. Hoạt động trong cơ sở tình báo số H.67 dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam, điệp viên Ba Quốc đã hoạt động hơn hai mươi năm ở miền Nam Việt Nam. Nhưng không giống như Phạm Xuân Ẩn, vỏ bọc của điệp viên Ba Quốc cuối cùng bị lộ tẩy. Phạm Xuân Ẩn nói: "Trường hợp của ông Ba Quốc cho thấy tôi đã may mắn như thế nào và trong suốt thời gian đó, tính mạng của tất cả chúng tôi nguy hiểm như thế nào?".

Điệp viên Ba Quốc bị lộ trong một trường hợp hoàn toàn bất ngờ. Hôm đó, sau khi Ba Quốc đã gặp xong người liên lạc lâu năm của mình là Bảy Ánh tại một chợ đông người. Bảy Ánh là liên lạc viên tình báo chỉ làm việc riêng cho ông Ba Quốc suốt từ năm 1966 đến năm 1974. Tại cuộc tiếp xúc nói trên, Ba Quốc đã trao cho Bảy Ánh hàng chục cuộn phim. Riêng ngày hôm đó Bảy Ánh phải chuyển tiếp tài liệu và phim cho một nữ liên lạc trẻ tuổi để mang tới căn cứ ở Củ Chi.

Thật không may cho người nữ liên lạc trẻ tuổi này, hôm đó cảnh sát bất ngờ chặn chiếc xe buýt đi Củ Chi để tìm kiếm một người nào đó. Toàn bộ hành khách trên xe buýt bị tạm giữ để khám xét nhằm khẳng định rằng không có Việt Cộng nào trên xe. Tình cờ, khi khám đồ của hành khách, cảnh sát đã tìm thấy những tài liệu tình báo trong túi xách của người nữ liên lạc. Rất nhanh chóng, chỉ trong vòng vài ngày, cơ quan phản gián đã lần ra được điệp viên Ba Quốc. Nhưng ông Ba Quốc đã rất may mắn, kịp trốn thoát vào rừng trước khi cảnh sát ập đến nhà để bắt ông.

Phạm Xuân Ẩn nói: "Chỉ trong gang tấc thôi. Đó là điều mà lúc nào tôi cũng sợ. Có thể một người liên lạc bị bắt dẫn đến việc một ngày nào đó tôi bị lộ, cảnh sát liền ập đến Văn phòng Tạp chí Time để bắt tôi và thậm chí còn có thể tồi tệ hơn nữa là tôi bị bắt trong trường hợp không có người chứng

kiến. Sau đó, tôi sẽ bị tra tấn trước khi bị giết".

Thời kỳ làm việc cho Tạp chí Time, Phạm Xuân Ẩn chỉ sử dụng những tư liệu mà các phóng viên khác đã tiếp cận trước. Đó là những tài liệu của phía bên kia mà cảnh sát Sài Gòn thu được, những tin bài do các hãng thông tấn lớn phát phổ biến, những bài viết trên các báo chí, và cộng thêm thông tin từ các nguồn cao cấp của ông. Điều này chứng tỏ rằng Phạm Xuân Ẩn đã giữ lại một số thông tin, không viết hết cho Tạp chí Time những điều ông biết. Mặt khác, trong công việc của một nhà tình báo chiến lược, Phạm Xuân Ẩn phụ thuộc nhiều vào những tài liệu thu được từ nhiều mối quan hệ của ông trong tổ chức Tình báo Trung ương Việt Nam (CIO), quân đội Việt Nam Cộng hoà, Quốc hội, và các mối quan hệ tiếp xúc của ông trong các cộng đồng tình báo Mỹ, Pháp, Trung Quốc.

Phạm Xuân Ẩn nói với tôi: "Tôi đã sử dụng những tài liệu từ các quan hệ của tôi làm việc trong CIO cung cấp để viết thành báo cáo tình báo gửi vào trong rừng. Nguy cơ mắc sai lầm dẫn đến bị bắt là rất lớn. Do vậy tôi cần cảnh giác để đảm bảo rằng tôi đã không sử dụng sự hiểu biết thật của tôi để viết báo".

Làm nghề phóng viên đã hỗ trợ rất nhiều cho nhiệm vụ của nhà tình báo chiến lược, bởi vì công việc của nhà báo cũng là đi nghe ngóng tìm kiếm sự thực từ những tin đồn. Phạm Xuân Ẩn nhận thấy nghề làm báo và nghề tình báo có rất nhiều điểm tương đồng. Ông cho rằng "điểm khác nhau duy nhất giữa hai nghề này là ở chỗ cuối cùng thì ai là người đọc bài viết của anh?". Trong cuốn sách Mỏ xẻ nghề tình báo, Phạm Xuân Ẩn đã gạch chân đoạn "Một điệp vụ chỉ thành công khi biết chấp nối những mẩu tin đơn lẻ. Mới nhìn, chỉ thấy những mẩu tin đó chẳng có gì quan trọng. Nhưng nếu chấp nối lại và đặt chúng với hàng chục mẩu tin khác, sẽ cho ta thấy rõ một bức tranh về kế hoạch của các nhà chỉ huy". Cuốn sách nói trên của Phạm Xuân Ẩn cũng được gạch chân đậm tại phần lựa chọn nghề binh phong hay còn gọi là võ bọc: "Trên thực tế, nghề võ bọc mà người điệp viên lựa chọn có vai trò rất quan trọng trong việc che đậy những câu chuyện của điệp viên. Lý tưởng nhất là nghề võ bọc cho phép điệp viên đến gặp trực tiếp với các nguồn có thể cung cấp được những thông tin mà điệp viên đang đi tìm. Nếu không có nghề võ bọc phù hợp, thì nhà tình báo phải mất thêm thời gian để tìm kiếm cơ hội gặp gỡ không trực tiếp với nguồn tin".

Điều này giải thích vì sao Phạm Xuân Ẩn lại tin rằng vấn đề cực kỳ quan trọng đối với các điệp viên của bác sĩ Trần Kim Tuyến là phải coi trọng nghề võ bọc. Phạm Xuân Ẩn nói: "Nếu các bạn coi nghề võ bọc chỉ như một nghề giả tạo, một nghề mà người điệp viên không làm một cách thực sự có hiệu quả hoặc không thực tâm làm nghề đó, thì có thể nói điệp viên đó đã chết, chẳng khác nào anh ta không có võ bọc".

Phạm Xuân Ẩn không chỉ tài giỏi trong việc phân tích các số liệu, ông còn giỏi trong việc tổng hợp các cuốn sách giống như cuốn sách "Cuộc chiến tranh hiện đại: Một cách nhìn của Pháp về chống nổi dậy" của tác giả Roger Trinquier xuất bản năm 1961, cuốn cẩm nang đề cập đến các chiến thuật

của cuộc chiến tranh cách mạng nhằm lật đổ một chính quyền.

Phạm Xuân Ân cũng thường xuyên tham khảo trong cuốn sách xuất bản năm 1940 "Cội rễ của chiến lược: 5 bài học quân sự kinh điển vĩ đại nhất mọi thời" do chuẩn tướng T. R. Phillips biên soạn.

Cuốn sách này sưu tập những bài học kinh điển về quân sự có ảnh hưởng nhất thời kỳ trước thế kỷ XIX. Trong đó bao gồm các bài viết Nghệ thuật chiến tranh của tác giả Sun Tzu; Các cơ sở quân sự của người Roman, tác giả Vegetius; Sự mơ mộng của tôi về nghệ thuật chiến tranh, tác giả Marshal Maunce de Saxe; Chỉ thị của Frederick Đại đế cho các tướng lĩnh của ông; và Các câu châm ngôn quân sự của Napoleon.

Với tay lấy những cuốn sách đã nhàu nát từ trên giá sách gia đình, Phạm Xuân Ân khiến tôi chú ý tới những cuốn sách của các tác giả Sun Tzu và Maunce de Saxe. Mở ra một trang trong cuốn sách của Sun Tzu, Phạm Xuân Ân bảo tôi đọc một đoạn: "Trong việc bố trí chiến thuật, cách tốt nhất để đạt hiệu quả tối đa là che giấu. Việc che giấu lực lượng chiến thuật của mình sẽ giúp cho bạn tránh được những cái nhìn tọc mạch xảo quyệt của bọn gián điệp; tránh được những mưu toan của những bộ óc khôn ngoan nhất. Làm sao để có thể giành được thắng lợi và vượt qua được những chiến thuật của kẻ thù. Đó là điều mà rất nhiều người không thể lĩnh hội được.

Ai cũng có thể nhận thấy những chiến thuật được tôi chế ngự, nhưng không phải ai cũng thấy được yếu tố chiến lược làm nên thắng lợi. Người chỉ huy tài phải là người biết sửa chiến thuật của mình trong quan hệ với đối phương để giành thắng lợi về sau".



Phạm Xuân Ẩn để ria mép. Bức ảnh này do nhà báo Frank McCulloch chụp đã được đăng trên bản tin phía bên trái, trông ông Ẩn hơi giống thượng toạ Thích Trí Quang (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn, cùng sự cho phép của Lê Minh và Ted Thái)

Trước khi Mỹ tăng cường lực lượng ở khu vực xung quanh Củ Chi, Phạm Xuân Ẩn đôi khi cũng đến căn cứ Việt Cộng để trình bày các báo cáo của mình, cũng như để được giao thêm nhiệm vụ mới.

Phạm Xuân Ẩn áp dụng một cách thức rất lạ để thực hiện những chuyến đi về Củ Chi. Ông để ria mép và nuôi tóc dài hơn một chút nhằm che giấu khuôn mặt thật của mình. Mỗi khi thực hiện chuyến đi như vậy, Phạm Xuân Ẩn đều tạo ra một lý do cho sự vắng mặt của mình. Ông thường nói với các đồng nghiệp làm việc ở Tạp chí Time rằng "Giáo sư tình dục học đi nghỉ ba ngày ở Huế để tìm kiếm các em xinh tươi nhìn có vẻ nghệ sĩ và hippy".

Phạm Xuân Ẩn giải thích cho tôi: "Để ria mép là điều mà tôi đã học được từ CIO, không phải họ khuyến khích để ria, mà là họ coi ria là một trong những yếu tố kỹ thuật của CIO giúp nhận dạng người trong quá trình truy lùng Cộng sản. Các nhân viên CIO thường đi đến Củ Chi để dò hỏi người dân ở đó rằng có thấy ai lạ mặt đến vùng này không? Nếu chẳng may tôi bị xác định là một người lạ mặt, thì những mô tả của người dân về hình dạng bề ngoài của người lạ đó không giống với khuôn mặt thật của tôi. Chẳng có ai ở đó biết tên tôi, nên người dân chỉ có thể mô tả hình dạng bề ngoài. Các nhân viên CIO trong trường hợp đó sẽ ghi vào sổ của họ rằng có một kẻ lạ mặt để ria mép và cứ thế đi tìm kiếm những người có ria mép".

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn, vậy nếu có ai ở Sài Gòn nhớ ra rằng ông đã để ria mép thì sao? Phạm Xuân

Ẩn phá lên cười rồi nói rằng khi CIO đưa được thông tin như vậy về Sài Gòn rồi đi tìm kiếm người có ria mép, thì ông đã từ Huế trở về lâu rồi và chẳng ai còn nhớ chuyện ấy nữa. Tuy nhiên, nếu chẳng may có ai đó đến hỏi tôi về việc để ria, tôi sẽ hỏi lại: "Các ông đang nói gì vậy? Tôi đâu có ria mép. Nhìn tôi đi, có thấy sợi ria nào không? Tôi ra Huế để tìm gái đẹp chứ có đi Củ Chi để tìm Cộng sản đâu. Lúc đó, tôi sẽ bảo họ đi mà hỏi ông Nguyễn Cao Kỳ ấy. Ông Kỳ để ria mép, nên có thể ông ta đã có mặt ở Củ Chi". Tất nhiên, chưa bao giờ ông Phạm Xuân Ẩn gặp phải trường hợp như vậy. Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn điều gì sẽ xảy ra nếu một nhân viên CIO phát hiện được ông có mặt ở Củ Chi?

Phạm Xuân Ẩn trả lời: "Thế thì tôi phải chết thôi".

Sau này, khi đọc đoạn William Prochnau viết về Phạm Xuân Ẩn tôi mới nhận ra rằng vỏ bọc mà ông tạo ra lý do vắng mặt này đã mang lại hiệu quả như thế nào. William Prochnau viết: "Phạm Xuân Ẩn biết cách cắt được bệnh quan liêu giấy tờ, xử lý được thông tin, biết nói chuyện thơ ca, triết học, cũng như viết tin, bài cập nhật đến tận thời hạn cuối cùng để nộp bài. Có một người trợ lý Việt Nam tốt là điều cực kỳ quan trọng và Phạm Xuân Ẩn là người trợ lý tốt nhất. Thậm chí cả khi Phạm Xuân Ẩn biến mất trong vài ngày thì cũng chẳng qua chỉ là do ông có một mối tình bí mật ở đâu đó. Một điều vẫn còn là bí ẩn mà tôi chưa thể tìm được câu trả lời, đó là vì sao có rất nhiều người biết ông Phạm Xuân Ẩn theo chu kỳ thỉnh thoảng lại biến mất vài ngày, thế mà ông vẫn không hề bị các lực lượng cảnh sát hoặc an ninh bắt. Ở miền Nam Việt Nam ngày ấy, các lực lượng này luôn tìm kiếm, truy bắt những người như ông Phạm Xuân Ẩn. Có thể ông là người cực kỳ may mắn. Hay những câu chuyện nguy trang của ông cho những chuyến đi với tư cách người huấn luyện chó, người sưu tầm những loài chim quý, người đang yêu bí mật cũng đủ để làm cho xung quanh không ai nghi ngờ gì về ông. Hoặc là ông Phạm Xuân Ẩn có những người bạn luôn che chắn, bảo vệ cho ông. Rất có thể còn những điệp viên khác của Cộng sản đã thâm nhập được vào lực lượng cảnh sát Sài Gòn chẳng hạn. Cũng có thể còn có những người bạn bên phía đối phương đánh giá ông quá cao, nên không tin bất cứ ai nói điều không hay về ông. Có lẽ chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được sự thật về điều đó, vì càng nêu ra nhiều câu hỏi về khía cạnh này, chúng ta càng ngập chìm sâu hơn vào trong điều bí ẩn.

Phong trào nổi dậy ở miền Nam Việt Nam đang càng ngày càng phát triển rầm rộ. Số lượng những cuộc tấn công của những nhóm du kích nhỏ vào các cơ sở của chính phủ, đài quan sát cứ trung bình mỗi tháng thời kỳ nửa cuối của năm 1959 ghi nhận được hơn một trăm vụ. Số các vụ ám sát những quan chức chính phủ, chỉ huy cảnh sát, và những nhân vật có máu mặt ở các thôn xóm đã tăng lên gấp hai lần. Số vụ bắt cóc ghi được con số cao nhất so với bất kỳ thời gian nào trước đó. Tại đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên đã từng xảy ra rất nhiều cuộc nổi dậy tự phát tại các bản làng. Các cuộc bạo loạn và biểu tình của quần chúng do Việt Cộng tổ chức đã lan rộng, gây ra mất trật tự

trị an và thường dẫn đến các cuộc đàn áp đẫm máu của của chính quyền Diệp.

Quân đội Việt Nam Cộng hoà chuẩn bị rất kém để đối phó với sự gia tăng hoạt động của du kích. Từ năm 1954 đến năm 1960, hai trưởng đoàn MAAG là tướng John W. "Iron Mike" O Daniel và trung tướng Samuel T. "Hanging Sam" Williams chỉ chủ yếu tập trung vào việc chấm dứt những cuộc vượt biên thông thường qua vĩ tuyến 17. Hai ông tướng này không hề coi những cuộc nổi dậy bên trong là mối đe dọa đối với sự ổn định của miền Nam Việt Nam. Các nhóm bộ binh cơ động trang bị nhẹ trước đó được tổ chức lại thành những sư đoàn bộ binh cho phù hợp với nhiệm vụ và thiết kế các kế hoạch phòng vệ của Mỹ. Quân đội Việt Nam Cộng hoà được trang bị những thiết bị tiêu chuẩn. Các cố vấn Mỹ đã bắt đầu trực tiếp huấn luyện quân đội Việt Nam Cộng hoà cho một cuộc chiến tranh thông thường. Người ta lo sợ xảy ra kịch bản, trong đó rất có thể Quân đội Nhân dân Việt Nam sẽ mở những đợt tấn công giống như họ đã từng tấn công đánh bại người Pháp hồi năm 1954. Hay giống Bắc Triều Tiên đã từng tấn công Nam Triều Tiên hồi năm 1950.

Tổng thống Eisenhower đã ra lệnh xây dựng một kế hoạch toàn diện chống nổi dậy. Tháng 8/1960 trung tướng Lionel C. McGarr đã thay thế tướng Williams làm Chỉ huy trưởng MAAG. Tướng McGarr từng là Chỉ huy trưởng chỉ huy và tham mưu kiêm chỉ huy trưởng bang Kansas. McGarr là một trong số những sĩ quan được nhận nhiều huân huy chương nhất vào thời đó. Tướng McGarr đã bảy lần được nhận Huân chương chiến thương. Ông này coi việc chống nổi dậy như là "những hình thái khác thường của chiến tranh đòi hỏi phải có những kỹ thuật và học thuyết đặc biệt". Chẳng bao lâu sau, các chuyên viên dưới quyền Tướng McGarr đã cho ra đời sản phẩm "Những chiến thuật và kỹ thuật hoạt động chống nổi dậy (CIP)". Sản phẩm CIP được mang đến Sài Gòn đầu năm 1961.

Ngay lập tức, một bản copy của tài liệu này được chuyển cho bác sĩ Trần Kim Tuyền. Ông Trần Kim Tuyền liền đưa cho Phạm Xuân Ân yêu cầu phân tích tài liệu đó để giúp ông ta có thể nắm được hết các ý tứ trong chiến lược mới. Tham mưu trưởng lục quân, tướng Trần Văn Đôn cũng trao cho Phạm Xuân Ân một bản tài liệu đúng như vậy cùng với những tài liệu hỗ trợ như Cẩm nang chiến trường 100 - 5, Các cuộc hồng quân, trong đó chứa đựng mọi tư tưởng và hành động của các cố vấn Mỹ cũng như cách mà MAAG hình dung Quân đội Việt Nam Cộng hoà sẽ chiến đấu ra sao trong cuộc chiến mới. Cuốn cẩm nang được sửa vào tháng 2/1962 có tính đến những công nghệ chiến tranh mới như các chiến dịch không quân cơ động và chiến tranh không chính quy. Ông Ân còn nhận được cuốn Cẩm nang chiến trường 31 - 15, những chiến dịch chống các lực lượng không chính quy. Đây là những tài liệu được xuất bản tháng 5/1961 gồm 47 trang, trong đó có cả những sơ đồ xác định mục tiêu nhằm tiêu diệt các lực lượng của Việt Cộng. Phạm Xuân Ân còn thường xuyên giữ liên lạc với các tướng lĩnh quân đội Việt Nam Cộng hoà sau khi họ kết thúc khoá huấn luyện đặc biệt về chiến lược chống nổi dậy được tổ chức tại Trung tâm chiến tranh Đặc biệt quân đội Mỹ ở Fort Bragg, Hoa Kỳ trở về.

Phạm Xuân Ân mở những chiếc tủ tài liệu của mình rồi lấy ra một tập những tài liệu đã rách nát, vừa nói vừa cười: "Ngày nay, những tài liệu này đều có sẵn ở Trung tâm Việt Nam, Trường Đại học Texas Tech. Khi nào tôi qua đời, vợ tôi sẽ đem vứt hết đi. Chỉ có chúng ta mới quan tâm đến những tài liệu này thôi".

Giám đốc của Trung tâm Việt Nam thuộc Đại học Công nghệ Texas là Jim Reckner, bạn của cả ông Phạm Xuân Ân và tôi. Trước đây vài năm, chính Jim đã giới thiệu chúng tôi với nhau. Jim và Lê Khanh, một người bạn khác của chúng tôi, làm việc ở Trung tâm Việt Nam. Hai người này đều đã đến thăm Phạm Xuân Ân, đã đề nghị ông xem xét và cho phép đưa những tài liệu này sang bảo quản tại kho lưu trữ về Việt Nam của Trường Đại học Texas Tech nhằm phục vụ cho nghiên cứu trong tương lai.

Chẳng có tài liệu nào trong những tập văn bản mà ông Phạm Xuân Ân cho tôi xem được coi là chiếc vương miện kim cương tình báo hoặc là những bí mật quân sự thiết yếu. Tuy nhiên, vào thời kỳ đó những người Cộng sản Việt Nam hiểu biết rất ít về những chiến thuật đang được Mỹ vạch ra cho một cuộc "chiến tranh đặc biệt" kiểu mới. Việc đưa máy bay trực thăng của Mỹ vào hỗ trợ cho các cuộc hành quân càn quét đã gây ra thương vong rất nặng nề cho phía Việt Cộng. Nhiệm vụ của Phạm Xuân Ân là phân tích các chiến thuật mới để những nhà vạch kế hoạch quân sự Cộng sản đưa ra được những chiến thuật đối phó. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi được phía Việt Nam Cộng hoà tin cậy nên trao cho nhiều tài liệu, thậm chí cả ông Trần Kim Tuyền cũng vậy. Tôi đã đọc tất cả những tài liệu ấy, trao đổi với các cố vấn quân sự Mỹ và những người bạn Việt Nam của tôi vừa từ khoá huấn luyện ở Mỹ trở về. Sau đó, tôi viết báo cáo tình báo gửi đi, chỉ có thể thôi. Một khi tôi đã có tài liệu trong tay thì viết báo cáo rất dễ... Tôi chỉ phải làm mỗi việc là đọc tài liệu, dự các buổi thông báo tin tức, nghe mọi người xung quanh nói chuyện với nhau, cộng thêm sự phân tích của tôi nữa, thế là đã có thể gửi được báo cáo vào rừng. Sau đó, tôi chẳng biết điều gì đã xảy ra tiếp theo đó mãi cho đến nhiều năm sau".

Từ năm 1961 đến năm 1965, Phạm Xuân Ân đã gửi gần như tất cả mọi tài liệu quan trọng liên quan đến các kế hoạch hoạt động quân sự và dân sự ở miền Nam Việt Nam. Ông Mai Chí Thọ, người đã gom góp tiền cho Phạm Xuân Ân sang Mỹ học nói với tôi: "Trận Ấp Bắc là do có thông tin về chiến thuật. Ông Phạm Xuân Ân đã cho chúng tôi biết về việc Mỹ vừa đưa ra những chiến thuật mới, nhờ đó mà chúng tôi có thể vạch ra chiến thuật đối phó. Một số người khác của chúng tôi thì vạch ra những kế hoạch mới để thực hiện những chiến thuật đó. Một số người khác nữa khi thực hiện đã chiến đấu rất dũng cảm tại trận Ấp Bắc. Nhưng những tin tức tình báo và những tài liệu mà ông Phạm Xuân Ân gửi về đã giúp cho chúng tôi làm được những điều đó". Ông Phạm Xuân Ân cũng đã nói với tôi những điều tương tự như lời của ông Mai Chí Thọ khi ông cho tôi xem một cuốn sách của Saxe "Phân tích chiến lược cũng cần phải có năng lực chiến thuật. Nhiệm vụ của tôi trong giai đoạn

đó là phải giúp hiểu được phương thức mới chiến tranh đặc biệt của Mỹ để họ có thể vạch ra được những chiến thuật đối phó mới. Tôi đã gửi cho họ những phân tích của mình, người khác quyết định về phương thức và địa điểm để tổ chức trận đánh".

Tổng thống đắc cử John Fitzgerald Kennedy tin rằng Edward Lansdale là một trong số ít người Mỹ có đủ năng lực để cố vấn cho Tổng thống về chiến tranh không thông thường và vai trò của Mỹ ở Đông Dương.

Lansdale rời Sài Gòn năm 1957 cùng thời gian với việc ông Phạm Xuân Ẩn rời Sài Gòn sang California học báo chí. Lansdale được mời về Mỹ để làm việc trong Văn phòng của Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ với chức vụ Phó Trợ lý Ngoại trưởng về các cuộc hành quân đặc biệt. Trong thời kỳ chuyển giao giữa hai tổng thống, Tổng thống đắc cử Kennedy đã phái Lansdale trở lại Nam Việt Nam để đánh giá toàn diện về phong trào nổi dậy. Chương trình chuyến thăm lần này của Lansdale đầy đặc những cuộc trao đổi cấp cao và đi thăm thực địa chiến trường. Trong chuyến thăm đó, Phạm Xuân Ẩn và Lansdale đã gặp nhau hai lần. Cuộc gặp đầu tiên thoải mái hơn. Hai người trò chuyện với nhau về thời kỳ hai năm Phạm Xuân Ẩn sống ở Hoa Kỳ. Sau khi hai người đã nói với nhau về những phong cảnh đẹp của bờ biển California, Lansdale bảo Phạm Xuân Ẩn rằng sắp tới ông ta đi California, vậy có thể mua gì làm quà cho ông Ẩn được? ông Phạm Xuân Ẩn trả lời rằng nếu Lansdale có thể dừng bất kỳ chỗ nào trên đoạn đường 17-mile Drive qua Pacific Grove và Pebble Beach rồi mua mang về làm quà mấy viên tinh hoàn hải cẩu để ngâm rượu Black&White Scotch thì tuyệt. Phạm Xuân Ẩn giải thích với Lansdale rằng rượu tinh hoàn hải cẩu là một thứ thuốc kích dục mạnh nhất trong tất cả các thuốc kích dục? Sau đó, Lansdale về tay trắng, giải thích với Phạm Xuân Ẩn rằng ông ta không biết bằng cách nào giữ cho con hải cẩu đứng im để thực hiện cái nhiệm vụ mà ông Ẩn đã giao.

Cuộc nói chuyện thứ hai của Phạm Xuân Ẩn và Lansdale nghiêm túc hơn nhiều. Sau khi biết Phạm Xuân Ẩn làm việc cho bác sĩ Trần Kim Tuyền, Lansdale tỏ ra rất quan tâm những đánh giá của Phạm Xuân Ẩn về tình hình nổi dậy. Phạm Xuân Ẩn đã nói hết với Lansdale đúng như những gì ông đã nói với Trần Kim Tuyền. "Chẳng có lý do gì mà tôi phải nói dối ông Lansdale về điều này, đặc biệt là từ khi tôi biết chắc Lansdale thế nào cũng sẽ nói với Trần Kim Tuyền, nên tôi cần phải liên tục và khách quan trong các phân tích của mình. Tôi đã quen biết Lansdale từ lâu. Ông ấy là bạn của tôi. Và việc chúng tôi nói chuyện với nhau về những vấn đề như vậy là chuyện tất nhiên. Tôi nói với Lansdale những điều tôi nghĩ, còn ông ấy chia sẻ với tôi những đánh giá của ông. Lansdale đã cung cấp cho tôi những thông tin quý báu. Ông ấy luôn dạy cho tôi và tôi luôn chú ý lắng nghe. Ông ấy khuyên tôi nên đọc cuốn Chiến tranh tâm lý của Paul Linebarger. Tôi học được rất nhiều từ Lansdale về Sherman Keng, về chống nổi dậy, về những cách khác nhau để chống lại những người Cộng sản". Có một điều mà Lansdale không biết, đó là tất cả những gì Phạm Xuân Ẩn học được thì đều được

gửi ra Hà Nội. Ông Mười Nho, một chỉ huy trực tiếp của Phạm Xuân Ẩn thời gian đó, nhớ lại: "Năm 1962, ông Hai Trung đã gửi cho chúng tôi hai mươi bốn cuộn phim về toàn bộ các kế hoạch liên quan đến chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ. Những tài liệu này bao gồm cả kế hoạch tổng thể về cuộc chiến tranh, những thông tin về sự gia tăng các lực lượng vũ trang, sự hỗ trợ của lính Mỹ, kế hoạch về xây dựng áp chiến lược kế hoạch hành quân chiếm lại những vùng đã được giải phóng, và kế hoạch củng cố quân đội nguy cùng với những thiết bị quân sự Mỹ".

Chính ông Mười Nho là người trực tiếp rửa những cuộn phim đó. Tay ông run lên khi ông nhìn thấy toàn bộ nội dung văn bản các báo cáo của Stanley và Taylor. Ông Mười Nho nói: "Có đến cả một tỷ USD chúng tôi cũng không thể mua được những tài liệu như vậy. Sự hiểu biết về kẻ thù mà những tài liệu này cung cấp đã giúp cho chúng tôi chuẩn bị các kế hoạch đối phó với chiến lược của kẻ thù... Sự thất bại hoàn toàn của địch trong trận Ấp Bắc đã buộc Mỹ phải từ bỏ Chiến tranh đặc biệt để đi tìm kiếm một chiến lược mới.

Khi tôi hỏi ông Mai Chí Thọ rằng sự đóng góp nào của Phạm Xuân Ẩn được coi là giá trị nhất? Ông Mai Chí Thọ đã khiến tôi rất ngạc nhiên khi ông trả lời: "Ông Phạm Xuân Ẩn đã gửi cho chúng tôi chương trình bình định, áp chiến lược để chúng tôi có thể vạch ra kế hoạch chống lại nhằm đánh bại đối phương". Tôi hỏi ông Mai Chí Thọ, thế sao ông Phạm Xuân Ẩn không nhận được huân chương về công trạng này? Ông Mai Chí Thọ mỉm cười và nói: "Ông Phạm Xuân Ẩn còn lập nhiều thành tích khác nữa và ông đã được thưởng huân chương, nhưng tôi coi đây là quan trọng nhất vì nó có tầm chiến lược".

Hơn hai mươi năm sau, Lansdale vẫn khó tin rằng Phạm Xuân Ẩn đã từng làm việc cho phía bên kia. Năm 1982, Bob Shaplen viết thư cho Lansdale về bài báo của Stanley Karnow xác định rõ ràng cuộc đời hai mặt của Phạm Xuân Ẩn. Lansdale viết thư trả lời nói: "Tôi không biết cuộc nói chuyện của Karnow về Phạm Xuân Ẩn và Thảo. Nhưng tôi sẽ nhận tất cả những gì về Việt Nam với một chút chua chát. Tôi tin rằng các ông đã biết hơn tôi".

Cuối tháng 1/1961, Lansdale trở lại Washington để gặp Tổng thống Kennedy và các cố vấn cao cấp nhất của Tổng thống. Sau khi báo cáo với Tổng thống John F. Kennedy rằng những người Cộng sản coi năm 1961 là năm thắng lợi của họ, Lansdale thúc giục Chính quyền Kennedy ủng hộ Ngô Đình Diệm, như lời ông ta mô tả thì đó là một "cuộc thuyết phục hữu nghị".

Tổng thống Kennedy chấp nhận hầu hết những khuyến nghị của Lansdale, cụ thể là ông duyệt ngay ngân sách 28,4 triệu USD để mở rộng lực lượng quân đội Diệm thêm lên khoảng hai vạn quân và một khoản ngân sách khác 12,5 triệu USD để cải thiện lực lượng phòng vệ dân sự. Bản kế hoạch Chống nổi dậy cho Việt Nam mà Tổng thống Kennedy phê chuẩn giống hệt như bản kế hoạch mà Phạm Xuân Ẩn đã có trong tay. Tháng 5, Phó tổng thống Lyndon Johnson sang thăm miền Nam Việt Nam trong 3 ngày. Ông Lyndon Johnson mô tả Ngô Đình Diệm như là Winston Churchill của Việt

Nam, thậm chí có thể so sánh được với cả George Washington, Woodrow Wilson, Andrew Jackson, và Franklin D. Roosevelt. Sau này, nhà báo Stanley Karnow hỏi Lyndon Johnson rằng có đúng ngày đó ông đã nói như vậy không? Lyndon Johnson trả lời: "Khi thật, Diệm là người duy nhất chúng ta có ở đó".

Thuật ngữ "Chiến tranh đặc biệt" có nghĩa là một cuộc chiến tranh kết hợp giữa các biện pháp và hoạt động quân sự trên bộ có sự hỗ trợ của lính dù và chỉ được áp dụng trong cuộc chiến tranh không thông thường, chống nổi dậy, và chiến tranh tâm lý. Như lời Tổng thống Kennedy thì "Để thắng được trong cuộc chiến tranh này, các sĩ quan và binh lính của chúng ta phải hiểu và biết kết hợp các biện pháp chính trị, kinh tế, và dân sự với nhau trong khi thực hiện các nỗ lực quân sự nhằm hoàn thành nhiệm vụ này". Thực thi chiến lược chống nổi dậy, Mỹ phải cung cấp cho quân đội Diệm nhiều cố vấn hơn, nhiều máy bay trực thăng và xe bọc thép hơn để tăng khả năng cơ động trên chiến trường mỗi khi phải đối phó với chiến tranh du kích. Chống nổi dậy bao gồm cả việc coi trọng vai trò huấn luyện các lực lượng của chính quyền Sài Gòn về các chiến thuật mới. Các phần khác của chiến lược chống nổi dậy bao gồm Chương trình áp chiến lược; Việc sử dụng hoá chất và chất làm rụng lá rải xuống các vùng du kích; Việc thành lập các trại lính đặc nhiệm với vai trò chính là huấn luyện cho lực lượng đặc nhiệm quân đội Sài Gòn.

Tin tưởng rằng những ý tưởng đó là rất cần thiết cho miền Nam Việt Nam, Tổng thống Kennedy đã cử sang Sài Gòn một phái đoàn khảo sát kinh tế do Tiến sĩ Eugene Stanley thuộc Viện nghiên cứu Stanford dẫn đầu. Báo cáo của phái đoàn nhấn mạnh sự tác động không thể tách rời của việc trợ giúp về kinh tế và trợ giúp quân sự đối với an ninh nội địa Nam Việt Nam. Báo cáo xác định Việt Cộng là một kẻ thù "thâm độc, thoát ẩn thoát hiện, và có lực lượng dồi dào". Do vậy, cần phải có một "sự huy động toàn diện các nguồn kinh tế, quân sự, tâm lý, và xã hội của miền Nam Việt Nam và sự giúp đỡ mạnh mẽ từ phía Hoa Kỳ".

Phái đoàn của Stanley vừa từ Sài Gòn trở về, Tổng thống Kennedy liền cử tướng Maxwell D. Taylor sang miền Nam Việt Nam với tư cách Đặc phái viên quân sự của Tổng thống. Cùng đi với Taylor có Walt W. Rostow, Chủ tịch Hội đồng Chính sách, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Đoàn của Taylor đến Sài Gòn ngày 18/10 làm việc trong một tuần, tập trung vào những vấn đề triển khai quân đội Mỹ sang Việt Nam. "Vừa đến nơi, Taylor và Rostow đã nhận thấy tình hình tồi tệ đúng như họ đã chờ đợi". Taylor tin rằng đó là "thời kỳ đen tối nhất kể từ đầu năm 1954... Không cần phải phóng đại thì cũng có thể nói được rằng toàn bộ miền Nam Việt Nam đang xấu đi vì tinh thần dân tộc bị suy sụp".

Trước tình hình Việt Cộng thời gian qua liên tục giành thắng lợi trong các đợt tấn công, cũng như trong việc thâm nhập, Taylor và phái đoàn của ông nhận thấy cách duy nhất để cứu vãn Ngô Đình Diệm là đưa quân đội Mỹ vào Nam Việt Nam.

Báo cáo cuối cùng của Taylor-Rostow về một kế hoạch toàn diện Việt Nam hoá chiến tranh được

trình lên Tổng thống Kennedy ngày 3/11. Mô tả một cuộc khủng hoảng kép về niềm tin trong cả các giải quyết của Mỹ và của Diệm, Taylor thúc đẩy để có một sự cam kết sâu hơn của Mỹ. Taylor kêu gọi triển khai tại đồng bằng sông Cửu Long tám nghìn quân trên bộ, chủ yếu là các kỹ sư và nhân viên hậu cần, cùng một số đơn vị lính chiến để lập căn cứ an ninh. Lực lượng tám nghìn quân này sẽ hoạt động dưới vai trò nguy trang là lực lượng cứu trợ bão lụt lớn ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Tuy nhiên trên thực tế, nó hoạt động như một "biểu tượng có thể nhìn thấy được về sự nghiêm túc của Hoa Kỳ".

Taylor tin rằng những lực lượng quân đội này có thể "được gọi ra tham chiến để tự vệ hoặc để bảo vệ cho những đối tác làm việc của họ, và bảo vệ địa phương nơi họ đóng quân". Taylor dường như không cảm thấy day dứt gì về việc ông ta đang "liều lĩnh ủng hộ một cuộc chiến tranh lớn ở châu Á". Đó là "một món quà", nhưng "không ẩn tượng".

Theo cách nhìn của phía Hà Nội, các chuyến thăm cấp cao này đã gây ra sự lo ngại lớn. Tại một ấn phẩm của Cộng sản xuất bản năm 1965 viết: "Miền nam Việt Nam đã trở thành một bãi thử các chiến thuật chống du kích của quân đội Mỹ, một cuộc chiến tranh thí nghiệm chưa từng có của Hoa Kỳ". Phạm Xuân Ẩn tiết lộ với tôi rằng tướng Võ Nguyên Giáp lo ngại đến mức, ông phải cử hai phái đoàn ra nước ngoài. Một đoàn sang Mátxcova để trao đổi với các nhà vạch kế hoạch quân sự Liên Xô về cách chống lại cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Nhưng người Nga chỉ biết mỗi chiến tranh thông thường. Tướng Võ Nguyên Giáp sau đó cử một phái đoàn thứ hai sang gặp các tướng lĩnh Trung Quốc từng có kinh nghiệm chống lại các lực lượng của Liên quân trong cuộc chiến tranh Triều Tiên. Nhưng người Trung Quốc cũng chẳng giúp được gì nhiều. Phạm Xuân Ẩn nói: "Chính tôi là người đã giúp mọi người hiểu về cuộc chiến tranh kiểu mới của Mỹ. Vì thế mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp vô cùng phấn khởi. Hai phái đoàn cử ra nước ngoài để thảo luận với các chuyên gia đều thất bại, đến lúc đó tôi mới lập ra chương trình giúp đỡ phó lại". Ngày 28/12/1962, Sư đoàn 7 quân đội Việt Nam Cộng hoà đóng quân tại đồng bằng sông Cửu Long nhận được chỉ thị phải bắt giữ được một điện đài của các lực lượng vũ trang quân Giải phóng đang hoạt động gần làng Ấp Bắc. Đài này đang được một đơn vị du kích Việt Cộng khoảng 120 người canh gác bảo vệ đêm ngày. Cố vấn Mỹ cao cấp đang giúp đỡ Sư đoàn 7 quân đội Việt Nam Cộng hoà là John Paul Vann đã sang miền Nam Việt Nam được tám tháng, nhưng chưa chạm trán với đối phương lần nào. John Paul Vann là trung tá lục quân, sau này được coi là một trong những nhân vật huyền thoại trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Ngày 9/6/1972, John Paul Vann bị thiệt mạng trong một vụ máy bay trực thăng rơi.

John Paul Vann ngứa ngáy muốn tham chiến để ông ta có cơ hội đánh giá xem các chỉ huy của quân đội Việt Nam Cộng hoà học thuộc đến mức nào các bài giảng của ông. Ở phía bên kia, các nhà lãnh đạo Việt Cộng cũng đã chuẩn bị để đương đầu chống lại máy bay trực thăng Mỹ. Việc đưa đại đội

trực thăng vận đầu tiên vào tham chiến từ tháng 12/1961 đã gây ra rất nhiều khó khăn cho các du kích. Bên cạnh đó, việc các lực lượng quân đội Việt Nam Cộng hoà tiến hành các cuộc hành quân càn quét ác liệt giữa ban ngày lục soát từng làng ấp để tìm kiếm Quân Giải phóng cũng gây nhiều khó khăn không kém cho đối phương. Ông Mai Chí Thọ nói với tôi: "Lúc đó, chúng tôi không biết phải làm thế nào để có thể chống lại được các xe bọc thép và máy bay trực thăng của Mỹ. Chính ông Phạm Xuân Ẩn đã cung cấp cho chúng tôi những thông tin mà từ đó, cho phép chúng tôi vạch ra các cách đánh ở qui mô chiến thuật chống lại chiến tranh mới của đối phương".

Giờ đây, được trang bị kế hoạch chiến lược mới, các lực lượng Quân Giải phóng đã sẵn sàng nghênh chiến với các máy bay trực thăng. Trước khi ra tham chiến vài tuần, nhằm tính toán tầm bắn hiệu quả nhất, các lực lượng Quân Giải phóng đã tổ chức tập trận gần Đồng Tháp Mười. Những hình nộm của các loại máy bay trực thăng Shawnee và Huey được làm bằng bìa cứng gắn lên ngọn những cột tre để họ tập bắn và ở nhiều tư thế bay với những đặc điểm khác nhau. Nhà báo Neil Sheehan viết: "Một trong những sự kiện hiếm hoi của cuộc xung đột không ngừng những sự can dự, mà trong đó chẳng ai tỏ ra là có một chút ý nghĩa nào đã sắp xảy ra - một trận đánh mang tính chất quyết định cục diện của cuộc chiến tranh. Ngày nay, Việt Cộng đã sẵn sàng đứng lên và chiến đấu".

Tin tình báo của John Paul Vann đã sai. Không phải ông ta đối mặt với một đại đội gồm 120 người, mà là lực lượng nòng cốt Tiểu đoàn 261 của Việt Cộng gồm 320 người có sự hỗ trợ của 30 du kích xã. Tuy nhiên, phía quân đội Việt Nam Cộng hoà vẫn vượt trội đáng kể cả về số quân lẫn thiết bị quân sự. Một tiểu đoàn của Sư đoàn 7 bộ binh được biên chế 380 quân. Ngoài ra, còn có sự hỗ trợ của hai tiểu đoàn lính phòng vệ dân sự và một đại đội xe bọc thép M-113, cộng thêm một đại đội bộ binh có sự hỗ trợ của các xe bọc thép M-113 nặng mười tấn từng được Việt Cộng đặt cho biệt danh "rồng xanh". Như vậy, tổng cộng toàn bộ lực lượng này, John Paul Vann có trong tay tất cả hơn 1.000 quân.

Ngay sau khi trận đánh mở màn, phía quân đội Việt Nam Cộng hoà nhanh chóng bị thương vong, buộc các chỉ huy phải gọi thêm quân tiếp viện từ căn cứ Tân Hiệp gần đó. Mười chiếc máy bay trực thăng Shawnee và năm chiếc máy bay trực thăng kiểu mới Huey, biệt danh là súng ngắn bay, được huy động nhằm thẳng hướng Ấp Bắc bay tới. Khi những chiếc trực thăng này tiến vào Ấp Bắc, bẫy đã được giăng chờ sẵn. Bất ngờ, hàng loạt đạn từ dưới những rừng cây ven đê đồng loạt bắn lên ào ạt. Chỉ trong mấy phút đầu, mười bốn trong số mười lăm chiếc trực thăng bị trúng đạn, nhưng chỉ có bốn chiếc rơi trong đó có một chiếc Huey và ba lính Mỹ bị thiệt mạng. Phía quân đội Việt Nam Cộng hoà vẫn còn cơ hội để thay đổi thế trận vì quân Việt Cộng đã bị bao vây. Phía Việt Cộng chỉ còn mỗi một đường thoát ra hướng đông, đó là cánh đồng lúa. John Paul Vann bèn gọi thêm xe bọc thép đến tiếp viện, nhưng Ngô Đình Diệm đã ra lệnh tại chỗ rằng không ai được vào trận đánh đó, nếu không có sự chấp thuận trực tiếp của Sài Gòn. Ngô Đình Diệm còn chỉ thị cho các tướng lĩnh chỉ huy các

Quân đoàn, Sư đoàn phải giữ được thương vong luôn ở mức thấp. Tất cả những ai không tuân theo chỉ thị này sẽ không được đề bạt. Chiếc máy bay trực thăng thứ năm bị bắn rơi ở Ấp Bắc là chiếc bị trúng đạn khi đang cố gắng cứu hộ. Chỉ huy của quân đội Việt Nam Cộng hoà tại trận Ấp Bắc đã không tuân theo chỉ thị của cố vấn Mỹ John Paul Vann trong việc chặn đường rút của các lực lượng Cộng sản. Cuối cùng, khi màn đêm buông xuống, toàn bộ Việt Cộng đã rút hết ra ngoài.

Khi nhìn nhận lại trận Ấp Bắc, John Paul Vann coi đây như là một dẫn chứng về một quân đội mà ông ta được giao nhiệm vụ huấn luyện đã chứng tỏ là một quân đội không tương xứng một cách tồi tệ. "Đó là một cuộc trình diễn khốn nạn. Những người này không chịu nghe lời. Họ mắc phải những cái lỗi chết tiệt cứ lặp đi lặp lại lần nào cũng giống nhau". Trận Ấp Bắc chứng tỏ những người lính Việt Nam Cộng hoà đang bị thí mạng một cách vô ích dưới sự chỉ huy của những viên tướng kém cỏi, chỉ giỏi xu nịnh. Thế mà các viên tướng này vẫn được Diệm đặt vào những vị trí chỉ huy then chốt. Phạm Xuân Ẩn nói với tôi: "Trận Ấp Bắc đã phơi bày tất cả. Đó là những điểm yếu của ban lãnh đạo quân đội Việt Nam Cộng hoà và những chính sách cốt nhắc chỉ dựa vào sự trung thành đối với Ngô Đình Diệm, mà không dựa vào khả năng, năng lực chuyên môn". Tướng Huỳnh Văn Cao được Diệm tin cậy như là một kẻ trung thành nhất đối với gia đình họ Ngô của ông ta, nên được đề bạt cất nhắc lên nhanh chóng. Thế nhưng, Huỳnh Văn Cao đã thể hiện là một viên tướng yếu kém và hèn nhát. "Diệm đã có những viên tướng chưa bao giờ cầm quân, thế mà lại được đề bạt chỉ vì họ biết hôn tay của Nhu và Diệm. Ấp Bắc là nơi những con gà trống đầu tiên trở về nhà", Phạm Xuân Ẩn vừa nói vừa cười, mắt nhìn xuống cuốn sưu tập chim của ông.

Bản báo cáo sau trận Ấp Bắc của John Paul Vann là một bản kết tội đối với tất cả các cấp chỉ huy của quân đội Việt Nam Cộng hoà, vì đã không hành động một cách quyết đoán, không khích lệ các binh sĩ của mình. Cố vấn cao cấp Mỹ, Đại tá Daniel B. Porter, đã đánh giá bản báo cáo sau trận Ấp Bắc của John Paul Vann "có lẽ là bản báo cáo có nhiều tư liệu nhất, đầy đủ nhất, giá trị nhất, và nói thẳng thắn nhất so với tất cả các báo cáo" đã từng được trình một năm trước đó.

Không thể đánh giá thấp ý nghĩa của trận Ấp Bắc đối với các lực lượng Quân Giải phóng ở miền Nam và đối với danh tiếng của Phạm Xuân Ẩn ở Hà Nội. Ấp Bắc đã trở thành tiếng hét của đông đảo quần chúng, và Trung ương Cục miền Nam đã phát động một phong trào thi đua với Ấp Bắc trên toàn cõi miền Nam Việt Nam. Tài liệu Dự báo tình báo đặc biệt của CIA ngày 17/4/1963 đã đưa ra kết luận rằng: "Việt Cộng đã chứng tỏ họ là một kẻ thù hùng mạnh và có một lực lượng du kích hiệu quả... Họ cũng đã thể hiện một cách linh hoạt trong việc điều chỉnh các chiến thuật của mình để đối phó lại với những khái niệm hành quân mới của miền Nam Việt Nam... Một nhân tố quan trọng dẫn đến thắng lợi của Việt Cộng là hệ thống tình báo có hiệu quả của họ. Những người cung cấp thông tin, những người có cảm tình với Cộng sản có ở khắp các vùng nông thôn. chứng tỏ rằng Việt Cộng đã có khả năng duy trì được sự bao quát tình báo đối với mọi cấp cả quân sự lẫn dân sự của chế độ

miền Nam Việt Nam".

Có lẽ sự đánh giá rõ ràng nhất về trận Ấp Bắc là bản Báo cáo sau trận đánh của các lực lượng Quân Giải phóng. Bản Báo cáo này được biết đến như là "tài liệu của Việt Cộng về trận Ấp Bắc ngày 2/1/1968".

Đây là tài liệu thu được của đối phương và đã được dịch sang tiếng Anh rồi lưu hành trong cơ quan tổng hành dinh của Bộ chỉ huy quân sự ở Việt Nam (MACV) thời gian khoảng cuối tháng 4/1963. Việt Cộng đã coi việc họ chống lại cuộc hành quân càn quét ngày 2/1/1963 là một "thắng lợi to lớn của các lực lượng vũ trang và toàn thể đồng bào ta. Chiến thắng Ấp Bắc chống lại cuộc hành quân càn quét chứng tỏ rằng các lực lượng vũ trang của chúng ta đã lớn mạnh trong lĩnh vực chiến thuật và kỹ thuật. Thắng lợi này cũng đã cho chúng ta một khái niệm rõ ràng về những lợi thế chiến thuật của kẻ thù".

Do những cống hiến vào chiến thắng Ấp Bắc, Phạm Xuân Ân đã được nhận tám Huân chương Quân công đầu tiên trong số các Huân chương mà ông được trao tặng. Trong trận Ấp Bắc - một trong những trận đánh trong thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh - chỉ có hai Huân chương Quân công được trao. Một Huân chương được trao cho chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang Giải phóng Nguyễn Bảy. Tám Huân chương kia được trao cho cộng tác viên của Hãng tin Reuters Phạm Xuân Ân vì đã gửi kịp thời những báo cáo giúp làm thay đổi bản chất của cuộc chiến tranh.

Có một thực tế vững chắc rằng khi ông Phạm Xuân Ân được thưởng Huân chương Quân công đầu tiên sau trận Ấp Bắc và tám Huân chương thứ ba vì những đóng góp trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, thì đó đều là những thời điểm bước ngoặt trong việc báo chí đưa tin về cuộc chiến tranh. Trận Ấp Bắc là một điểm sôi làm trào lên sự thù địch bị dồn nén bấy lâu giữa các phóng viên và Phái bộ Mỹ ở Sài Gòn, khi các nhân viên Phái bộ Mỹ khẳng định là họ đã thắng lợi trong trận Ấp Bắc. Tướng Paul Harkins, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy MACV nói: "Tôi không hiểu tại sao mọi người lại có thể gọi trận Ấp Bắc là một thất bại. Quân đội chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã đặt ra mục tiêu của cuộc tấn công vào Ấp Bắc là chiếm đài vô tuyến điện của đối phương và thực tế, họ đã đạt được mục tiêu đó. Việt Cộng đã rút đi và thương vong của phía Việt Cộng còn lớn hơn của phía quân chính phủ. Các quý vị còn muốn gì hơn nữa? Khi Peter Arnett, phóng viên Hãng tin Mỹ AP, nêu một câu hỏi khó tại cuộc họp báo sau trận Ấp Bắc, Đô đốc Harry D. Felt bỗng đập lại: "Anh đứng về phía nào?".

Nhà báo Sheehan viết: "Trước khi diễn ra trận Ấp Bắc, Chính quyền Kennedy đã thành công trong việc ngăn cản không để cho công chúng Mỹ biết việc nước Mỹ đã dính líu vào chiến tranh tại một nơi được gọi là Việt Nam... nhưng trận Ấp Bắc đã đặt Việt Nam lên trang nhất các tờ báo Mỹ và xuất hiện trên truyền hình chương trình tin buổi tối nhiều đến mức, không sự kiện nào sánh bằng. Các phóng viên Neil Sheehan và David Halberstam đã từng đến Ấp Bắc nên biết rõ điều gì đã xảy ra.

Phạm Xuân Ân nói: "Áp Bắc đã bắt đầu làm phân hoá chế độ Diệm. Chúng tôi biết điều đó và chẳng bao lâu lâu, mọi người ai cũng đều biết điều đó. Sếp của Phạm Xuân Ân ở Reuters là Nick Turner đã đi cùng với Sheehan đến bãi chiến trường Áp Bắc để trực tiếp thấy những mảnh vỡ của những chiếc máy bay trực thăng Mỹ bị bắn rơi, cũng như những thi thể lính quân đội Việt Nam Cộng hoà.

Halberstam được đến bãi chiến trường bằng máy bay hạng nhẹ.

Nick Turner nhớ lại: "Tôi sẽ không bao giờ quên vẻ mặt của Phạm Xuân Ân khi ông bước vào văn phòng với tin về trận Áp Bắc. Ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng của trận này ngay từ khi các bài báo đầu tiên mới bắt đầu xuất hiện".

Phạm Xuân Ân cũng sớm tới Áp Bắc vào ngày 8/1, ngồi trên chiếc máy bay trực thăng dành cho các phóng viên. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Tôi đến Áp Bắc với tư cách phóng viên để tận mắt chứng kiến và để giúp đỡ các đồng nghiệp của tôi hiểu được điều gì đã xảy ra". Nghề võ bọ của Phạm Xuân Ân cho phép ông được coi là một thành phần của phe bên này. David Halberstam viết trong cuốn sách mang tựa đề Tạo ra sự sa lầy: "Những người bạn thân nhất của chúng tôi cũng là những người làm báo như chúng tôi. Phạm Xuân Ân của Reuters, Nguyễn Ngọc Giao của UPI, Võ Huỳnh của NBC và Hà Thúc Cẩn của CBS. Họ là những người đáng nể. Họ có sự nhạy cảm của những nhà báo... Họ là những người đáng tự hào; chỉ có họ mới là những người tự do của một xã hội đóng cửa. Có lẽ họ còn có tinh thần chiến đấu hơn cả chúng tôi, mỗi khi có ai đó cố tình nhồi nhét cho họ những thông tin và câu chuyện giả mạo".

Trận Áp Bắc đã làm cho cách tiếp cận của chính phủ và của giới báo chí về cuộc chiến tranh trở nên khác nhau. Có vẻ như MACV luôn tìm cách chứng minh rằng cuộc chiến tranh đang diễn ra tốt đẹp, rằng sức mạnh của đối phương đang hao mòn dần, rằng ngày càng nhiều thôn ấp có an ninh được giữ vững. Nhưng cánh nhà báo có mặt tại chỗ nhìn tình hình lại khác hẳn. Phóng viên AP Malcolm Browne nhanh chóng nhận thấy muốn biết câu chuyện thật ở Sài Gòn, đòi hỏi phải có "những biện pháp không hay ho gì gần giống như những biện pháp mà các nhà tình báo sử dụng". Cuộc chiến tranh để lấy thông tin đã đẩy đoàn quân báo chí đến chỗ chống lại sứ quán Mỹ, MACV, và quan điểm áp đặt của tổng thống cho rằng cuộc chiến đang diễn biến tốt đẹp. Đó là một thời làm báo rất khó khăn trong những năm Kennedy cầm quyền. Nhưng tình hình trở nên đặc biệt tồi tệ khi cuộc chiến tranh này trở thành một cuộc chiến tranh của Mỹ. Trước khi một đoàn phóng viên mới lên đường sang Việt Nam, Lyndon Johnson căn dặn họ: "Đừng làm việc giống như mấy cậu Halberstam và Sheehan ấy. Đó là những kẻ phản bội lại nước Mỹ của họ".

Các nhà báo trở thành mục tiêu đặc biệt của bà Ngô Đình Nhu, thường gọi là Madame Nhu, em dâu của Ngô Đình Diệm. Sự hiếu chiến của Madame Nhu đã trở thành biểu tượng của chế độ Diệm.

Người ta gọi bà Nhu là "con rồng cái của miền Nam Việt Nam" vì bà này có quan điểm chống Phật giáo, nhưng lại thân Thiên Chúa giáo. Bà đã chỉ trích các nhà lãnh đạo Phật giáo là đã để cho Việt

Cộng thâm nhập. Khi một vị sư ở Huế tự thiêu sống để phản đối(1) bà đưa nhận xét rằng đó chẳng qua chỉ là các nhà lãnh đạo Phật giáo đem "nướng" ông sư ấy mà thôi. Mà ngay cả khi làm việc đó họ cũng phải lệ thuộc vào trợ giúp của nước ngoài, tức là dùng xăng là thứ phải nhập khẩu. Khi nhiều người khác phản đối tiếp theo, Madame Nhu nói: "Hãy để cho họ tự thiêu, chúng tôi vỗ tay hoan hô".

Cuộc chiến chống lại các nhà báo ở Sài Gòn đạt đến cao độ vào mùa hè năm 1963, khi Charles Mohr, Trưởng phân xã Time viết một bài chỉ trích Madame Nhu. Khi được gửi về toà soạn ở New York, bài báo đã bị coi là trái với tầm nhìn về thế giới của Trưởng ban biên tập Henry Luce. Bài của Charles Mohr bị viết lại khiến tác giả rất cáu, vì toàn bộ phần kết luận của ông đã bị sửa lại theo hướng tác giả đồng tình với quan điểm của Chính quyền Mỹ rằng hiện không có nhân vật nào có thể thay thế được Diệm.

Vài tuần sau, Tạp chí Time ra đòn với các phóng viên Mỹ ở Sài Gòn bằng cách đăng một bài buộc tội đội quân báo chí tại hiện trường là đã góp phần gây ra tình trạng rất bối rối, đưa ra những hình ảnh không tốt cho các bạn đọc ở Mỹ. Tạp chí Time đưa câu kết luận xanh rờn rằng: "Các phóng viên ở Sài Gòn chi suốt ngày ngồi trong quán bar trên tầng tám của khách sạn Caravelle, để rồi đưa ra những lời kết tội, những thông tin không xác thực, gây nhiễu, và cả những lời ca thán". Kết quả là "các phóng viên này có xu hướng đạt tới một sự nhất trí với nhau hoàn toàn đối với gần như tất cả mọi điều mà họ vừa nhìn thấy. Nhưng sự nhất trí đó là đáng ngờ, bởi vì rất rõ ràng là nó được sản xuất lấp ghép lại tạp với nhau. Bản thân các phóng viên cũng trở thành một phần hỗn độn của miền Nam Việt Nam. Họ đã đưa tin là tình hình rất phức tạp, nhưng họ chỉ nhìn nhận từ một góc. Họ làm ra vẻ như những kết luận của họ đã làm sáng tỏ được mọi vấn đề".

Trước khi xảy ra trận Ấp Bắc, hầu hết cánh nhà báo ở Sài Gòn đều ủng hộ quan điểm về mục tiêu ở Việt Nam của Chính quyền Mỹ. Sau này, David Halberstam đã thay đổi cách nghĩ của mình về cuộc chiến tranh, thể hiện trong bài viết của ông: "Sự thực, điều luôn ám ảnh tôi trong suốt những năm tháng đó vẫn là một sự thực đau lòng. Cánh phóng viên chúng tôi có sai lầm là đã không bi quan quá, mà cũng chưa bi quan đủ... chúng tôi chưa bao giờ tìm cách đưa vào trong các bài viết của mình câu hỏi về cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp đã làm được gì ở Việt Nam. Nó đã tạo ra những gì ở miền Bắc Việt Nam, một xã hội năng động và hiện đại. Và nó đã trao lại cho chúng ta, với tư cách những đồng minh, một trật tự xã hội hậu phong kiến đang gãy chết như thế nào... Không phải là chúng ta đã không yêu nước hoặc chúng ta đã phá hoại những mục đích dân tộc cao cả khác của mình - mà đúng hơn là chúng ta, ngay từ đầu, đã không làm rõ được những điều không thể về cuộc chiến tranh".

Chính phủ gần như chẳng cung cấp được thông tin gì cho các nhà báo về sự thực của cuộc chiến tranh. Sự thiếu hụt những thông tin đáng tin cậy đã tạo điều kiện cho Phạm Xuân Ẩn với tư cách nhà

báo trở nên được quan tâm, vì ông có khả năng cung cấp được những thông tin mà cánh phóng viên ở Sài Gòn cần. Trong quá trình đó, Phạm Xuân Ẩn cũng thu thập được những thông tin quan trọng giúp ông có thể viết được báo cáo tình báo để gửi vào trong rừng.

Vào thời gian này, chế độ Ngô Đình Diệm đang tiến gần đến bờ phá sản nên khước từ mọi quyền tự do cơ bản đối với những người Phật giáo; cắt giảm tất cả mọi thứ, trừ sự trung thành tuyệt đối với gia đình họ Ngô. Năm 1962, bác sĩ Trần Kim Tuyền, cũng như Nguyễn Thái và nhiều nhân vật tai to mặt lớn khác không còn nghe lời Madame Nhu trong các vấn đề chính trị nữa. Trong một lá thư dài gửi cho Ngô Đình Diệm, bác sĩ Trần Kim Tuyền thúc giục Diệm phải gạt bỏ bà Nhu ra khỏi trung tâm sân khấu chính trị.

Khi Ngô Đình Nhu - người vừa là em trai ruột của Tổng thống Diệm, vừa là chồng của bà Nhu - biết chuyện lá thư của Trần Kim Tuyền, liền cho khai tử số phận chính trị của Trần Kim Tuyền. Ngay lập tức, bác sĩ Trần Kim Tuyền bị "cử đi làm việc" tại Tổng lãnh sự quán ở Cairo. Trong khi đó, gia đình của Trần Kim Tuyền tại Sài Gòn bị Ngô Đình Nhu ra lệnh quản thúc. Trước khi rời Sài Gòn đi Ai Cập nhận nhiệm vụ mới, Trần Kim Tuyền vạch ra một kế hoạch đảo chính, rồi mang ra thảo luận các chi tiết của kế hoạch đó với Phạm Xuân Ẩn và một số người khác. Sau đó, Trần Kim Tuyền rời Sài Gòn, nhưng không đi Cairo, mà đến Hong Kong thì dừng lại ở đó để chờ kết quả của cuộc đảo chính với hy vọng sẽ trở về Sài Gòn sau khi Diệm bị lật đổ.

Một trong những trợ lý trung thành khác của Trần Kim Tuyền là Ba Quốc (bí danh của Thiếu tướng tình báo Đặng Trần Đức). Sau khi vượt qua được các cuộc sát hạch bằng máy kiểm tra nói dối, Ba Quốc được chuyển sang làm việc tại một đơn vị mới được lập ra là bộ phận tình báo trong nước của CIO, Ba Quốc làm trợ lý cho lãnh đạo bộ phận tình báo trong nước này. Do phong cách và dáng vẻ bề ngoài nhẹ nhàng, hiền lành như ông bụt, nên Ba Quốc được mọi người ở bộ phận báo trong nước đặt cho biệt danh "Bụt Ta". Ở vị trí này, Ba Quốc được tiếp cận với hầu hết các tài liệu quan trọng thuộc mạng lưới tình báo miền Nam Việt Nam. Đây lại thêm một bằng chứng nữa về việc tình báo Cộng sản Bắc Việt Nam đã thâm nhập vào mọi tầng lớp xã hội miền Nam Việt Nam, kể cả thâm nhập vào chính các cơ quan tình báo của miền Nam là những đơn vị có nhiệm vụ phải loại trừ Việt Cộng.

Trong khi đó, dường như Chính quyền Sài Gòn không tổ chức được một điệp viên nào cỡ như Phạm Xuân Ẩn và Ba Quốc ra hoạt động ở miền Bắc. Đây cũng là lý do tại sao tình báo Mỹ đã ít nhất hai lần tìm cách tuyển mộ Phạm Xuân Ẩn làm việc cho CIA mà không thành.

Ông Ba Quốc không hề biết Phạm Xuân Ẩn đang hoạt động dưới vỏ bọc. Ba Quốc nói: "Tôi có quen biết Hai Trung, nhưng chỉ biết ông ấy là một nhà báo làm việc cho Mỹ và có rất nhiều ảnh hưởng, quan hệ rất rộng rãi... Vì biết ông là người có ảnh hưởng lớn, nên tôi muốn thiết lập quan hệ với ông để lấy thông tin. Tôi đã báo cáo ý định này của mình với cấp trên, nhưng nhận được chỉ thị cấm tiếp

xúc với ông". Tương tự như vậy, Phạm Xuân Ân cũng không hề biết gì về vai trò của Ba Quốc. Có lẽ gây tò mò nhiều nhất là trường hợp của nhà tình báo đại tá Phạm Ngọc Thảo. Nhiệm vụ của nhà tình báo này là làm mất ổn định chính phủ chống Cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Phạm Ngọc Thảo cũng trở thành một chuyên gia lật đổ nổi tiếng, thường cấu kết với bác sĩ Trần Kim Tuyến và các tướng lĩnh của quân đội Việt Nam Cộng hoà để làm tất cả mọi điều miễn là có thể làm mất uy tín của chính phủ miền Nam Việt Nam. Nhà báo Shaplen mô tả Phạm Ngọc Thảo là một nhân vật cách mạng đầy mưu mô, chẳng khác nào nhân vật từ trong tiểu thuyết Malraux bước ra ngoài đời. Phạm Ngọc Thảo và Phạm Xuân Ân là chỗ bạn bè. Mặc dù Phạm Xuân Ân biết rõ nhiệm vụ bí mật của Phạm Ngọc Thảo, nhưng ông không hề nói nửa lời về điều đó. Phạm Ngọc Thảo cũng chơi thân với Shaplen và bác sĩ Trần Kim Tuyến. Phạm Ngọc Thảo đã hoạt động như là một trong những trợ lý được tin cậy nhất của Ngô Đình Diệm. Ông cũng thường được ca ngợi là một trong những người chống Cộng sản thành công nhất. Sau khi chứng kiến những hoạt động của Phạm Ngọc Thảo ở tỉnh Bến Tre, nhà báo Shaplen đã viết một bài ca ngợi tài năng chống nổi dậy của ông.

Xuất thân từ một gia đình Thiên chúa giáo, chống Cộng và có học, Phạm Ngọc Thảo được ba, mẹ dắt đến giới thiệu với Ngô Đình Thục, người anh cả của Ngô Đình Diệm đang làm Giám mục ở tỉnh Vĩnh Long. Phạm Ngọc Thảo đã làm cho Ngô Đình Thục tin rằng ông thực sự tin tưởng vào sự nghiệp chống Cộng sản, đồng thời muốn giúp đỡ Ngô Đình Diệm làm bất cứ điều gì trong khả năng của mình. Nhiệm vụ bí mật của Phạm Ngọc Thảo được cấp cao nhất là Bộ Chính trị Trung ương Đảng chấp thuận. Sau đó, Phạm Ngọc Thảo được cử sang học ở Trường chỉ huy và tham mưu của Mỹ tại Kansas. Ông từng được đề bạt lên quân hàm đại tá, làm Chỉ huy trưởng các lực lượng vùng tỉnh Vĩnh Long, sau chuyển sang làm Chỉ huy trưởng các lực lượng vùng tỉnh Bình Dương, rồi Tỉnh trưởng tỉnh Bến Tre.

Phạm Ngọc Thảo trở thành một trong những nhân vật thúc đẩy mạnh mẽ nhất cho dự án đô thị nông nghiệp, thôn ấp hiện đại tự quản. Dự án này nhằm chia rẽ những người nổi dậy với dân chúng ở vùng nông thôn thông qua việc đồn dân vào những ấp lớn có hệ thống hàng rào vững chắc để cho Chính phủ Diệm bảo vệ các nông dân. Phạm Ngọc Thảo biết rõ chương trình này sẽ vấp phải sự phản đối của nông dân. Đó chính là lý do tại sao Phạm Ngọc Thảo đưa ra đề nghị về dự án này mạnh mẽ nhất. Các nông dân ghét dự án đô thị nông nghiệp vì nhiều lý do. Lý do thứ nhất là nông dân bị huy động đi xây dựng những cái đô thị như vậy rồi sau đó lại phải dọn nhà đến ở.

Chương trình này đã gây ra sự phản đối và cô lập chính quyền Ngô Đình Diệm. Khi dự án này bị huỷ bỏ, Phạm Ngọc Thảo tập trung vào vấn đề xây dựng ấp chiến lược. Ông thuyết phục Diệm cho xây dựng ấp chiến lược thật nhanh chóng. Nếu để lâu, e rằng nó lại gây ra sự phản đối và thù địch của nông dân.

Phạm Xuân Ân cho biết, thay vì phải thử đi thử lại, người ta cho tiếp tục làm tới theo kiểu đặc trưng

của Mỹ với sự giúp đỡ của Phạm Ngọc Thảo. Phạm Xuân Ân cho biết: "Nhiệm vụ được giao cho Phạm Ngọc Thảo khác với nhiệm vụ của tôi. Ông ấy có nhiệm vụ làm mất ổn định của chế độ Diệm và vạch âm mưu đảo chính, còn tôi là một nhà tinh báo chiến lược. Nhiệm vụ của ông Phạm Ngọc Thảo nguy hiểm hơn nhiệm vụ của tôi rất nhiều".

Tôi hỏi Phạm Xuân Ân rằng vì sao rất nhiều người khâm phục Phạm Ngọc Thảo? Ông Ân, một người bạn chơi với Phạm Ngọc Thảo từ bé, nói: "Bob Shaplen quý Phạm Ngọc Thảo vì ông ấy tin rằng đầu óc trí tuệ của Phạm Ngọc Thảo là tách rời và khác biệt với Hà Nội. Ông ấy cũng là một người mơ mộng giống như chúng tôi. Phạm Ngọc Thảo là người mà suốt cuộc đời đã một mình đơn độc chiến đấu cho nền độc lập của Việt Nam. Ông ấy là người theo chủ nghĩa dân tộc, chứ không phải là một nhà tư tưởng. Phạm Ngọc Thảo là người có thái độ và mục tiêu được hình thành khi Việt Nam bị thực dân Pháp đàn áp về chính trị và bị khai thác về kinh tế... Nhìn lại cuộc đời Phạm Ngọc Thảo, không cần phải tô hồng phóng đại, cũng có thể nói rằng cá nhân ông Phạm Ngọc Thảo đã làm thay đổi cán cân quyền lực chính trị giữa Chính quyền Sài Gòn với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Phạm Ngọc Thảo đã giúp làm suy yếu Diệm và Nhu bằng cách giúp cho chương trình bình định nông thôn nhanh chóng thất bại. Phạm Ngọc Thảo là một nhân vật lớn trong cơn xoáy lốc của các âm mưu phá hoại ngầm, rồi cuối cùng là huỷ hoại các chương trình đó. Phạm Ngọc Thảo bị giết chết ngày 17/7/1965.

Người ta tin rằng chính Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh hành hạ ông Phạm Ngọc Thảo thật đau đớn bằng cách dùng một chiếc thông lọng bằng da thít quanh cổ và một chiếc khác thít chặt nơi tinh hoàn. Sau khi ông Phạm Ngọc Thảo đã chết, Nguyễn Văn Thiệu và vợ liền mở rượu sâm banh ăn mừng.

Tại một trong những cuộc nói chuyện cuối cùng của tôi với Phạm Xuân Ân, tôi đã nói đùa rằng bác sĩ Trần Kim Tuyền hoá ra là người thế nào mà cả Ba Quốc, Phạm Xuân Ân, và Phạm Ngọc Thảo đều bắt đầu sự nghiệp từ tổ chức của ông Tuyền. Đây là một trong rất ít các cuộc trò chuyện của chúng tôi, Phạm Xuân Ân hạ giọng xuống rồi nói: "Đó là điều tôi không thể nói được với giáo sư. Nhưng tôi không phải là người duy nhất cứu mạng sống của ông Trần Kim Tuyền. Ông Phạm Ngọc Thảo cũng tham gia cứu Trần Kim Tuyền vì ông Tuyền đã giúp thả rất nhiều người của chúng tôi bị cầm tù sau khi ông ấy không còn được anh em Diệm, Nhu tin cậy".

Sau cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 dẫn đến việc phế truất Ngô Đình Diệm khỏi dinh Tổng thống, bác sĩ Trần Kim Tuyền từ Hong Kong trở về Sài Gòn, nhưng lập tức bị bắt giam vì bị tình nghi là kẻ âm mưu đảo chính. Trần Kim Tuyền bị giam hai tháng trong nhà tù biệt lập, bị tra tấn, bỏ đói, và bị lột hết quần áo để ở trần truồng sống giữa bầy chuột.

Phạm Xuân Ân cho biết, chính Phạm Ngọc Thảo - một đại tá được kính trọng của quân đội Sài Gòn - đã sử dụng ảnh hưởng của mình để Trần Kim Tuyền được phóng thích khỏi nhà tù. Phạm Xuân Ân

nói: "Bác sĩ Trần Kim Tuyên là bạn của tôi, cũng là bạn của ông Phạm Ngọc Thảo nữa. Chúng tôi đã cứu mạng sống cho ông Tuyên vì ông ấy đã giúp đỡ người của chúng tôi trong tù. Việc này chúng tôi cho giáo sư biết đôi điều về tình bạn giữa chúng tôi". Khi ấy, tôi đã nhớ lại suy nghĩ của mình rằng có rất nhiều những hộp nhỏ phía trong những hộp lớn cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn.

Phạm Xuân Ẩn được thưởng tám Huân chương thứ hai vì công trạng kịp thời gửi báo cáo đánh giá chiến lược của ông về việc liệu Mỹ có đưa quân bộ vào Việt Nam giai đoạn 1964-1965 hay không. Sau cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963, một số người ở Hà Nội đã nghĩ rằng Mỹ có thể sẽ tìm kiếm một vài điều chỉnh hoặc những giải pháp thông qua thương lượng.



Thẻ này cho phép Phạm Xuân Ẩn được đưa tin về các hoạt động huấn luyện, cố vấn, và hỗ trợ của các lực lượng Mỹ ở Việt Nam (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn)

Ngày 1/11/1963, Ngô Đình Diệm và em trai của ông bị giết ở phía sau chiếc xe bọc thép do Mỹ sản xuất. Mặc dù cuộc đảo chính là do nhóm quân sự của Nam Việt Nam vạch kế hoạch và thực hiện, nhưng CIA đã dính líu rất sâu thông qua người bạn của Phạm Xuân Ẩn là Lou Conein.

Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi rất ngạc nhiên về vụ đảo chính đó. Người Mỹ đã đầu tư quá nhiều cho Ngô Đình Diệm, thế mà chỉ có mỗi ông Lansdale mới là người có thể kiềm chế được ông Diệm. Nhiều người là cấp trên của tôi đã nhận định sai rằng sau khi loại bỏ Diệm, Mỹ sẽ tìm cách rút khỏi Việt Nam. Tôi đã phá lên cười và nói rằng không có chuyện ấy đâu. Người Mỹ sắp kéo vào đây. Tốt nhất là các đồng chí hãy chuẩn bị sẵn sàng để đương đầu với một cuộc chiến tranh lớn. Tôi đã nói với các cấp trên của tôi rằng một trong những lý do khiến CIA loại bỏ Diệm là vì ông ta chống lại việc đưa quân Mỹ vào Việt Nam. Diệm đã phải trả giá bởi vì ông ta không còn là nhân vật thân cận của Mỹ nữa".

Ngày 28/7/1965, Mỹ mới đưa ra cam kết qui mô lớn cho miền Nam Việt Nam. Thế mà từ năm 1964, Phạm Xuân Ẩn đã bắt đầu gửi đi những báo cáo về điều này trong thời kỳ Nguyễn Khánh làm Quốc trưởng Việt Nam Cộng hoà. Phạm Xuân Ẩn nói với tôi một điều giống hệt như ông từng nói riêng với Bob Shaplen trước đó 30 năm rằng CIA đã biết về những đề nghị bí mật của Nguyễn Khánh muốn bắt tay với Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Nguyễn Khánh sau đó bị phế truất vì Chính quyền

Johnson vào thời kỳ đó đang tiến dần đến việc Mỹ hoá cuộc xung đột ở miền Nam Việt Nam. Phạm Xuân Ân nói: "Đó là lý do vì sao tôi biết rằng Mỹ sẽ không bao giờ từ bỏ miền Nam Việt Nam. Sau này tôi mới biết rằng nhiều người ở Hà Nội đã nghĩ khác, nhưng lúc ấy tôi không biết họ đã nghĩ như thế nào. Tôi chỉ gửi cho họ sự phân tích trung thực của tôi và sau này mới biết là tôi được thưởng Huân chương.

Phạm Xuân Ân cho biết, nguồn tin đầu tiên cung cấp thông tin về số phận của Nguyễn Khánh cho ông chính là Lou Conein của CIA. Tuy nhiên, tôi vẫn nghi ngờ rằng ông Phạm Xuân Ân còn lấy thông tin từ các nguồn tin khác nữa. Phạm Xuân Ân kể: "Một hôm, Lou Conein vừa cùng với Nguyễn Khánh đáp máy bay trực thăng từ đâu về không rõ, nhưng vừa nhìn thấy tôi Lou Conein quát lên: Ân, về bảo vợ con anh đóng gói hành lý rồi ra khỏi đây ngay. Tất cả mất hết rồi. Miền Nam Việt Nam sắp rơi vào tay cộng sản rồi. Tôi chưa bao giờ nghĩ tình hình lại xấu đến như vậy, Nguyễn Khánh đã ăn nằm cùng giường với Mặt trận Dân tộc Giải phóng". Phạm Xuân Ân giải thích rằng trong khi cùng ngồi trên máy bay trực thăng với Nguyễn Khánh, Lou Conein đã quyết định thử thách Khánh bằng cách nói những chuyện dẫn đến kết luận: "Đã đến lúc cần thăm dò một khả năng thành lập một chính phủ liên hợp, rồi thương lượng với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam". Nguyễn Khánh cắn câu, liền thổ lộ hết những suy nghĩ của mình với Lou Conein - người ít khi kiềm chế được tình cảm. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Trong cuộc đời tôi chưa bao giờ thấy Lou Conein lại giận dữ đến thế. Nhưng Lou Conein thực sự lo ngại cho tôi và gia đình tôi. Ông ấy quát lên: Tất cả mất hết rồi, mất hết rồi". Chờ đến khi Lou Conein bớt giận, tôi nói với ông rằng tôi không nghĩ là Nguyễn Khánh sẽ nhận được sự ủng hộ của nhiều người về việc thương lượng với Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Bởi vì người Việt Nam sẽ không được phép ký kết hiệp định chỉ giữa các bên Việt Nam với nhau. Như thế người Mỹ sẽ không có lợi ích.

Ngày 5/2/1965, bom đạn dội xuống các trại lính Mỹ ở Pleiku làm chết tám người Mỹ và bị thương hơn một trăm người. Sự kiện này châm ngòi cho hàng loạt sự kiện khác dẫn đến việc Mỹ đưa các lực lượng tham chiến đổ bộ vào Việt Nam. Một ngày sau vụ các trại lính Mỹ ở Pleiku bị tấn công, Lyndon Johnson ra tuyên bố công khai mang đầy tính cảnh báo: "Chúng ta không còn sự lựa chọn nào khác là giờ đây chúng ta phải quét sạch bọn chúng và làm rõ sự cam kết của chúng ta tiếp tục ủng hộ miền Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập của họ".

Trợ lý đặc biệt của Tổng thống là McGeorge Bundy có mặt tại Pleiku đúng vào ngày các trại lính Mỹ ở đó bị tấn công. McGeorge Bundy liền điện thoại cho Lyndon Johnson nói rằng "Tình hình ở Việt Nam đang diễn biến xấu dần. Nếu không có hành động mới của Mỹ, sự thất bại có lẽ sẽ không thể tránh khỏi".

Ngày 13/2, Lyndon Johnson đề xuất mở một cuộc hành quân Sấm Rền, tức là thực hiện một chiến dịch ném bom trên diện rộng và có hệ thống xuống các mục tiêu ở miền Bắc Việt Nam.

Trong khi các bước đi đến một cuộc chiến tranh bằng không quân ngày càng được đẩy nhanh, quyết định đưa lực lượng tham chiến Mỹ vào Việt Nam cũng đồng thời được hình thành. Đầu tiên là 3.500 lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng. Ngày 7/6, tướng William Westmoreland đề nghị bổ sung thêm 44 tiểu đoàn nữa để ngăn chặn sự thất bại của Chính quyền miền Nam Việt Nam. Trong suốt sáu tuần tiếp theo, vấn đề Việt Nam hoá chiến tranh luôn là trung tâm của mọi cuộc thảo luận ở Washington. Đây đồng thời cũng là vấn đề được Hà Nội theo dõi chặt chẽ với những dự đoán điều gì sắp xảy ra. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi luôn được các nguồn tin thông báo cho biết về cuộc thảo luận đó. Tôi không bao giờ nghĩ rằng người Mỹ lại bỏ đi. Mỹ đã đầu tư quá nhiều tiền và uy tín của mình vào miền Nam Việt Nam. Cho nên, vấn đề còn lại chỉ là người Mỹ sẵn sàng đầu tư thêm bao nhiêu nữa? Có lẽ đầu tư của Mỹ sẽ là rất nhiều và đủ để cứu Chính quyền Sài Gòn khỏi sụp đổ trong một thời gian dài. Nhưng người Mỹ lại không bao giờ tính đến chuyện đào tạo một thế hệ lãnh đạo mới ở miền Nam. Đây là một sai lầm lớn của Mỹ".

Vào thời điểm đó, trong Chính quyền Johnson chỉ có một tiếng nói không ủng hộ quyết định của Tổng thống, đó là tiếng nói của Thứ trưởng Ngoại giao George Ball. Ông George Ball đã cố cảnh báo Lyndon Johnson rằng Tổng thống đang bắt đầu một cuộc chiến tranh mới đẩy Hoa Kỳ chống lại Việt Cộng.

Trong sổ tay của mình, Thứ trưởng Ngoại giao George Ball viết: "Có thể việc triển khai trên qui mô lớn các lực lượng Mỹ cùng với nhiều hoả lực sẽ buộc Hà Nội và Việt cộng phải đi đến một quyết định mà chúng ta đang tìm kiếm. Mặt khác, chắc chúng ta không thể đánh thắng trong một cuộc chiến tranh, thậm chí kể cả khi chúng ta có 500.000 quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chúng ta cần phải có nhiều bằng chứng hơn là số bằng chứng hiện có về việc quân đội của chúng ta sẽ không bị sa lầy trong các cánh rừng già và trên những đồng lúa trong lúc chúng ta từng bước nghiền nát miền Nam Việt Nam. Về mặt chính trị mà nói, miền Nam Việt Nam chả có gì... trong khi Hà Nội người ta có cả một chính phủ, mục đích và kỷ luật rõ ràng. Chính quyền Sài Gòn chỉ là một thứ trò đùa. Trên thực tế, miền Nam Việt Nam là một vùng lãnh thổ có quân đội mà không có chính phủ. Theo quan điểm của tôi, việc cam kết sâu của các lực lượng Mỹ vào mảnh đất chiến tranh Nam Việt Nam sẽ là một lỗi lầm có thể gây ra thảm hoạ. Nếu có cơ hội nào để rút lui chiến thuật, thì lúc này đây chính là cơ hội để cho chúng ta làm việc đó".

Những lời nói hay của Thứ trưởng Ngoại giao George Ball đã không lọt được vào những cái tai điếc. Ngày cuối cùng của ông ở Bộ Ngoại giao là cuối tháng 7, chỉ vài ngày trước khi Lyndon Johnson tuyên bố Westmoreland đang thu được những cái mà ông cần.

Tổng thống Johnson đã nói với George Ball rằng Mỹ sẽ bị mất uy tín nếu rút khỏi Việt Nam. Ngay lập tức, George Ball đáp lại: "Không phải như vậy đâu, thưa ngài. Điều tồi tệ hơn sẽ là việc một cường quốc hùng mạnh nhất thế giới không thể đánh bại được một nhóm du kích". Sau này, Phạm

Xuân Ân nói: "Hoa Kỳ là một đất nước tươi đẹp với những người dân rất tốt, chỉ có mỗi tội là họ đã không nhớ lịch sử lầm".

Trong vòng 5 năm kể từ khi từ Mỹ trở về nước, Phạm Xuân Ân được nhận hai Huân chương khác vì đã gửi được kịp thời các báo cáo chiến lược, cũng như những đóng góp của ông vào cả trận Ấp Bắc và việc Mỹ hoá cuộc chiến tranh(2). Ông đã giành được uy tín và sự nổi tiếng nhất, có lẽ Phạm Xuân Ân là một nhà báo Việt Nam giỏi nhất làm việc cho báo chí phương Tây. Trong suốt một thập kỷ sau, từ 1965 đến 1975, ông cũng để lại những dấu ấn sâu đậm trong nghề tình báo, cũng như trong nghề nhà báo làm việc cho Tạp chí Time.

Chú thích:

(1) Phản đối chính sách đàn áp phật giáo của chính quyền Việt Nam Cộng hoà. (NXB).

(2) Phạm Xuân Ân đã được tặng thưởng 11 Huân chương các loại. (BT).

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 5

Từ tạp chí Time đến Tết Mậu Thân

Tạm biệt người Anh hùng, một sĩ quan tình báo xuất sắc người đã có nhiều cống hiến lớn lao cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tôi, Tư Cang, có rất nhiều kỷ niệm với bạn trong thành Sài Gòn tạm chiếm.

Giữa sự sống và cái chết chúng ta luôn ở bên nhau vượt qua muôn vàn khó khăn.

Lưu bút của Tư Cang trong sổ tay của Phạm Xuân Ân, tháng 9/2006

Cuối năm 1967, Thiếu tá Tư Cang, 40 tuổi, tổ trưởng mạng lưới tình báo quân sự cụm H.63 đặt chân đến Sài Gòn. Trước đó vài tháng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ở Hà Nội đã thông qua Nghị quyết về tổ chức một cuộc tổng tiến công và nổi dậy mới đánh vào "trung ương thần kinh của chính phủ bù nhìn miền Nam". Mục tiêu chính là Sài Gòn!

Bản Nghị quyết được các giao liên chuyển theo đường mòn Hồ Chí Minh, đến tháng 9/1967 mới tới được Trung ương Cục miền Nam. Ngày hành động được ấn định vào Tết Mậu Thân, tức ngày 31/1/1968. Nghị quyết này chỉ dành cho chưa đầy ba tháng để thu thập tin tức tình báo và lên kế

hoạch chiến lược cho trận tấn công vào thành phố thủ phủ của miền Nam.

Ông Trần Văn Trà, Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng ở miền Nam từ năm 1963, lãnh trách nhiệm về các hoạt động chiến thuật và chiến lược trong cuộc tổng tiến công. Ông Trần Văn Trà tin chắc rằng, nếu kế hoạch này được thực hiện thành công, Chính quyền Sài Gòn do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu sẽ sụp đổ. Phương pháp hướng dẫn cơ bản là kết hợp giữa tấn công của các đơn vị quân đội với sự nổi dậy của quần chúng nhân dân đô thị, kết hợp giữa tấn công từ bên trong các thành phố với bên ngoài thành phố, và giữa hoạt động quân sự ở nông thôn với hoạt động quân sự ở các trung tâm đô thị. Cuộc tổng tiến công sẽ là liên hoàn đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cuối cùng đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Ông Trần Văn Trà phụ thuộc nhiều vào các mạng lưới tình báo của ông ở Sài Gòn. Nhiệm vụ của ông Tư Cang là: Điều tra năng lực của Sư đoàn 1 quân đội Việt Nam Cộng hoà; Báo cáo về hệ thống an ninh xung quanh tổng hành dinh hải quân đóng ở Cảng Sài Gòn; Xác định đường đột nhập tốt nhất vào thành phố, cũng như những đường đến các toà cao ốc hoặc những cơ sở dễ tấn công nhất. Tư Cang hiểu rằng ông cần phải dành càng nhiều thời gian với điệp viên thượng hạng của mình là Phạm Xuân Ẩn thì càng tốt.

Phạm Xuân Ẩn tạo vỏ bọc cho Tư Cang là trong vai một người bạn từ Huế vào, một thầy giáo đi thăm đồn điền ở Dầu Tiếng, một người lai tạo giống chim và thích nuôi dạy chó. Với vỏ bọc như vậy, Tư Cang và Phạm Xuân Ẩn có thể đi cùng nhau đến tiệm cà phê Givral hoặc bất cứ nơi nào trong Sài Gòn mà không hề gây ra chút nghi ngờ nào. Với tư cách một nhà báo được kính trọng đang làm việc cho Tạp chí Time, Phạm Xuân Ẩn dễ dàng đi lại khắp Sài Gòn, trong đầu xõn xang với ý nghĩ về những địa chỉ có thể tấn công và những cách thức để tránh hệ thống an ninh.

Khoảng năm 1968, Phạm Xuân Ẩn nói chung được mọi người coi là anh cả trong đám phóng viên ở Sài Gòn. Laura Palmer, phóng viên tự do của Tạp chí Time và là bạn thân của ông Ẩn, viết: "Phạm Xuân Ẩn là một trong những nguồn thạo tin nhất ở Sài Gòn và rất nhiều phóng viên phải phụ thuộc vào ông". Khi David Lamb của tờ Los Angeles Times đến Sài Gòn đã được mọi người nói "Đến gặp Phạm Xuân Ẩn của Tạp chí Time". Henry Kamm của tờ New York Times biết Phạm Xuân Ẩn là "một đồng nghiệp thạo tin, hào phóng, nhẹ nhàng và tế nhị, người Việt Nam duy nhất được một toà báo Mỹ là Tạp chí Time tuyên dụng và cho hưởng qui chế phóng viên đầy đủ, chứ không phải chỉ là những trợ lý người địa phương cho các nhà báo Mỹ từ New York được cử đến để đưa tin về chiến tranh".

Nhiều năm trước khi David Halberstam biết về các hoạt động tình báo của Phạm Xuân Ẩn, ông đã nói với Neil Sheehan rằng Phạm Xuân Ẩn là một nhân vật lớn ở Sài Gòn "bởi vì ông ấy có nhiều ảnh hưởng đối với các nhà báo Mỹ". Khi tôi chia đoạn trích từ kho tư liệu báo chí của Neil Sheehan này cho Phạm Xuân Ẩn xem, ông đã mỉm cười và nói: "David Halberstam nói đúng, bởi vì tôi gây ảnh

hưởng đối với các nhà báo Mỹ bằng cách giúp họ hiểu Việt Nam. Nhiều người trong số họ đến đây khi còn là những phóng viên tự do rất trẻ, lúc nào cũng tìm kiếm tin để viết bài. Tôi không muốn họ bị hướng dẫn sai, vì có nhiều người khác đưa ra những thông tin không đúng. Tôi đã ở vị trí dạy cho các phóng viên Mỹ trẻ tuổi, vì tôi không thể để cho ai nghi ngờ tôi. Đó là lý do tại sao tôi không bao giờ dính líu vào việc đưa các thông tin thất thiệt. Chỉ có những người xấu mới làm như vậy. Tôi phải công bằng và khách quan, nếu không tôi sẽ bị chết. Đơn giản như vậy đó".

Câu hỏi về việc Phạm Xuân Ẩn một tình báo viên có đưa tin thất thiệt - tức là phát tán những thông tin giả nhằm đánh lạc hướng kẻ thù của đất nước mình - hay không, cho đến nay chưa được khẳng định, mặc dù đã từng có một số cuộc điều tra và buộc tội ông. Có lẽ vấn đề này vẫn còn nhạy cảm nếu không muốn nói đây là vấn đề trọng tâm liên quan đến vở bọc của Phạm Xuân Ẩn. Ông có đưa tin xuyên tạc về cuộc chiến tranh để có lợi cho Cộng sản hay không? Đã từng có người ở Mỹ buộc tội ông Phạm Xuân Ẩn như vậy. Tại cuộc điều trần của một tiểu ban thuộc Thượng nghị viện Hoa Kỳ do Thượng nghị sĩ Jeremiah Denton, một cựu binh Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, làm chủ tọa, ông Arnaud de Borchgrave đã đưa ra những lời buộc tội Phạm Xuân Ẩn. Theo de Borchgrave, "Phạm Xuân Ẩn phụ trách việc chuyển tiếp thông tin sai lạc đến Đại sứ quán Mỹ và các đồng nghiệp nhà báo của ông".

Tuy nhiên, tất cả các đồng nghiệp từng làm việc sâu sát bên cạnh Phạm Xuân Ẩn đều nói rằng Phạm Xuân Ẩn chưa bao giờ cung cấp cho họ những thông tin sai lạc. Ông Roy Rowan, cựu Trưởng phân xã Tạp chí Time ở Sài Gòn, khẳng định: "Vì uy tín của mình, Phạm Xuân Ẩn chưa bao giờ cung cấp các thông tin sai lạc cho các phóng viên về diễn biến của cuộc chiến tranh". Sau này, Tạp chí Time đã từng tiến hành thanh tra nội bộ, nhưng vẫn không tìm thấy bằng chứng nào về việc Phạm Xuân Ẩn đã viết những tin, bài xuyên tạc, bóp méo. Tôi đã phân tích một cách kỹ lưỡng những ghi chép chi tiết của Robert Shaplen trong các cuộc chuyện trò với Phạm Xuân Ẩn thì thấy không hề có chi tiết hoặc dấu hiệu nào chứng tỏ rằng ông Ẩn đã cố đưa ra những thông tin sai, hoặc thậm chí sự hiểu sai, để có thể bị coi là thân Việt Cộng. Cho đến những ngày cuối cùng của đời mình, Phạm Xuân Ẩn vẫn luôn khẳng định: "Làm báo là một nghề tôi thực hiện rất nghiêm chỉnh. Đó là lý do vì sao không ai có thể nghi ngờ tôi và đó cũng là lý do vì sao ngày nay tôi có rất nhiều bạn. Tất cả những điều tôi đã làm chẳng qua chỉ là vì nghề nghiệp của tôi, vì đất nước tôi. Những ai là người công bằng thì đều biết điều đó".

Mối quan hệ nghề nghiệp thân thiết nhất của Phạm Xuân Ẩn là với Bob Shaplen, phóng viên Viễn Đông của tờ New Yorker làm việc tại Hong Kong từ năm 1962-1978. Bob Shaplen có nhiệm vụ đưa tin về cuộc chiến tranh Việt Nam và tình hình ở các nước khác tại châu Á. Khi đến Sài Gòn, Bob Shaplen đặt trụ sở của mình tại phòng số 407, Khách sạn Continental. Từ phòng làm việc của mình và đứng ở ban công, Bob Shaplen có thể nhìn thẳng sang Toà nhà Quốc hội; nhìn sang bên phía tay

phải và ngang qua phố là tiệm cà phê Givral. Nhà nhân chủng học Gerald Hickey nhớ lại: "Khi Bob Shaplen đến Sài Gòn, Phạm Xuân Ẩn và tôi thường đến phòng của ông ta ở khách sạn Continental Palace, nơi có nhiều người khác nhau tụ họp. Họ là những nhà báo, trong đó có Jean-Claude Pomonti của tờ báo Le Monde, George McArthur của Los Angeles Times, Keyes Beech của Chicago Daily News và những tay lỏi đời về Việt Nam như Lou Conein. Nhiều lần các quan chức Việt Nam, trong đó có tướng Trần Văn Đôn, cũng xuất hiện ở đây."



Phạm Xuân Ẩn và trưởng phân xã Tạp chí Time Jon Larsen tại trại Chiêu Hồi. Chiêu hồi trong tiếng Việt có nghĩa là đầu hàng(1) (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn

(Chú thích của Nhà xuất bản: Chiêu hồi là chương trình trong chiến tranh xâm lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn (trước 1975) tiến hành bằng các biện pháp mua chuộc kết hợp thủ đoạn tâm lý chiến để lôi kéo cán bộ cách mạng và chiến sĩ lực lượng vũ trang giải phóng đào ngũ về với họ)

Lou Conein dành khá ít thời gian với cả Phạm Xuân Ẩn và Shaplen. Ông luôn cho rằng Phạm Xuân Ẩn đã giúp cho Shaplen hình thành nên bài viết của mình. Lou Conein nhớ có lần ông dẫn Shaplen đến gặp Thượng toạ Phật giáo Trí Quang. Khi bài phỏng vấn của Shaplen xuất hiện trên tờ New Yorker, thì chẳng thấy giống như những lời mà Thượng toạ Trí Quang đã nói. Lou Conein nói với Shaplen về tính chính xác của bài viết: "Này Bob, ông ấy không nói như thế". Shaplen đáp: "Nhưng đó mới là ý ông ấy muốn nói Lou ạ. Đó mới thực sự là điều của ông ấy muốn nói". Lou Conein kết luận rằng sở dĩ có điều này là vì Shaplen đã tốc ký rất nhiều đoạn mà ông Trí Quang đã nói, sau đó, Shaplen đến gặp Phạm Xuân Ẩn và Vương ở tiệm cà phê Givral. Khi được Shaplen chìa cho xem bản tốc ký, hai người liền nói rằng ông ấy nói vậy, nhưng nghĩa thực sự của câu nói đó là thế này... ý

của ông ấy là thế này... Vậy là Bob Shaplen cứ thế viết theo ý của họ".

Lou Conein tin rằng kiểu gây ảnh hưởng như vậy cũng tác động đến sự phân tích của Shaplen về tình hình chính trị nội bộ ở miền Nam Việt Nam và những ý nghĩa của nó. Sau khi đọc những bài phân tích của Bob Shaplen trên báo New Yorker, Lou Conein nói với Shaplen: "Bob này, mình có các nguồn tin riêng và họ nói rằng sự việc diễn ra không như vậy". Theo các ghi chép của Neil Sheehan, "Shaplen luôn luôn bảo với Conein rằng Conein nói không đúng vì Phạm Xuân Ẩn Và Vương đã nói như các nhà chức trách rồi".

Cả Lou Conein và Neil Sheehan đều cho rằng Phạm Xuân Ẩn là "một điệp viên hoàn hảo làm việc cho Việt Cộng, bởi vì ngoài một số chuyện khác thì Phạm Xuân Ẩn biết tất cả những gì mà Shaplen thu thập được từ nguồn Đại sứ quán Mỹ và chi nhánh CIA ở Sài Gòn. Thậm chí, Phạm Xuân Ẩn biết được cả những điều như phía Mỹ có ý định sẽ làm gì và người Mỹ đã xử lý tình huống đó như thế nào, ít nhất là khi các thông tin như vậy được chuyển tiếp đến Shaplen. Phạm Xuân Ẩn đã có một vỏ bọc hoàn hảo là trợ lý chính của Shaplen mỗi khi đến Sài Gòn và nhiều năm sau còn trở thành phóng viên người Việt Nam của Tạp chí Time nữa".

Đánh giá về Phạm Xuân Ẩn với tư cách là một nhà báo có lẽ được thể hiện rõ nhất trong đoạn mà nhà báo Neil Sheehan viết trong cuốn sách của ông với tựa đề "Sự nói dối hào nhoáng". Sheehan kể về lần ông đáp máy bay trực thăng của lính thủy đánh bộ bay tới một vùng căn cứ Việt Cộng ở Đồng Tháp Mười. Nhìn thấy có hoạt động của đối phương ở dưới đất, nên người lính giữ hỏa lực ngồi bên cửa nổ súng. Lúc đó Sheehan nhìn thấy khoảng một chục người chạy xuyên qua bãi cỏ dại cao lút đầu. Những người này mặc giống như những du kích Việt Minh ngày trước mà Sheehan từng được thấy trong các bức ảnh chụp từ hồi chiến tranh của Pháp. Đồng phục màu xanh lá cây mũ tai bèo, mang vũ khí và một chiếc ba lô nhỏ đeo sau lưng. Nhưng những người đó không phải là Việt Minh, mà là lính chính qui Việt Cộng thuộc một tiểu đoàn quân chủ lực. Tuy nhiên, khi một đại úy Quân đội Việt Nam Cộng hoà vào trong làng để hỏi người dân ở đó về khoảng chục người du kích đã chạy biến đi đâu rồi, người ta cứ nói đi nói lại là từ Việt Minh. Neil Sheehan quay sang hỏi một phóng viên người Việt Nam làm việc cho một trong những hãng thông tấn nước ngoài đi cùng: "Tại sao viên đại úy cứ gọi những du kích là Việt Minh? Tôi cứ nghĩ rằng chúng ta đang đuổi theo Việt Cộng chứ?" Nguồn tin không nói rõ tên (sau này tôi xác định được đó chính là Phạm Xuân Ẩn) đã giải thích rằng "Người Mỹ và người của chính phủ ở Sài Gòn gọi họ là Việt cộng, nhưng ở đây mọi người vẫn gọi họ là Việt Minh. Sheehan hỏi tại sao thì được người phóng viên Việt Nam nói: "Vi nhìn họ giống Việt Minh, họ hành động giống Việt Minh, và vì thế mà những người ở đây gọi họ là Việt Minh".

Phạm Xuân Ẩn thôi làm việc cho Reuters từ năm 1964, sau khi có chuyện bất bình với Nick Turner. Phóng viên Nick Turner viết: "Cuối cùng, khi vai trò dưới vỏ bọc của Phạm Xuân Ẩn được phơi bày,

thì nhiều người trong số các đồng nghiệp của tôi ngạc nhiên và đã viết rất nhiều về điều đó, nhưng tôi không hề ngạc nhiên. Tôi luôn có nhiều nghi ngờ và đã từng bảo với Phạm Xuân Ân như vậy. Nhưng tôi cũng nói tôi không quan tâm điều đó chừng nào Phạm Xuân Ân hoàn thành công việc của ông với Reuters. Tuy nhiên, tôi đã thận trọng không chia sẻ các thông tin nhạy cảm với ông ấy và rõ ràng là Phạm Xuân Ân đã nhận thấy điều này và cuối cùng thì ông ấy chuyển sang làm việc cho Văn phòng Tạp chí Time".

Sau này, khi tôi bảo Turner làm rõ quan điểm của ông, thì Nick Turner viết: "Tôi chưa bao giờ ám chỉ cho Phạm Xuân Ân hiểu rằng tôi tin ông ấy là một sĩ quan tình báo Việt Cộng, chứ nói gì đến chuyện biết ông ấy là một sĩ quan tình báo cao cấp. Trên thực tế, tôi chưa bao giờ nghi ngờ ông ấy về điều đó. Tuy nhiên, sự cảm tình của Phạm Xuân Ân với Việt Cộng thì khá rõ, và đó là vấn đề mà tôi đã thảo luận với ông ấy, chứ không đặt thành vấn đề về chuyện đó. Đối với tôi, đó là điều tất nhiên và không nên chỉ trích đối với những loại người như Phạm Xuân Ân vì bề ngoài có thể hoá trang hoặc có vẻ triết lý, nhưng lại có cảm tình với Việt Cộng. Tôi đánh giá cao những lần được chuyện trò với Phạm Xuân Ân vì ông ấy giúp tôi hiểu được sự phức tạp của cái điều mà người ta vẫn gọi là chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Tôi nghi ngờ là vì sự cảm tình của Phạm Xuân Ân đối với Việt Cộng khá rõ, nên rất có thể ông ấy cung cấp các thông tin cho Việt Cộng, nhưng chỉ ở mức độ thấp, thông qua một điệp viên hoặc một hệ thống khác. Ngoài ra, cũng còn những lý do khác khiến tôi tin rằng điều này là rất dễ xảy ra. Tuy nhiên, tôi muốn nhắc lại rằng tôi không hề nghi ngờ gì về việc chính Phạm Xuân Ân là một phần quan trọng trong hoạt động tình báo của họ".

Phạm Xuân Ân có cách giải thích khác về lý do tại sao ông không tiếp tục làm việc cho Reuters. Mở đầu câu chuyện này, Phạm Xuân Ân nói: "Nick Turner chưa bao giờ nói với tôi một lời nào về việc nghi ngờ tôi là Việt Cộng. Tôi không cần ông ấy phải chia sẻ những thông tin nhạy cảm với tôi, bởi vì tôi có những nguồn tin còn tốt hơn ông ấy nhiều, tôi có thể cam đoan với giáo sư như vậy. Tôi rất lấy làm tiếc khi đọc được những điều mà ngày nay Nick Turner nói ra, bởi vì ông ấy biết rõ tôi đã bảo vệ ông ấy và Reuters để không bị rơi vào tình trạng cực kỳ bối rối. Ngày ấy, tôi là nguồn tin chính của ông ấy về tất cả mọi thứ. Nick Turner biết rất rõ điều này. Tôi rất tiếc phải nói rằng điều ông ấy nói là sai".

Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng ông bỏ Reuters đúng vào ngày ông vừa đi lấy tin về vụ đảo chính hồi tháng 8/1964. Trong cuộc đảo chính này, thiếu tướng Nguyễn Khánh lật đổ thiếu tướng Dương Văn Minh để lên làm Quốc trưởng ở Nam Việt Nam. Nick Turner cần có thông tin này để viết bài, nhưng sự kiện tại phủ Tổng thống đã khiến Phạm Xuân Ân chậm trễ vài giờ. Khi vừa nhìn thấy Phạm Xuân Ân, Nick Turner quát: "Ân, mày vừa ở chỗ quái nào về thế, tao đang chờ mày đây". Phạm Xuân Ân đáp lại: "Tôi vừa đi lấy tin về vụ đảo chính ở phủ Tổng thống".

Phạm Xuân Ân kể rằng khi cuộc lời qua tiếng lại giữa ông và Nick Turner trở nên nóng hơn, Turner

yêu cầu ông phải chuyển con chim nhỏ "hót véo von" ông vẫn để trên bàn làm việc đi chỗ khác. "Tôi đã nói với ông ta rằng nếu chuyển con chim đó đi, thì tôi cũng đi luôn. Và ngay lúc đó, tôi đi thật. Thực sự tôi rất điên tiết nên ném các đồ bừa bãi trên bàn. Tôi xếp đồ đạc rồi đi thẳng không bao giờ trở lại với Reuters nữa. Nick Turner đã mất một nguồn tin quý giá và ông ta biết rõ điều đó", Phạm Xuân Ân nói.

Còn đây là giải thích của Nick Turner: "Liên quan đến việc Phạm Xuân Ân thôi làm việc ở Reuters, thực tế là thế này: Không phải ông Ân chỉ đi vắng vài giờ, mà là từ hai đến ba ngày và tôi biết rõ ông ấy không ra khỏi Sài Gòn. Khi ông ấy xuất hiện trở lại ở cơ quan có thể tôi đã nói một cách bỗ bã "Ân, mày vừa từ chỗ quái nào về thế?" Phạm Xuân Ân trả lời rằng ông ấy đang làm việc với cô Beverley Deepe về một số việc lớn. Nghe vậy, tôi liền chỉ ra cho ông ấy biết rằng ông được trả lương để làm việc cho Reuters. Phạm Xuân Ân đáp lại trả như thế chưa đủ. Phạm Xuân Ân nói như vậy là đúng. Tôi đã từng đề nghị Reuters nâng lương cho Phạm Xuân Ân vì những trợ lý người Việt Nam giỏi đang có nhu cầu rất nóng từ phía các phóng viên nước ngoài. Nhưng đề nghị của tôi đã bị từ chối. Tôi đành an ủi ông ấy bằng cách để cho các phóng viên đến thăm ngăn ngày ghé qua Văn phòng Reuters khai thác chất xám của ông ấy (về việc này tôi không hề phản đối), và một số trong các phóng viên này đã trả thù lao cho ông ấy theo nhiều cách khác nhau... Phạm Xuân Ân đã không chịu được lời khiển trách của tôi, nên ông ấy đóng gói đồ đạc rồi ra đi".

Sau khi thôi làm việc ở Reuters, Phạm Xuân Ân rơi vào tình trạng thất nghiệp không lâu. Lúc đầu, ông làm việc ít nhiều cho Beverly Deepe của tờ New York Herald Tribune. Phạm Xuân Ân đã gặp Deepe từ tháng 2/1962, ngay từ khi Deepe mới đến Sài Gòn với tư cách một phóng viên tự do, hai mươi lăm tuổi, luôn săn tìm thông tin để viết bài. Phóng viên ảnh Francois Sully vừa bị chính quyền Ngô Đình Diệm trục xuất vì bị quy cho là có quan điểm thân Việt cộng, nên Beverly Deepe được thay thế Francois Sully làm cộng tác viên cho tờ Tạp chí Mỹ Newsweek.

Sau này, bà Beverly Deepe viết: "Tôi đến Nam Việt Nam năm 1962, đúng 5 năm sau khi tốt nghiệp ngành báo chí và khoa học chính trị Trường đại học Nebraska, Hoa Kỳ. Mặc dù luôn mơ ước được làm một phóng viên thường trú ở nước ngoài, nhưng tôi vẫn rất ngạc nhiên khi chỉ trong một thời gian ngắn mà tôi trở thành một phóng viên như vậy, tại một nơi rất xa xôi mà đối với hầu hết người Mỹ, trong đó có tôi, chưa bao giờ được nghe tên. Không một cuốn giáo trình nào ở Mỹ, cho dù là giáo trình báo chí, lịch sử, khoa học chính trị, hay các vấn đề quân sự từng được viết dạy cho người ta cách đưa tin về cuộc chiến tranh như chiến tranh Việt Nam".

Phạm Xuân Ân thường nói với tôi rằng ông rất tự hào là đã góp phần giúp đỡ Beverly Deepe trở thành một phóng viên tốt hơn như thế nào. Hai người thoả thuận với nhau rằng Deepe giúp Ân về những câu ngữ pháp tiếng Anh, đổi lại Phạm Xuân Ân dạy cho Deepe cách mà ông vẫn "xào" các tin bài cho Reuters. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi bày cho Deepe cách sử dụng các bức điện và những thông

tin khác, tất cả ném vào khuấy đảo lên trong vòng một giờ đồng hồ là cho ra một bài về sự kiện nổi nhất trong ngày".



Phạm Xuân Ân với các đồng nghiệp ở Văn phòng Tạp chí Time (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân, cùng sự cho phép của Lê Minh và Ted Thái)

Được sinh ra dưới Sao nữ thần Virgo chiếu mệnh, Phạm Xuân Ân cảm thấy mình có trách nhiệm bảo vệ cho Deepe. Phạm Xuân Ân nói: "Cô ấy rất trẻ, rất bạo dạn, rất mạo hiểm, nên nhiều rủi ro". Phạm Xuân Ân dẫn ra một ví dụ, khi đoàn Phật tử biểu tình trước toà nhà Đại sứ quán Mỹ. Lực lượng chống bạo động Nam Việt Nam đã ra lệnh cho tất cả mọi người phải giải tán. Nhưng Deepe cứ nhất định trèo lên bằng được tường hàng rào điện để chụp ảnh và để xem điều gì đang diễn ra. Phạm Xuân Ân phải đến gặp Đại tá Bùi đang chỉ huy lực lượng chống bạo động hôm đó. Đại tá Bùi là một trong sáu chỉ huy lực lượng bộ binh nhẹ mà ông đã quen biết từ nhiều năm trước. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi hỏi Đại tá Bùi để biết trước kế hoạch sẽ đàn áp những người biểu tình như thế nào, để tôi có thể lôi "sếp" của mình ra khỏi nơi nguy hiểm".

Deepe là phóng viên đưa tin thô bạo về cuộc chiến tranh, nên chẳng bao lâu, cô bị Đại sứ Mỹ Maxwell Taylor đích thân ra lệnh cấm cô tham dự các buổi thông báo tin tức chính thức của Đại sứ quán Mỹ. Bà Beverly Deepe nhớ lại: "Đại sứ quán Mỹ không thích tôi là vì tôi không nói những điều họ muốn. Họ buộc tội cho tôi là đưa những thông tin có lợi cho Việt Nam. Thực tế là tôi lắng nghe Đại sứ quán Mỹ nói, sau đó ra ngoài tự tìm thông tin kiểm chứng".

Ngày 8/1/1965, Tạp chí Time đăng một bài của Deepe phỏng vấn độc quyền với tướng Nguyễn Khánh. Bài báo kết luận, bằng sự quan sát mà phóng viên Deepe "đã phát triển các thông tin thu

được từ các nguồn tin và quan hệ tiếp xúc, hầu hết là không cần đến thông tin của Đại sứ quán Mỹ cung cấp, thậm chí độc lập với cả các thông tin đồn đại trong các câu lạc bộ hay trong đội quân báo chí ở Sài Gòn. Chỉ có điều phóng viên Deepe không biết đó là cô chỉ có thể lấy thông tin từ hai trợ lý người Việt Nam của mình. Cả hai trợ lý này đều khôn ngoan, có khả năng phân tích đúng trong mớ bùng nhùng về chính trị của đất nước họ". Hai người trợ lý gồm Phạm Xuân Ẩn và Nguyễn Hùng Vương chính là hai người mà Lou Conein đã từng nói tới trước đây. Phạm Xuân Ẩn nói: "Deepe học được rất nhiều từ Vương và tôi. Không giống những người Mỹ khác, cô ấy sẵn sàng mở lòng ra để học về lịch sử và con người Việt Nam, do vậy mà cô ấy hiểu được cuộc chiến tranh".

Beverly Deepe là một trong số rất ít người bạn cũ của Phạm Xuân Ẩn cảm thấy mình bị phản bội sau khi biết ông là một nhà tình báo của Cộng sản. Deepe cho rằng Phạm Xuân Ẩn đã lừa dối mình. Bà đã cắt đứt mọi liên hệ với Phạm Xuân Ẩn và gia đình ông, gây ra cho gia đình ông biết bao khó khăn khi bị từ chối cung cấp tiền trợ giúp y tế cho các con ông. Ngoài ra, bà Deepe còn cắt việc cung cấp chỗ ở cho gia đình ông Phạm Xuân Ẩn tại nhà riêng của bà ở bang Virginia, sau khi gia đình ông chạy di tản khỏi Sài Gòn năm 1975. Phạm Xuân Ẩn nói: "Deepe là một thành viên ruột thịt của gia đình tôi. Lần đầu tiên trong đời, tôi được tổ chức lễ sinh nhật là do sáng kiến của Beverly Deepe và Charles Keever (người chồng sau này của bà). Tôi rất xúc động vì lòng tốt của họ". Trong suốt quá trình làm việc của tôi với Phạm Xuân Ẩn, ông thường hỏi liệu tôi có may mắn nào gặp được Deepe hay không? Tôi nói thật với ông rằng tôi đã liên hệ được với Deepe qua một địa chỉ email của bà tại khoa Thông tin đại chúng Trường đại học Hawaii. Bà Beverly Deepe đang giảng dạy ở đó.

Trong cuộc trao đổi qua email, bà Deepe không hề nói gì đến Phạm Xuân Ẩn. "Tôi rất yêu quý Deepe, các con tôi và cả vợ tôi vẫn còn rất yêu quý bà ấy. Tôi vẫn cứ hy vọng một ngày nào đó, trước khi tôi chết, chúng tôi tha thứ được cho nhau và sống hoà hợp được với nhau giống như đất nước tôi đã làm". Phạm Xuân Ẩn đã nói như vậy, tôi cảm nhận được rõ ràng một nỗi buồn vô hạn trong ánh mắt của ông.

Phạm Xuân Ẩn được nhà báo Bob Shaplen giới thiệu với Frank McCulloch của Tạp chí Time. McCulloch từng là một lính thủy đánh bộ, đưa tin về tất cả những trận đánh lớn từ năm 1964 đến 1965, dành hầu hết thời gian của ông để đi theo Lữ đoàn 9 Thủy quân lục chiến. Sau này, ông được tặng một bằng xác nhận ông là thành viên danh dự của Lữ đoàn. Thời kỳ đầu năm 1964, số lượng nhân viên của Tạp chí Time-Life ở Sài Gòn còn nhỏ bé giống như qui mô của cuộc chiến tranh. John Shaw là một cộng tác viên thường trú tại Sài Gòn, thường làm việc với McCulloch bên ngoài căn hộ của anh ở trên phố Công Lý, cũng như tại phòng của McCulloch ở khách sạn Caravelle. Khi đó, sự hiện diện của quân đội Mỹ mới có khoảng 16.000 quân. Chẳng bao lâu sau, phân xã Tạp chí Time được bổ sung Jim Wilde nên chuyển đến phòng số 6 Khách sạn Continental. Năm 1964, phân xã Sài Gòn tuyển nhân viên Việt Nam đầu tiên làm việc toàn thời gian là Nguyễn Thuỳ Đăng trong cương

vị chánh văn phòng. Khi chiến tranh ngày càng lan rộng, Frank bảo Đăng đi tìm kiếm trụ sở mới để làm văn phòng. Sau đó, họ chuyển đến nhà số 7 phố Hàn Thuyên, chỉ cách khách sạn Continental bốn khối nhà về phía tây, ngay cạnh Nhà thờ Đức Bà và Bưu điện thành phố. Đến khi McCulloch rời Sài Gòn, thì phân xã Tạp chí Time -life đã có một biệt thự riêng, chưa kể năm phòng ở tại khách sạn Continental và sáu phòng khác làm văn phòng cho Tạp chí Life.

Vừa gặp, McCulloch đã lập tức có ấn tượng tốt đẹp ngay đối với Phạm Xuân Ân. McCulloch nói: "Phạm Xuân Ân có tất cả những phẩm chất mà tôi cần. Ông ấy có một kiến thức rộng về tình hình đất nước đang thay đổi. Sau khi đã nhìn nhận lại mọi chuyện, tôi có thể nói rằng ông là một tình báo viên không bao giờ làm méo mó nghề báo". Làm việc cho Tạp chí Time tạo cho Phạm Xuân Ân những lợi thế đặc biệt. McCulloch nói với tôi: "Tôi giao cho Phạm Xuân Ân nhiệm vụ phải lắng nghe các thông tin, chứ không phải là viết bài. Do đó, văn phòng Tạp chí Time đã cho Phạm Xuân Ân một vị trí nghe ngóng hoàn hảo để giúp cho nghề tình báo của ông, bởi vì các số liệu về quân sự và chính trị ngày đó được người ta thảo luận công khai". Robert Sam Anson quan sát một cách hài hước: "Còn vỏ bọc nào tốt hơn thế nữa đối với Phạm Xuân Ân, khi ông ấy đi lấy tin cho một cơ quan báo chí vốn rất cần tin tức về chiến tranh khiến cho chính MACV và Sứ quán Mỹ cũng muốn qua kênh này để mà xì thông tin ra ngoài. Điều chói lọi và tuyệt vời ở đây còn là tất cả những việc làm thu thập tin tức nói trên của Phạm Xuân Ân lại được cơ quan đế chế của Henry Luce - một người châu Á chống cộng sản khét tiếng, trả lương".

Jon Larsen là trưởng phân xã Tạp chí Time tại Sài Gòn từ cuối năm 1970 - 1971 thay cho Marsh Clark. Jon Larsen nhớ lại: "Phạm Xuân Ân là phóng viên của chúng tôi, là người phiên dịch của chúng tôi, và là người trợ lý đa năng của chúng tôi, muốn gì là ông ấy đáp ứng được ngay. Lúc nào anh cũng có thể được nghe ông ấy trình bày rất hay khi thông báo tin tức. Ông ấy là người môi giới, chấp nối thông tin của chúng tôi. Ông ấy không ngồi trong văn phòng. Muốn gặp ông ấy tốt nhất là hẹn hò, sau đó ông ấy sẽ đến, ngồi, và nói chuyện. Tôi chẳng bao giờ nghi ngờ gì Phạm Xuân Ân. Tôi biết Phạm Xuân Ân là người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành. Có vẻ như ngay từ đầu, Phạm Xuân Ân đã bị ảnh hưởng nhiều bởi cuốn sách "Trao đi đổi lại của phóng viên" do hai tác giả Joseph và Stewart Alsop viết năm 1958. Đây là hai phóng viên được đánh giá cao ở Washington nổi tiếng về quan điểm bảo thủ và chống Cộng sản. Phạm Xuân Ân tự thấy mình giống như một phóng viên quốc phòng kiểu mới mô tả trong cuốn sách đó. Tình thoảng, ông lại lôi cuốn sách đó từ trên giá sách gia đình ra bảo tôi: "Đọc đoạn này đi rồi chúng ta lại tiếp tục câu chuyện". Đoạn ông bảo tôi đọc đoạn viết: "Đưa tin về quốc phòng, nói tóm lại, là khác với việc đưa tin về chiến tranh. Việc đưa tin chiến tranh về cơ bản không có nhiều thay đổi kể từ khi có phóng viên đầu tiên ra chiến trường đưa tin về trận Sebastopol và Bull Run. Trong khi đó, phóng viên quốc phòng theo dõi các tài liệu các xuất bản phẩm khoa học chứ không phải là số lượng quân lính... Người phóng viên quốc phòng phải cố gắng

đưa tin thời sự về những thay đổi to lớn trong tình hình chiến lược quốc gia đang liên tục diễn ra tại nơi không có kỹ thuật. Sự linh hoạt cực kỳ này về tình hình chiến lược của mỗi quốc gia, thậm chí tình hình của các siêu cường, tất cả đều là điều mới trên thế giới".

Phạm Xuân Ân đặc biệt thích chương "Một vài cuộc trao đổi những bí mật", trong đó định nghĩa rằng đưa tin báo chí là một nghề hay có thể gọi là một cuộc trao đổi trong chính bản thân nó đòi hỏi người phóng viên phải khỏe, "hiểu biết tiếng Anh, có kiến thức về lịch sử". Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng ông đã học được cái "qui tắc chân chạy" từ cuốn sách này. Qui tắc đó có nghĩa là một phóng viên giỏi cần phải luôn đi ra khỏi phòng làm việc của mình và ít nhất mỗi ngày cũng phải gặp được bốn quan chức. "Nếu đi ra ngoài và tự mình quan sát xem điều gì đang diễn ra, trao đổi với nhiều người có trách nhiệm liên quan đến vụ việc đó một người phóng viên như vậy thì không thể không làm tốt nhiệm vụ đưa tin được", sách của anh em nhà Alsop đã viết như vậy.

Rất ít khi Phạm Xuân Ân ký nặc danh dưới bài báo của mình. Thực tế dường như ông đang áp dụng cách làm việc giống hệt như ngày ông còn học ở Trường Đại học Orange Coast. Ngày đó, Phạm Xuân Ân muốn tên mình xuất hiện càng nhiều càng tốt với hy vọng điều đó sẽ giúp ông không bị nghi ngờ làm tình báo.

Trong một bài viết của mình đăng trên báo New Yorker năm 1972, Bob Shaplen nhắc đến Phạm Xuân Ân khi kể về việc đưa tin từ Việt Nam. Thách thức lớn nhất đối với một phóng viên Mỹ ở Nam Việt Nam là tiếp cận được nơi có những cỗ máy sản xuất tin đồn như là những quán cà phê, chợ, v.v. Ở Sài Gòn về điều này, Shaplen phải phụ thuộc vào người bạn thân của ông là Phạm Xuân Ân: "Ông ấy được một tạp chí Mỹ tuyển dụng và có lẽ ông ấy là người làm việc chăm chỉ nhất, đồng thời là nhà báo Việt Nam được nể trọng nhất ở Sài Gòn... Phạm Xuân Ân là một nhà báo làm việc cho Mỹ, nhưng cũng được phía Việt Nam tin cậy. Sáng nào ông cũng lượn một vòng qua từ ba đến năm trung tâm sản xuất tin đồn trước khi tạt vào tiệm cà phê Givral; sau bữa trưa, ông đi dự các cuộc thông báo tin tức chính thức của phía Mỹ hoặc phía Việt Nam rồi trở lại tiệm cà phê Givral".

Shaplen trích một câu nói của Phạm Xuân Ân về phẩm chất nào giúp cho một nhà báo ở Sài Gòn làm việc có hiệu quả: "Để xây dựng các nguồn tin, cần phải mất nhiều thời gian. Phải thẳng thắn và chân thành và phải biết bảo vệ nguồn tin của mình. Người phóng viên cũng phải biết làm tốt cho nguồn tin những điều mà họ muốn, chẳng hạn như nói cho họ biết những điều họ muốn nghe, mời họ đi ăn trưa, ăn tối, dịp Tết thì tặng quà cho họ. Người Sài Gòn hoạt động theo kiểu các ngành các giới xã hội chơi với nhau. Nếu anh không có đủ phẩm chất của một giới nhất định, thì thậm chí anh sẽ không được chấp nhận vào cả những tiệm ăn của giới đó. Nếu anh vào được, thì mọi người ở đó cũng không thèm đếm xỉa đến anh. Là nhà báo phải giỏi để có thể cung cấp những thông tin bổ ích nhất cho họ. Bởi vì họ đến những nơi đó là để được nghe các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau".

Cho đến lúc trước khi trút hơi thở cuối cùng, Phạm Xuân Ân vẫn quả quyết rằng nghề tình báo

không hề ảnh hưởng đến nghề làm báo của ông. Phạm Xuân Ân nói: "Làm việc cho Tạp chí Time cần phải khách quan. Nhận thức này cũng giúp cho tôi rất nhiều khi thực thi nghĩa vụ đối với dân tộc của mình. Báo chí Mỹ khác biệt so với bất cứ báo chí của nước nào mà tôi từng biết. Một phóng viên giỏi phải đưa tin một cách chính xác điều anh ta tận mắt trông thấy và tin rằng đó là đúng. Nhà báo không được duy ý chí. Do đó khi viết báo cáo gửi cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng, tôi luôn tự hỏi liệu mình có khách quan không nhỉ? Tôi đã học được rất nhiều từ ngày làm phóng viên và tôi cũng đã học được rất nhiều từ nước Mỹ. Nó giúp tôi mở ra phương pháp tư duy".

Dường như để chứng minh cho sự thủy chung của mình đối với Tạp chí Time, Phạm Xuân Ân thường nói rằng chính ông đã "cứu" Tạp chí Time khỏi rơi vào một số bẫy được cài sẵn để làm bối rối các phóng viên.

Cựu điệp viên CIA Frank Snepp, người đã có hai nhiệm kỳ công tác tại Sài Gòn với tư cách là nhà phân tích tình báo và là một sĩ quan. phản gián, đã chọn Shaplen làm mục tiêu để xì ra những thông tin thất thiệt trong một chiến dịch gây nhiễu thông tin do CIA tiến hành. Chiến dịch gây nhiễu thông tin này chỉ nhằm mục đích duy nhất là tạo ra những sự xuyên tạc cho báo chí đưa tin về Việt Cộng. Phạm Xuân Ân kể với tôi rằng ông nhận được một bài đã viết sẵn về một nhóm Việt Cộng do mâu thuẫn nội bộ, nên có âm mưu lật đổ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Một số nhà báo ở Sài Gòn liền ăn phải bả đó, vội vàng lên đường đi đến một khu vực thuộc tỉnh Long Khánh gặp một đại diện của Mặt trận Dân tộc Giải phóng để được nghe thông báo về một âm mưu đảo chính ở tỉnh Sông Bé. Sau đó, nhà báo Pháp Jean Claude Pomonti đã viết một bài dài đăng trên trang nhất tờ Le Monde với tựa đề Một cuộc đảo chính trong rừng. Bài báo của này đã được rất nhiều hãng thông tấn trích dẫn lại. Nhưng đây chỉ là một kế hoạch của CIA cung cấp thông tin sai lạc để làm mất uy tín của các nhà báo. Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng sau đó, nhà báo Pháp Jean Claude Pomonti biết mình đã sai nên rất ngượng và uy tín nghề nghiệp của ông ta bị giảm sút".

Trong vụ này, trưởng phân xã Tạp chí Time là Stanley Cloud đã từng định cử một vài phóng viên đi Long Khánh đưa tin, nhưng Phạm Xuân Ân đã ngăn cản Stanley Cloud vì biết rõ đó là tin giả. Phạm Xuân Ân hỏi Stanley Cloud rằng nếu giả sử có vụ đảo chính thật trong rừng, tại sao không ai biết? Khi bài viết của Jean Claude Pomonti được đăng tải, Stanley Cloud gọi Phạm Xuân Ân vào văn phòng của ông ta rồi gầm lên: "Tại sao, tại sao, tại sao chúng ta không có bài viết như vậy để đăng trên Tạp chí Time? Tại sao anh không đưa tin sự kiện này?". Lúc đó, Phạm Xuân Ân chỉ còn biết nói với Stanley Cloud rằng: "Các nguồn tin của tôi cho tôi biết rằng đó chỉ là tin giả và sự thật không hề có một cuộc đảo chính nào xảy ra trong rừng. Hãy tin tôi đi, tôi đảm bảo nguồn tin của mình là đúng". Khi tôi mang chuyện này đến hỏi Stanley Cloud và McCulloch, cả hai đều nói rằng đã từng có một vài lần Phạm Xuân Ân giục Stanley Cloud và McCulloch tránh viết những thông tin giả dưới dạng được cung cấp sai lạc một cách bài bản hoặc chỉ đơn giản là dựa trên một thông tin tồi.

Phạm Xuân Ân cảm thấy rất buồn khi ông đã không thể ngăn cản được bạn mình là nhà báo Pháp Jean Claude Pomonti đi vào trong rừng. Vài tháng sau, Phạm Xuân Ân đã giúp cho Pomonti được tiếp xúc với một phát ngôn viên thứ thiệt của Mặt trận Dân tộc Giải phóng bằng cách bày cho Pomonti cách tìm được một vùng giải phóng. Theo Pomonti, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, nhiều phóng viên muốn được đến thăm "vùng giải phóng" của Việt Cộng để viết bài về "phía bên kia". Vào một buổi chiều, Phạm Xuân Ân đến thăm Pomonti tại phòng riêng ở khách sạn Continental. Hai người tán gẫu một hồi, trước khi ra về, Phạm Xuân Ân nói một cách bỗ bã rằng nếu Pomonti muốn khám phá một vùng Việt Cộng thì hãy theo đường bộ đến thành phố Mỹ Tho (cách Sài Gòn khoảng sáu mươi kilômét về phía nam). Nhưng trước khi đến Mỹ Tho, phải đi qua phà Mỹ Thuận. Trước khi đi đến bến phà, có một làng gọi là làng Mỹ Quý. Phạm Xuân Ân nói: "Người ta bảo rằng từ đây có lối sang "vùng Cộng sản". Ngày hôm sau, Pomonti cho biết nhóm nhà báo của ông đã tới được "vùng giải phóng Việt Cộng". Pomonti được chào đón bằng một băng rôn với dòng chữ "Chào mừng các nhà báo quốc tế". Pomonti đã lưu lại tại "vùng giải phóng" trong hai ngày và còn được xem biểu diễn sân khấu nghệ thuật. Phạm Xuân Ân giải thích: "Tôi phải giúp đỡ Pomonti lần thứ hai là để đền bù cho lần thứ nhất tôi đã không nói gì để ngăn cản ông. Tôi đã cứu Tạp chí Time khỏi sự rắc rối, nhưng nếu tôi cũng làm như vậy với Pomonti và để rồi chẳng có ai đi Long Khánh viết bài về sự kiện giả mạo, thì vỏ bọc của tôi đi tong".

Phạm Xuân Ân nói với người viết hồi ký Việt Nam của ông là Nguyễn Thị Ngọc Hải: "Thông thường, người ta chỉ có một nghề, nhưng riêng tôi có hai. Đó là nghề theo cách mạng và nghề làm nhà báo. Hai nghề này cực kỳ đối nghịch nhau, nhưng cũng cực kỳ tương tự nhau. Nhà tình báo cũng liên quan đến thu thập thông tin, phân tích tin, rồi giữ nó trong bí mật, bảo vệ tin tức ấy không khác gì mèo mẹ bảo vệ mèo con. Mặc khác, nhà báo cũng thu thập tin tức, phân tích nó rồi đưa lên phương tiện thông tin đại chúng cho toàn thế giới biết".

Tất cả những kỹ năng và tài năng này tự nó đã thể hiện trong cuộc đời gần như là tâm thần phân liệt của Phạm Xuân Ân trong suốt thời kỳ Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Ông Tư Cang nói và sau này, Phạm Xuân Ân cũng kể lại với tôi đúng như thế này: "Chúng tôi xuống một chiếc xuồng máy, hết chạy ngược lại chạy xuôi dọc sông Sài Gòn để điều tra những vị trí trạm xăng và trạm gác an ninh. Làm như vậy khá là nguy hiểm, nguy hiểm đến mức không thực sự cần thiết". Hai người còn lái xe vòng quanh Sài Gòn trên chiếc xe Renault màu xanh lá cây của Phạm Xuân Ân để xác định những mục tiêu để tấn công nhất. Phải có Phạm Xuân Ân chỉ đường mới tránh được hệ thống an ninh theo dõi. Trong thời gian hai người đi với nhau như vậy, Tư Cang đã báo tin cho Phạm Xuân Ân biết rằng ông đã được nhận một Huân chương về trận Ấp Bắc. Phạm Xuân Ân trả lời: "Tôi không bao giờ dám đeo tấm Huân chương đó cho đến khi nào cuộc chơi kết thúc. Tôi sẽ chỉ vui lòng đeo tấm Huân chương ấy vào ngày miền Nam được giải phóng". Cuối cùng, tướng Trần Văn Trà

quyết định chọn năm mục tiêu chính gồm Dinh Tổng thống, phi trường Tân Sơn Nhất, Tổng nha Cảnh sát quốc gia, Bộ Chỉ huy các lực lượng đặc biệt Sài Gòn, và Trụ sở cơ quan Bộ Tổng tham mưu ở Sài Gòn. Nhóm mục tiêu thứ hai bao gồm Đài phát thanh Sài Gòn, Bru điện thành phố, Đại sứ quán Mỹ, Bộ Tư lệnh Hải quân Sài Gòn, cùng các bến cảng, nhà kho, bắt điện, các cơ sở hậu cần và các cơ quan chính phủ khác. Hầu hết những mục tiêu này đã được ông Tư Cang duyệt. Ông Tư Cang là người đã tham gia trong trận tấn công vào Dinh Tổng thống.

Phạm Xuân Ân biết mình sẽ phải chờ đợi để đưa tin về cuộc Tổng tấn công "bất ngờ" cho Tạp chí Time và giúp cho các phóng viên hiểu được điều gì đang diễn ra. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Đó là thời điểm rất khó cho tôi. Tôi đã biết quá nhiều và còn lo cho sự an toàn của gia đình tôi, rồi liệu cuộc nổi dậy đồng loạt có thắng lợi hay không? Thậm chí tôi đã phải dàn xếp để cho gia đình tôi đến ở tại nhà của Marcus Huss nếu cần". Huss là sĩ quan liên lạc chính người Mỹ với Chính phủ Việt Nam Cộng hoà về bình định. "Tôi cũng biết rằng tôi cần có mặt để giúp cho các đồng nghiệp hiểu sự thật điều gì đang diễn ra, nhưng tôi cũng còn phải viết báo cáo về cuộc Tổng tấn công để gửi vào trong rừng". Sáng sớm ngày 31/1/1968, khoảng 80.000 lính chính qui quân đội Bắc Việt Nam và các du kích đã đồng loạt tấn công vào hơn 100 thành phố và đô thị trên toàn miền Nam. Tết đã diễn ra các cuộc tấn công của đôi phương vào 35 trong tổng số 44 tỉnh lỵ và 36 huyện lỵ cùng nhiều làng mạc, thôn, ấp. Bốn tuần trước khi diễn ra cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, các lực lượng đối phương đã mặc thường phục thâm nhập Sài Gòn chuẩn bị cho một chiến dịch được lên kế hoạch kỹ lưỡng. Mục đích là để chứng tỏ rằng không chỉ ở nông thôn không thể bình định được, mà giờ đây ở các đô thị miền Nam, kể cả Sài Gòn, cũng không còn là nơi an toàn. Nhà báo William Tuohy, từng được nhận giải thưởng báo chí Pulitzer năm 1968 vì đưa tin từ Việt Nam, đã cung cấp thông tin nóng hổi về trận đánh: "Một chiếc xe tải chất đầy cảnh sát Mỹ bị bắn gục chết ngay bên ngoài phi trường Tân Sơn Nhất. Khắp thành phố chỗ nào cũng thấy đổ nát. Một nhóm Việt Cộng đang khống chế lực lượng cảnh sát quốc gia tại một toà nhà chỉ cách Dinh Độc lập một tầm ném lựu đạn". Bên trong Sài Gòn, một số đơn vị của bên tấn công đã chiếm được Đài phát thanh trong nhiều giờ, đồng thời tấn công Đại sứ quán Mỹ, một phần của Dinh Độc lập, các cổng 4 và 5 của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Việt Nam Cộng hoà.

Trên trang nhất báo New York Times đăng tám ảnh chụp toà nhà Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn đang bị tấn công. Các du kích đã mở được đường tiến vào bên trong toà Đại sứ quán Mỹ và chiếm giữ một phần trong khuôn viên toà Đại sứ quán trong suốt gần sáu giờ liền. Tất cả mười chín du kích đều bị thiệt mạng cùng với bốn lính cảnh sát quân sự, một lính thuỷ đánh bộ, một nhân viên người Nam Việt Nam làm việc trong Đại sứ quán. Trận tấn công vào Dinh Độc lập vốn được xây dựng vững chắc như một pháo đài do ông Tư Cang chỉ huy. Cựu phóng viên ngoại giao của tờ Washington Post là Don Oberdorfer viết: "Quân Việt Cộng rút vào cố thủ trong toà nhà căn hộ đang xây dựng chưa

hoàn thiện nằm đối diện bên kia phố, chiếm giữ ở đó trong hơn mười lăm giờ, chiến đấu cho đến khi gần như tất cả đơn vị nhỏ đó bị tiêu diệt".

Ông Tư Cang là tay thiện xạ nổi tiếng. Phạm Xuân Ân kể: "Ông ấy có thể bắn súng K-54 bằng cả hai tay, mỗi giây một phát và không bao giờ trượt mục tiêu. Ông Tư Cang luôn bỏ vào trong túi áo một viên đạn để dành riêng cho mình nếu cần. Khi cuộc tấn công vào Dinh Độc lập bị đẩy lùi, Tư Cang nhận thấy mình đang ở trong một toà nhà đối diện với Dinh Độc lập. Ông kể: "Từ chỗ tôi đang ẩn náu, tôi nhìn thấy rõ bên toà nhà đối diện với toà nhà tôi đang ở anh em bộ đội đặc công của chúng tôi đang chống cự. Một nhóm sĩ quan Mỹ và nguy đang gào thét chỉ đạo binh lính của họ tấn công vào toà nhà đó. Tôi tự nhủ, nếu làm điều gì để gây gián đoạn cuộc triển khai quân của đối phương, chắc các anh em đặc công của chúng tôi có thể chạy thoát được. Tuy nhiên, tôi cũng biết rằng việc nổ súng đối với một sĩ quan tình báo là điều phải cân nhắc cực kỳ thận trọng. Bởi vì, nếu một tình báo viên bị lộ, rất có thể toàn bộ mạng lưới tình báo mà chúng tôi phải mất nhiều năm để xây dựng bỗng trở nên vô hiệu. Sau khi phân tích tình hình một cách thận trọng, tôi rút súng nhắm vào hai sĩ quan Mỹ bắn nhanh hai phát và sau đó rút vào nơi trú ẩn". Ông Tư Cang sau này được thưởng vì đã bắn chết hai sĩ quan Mỹ.

Ngày 1/2/1968 Walter Cronkite của Đài truyền hình Mỹ CBS đã dành thời lượng một phút để nói về trận chiến tại Dinh Tổng thống. Những khẩu súng ngắn mà ông Tư Cang dùng trong dịp Tết ngày nay đang được trưng bày bên cạnh chiếc xe Renault tại Bảo tàng Quân đội ở Hà Nội để ghi nhận công lao của hai người này trong thời kỳ Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Khi các lực lượng Cộng sản nhận được mệnh lệnh chung "Tiến lên giành thắng lợi cuối cùng", Việt Cộng đã bị thương vong nhiều trong Tết Mậu Thân. Về điều này ông Trần Văn Trà phải chịu một phần trách nhiệm. Tướng Trần Văn Trà viết: "Điểm yếu và thiếu sót của chúng ta là ở chỗ chúng ta không có khả năng tiêu diệt được nhiều lực lượng và các nhà lãnh đạo tối cao của đối phương. Các cuộc hành quân đã chưa đủ hiệu quả để làm đòn bẩy cho sự nổi dậy của quần chúng nhân dân... Tuy nhiên, các cuộc tấn công của chúng ta đã tác động đến hệ thống thần kinh trung ương của địch, làm mất ổn định các cơ sở kinh tế, chính trị và quân sự của địch trên toàn miền Nam Việt Nam". Don Oberdorfer cho rằng, trong trận Tổng tấn công này, phía Việt Cộng mất một nửa lực lượng tham chiến và có lẽ tương đương với một phần tư toàn lực lượng chính qui của họ. Chắc phải mất nhiều năm họ mới có thể phục hồi được như trước. Don Oberdorfer nói: "Việt Cộng đã mất một thế hệ quân kháng chiến, và sau Tết, miền Bắc Việt Nam đã phải đưa vào Nam số lượng quân tăng lên rất nhiều để bù đắp vào chỗ thiếu hụt. Cuộc chiến tranh ngày càng phát triển thành một cuộc chiến tranh thông thường và ít dần đi những cuộc nổi dậy". Tuy nhiên, cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân đã trở thành một trận đánh mang tính chất quyết định của cuộc chiến tranh, bởi vì nó đã tác động mạnh lên nền chính trị và thái độ của công chúng Mỹ đối với cuộc chiến tranh đó. Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân còn mở

đầu một chuỗi sự kiện đáng kể, bao gồm các cuộc thảo luận như có nên dùng vũ khí hạt nhân chiến thuật ở Khe Sanh hay không? Vì tại Khe Sanh, các trận đánh vu hồi ác liệt vẫn thường diễn ra. Vào thời điểm đó, tướng Westmoreland đề nghị bổ sung 206.000 quân. Để đáp ứng được nhu cầu của ông ta, Mỹ phải cam kết đưa vào Việt Nam số quân lên tới 750.000 người, thế mà Sài Gòn vẫn chưa an toàn tránh khỏi các cuộc tấn công. Qui mô của cuộc chiến tranh và khả năng duy trì cuộc chiến tranh đó được kiểm soát không phải là do sự vượt trội về kỹ thuật của Mỹ, mà là do đối phương. Trong ý chí tiếp tục cuộc chiến tranh của đối phương không hề có một điểm dao động hay suy sụp mơ hồ nào. Ngay từ tối ngày 27/2, Walter Cronkite của Truyền hình CBS đã nói với khán giả Mỹ rằng, cuộc chiến tranh đang đi tới một sự kết thúc trong bế tắc. "Chúng ta đã từng quá nhiều lần bị thất vọng bởi sự lạc quan của các nhà lãnh đạo Mỹ cả ở Nam Việt Nam lẫn Washington, nên không còn tin rằng có thể tìm thấy cái may trong cái rủi tồi tệ nhất nữa. Giờ đây, tình hình càng trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết rằng cuộc thí nghiệm đẫm máu ở Nam Việt Nam sắp kết thúc trong bế tắc. Nói rằng chúng ta đã sa vào vũng bùn bế tắc, có lẽ đó mới là một kết luận thực tế, tuy chưa làm chúng ta hài lòng".

Về hậu quả của cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân, Phạm Xuân Ân có rất nhiều việc phải làm với tư cách một nhà báo. Ông đã đưa Bob Shaplen đi khắp Sài Gòn, cung cấp các chi tiết về việc bằng cách nào Việt Cộng đã có thể thâm nhập thành phố với số lượng lớn mà không bị phát hiện. Trong bài viết của Shaplen đăng trên tờ New Yorker ngày 2/8/1968, về thực chất là sự chất lọc cái nhìn bên trong của Phạm Xuân Ân. Nếu ai có thể giúp làm sáng tỏ những câu hỏi của Shaplen về sự thâm nhập của Việt Cộng, thì người đó chỉ có thể chính là nhân vật đã giúp phối hợp vạch kế hoạch tấn công mà thôi.

Shaplen viết về một đội gồm mười hai lính đặc công tấn công các chỉ huy sở hải quân dọc sông Sài Gòn. Đó chính là những cơ sở mục tiêu mà ông Tư Cang và Phạm Xuân Ân đã kiểm tra chỉ vài ngày trước khi diễn ra cuộc Tổng tấn công. Mô tả cuộc Tổng tấn công "là táo bạo nhất từ trước đến nay", Shaplen viết rằng cuộc tấn công đã được thiết kế nhằm chiếm các toà nhà tổng hành dinh, triển khai ba khẩu súng máy trên nóc nhà nhằm vô hiệu hoá những tàu thuyền hải quân, sau đó "cướp ngay những tàu thuyền này để dùng làm phương tiện vận chuyển hai tiểu đoàn Việt Cộng từ một vùng đất xa vào thành phố. Nếu kế hoạch này thành công, nó sẽ tác động khá mạnh lên toàn bộ tình hình ở Sài Gòn. Khi cuộc tấn công mới bắt đầu, các đặc công Cộng sản đã giết chết ba lính gác hải quân và phá thủng một lỗ bên toà nhà tổng hành dinh. Nhưng cuối cùng, tất cả mười hai lính đặc công đều bị giết hoặc bị bắt".

Ông Tư Cang nhớ lại: "Vâng, đó là một phần trong nhiệm vụ chúng tôi được giao. Chúng tôi đã kiểm tra từ trên sông, đã báo cáo về những loại tàu thuyền khác nhau và báo cáo đánh giá của chúng tôi về khả năng phòng vệ của các tàu thuyền đó".

Phần lớn công việc trong khi vạch kế hoạch cho các trận tấn công vào Dinh Độc lập và các cơ sở của hải quân là việc của Tiểu đoàn C.10. Khi tôi hỏi Phạm Xuân Ân về việc, bằng cách nào mà ông và ông Tư Cang lại có thể đi lại trên sông mà không hề gây ra sự nghi ngờ nào, Phạm Xuân Ân đáp: "Mọi người đều biết tôi, và chúng tôi đi giữa ban ngày, nếu có ai thấy chúng tôi, chắc họ sẽ nghĩ tôi đang đi viết bài. Nhưng vào thời điểm đó, có rất nhiều tình báo viên gửi báo cáo về không chỉ riêng tôi. Đó là điều rất nguy hiểm đối với chúng tôi lúc đó."

Phạm Xuân Ân và Tư Cang đều rất nhấn mạnh đến các phân tích của Phạm Xuân Ân về tình hình sau Tết Mậu Thân. Ông Tư Cang nói: "Sau giai đoạn đầu của của cuộc Tổng tấn công, từ Sài Gòn tôi đã gửi một báo cáo lên các cán bộ lãnh đạo cấp cao, nói rằng tình hình tương đối không thuận lợi. Nhưng sau khi được Hai Trung dẫn đi một vòng, tôi thay đổi ý kiến ngay".

Trên thực tế, Phạm Xuân Ân đã được dự tất cả những cuộc thông báo tin tức quân sự về tình hình an ninh ở Sài Gòn, diễn biến trận đánh, và phản ứng của Mỹ đối với các cuộc tấn công. "Tôi là người duy nhất viết báo cáo rằng chúng ta đã giành được thắng lợi về tâm lý, rằng chúng ta mất mát về người, nhưng chúng ta thắng. Tôi cần phải giải thích tại sao lại như vậy. Báo cáo của tôi có bị quan ở một đoạn tôi nói về việc quân ta không tràn được sang phía bên kia và rằng chúng ta đã mất rất nhiều quân. Tôi cũng báo cáo rằng các chỉ huy Lữ đoàn của ta đã thể hiện tốt vai trò của họ. Xét về mặt chiến thuật, chúng ta không thắng, nhưng về mặt chính trị, chúng ta thắng. Khi ông Tư Cang nghe được tất cả những điều này, ông ấy đã thay đổi ý kiến và sau đó cũng đưa tất cả những nội dung này vào các báo cáo".

Phạm Xuân Ân có được tư duy như vậy là do ông nắm bắt được tâm tư của người bạn ông, tướng Trần Văn Đôn của Quân đội Việt Nam Cộng hoà cùng một số người khác. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Tôi có thể nói rằng tinh thần của Quân đội Việt Nam Cộng hoà sau Tết Mậu Thân xuống rất thấp. Người ta bắt đầu đặt ra hàng loạt câu hỏi về việc liệu Mỹ có rời bỏ Nam Việt Nam hay không. Thật buồn cười, tôi nhớ rất rõ là sau Tết Mậu Thân, tướng Trần Văn Đôn trở nên lo sợ rằng người Mỹ sẽ phải sớm rút đi vì áp lực của dư luận ở Hoa Kỳ. Trần Văn Đôn đến gặp tôi và tôi đã làm cho ông ta yên lòng bằng những thông tin giống như tôi đã gửi vào trong rừng rằng: "Đừng lo, các ông đã giành được thắng lợi về mặt quân sự trong trận Tổng tấn công này. Rất nhiều người đã bị chết và sẽ không còn nổi dậy đồng loạt nữa. Người Mỹ sẽ không đi đâu. Tôi đảm bảo rằng họ sẽ ở lại trong nhiều năm, nhiều năm nữa". Tôi cũng đã báo cáo với cấp trên của tôi cùng nội dung như vậy. Chỉ có điều, trong báo cáo gửi cho cấp trên, tôi thêm phần đánh giá về yếu tố tâm lý, đồng thời bày tỏ tin tưởng rằng dư luận ở Mỹ sẽ giúp chúng ta về lâu dài".

Khi cuộc phỏng vấn của tôi với ông Tư Cang sắp kết thúc, ông Tư Cang nói với tôi rằng: "Phạm Xuân Ân đã thực sự đóng góp vào những sự thay đổi lớn lao bắt nguồn từ kết quả của cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Chẳng bao lâu sau, tướng Westmoreland bị thay thế, Tổng thống Lyndon

Johnson phải về vườn và Hoa Kỳ phải bắt đầu các cuộc đàm phán hoà bình.

Tất cả những điều này đang thay đổi theo hướng có lợi cho phía chúng tôi. Phạm Xuân Ẩn đã góp phần vào việc lần ra manh mối về toàn bộ kế hoạch chiến tranh của Mỹ. Những báo cáo của Phạm Xuân Ẩn là một chìa khoá để hiểu việc Johnson phải đi tới Paris tìm kiếm hoà bình".

Làn sóng thứ hai về loạt tấn công có kế hoạch gắn liền với cuộc Tổng tấn công và nổi dậy bắt đầu từ ngày 4/5/1968 bằng hàng loạt cuộc tấn công vào 119 cơ sở, thị trấn, thị xã và thành phố miền Nam. Các đơn vị đặc công và trọng pháo hạng nặng đánh vào các mục tiêu như Dinh Tổng thống, nhà riêng của Đại sứ Mỹ, Văn phòng Đại sứ quán Mỹ. William Touhy viết: "Chính phủ đã có một thời kỳ rất khó khăn trong tháng năm mà không nhớ được hết rễ của Việt Cộng. Việt Cộng đã cầm được một lá cờ của họ trên cầu chữ Y. Sở dĩ gọi tên cầu như vậy là vì đoạn giữa cây cầu được tách ra làm đôi bắc qua một con kênh ranh giới phía nam của Chợ Lớn". Loạt tấn công này được gọi là Tết Mậu Thân lần thứ hai, cũng có đặc điểm là đột nhập thành công vào khu vực Chợ Lớn. Tại đây, trong ngày đầu tiên của trận đánh, bốn nhà báo của Reuters và Tạp chí Time bị Việt Cộng bắn chết. Một người bạn của Phạm Xuân Ẩn là phóng viên Tạp chí Time John Cantwell đã thiệt mạng cùng với Michael Birch của Hãng tin Australia AAP, Ronald Laramy của Reuters, và Bruce Pigott - trợ lý của Trưởng phân xã Reuters tại Sài Gòn. Nhóm phóng viên này đang ngồi trên xe Jeep thì nhìn thấy một cột khói từ phía Chợ Lớn bốc lên. Họ nhằm hướng cột khói để tiến lên thì gặp một dòng người đang chạy trốn Việt Cộng theo hướng ngược lại. Các phóng viên trong xe Jeep tiếp tục tiến lên, không thèm để ý gì đến những lời cảnh báo cho đến khi xe của họ tiến đến một giao lộ trống rỗng cũng là lúc đám nhà báo đối mặt với một đơn vị vũ trang Việt Cộng. Lúc đó, Cantwell đang cầm lái cố tìm cách cho chiếc Jeep quay đầu nhưng đã quá muộn. Một chỉ huy của Việt Cộng bước lại gần chiếc xe Jeep. Birch kêu to lên bằng tiếng Việt từ "Bảo chí". Người chỉ huy Việt Cộng đáp lại hai từ "Bảo chí" một cách hoài nghi, rồi nổ ba phát đạn 0.45 mm.

Khi tôi hỏi về những cái chết này, về vụ ông Tư Cang giết người Mỹ, về cái chết của những người Mỹ và người Nam Việt Nam trong các trận tấn công hồi Tết Mậu Thân, cũng như những lời mà đơn vị tình báo cụm H.63 của ông từng khoe đã giết chết được nhiều lính Mỹ, Phạm Xuân Ẩn quả quyết rằng chưa bao giờ có ai từng nhìn thấy ông làm đau một người nào. Khi tôi bảo với Phạm Xuân Ẩn rằng những chuyện này là có thật và người ta đã bị chết, ông đáp: đây là "những thương vong của chiến tranh". Tôi cố dồn ép tiếp thì Phạm Xuân Ẩn chọn cách gạt bỏ các câu hỏi của tôi, coi đó là quá đà và lạc đề. Ông nói hơn một lần rằng: "Đây là những người bạn của tôi, tôi không làm đau họ, nhưng trong chiến tranh những điều khủng khiếp đã xảy ra đối với nhiều người dân vô tội. Tôi đang bảo vệ đất nước tôi".

Sau đó, Phạm Xuân Ẩn bảo tôi đến hỏi Rufus Phillips về cái ngày họ cùng nhau đến thăm nơi tàn sát rất nhiều người vô tội trong vùng thuộc chương trình hợp tác "vành đai thép" của Westmoreland.

Chương trình này được thiết kế năm 1964 là một phần trong các nỗ lực bình định của MACV.

Westmoreland viết trong cuốn hồi ký của ông mang tựa đề Tường trình người lính như sau: "Chương trình hợp tác vành đai thép được thiết kế nhằm mở rộng an ninh, sự kiểm soát của chính phủ và dịch vụ - bình định - dần dần từ Sài Gòn sẽ mở rộng ra sáu tỉnh, tạo thành hình cổ ngựa gần thành phố.

Khi các lực lượng lớn hơn của đối phương bị dần dần đẩy ra xa thành phố, các cuộc tuần tra và phục kích dày đặc sẽ giúp tăng cường an ninh. Điều này tiếp tục cho đến khi nào nhiệm vụ này có thể được chuyển giao cho lực lượng dân phòng và một lực lượng cảnh sát mở rộng. Vì là những vùng an toàn, nên các cơ quan dân sự có thể được chuyển vào đây để được hưởng các dịch vụ và kiểm soát của chính phủ, mỗi cá nhân sẽ được cấp một thẻ căn cước, khu vực được cảnh sát canh gác cùng những dịch vụ khác như trường học, giếng khơi, trạm phát thuốc, chăm sóc y tế. Ý tưởng này nhằm tạo ra một mức sống cao hơn nhiều so với khả năng cung cấp của Việt Cộng. Trên thực tế, ý tưởng này còn được gọi là khái niệm vết dầu loang".

Phạm Xuân Ân gặp may vì Westmoreland đã tạo ra một Hội đồng Hợp tác bao gồm sự phối hợp toàn diện của các cơ quan dân sự và quân sự. Nhiều tổ chức cử đại diện vào tham gia Hội đồng. Trong số những đại diện này có cả các mối quan hệ nguồn tin của Phạm Xuân Ân đang làm việc ở các cơ quan như Bộ Nội vụ, Cảnh sát Quốc gia, và cả Tổ chức Tình báo Trung ương miền Nam Việt Nam (CIO). Nhờ đó mà Phạm Xuân Ân có thể giúp Hà Nội cập nhật mọi thông tin liên quan đến các nỗ lực về bình định. Có lẽ đây chính là lý do mà ông Mai Chí Thọ xác định như là sự đóng góp to lớn nhất của Phạm Xuân Ân.

Phạm Xuân Ân đưa Phillips ra vùng ngoại ô Chợ Lớn, nơi đêm trước trong một cuộc phục kích, Việt Cộng đã tiêu diệt toàn bộ các lực lượng tự vệ. Phillips nhớ lại: "Khi chúng tôi tới đó, những người sống sót vẫn còn đang bị dồn vào trong cái pháo đài bé nhỏ này". Cuộc tấn công diễn ra bên trong Vành đai thép của Chương trình Hợp tác. Điều đó chứng tỏ rằng, trong khu vực này cũng chẳng có an ninh. Đó là một vùng đất hoang. Ngày hôm sau, chuẩn tướng Fritz Freund cùng với Phạm Xuân Ân và Phillips trở lại thăm lần nữa mới thấy rõ thực tế ở đây rất thiếu một sự phối hợp về mặt quân sự. Sau này, Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng khu vực đó đã được Việt Cộng sử dụng như là nơi tập kết chung cho cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Chính Phạm Xuân Ân đã gợi ý cho việc sử dụng như vậy. "Còn có nhiều nơi nữa tôi có thể dẫn Rufus tới, nhưng đây là nơi rất buồn, bởi vì người dân vô tội cũng bị giết hại. Tôi chỉ điều này cho tướng Rufus vì ông ấy cần biết rằng người vô tội cũng bị giết hại và như vậy thì các chương trình này làm gì có chuyện đảm bảo an ninh", Phạm Xuân Ân nói. Tôi cố trở lại vấn đề tôi muốn biết. Phạm Xuân Ân đã giúp đỡ ông Tư Cang vạch kế hoạch cho trận tấn công vào Dinh Tổng thống và ông Tư Cang, Chỉ huy trưởng Đơn vị Anh hùng H.63, từng được khen thưởng vì đã giết được người Mỹ hôm đó. Vậy ông Phạm Xuân Ân có cảm thấy mình phải chịu phần trách nhiệm nào không?

Phạm Xuân Ân trả lời: "Không, không có điều như ý của giáo sư đâu. Tôi đã chỉ cho ông Tư Cang những nơi dễ tấn công nhất. Đó là nhiệm vụ của tôi. Tôi không có vũ khí và mọi người đều biết tôi chẳng có thể bắn được ai".

Tôi không thể đi xa hơn vấn đề này nữa với Phạm Xuân Ân, vì tôi biết ông vẫn còn cảm thấy đau đớn bởi lá thư của một đồng nghiệp Tạp chí Time trước đây tên là Zalin Grant viết năm 2005 gửi cho tờ New Yorker. Trong lá thư này, Zalin Grant đã buộc tội Phạm Xuân Ân thế này: "Trong khi làm gián điệp cho Bắc Việt Nam, Phạm Xuân Ân đã biến các phóng viên của Tạp chí Time thành một mạng lưới tình báo không cố ý cho Hà Nội. Tạp chí Time có các nguồn tin cao cấp thường cung cấp những thông tin mật với điều kiện phải được giữ kín và chỉ được sử dụng để hiểu bối cảnh. Nội dung của các cuộc thông báo tin tức bí mật được lưu hành nội bộ trong một ấn phẩm gọi là sổ tay Tạp chí Time. Sổ tay này được coi là nhạy cảm đến mức, số lượng in cũng chỉ rất hạn chế. Sau khi các trưởng ban biên tập đọc xong phải gửi trả lại. Sổ tay Tạp chí Time đăng nhiều chuyện tầm phào vô dụng, nhưng đồng thời cũng có những thông tin giá trị như vàng. Đó là những báo cáo của người trong cuộc từ Nhà Trắng, từ Bộ Ngoại giao, và từ Lầu Năm Góc. Cuốn sổ tay này được lưu hành đến các phân xã của Tạp chí Time trên khắp thế giới cùng với những điều kiện thận trọng về bảo mật như ở tổng xã. Với tư cách phóng viên Tạp chí Time, Phạm Xuân Ân đã tiếp cận được tài liệu này. Tôi thường thấy Phạm Xuân Ân ghi chép từ các báo cáo mật của phân xã trưởng Tạp chí Time ở Sài Gòn. Những báo cáo này bao gồm cả nội dung các buổi thông báo tin tức của các tướng lĩnh như William Westmoreland và Creighton Abrams và các Đại sứ Henry Cabot Lodge và Ellsworth Bunker đề cập đến những cuộc hành quân bí mật và chiến lược dự kiến cho các tuần trong tương lai. Sau đó, Phạm Xuân Ân có thể đột nhiên biến mất không dặn lại một lời nào, rất có thể để thông báo cho các đồng chí của ông trong các địa đạo ở Củ Chi. Tôi đã thường hỏi các nhà báo Mỹ, những người vẫn khẳng khái cho rằng Phạm Xuân Ân vắng mặt là đi tìm sự lãng mạn. Việc chống chiến tranh Việt Nam là một chuyện - nhiều người trong chúng ta đều chống chiến tranh - nhưng bày tỏ sự khâm phục vô điều kiện đối với một người đã từng dành phần lớn cuộc đời mình giả vờ làm nhà báo để đi giúp cho việc giết người Mỹ thì lại là một chuyện khác".

Frank McCulloch rất thất vọng về những lời buộc tội nói trên đối với Phạm Xuân Ân đến mức ông phải viết một bài về quan điểm riêng của mình để gửi cho báo New Yorker. Bài của McCulloch không được toà báo cho đăng tải, nhưng tác giả đã gửi cho tôi một copy như sau: "Việc trước đây và hiện nay tôi vẫn tôn trọng Phạm Xuân Ân không có liên quan gì đến việc ông ấy là một người Cộng sản và tất cả những gì thuộc sự toàn vẹn của ông, nghề tình báo của ông và tình yêu nước cháy bỏng của ông... Nhất định là tôi không có lý do gì để nghi ngờ ông và không hề biết gì cho đến khi vai trò tình báo cộng sản của ông chấm dứt sau chiến tranh. Ngày đó, tôi đã cho qua và hiện nay tôi vẫn cho qua vì hai lý do: Một là, những bài viết của Phạm Xuân Ân chưa bao giờ gợn lên điều gì trùng hợp

với quan điểm của cộng sản - và tôi tha thiết mong rằng những hồ sơ cũ được thanh tra để kiểm chứng điều đó. Hai là, bây giờ giả thiết ngược lại rằng không phải Mỹ đưa nửa triệu quân vào Việt Nam nữa, mà là hơn nửa triệu lính Việt Nam đổ dồn về một khu vực rộng bằng California - một bang của Mỹ có diện tích tương đương Việt Nam - và chúng ta không tin cái lý do họ đưa ra về sự có mặt của họ ở đó chúng ta sẽ phản ứng thế nào? Đó là đất nước của ông ấy chứ không phải là đất nước của chúng ta, nhưng mỗi một sai lầm đều khiến chúng ta phải trả giá đắt. Trước đây tôi đã không, và hiện nay vẫn không tán thành hệ tư tưởng của ông Phạm Xuân Ẩn, nhưng tôi từ chối thay đổi niềm tin của mình rằng Phạm Xuân Ẩn có toàn quyền giữ hệ tư tưởng của ông".

Liên quan đến ấn phẩm sổ tay bí ẩn của Tạp chí Time, "đó chính là ấn phẩm thư Washington hàng tuần do phân xã Washington ấn hành để cung cấp thông tin, để hướng dẫn và làm tiêu khiển của các trưởng ban biên tập của Tạp chí Time. Tôi không nhớ rõ tại Sài Gòn chúng tôi đã nhận được bao nhiêu bản tài liệu đó nhưng nếu chúng tôi nhận được ít thì chẳng qua chỉ là tổng xã không có đủ số bản để cung cấp cho khắp nơi mà thôi. Khoảng 90% nội dung ấn phẩm này sau đó được in trong Tạp chí Time. Do vậy, nếu có chi tiết nào giá trị về cộng sản ở trong đó mà người ta muốn biết, thì người ta chỉ đơn giản là đặt mua ấn phẩm đó. Nói một cách hoàn toàn thẳng thắn và chân thực về điều này là sở dĩ chúng tôi phải thận trọng về mặt phát hành, chẳng qua chỉ là vì chúng tôi không muốn người của Newsweek trông thấy mà thôi".

Tiếp theo cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân, Phạm Xuân Ẩn nói với tôi ông ấy bị CIA tiếp cận mời làm việc cai quản một trại chăn nuôi bò thịt và bò sữa ở Tây Ninh, giữa chiến khu B và vùng C vốn được biết đến như là một vùng thâm nhập của Việt Cộng. Nếu chấp nhận, Phạm Xuân Ẩn sẽ đóng vai một quý ông nông dân, trách nhiệm trong chăn nuôi bò của ông là trông coi công nhân và viết báo cáo. Phạm Xuân Ẩn rất lo về lời mời này, bởi vì nếu chấp nhận, ông sẽ phải rời bỏ Tạp chí Time và trở thành một điệp viên hai mang, một nghề mà ông không thích làm. Người ta nói là ông khước từ lời mời của CIA để trở về với chúng tôi. Điều này có nghĩa là Phạm Xuân Ẩn đã có lối thoát. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi quyết định không xin ý kiến cấp trên của mình về việc có nên chấp nhận lời mời hay không, bởi vì tôi không thích làm việc như một điệp viên hai mang".

Nghĩ rằng có lẽ Phạm Xuân Ẩn không thích làm một ông chủ trang trại chăn nuôi bò, nên lại chính nhân viên CIA đã từng tiếp cận ông trước đây nay tiếp tục đưa ra gợi ý rằng Phạm Xuân Ẩn mở một nhà máy đồ hộp ở Nha Trang và Vũng Tàu, cũng giống như đề nghị lần trước, mục đích là để giám sát các hoạt động nếu có của Việt Cộng. Nếu chấp nhận thì công việc của ông chỉ là quan sát hoạt động trong đám ngư dân cập cảng để bán cá. Vì lúc đó CIA đang cố gắng xác định xem những thuyền nào bị sử dụng để chuyên chở vũ khí thâm nhập miền Nam. Phạm Xuân Ẩn cũng nhanh chóng khước từ lời mời này.

Một lời mời gây tò mò khác do CIO đưa ra với ông Phạm Xuân Ẩn ngay sau khi ký kết Hiệp định

Paris năm 1973. Biết rằng phái đoàn của Chính phủ Cách mạng lâm thời (PRG) đang ở tại một khách sạn gần đó nay là Khách sạn Hyatt, CIO liền áp ú một kế hoạch đặt thiết bị điện tử nghe trộm tiệm cà phê Givral. CIO tin chắc sẽ thu được những thông tin quý giá từ các cuộc chuyện trò của các đại biểu của Chính phủ Cách mạng Lâm thời liên quan đến các kế hoạch thành lập "chính phủ liên hợp" của họ. Givral là tiệm cà phê của tư nhân, nên CIO muốn vợ ông Phạm Xuân Ân đứng ra mua lại tiệm cà phê Givral bằng tiền của CIO. Phạm Xuân Ân không muốn tham gia phần nào trong kế hoạch này, tuy nhiên việc đặt máy nghe trộm tiệm cà phê Givral vẫn được tiến hành. Theo đó, một phần của tiệm cà phê Givral sẽ được sửa chữa nâng cấp thành quầy kem và cà phê sữa nhằm che đậy mục đích thực sự là đặt thiết bị nghe trộm. Phạm Xuân Ân nói: "Đó là cách dễ bị bắt. Chẳng ai có thể bảo vệ cho anh, mà anh phải biết tự bảo vệ cho mình". Hầu hết các đồng nghiệp của tôi đều cho rằng, có những lúc này, lúc khác, Phạm Xuân Ân có thể cũng đã từng làm việc trong một số vai trò nào đó cho CIA.

Ông Richard Pyle, Trưởng phân xã Hãng tin AP tại Sài Gòn từ năm 1970-1973 nhớ lại rằng, hằng ngày từ chiếc bàn quen thuộc của Phạm Xuân Ân ở trong tiệm cà phê Givral, "Phạm Xuân Ân chia sẻ các mẩu tin, những phân tích về tình hình chính trị rối rắm của Sài Gòn, cũng như bộ máy tổ chức của Phủ Tổng thống cho các thính giả là những môn đệ của ông đang chú ý lắng nghe, nuốt lấy từng lời. các môn đệ này của Phạm Xuân Ân chẳng phải ai khác là những phóng viên người Việt Nam làm việc cho các toà báo và hãng thông tấn nước ngoài. Rời tiệm cà phê Givral, họ trở về trụ sở toà báo của mình với những tin tức mới nhất từ người trong cuộc do "các nguồn tin" của họ cung cấp. Chẳng có chút bí mật nào về việc các thông tin đến từ đâu, nên đội quân báo chí thường trực hay nói đùa rằng bất cứ ai có liên hệ với Phạm Xuân Ân chắc phải là người của CIA".

Việc CIA có ý định tuyển mộ Phạm Xuân Ân là rất logic. Ai cũng biết trong các tổ chức công đoàn lao động thân chính phủ có đầy người của Cộng sản. Các tổ chức công đoàn lao động này là cái thùng chứa những người thâm nhập. Một nhân viên CIA hỏi Phạm Xuân Ân rằng ông có muốn làm việc dưới vai trò nguy trang là chuyên trách đưa tin về công đoàn hay không? Nếu đồng ý, chỉ cần ông để mắt tới những hoạt động đáng nghi vấn của Việt Cộng là đủ. Đổi lại, CIA sẽ cung cấp cho Phạm Xuân Ân những thông tin giật gân gây chấn động nhằm tạo điều kiện cho ông nâng cao uy tín của mình tại Tạp chí Time. Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng ông đã từ chối lời mời này của CIA, viện cớ rằng ông đã có những nguồn tin tốt rồi, nhưng thực tế là ông biết rõ làm công việc đó là quá nguy hiểm cho vỏ bọc của ông.

Phạm Xuân Ân hồi tưởng lại một quá trình dài ông tiếp xúc với các mối quan hệ CIA của mình. Bắt đầu là với Lansdale, sau đó lần lượt là với Conein, Phillips. Sau cuộc đảo chính bất thành năm 1960 nhằm lật đổ Ngô Đình Diệm, Trưởng đại diện CIA William Colby đã khuyến nghị với bác sĩ Trần Kim Tuyền tạo ra một cơ quan tình báo trung ương của Nam Việt Nam. Trần Kim Tuyền chỉ mời

những người nào mà ông ta biết chắc là ông ta trông cậy được vào nhóm hoạch định. Tất nhiên, Phạm Xuân Ẩn được mời làm một thành viên trong nhóm này. Phạm Xuân Ẩn nói: "Mọi người trong CIO ai cũng nghĩ tôi là người của riêng họ. Nhưng họ thực sự là những nguồn tin tốt nhất của tôi". Nhóm hoạch định này làm việc gắn bó với CIA trong quá trình tạo ra một tổ chức tình báo của miền Nam Việt Nam.

Sau khi chiến tranh kết thúc, Phạm Xuân Ẩn phải đối mặt với nhiều câu hỏi về việc liệu trên thực tế ông có làm việc như một điệp viên hai mang hay không. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi rất may mắn, vì nếu tôi làm việc cho CIA, thì tôi sẽ gặp điều rắc rối rất lớn với các nhân viên an ninh. Tôi bị theo dõi rất chặt chẽ, vì tôi là người duy nhất trong suốt hai mươi ba năm không hề bị bắt lần nào và người ta muốn biết vì sao lại có thể như thế được? Người ta không thể kiểm tra được các mối quan hệ của tôi, vì tôi tự làm mọi việc cho mình. Tôi là một trường hợp đặc biệt, vì chẳng có ai ra lệnh cho tôi cả. Tôi chỉ có người chỉ đạo hàng ngày. Tôi chỉ viết báo cáo rồi gửi đi và cho đến ngày chiến tranh kết thúc, chẳng ai nói nửa lời về báo cáo của tôi, trừ trường hợp về trận Ấp Bắc. Sau chiến tranh, tôi đã viết tất cả mọi điều tôi đã làm trong một bản tường trình để được tuyên dương công trạng mà tôi sắp được nhận. Tôi đã viết như vậy, nhưng sau đó họ lại yêu cầu tôi viết thêm. Họ muốn biết tất cả mọi mối quan hệ của tôi. Họ muốn tôi nói rõ tên tuổi của các bạn bè của tôi, những người tôi đã cùng làm việc trong toàn bộ những năm tháng đó. Tôi đã từ chối. Tôi đã từng có quá nhiều bạn bè, những người luôn tin cậy tôi. Tôi cũng không bao giờ tiết lộ nguồn tin của mình. Sau đó họ nghĩ tôi có một người đỡ đầu, có thể là trong mạng lưới tình báo của Tướng Giới Thạch giống như bạn tôi Francis Cow - Trưởng trung tâm tình báo ở Đông Nam Á - người thường đến thăm nhà tôi. Nghề của Francis Cow là nhờ tận rẫy những người Cộng sản ở Chợ Lớn. Ông ta thường chia sẻ các thông tin với tôi và cũng muốn tôi làm việc cho ông".

Hai trường hợp điển hình nhất để chứng tỏ Phạm Xuân Ẩn khách quan rõ ràng đối với hai nghề song song của ông, đồng thời đánh bại mọi lời buộc tội về thông tin thất thiệt có thể thấy rõ nhất trong các cuộc tấn công mang bí danh Lam Sơn 719 và Phục sinh 1972.

Ngày 8/2/1971, 20.000 quân của quân đội Sài Gòn vượt biên giới sang vùng cán xoong của Lào để đánh phá đường mòn Hồ Chí Minh nhằm chặn đường tiếp tế vào miền Nam Việt Nam. Cuộc hành quân này mang bí danh "Lam Sơn 719". Lam Sơn là tên một làng quê nơi vua Lê Lợi được sinh ra. Hồi thế kỷ XV, vua Lê Lợi đã đánh bại sự xâm lược của nhà Minh. Mục tiêu trước mắt của cuộc hành quân Lam Sơn 719 là một thị trấn nhỏ của Lào mang tên Sêpôn, cách biên giới với Việt Nam khoảng 30 kilômét. Thị trấn này nằm kề Đường 9 và trên thực tế mọi nhánh của đường mòn Hồ Chí Minh đều đi qua vùng này.

Phạm Xuân Ẩn chuyển tiếp sự phân tích dự báo về hành động ở Lào là không nổi bật. Ông nói với tôi: "Ai cũng hiểu biết về Lào từ trước, trừ những người phụ trách. Các mối quan hệ quân sự của tôi

bao gồm cả một đại tá Quân đội Việt Nam Cộng hoà, lính dù, lực lượng đặc biệt. Tôi còn nhớ một hôm tôi gặp viên đại tá đó vừa ra khỏi Sài Gòn ít ngày. Nhìn mặt ông ta đen cháy, tôi đoán ông này vừa đi đâu về, bèn hỏi: "Cậu vừa đi câu cá ở Nam Lào về hả". Ông ta không trả lời chỉ cười, nên tôi hiểu đó là sự xác nhận. Tôi cảm thấy lo ngại bởi vì tôi biết điều gì đang chờ đợi tất cả họ. Tôi bảo với ông ta phải cẩn thận, rồi nhìn vào tấm bản đồ về sự hoạt động của Cộng sản. Tôi không thể phá hỏng các kế hoạch của phía bên kia, nhưng tôi muốn những người bạn của tôi phải cẩn thận".



Doug Pike chụp bức ảnh này gồm Blanche Cao, Myrna Pike đang dùng bữa trưa với Phạm Xuân Ẩn tại Thủ Đức cách Sài Gòn 15 km (ảnh được đăng với sự cho phép của Bộ phận Lưu trữ Việt Nam, Trường Đại học Texas Tech)



Phạm Xuân Ẩn đang đi đến tiệm cà phê Givral, năm 1973 (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn)

Một trong những điều tôi còn tiếc là lúc đó, tôi đã không hỏi Phạm Xuân Ẩn làm rõ về trận đánh này hoặc những căng thẳng trong con người ông khi biết những người bạn của mình đang bước vào một cái bẫy khủng khiếp. Đó là chiếc bẫy mà ông và những người khác góp phần tạo ra, nhưng ông lại không thể làm được gì khác ngoài câu nói "phải cẩn thận đấy". Tôi cứ tự hỏi liệu ngày đó Phạm Xuân Ẩn có những đêm mất ngủ không? Có cảm thấy ám ảnh về tinh thần trong cuộc đời mình hay không?

Việc vạch kế hoạch cho cuộc hành quân Lam Sơn 719 được bắt đầu từ tháng 11/1970. Khoảng tháng 1/1971 nhìn thấy được có sự gia tăng về các hoạt động quân sự nhằm chuẩn bị cho một hành động nào đó. Phạm Xuân Ẩn nhận được thông tin từ một trong số những nguồn tin của ông trong Quân đội Việt Nam Cộng hoà về việc lên kế hoạch cho một trận tấn công sắp diễn ra qua biên giới. Theo kế hoạch, trận tấn công này sẽ phải được bắt đầu trước mùa mưa nhằm làm gián đoạn việc sử dụng đường mòn Hồ Chí Minh trong một thời gian dài hơn nhiều so với sự gián đoạn bình thường của mùa mưa. Richard Pyle và Horst Faas của Hãng tin Mỹ AP sau này đã viết: "Điệp viên của miền Bắc có mặt ở khắp nơi tại miền Nam. Từ những cô gái làm nghề dọn bàn trong tiệm rượu sau khi lính Mỹ nhậu nhẹt, đến những sĩ quan cao cấp của Quân đội Việt Nam Cộng hoà. Họ có mặt cả trong giới báo chí Sài Gòn và, như sau này được biết, thậm chí ngay cả trong các sở chỉ huy tại Đà Nẵng của Quân đoàn Mất thần - nơi vạch ra kế hoạch Lam Sơn 719 họ cũng có mặt".

Khi Phạm Xuân Ẩn đã chuẩn bị sẵn những báo cáo của mình để gửi đi, ông bước dọc một con phố đã hẹn trước trong lúc bà Nguyễn Thị Ba đang mang một khay đồ quần áo, trang sức. Bỗng bà đánh rơi, Phạm Xuân Ẩn dừng lại để giúp bà nhặt các đồ trang sức lên và chuyển cho bà tài liệu báo cáo. Cuối cùng, báo cáo này của Phạm Xuân Ẩn đã được chuyển tới Trung ương Cục Miền Nam. Lập tức, mọi công việc chuẩn bị đối phó với cuộc hành quân Lam Sơn 719 được tiến hành.

Những đánh giá riêng của Phạm Xuân Ân cho Shaplen về trận Lam Sơn được Shaplen đánh dấu chú giải bên lề phải tài liệu như sau: "Ân - cuộc xâm lược Lào được vạch ra từ trước... Cộng sản đã biết điều này có lẽ khoảng sáu tháng trước đó". Sau khi nêu "ba cuộc hành quân thăm dò, trong đó cuộc hành quân thăm dò cuối cùng diễn ra ngày 8/12, mất 200, phát bằng điện báo". Phạm Xuân Ân đã nói với Shaplen sự thực về việc tình báo Cộng sản đã biết trước. Trong cương vị của mình khi đánh giá về cuộc hành quân Lam Sơn 719, Đại tướng Cao Văn Viên và Trung tướng Đồng Văn Khuyên đã viết: "Đối phương đã không bắt ngờ về trận Lam Sơn 719 và họ đã chuẩn bị đầy đủ để đối đầu với các lực lượng của chúng ta".

Trong trận này, quân đội Bắc Việt Nam mất hơn 20.000 quân, nhưng quân đội Sài Gòn trong lần ra quân lớn đầu tiên không có các cố vấn Mỹ và lính Mỹ, đã mất hơn một nửa lực lượng. Phía Mỹ mất 108 máy bay trực thăng cùng với 618 chiếc khác bị phá hỏng.

Phạm Xuân Ân lại có dịp để cung cấp đầy đủ thông tin nổi bật khác - phân tích về cuộc hành quân Lam Sơn 719 cho Shaplen, bắt đầu từ các chiến thuật của quân đội Sài Gòn và sự thất bại trong việc mở lối vào Đường 9. "Họ kết thúc bằng cách sử dụng chiến thuật nửa Pháp, nửa Mỹ, nhưng nghiêng về chiến thuật của Pháp hơn. Di chuyển quân từ từ bằng đường bộ tại lối ra. Lẽ ra, họ phải sử dụng xe tăng Abrams. Do đó, mà họ đã rơi vào giữa hai loại phương tiện". Phạm Xuân Ân đặc biệt phê phán lực lượng tình báo Quân đội Sài Gòn. Ông nói: "G-2 không tốt, chỉ phát hiện được xe tăng đối phương một giờ trước khi họ xuất hiện đông nghịt". Shaplen đánh dấu và chú giải cho mình để nhớ như sau: "Ân tiếp tục nói rằng chúng ta sẽ sống sót bởi vì Đảng Cộng sản không dám tiêu diệt hết". Cuộc hành quân Lam Sơn 719 là trận hoàn toàn do các lực lượng quân đội Việt Nam Cộng hoà thực hiện, không có các cố vấn Mỹ đi cùng để quan sát các đồng minh Nam Việt Nam. Phạm Xuân Ân rõ ràng là đã không thể không nói với Shaplen một sự thật khác nữa: "Chừng nào còn có các cố vấn Mỹ đi cùng, thì khó mà nói dối. Còn bây giờ nói dối là quá dễ".

Phạm Xuân Ân cũng khách quan một cách công bằng khi nói về đợt Tổng tấn công của Cộng sản vào mùa xuân 1972, chỉ vài tháng sau cuộc hành quân Lam Sơn. Đợt tấn công này mở đầu vào ngày chủ nhật 30/3/1972 nhằm ngày lễ Phục sinh. Đây là trận đánh lớn nhất trong suốt thời kỳ Chiến tranh Việt Nam do quân đội Bắc Việt Nam tiến hành, kéo dài sáu tháng. Trận tổng công kích này được thiết kế tấn công bằng các lực lượng quân sự thông thường do các lực lượng vũ trang Bắc Việt Nam tiến hành, nhằm giáng một đòn trí mạng vào các lực lượng Quân đội Việt Nam Cộng hoà. Đại tướng Võ Nguyên Giáp hy vọng sử dụng các làn sóng quân đội ào ạt tấn công chiếm giữ lãnh thổ, kể cả những thành phố lớn ở miền Nam Việt Nam như Huế, Đà Nẵng. Điều này giúp cho quân đội Bắc Việt Nam có nhiều lợi thế khi tấn công vào Sài Gòn.

Phạm Xuân Ân đã cung cấp cho Shaplen đánh giá chính xác về chiến lược của Cộng sản: "Giờ đây không có quân Mỹ tham chiến cùng Quân đội Việt Nam Cộng hoà, tất nhiên là một sự thay đổi sống

còn. Năm 1965, họ đã phải chuẩn bị để đánh nhau với 200.000 quân Mỹ và họ đã hình dung ra tình thế này, nhưng giờ đây... Tháng 5 và tháng 8/1968 được thiết kế để buộc chúng ta phải vào bàn đàm phán và ngừng ném bom. Thậm chí vì những lý do ngoại giao, họ đã phải chấp nhận hy sinh nhiều người, buộc chúng ta phải xuống thang. Về mặt chiến lược, họ thắng chúng ta, tuy nhiên, về sách lược họ thua, nhưng là thua xứng đáng... Mặt trận Tổ quốc đã phải tổ chức đánh giá lại. Đảng Cộng sản đã nhận ra rất nhanh. Mỹ đã tìm cách câu giờ cho Chính quyền Sài Gòn, nhưng chính việc thiếu sự lãnh đạo đã không cho phép Chính quyền Sài Gòn tận dụng được lợi thế của thời gian mang lại. Do đó, sự lãnh đạo chính trị, chứ không phải là các nhà lãnh đạo, vẫn còn là một vấn đề then chốt". Nixon tin rằng Bắc Việt Nam đã tự cam kết với mình là mở chiến dịch "được ăn cả, ngã về không" trong năm 1972. Ngày 1/4, Richard Nixon ra lệnh ném bom miền Bắc Việt Nam trong phạm vi 40 km của khu phi quân sự. Ngày 14/4, Nixon ra lệnh đánh bom đến vĩ tuyến 20.

Hội nghị Paris bị ngừng. Tại một cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ, Nixon nói: "Miền Bắc Việt Nam sắp phải bị ném bom với mức độ ác liệt chưa từng thấy". Điều diễn ra sau lời tuyên bố này của Richard Nixon là những trận tấn công bằng không quân thành công nhất trong thời gian chiến tranh, trong đó có một chiến dịch ném bom lớn nhất trong lịch sử thế giới mang tên "Cuộc hành quân Linebacker I". Mục tiêu không kích là các con đường, cầu cống, đường sắt, căn cứ đóng quân, nhà kho. Trong chiến dịch này, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh không quân hiện đại, bom điều khiển độ chính xác bằng tia laser được đưa vào sử dụng. Các máy bay phản lực ném bom - chứ chưa phải là máy bay B-52 - không kích mở đường tạo sự hỗ trợ tầm gần cho bộ binh của quân đội Sài Gòn. Kết quả cuối cùng là quân đội Bắc Việt Nam bị mất 50.000 người và ước tính khoảng 225 xe tăng và trọng pháo bị phá huỷ.

Cuộc tổng tiến công lễ Phục sinh 1972, về mặt ngắn hạn, rõ ràng là một sự thất bại về quân sự của miền Bắc Việt Nam. Bằng việc dàn quân ra ba mặt trận và tấn công ào ạt trong nhiều đợt, quân đội miền Bắc Việt Nam bị căng ra quá mỏng. Thực tế đã chứng tỏ họ không có đủ hỏa lực để dội vào bất kỳ một điểm nào để giành được vùng lãnh thổ lớn. Vì nhịp độ nhanh của các cuộc tấn công thông thường, một số đơn vị của quân đội Bắc Việt Nam bị thương vong nhiều (một số tiểu đoàn bị rút quân số xuống còn 50 người). Điều này khiến cho họ chiến đấu kém hiệu quả trong thời gian gần hai năm. Tuy nhiên, các căn cứ địa phương quan trọng hơn của họ về mặt tiếp tế ở miền Nam Việt Nam vẫn còn tồn tại. Con số thương vong của Hà Nội trong các cuộc tấn công thông thường do họ tiến hành là đáng kể, mất hơn một nửa trong số 200.000 quân chiến đấu. Thực tế về những kết quả đáng thất vọng của cuộc tiến công mùa xuân đã buộc Hà Nội phải đi đến quyết định tìm kiếm một cách giải quyết thông qua thương lượng. Họ đã đánh giá sai Nixon và cho rằng giờ đây, dường như Richard Nixon đang tiến tới thắng lợi tái cử trong cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 11.

Phạm Xuân Ẩn không cố gắng đi sâu vào vấn đề này với Shaplen: "Quân đội miền Bắc Việt Nam đã

đánh giá thấp sự kháng cự của Chính quyền Sài Gòn và sự giúp đỡ của Mỹ. Đảng Cộng sản đã bị đau, nhưng chưa đến mức bị tê liệt. Mặc dù bị thất bại nặng nề trong hai tháng qua, nhưng quyết tâm của họ vẫn không nao núng. Chiến dịch này sẽ được tiếp nối bằng các chiến dịch khác Đảng Cộng sản giờ đây đã hoàn toàn hồi phục về phong độ, cùng những đơn vị hồi năm 1966 nay được bổ sung quân cho đủ biên chế. Trong khi đó, chúng ta - Mỹ - chưa hề lấy lại được phong độ và không thể... rút ra bài học tại cuộc hành quân Lam Sơn. Họ nhìn thấy cơ hội khách quan mới xuất hiện để mở một cuộc tấn công mới. Đó là việc Quân đội Việt Nam Cộng hoà đang bị Việt Nam hoá ngẫu nhiên trùng hợp với thời kỳ bầu cử tổng thống ở Mỹ, mà trong cuộc bầu cử này, tất cả không thể đoán trước được điều gì. Đó là lý do tại sao họ chấp nhận rủi ro mở đợt tấn công... Nixon dai dẳng không chịu thương lượng. Chúng ta đã thổi vấn đề lên quá nhiều, coi đó là một sự xâm lược, kêu gọi dư luận thế giới chống lại sự xâm lược của Cộng sản. Nhưng trên thực tế, tất cả những gì chúng ta làm chỉ khiến cho nhân dân Mỹ hoảng sợ và dồn Nixon đến chân tường mà thôi".

Khi Phạm Xuân Ân nói với Shaplen về các cuộc hành quân Lam Sơn và lễ Phục sinh cũng là lúc ông được tặng thưởng ba Huân chương Chiến công. Sự nổi tiếng của Phạm Xuân Ân với tư cách một nhà báo là vấn đề không cần bàn cãi. David De Voss nhớ lại: "Tôi gặp Phạm Xuân Ân lần đầu tiên vào năm 1972 khi tôi mới 24 tuổi, đến miền Nam Việt Nam với tư cách phóng viên chiến trường của Tạp chí Time. Ngày đó, ông Phạm Xuân Ân đã là người huyền thoại nổi tiếng với biệt danh "Tướng Givral" đặt theo tên của tiệm cà phê Givral, nơi ông vẫn thường ghé thăm. Mặc dù ngày ấy điều gì và người nào cũng đáng nghi ngờ, nhưng riêng với ông Phạm Xuân Ân thì mọi người lại rất tin cậy ông". Vô bực của Phạm Xuân Ân là không thể nào đâm thủng được và trong suốt hơn một thập kỷ, mạng lưới tình báo cụm H.63 của Phạm Xuân Ân đã bảo vệ ông cùng những tài liệu của ông. Nhưng một sứ mạng cuối cùng của ông vẫn còn ở phía trước, đó là đánh bại chế độ Sài Gòn.

Larry Berman

Điệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 6

Những vai trò mập mờ: tháng 4/1975

Tôi sẽ mở cặp mắt nhìn họ và nói: "Được rồi, các ông muốn làm gì tôi? Tôi là con địa chủ miền"

Nam".

Phạm Xuân Ân nói với Robert Shaplen, tháng 4/1975

Lúc mười giờ rưỡi sáng ngày 5/2/1975, tức ngày 25/12 âm lịch, một chiếc máy bay Antonov AN-24 cất cánh từ sân bay quân sự Gia Lâm, Hà Nội, đi Đồng Hới - một cảng cá nằm cách Hà Nội gần 500 km về phía nam. Trên máy bay có Đại tướng bốn sao Văn Tiến Dũng, người đã từng làm việc bên cạnh một Đại tướng bốn sao khác lừng danh hơn của miền Bắc Việt Nam là Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp.

Tướng Văn Tiến Dũng từng làm Tham mưu trưởng từ năm 1958. Ở tuổi 56, ông trở thành uỷ viên Bộ Chính trị trẻ tuổi nhất. Để phục vụ cho tướng Văn Tiến Dũng lên đường, một kế hoạch cực kỳ bí mật nhằm đánh lừa đối phương được áp dụng: Người lái xe cho Đại tướng Văn Tiến Dũng vẫn hàng ngày hai lần đúng giờ lái chiếc xe Volga do Nga sản xuất từ nhà tướng Dũng đến Tổng hành dinh quân đội rồi lại từ Tổng hành dinh quân đội về nhà. Những người linh được chỉ thị tiếp tục chơi bóng chuyền hàng ngày trước nhà Đại tướng Văn Tiến Dũng. Báo chí ở Hà Nội vẫn đưa tin các hoạt động của Đại tướng Văn Tiến Dũng quanh thành phố trong nhiều tuần sau, khi ông đã ra khỏi Hà Nội. Thậm chí tướng Dũng còn tự mình ký trước vào những gói quà Tết để có thể chuyển bằng đường bưu điện tới người nhận trong thời gian ông đi vắng. Ông còn ký trước những bức điện chúc mừng ngày kỷ niệm của lực lượng vũ trang các nước Liên Xô, Cộng hoà Dân chủ Đức trong tháng 2, và Mông Cổ trong tháng 3/1975, để những bức điện đó được chuyển đi đúng ngày. Các bí danh tạo ra để ký dưới các bức điện được mã hoá trao đổi giữa Tướng Văn Tiến Dũng và Tướng Võ Nguyên Giáp là "Tuấn" cho Văn Tiến Dũng còn "Chiến" cho Võ Nguyên Giáp.

Tại Đồng Hới, Đại tướng Văn Tiến Dũng được thiếu tướng Đồng Sĩ Nguyên mang xe của chỉ huy Sư đoàn 559 ra đón. Sau đó, tướng Văn Tiến Dũng được chở đến bờ sông Bến Hải để xuống một chiếc xuồng máy. Khoảng cuối buổi chiều hôm đó dưới trời lạnh khác thường, họ đã tới sở chỉ huy của lực lượng 559 ở phía tây Gio Linh.

Đại tướng Văn Tiến Dũng tập trung phổ biến các chỉ thị của Bộ Chính trị về việc thành lập bộ tư lệnh mới cho Chiến dịch 275 nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trước đó gần hai tháng, các tình báo viên ở Sài Gòn đã báo cáo tất cả mọi chi tiết về một cuộc họp được tổ chức tại Dinh Độc lập giữa Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu với những tư lệnh các lực lượng vũ trang của ông ta cùng tư lệnh các vùng quân sự. Chẳng ai trong phòng họp đó biết rằng ông Văn Tiến Dũng có một đặc tình đang dự họp cùng bàn về các mục đích chiến tranh năm 1975 của Cộng sản. Chỉ trong vòng hai tuần, toàn bộ những nội dung được đề cập tại cuộc họp chiến lược đó đã được chuyển đến tướng Văn Tiến Dũng. Nhờ vậy, ông Văn Tiến Dũng biết được những tư duy chiến lược của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và của các chỉ huy trưởng quân sự dưới quyền ông ta nhằm đối phó lại điều mà họ tin rằng, đó là kế hoạch chiến tranh của tướng Văn Tiến Dũng. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tin rằng, do trong

các năm 1968 và 1972 đã bị thương vong nặng nề, nên giờ đây các lực lượng Bắc Việt Nam chỉ còn có năng lực tấn công vào các thị trấn nhỏ lẻ. Do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tiên liệu sự tấn công của đối phương sẽ nhằm vào Đồng bằng sông Cửu Long và Cao nguyên Trung phần, nên ông quyết định không củng cố cho Tây Nguyên. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi có nhiều nguồn tin tốt từ cuộc họp đó và họ đã nói cho tôi biết về đánh giá của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Có ít nhất hai người dự cuộc họp đó đã cung cấp đầy đủ mọi nội dung cho tôi và tôi lập tức viết báo cáo".

Vì những việc làm của Phạm Xuân Ẩn trong giai đoạn này, đặc biệt nhất là những đóng góp của ông ngay trước khi bước vào Chiến dịch 275, ông được tặng tám Huân chương Chiến công cuối cùng. Ông Ba Minh, người giám sát trực tiếp của ông Phạm Xuân Ẩn trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh nói: "Tôi không biết thời gian trước đó ông Hai Trung đã làm những gì. Nhưng trong thời gian tôi làm chỉ huy trưởng mạng lưới tình báo này, Hai Trung luôn tìm cách lấy được tất cả các tài liệu của Mỹ về tầm quan trọng chiến lược hàng năm".

Tháng 10/1974, Quân uỷ Trung ương đã có cuộc họp với Bộ Chính trị ở Hà Nội để thảo luận về việc liệu cuộc chiến tranh đã đến giai đoạn cuối cùng hay chưa?

Theo Đại tướng Văn Tiến Dũng thì vấn đề mấu chốt là "một khi các cuộc tấn công qui mô lớn của chúng ta đẩy Quân đội Sài Gòn đến nguy cơ sụp đổ, liệu Mỹ có thể đưa quân trở lại miền Nam Việt Nam hay không?". Các đại biểu tham dự cuộc họp liên tịch này đã thảo luận về vụ Watergate, về việc từ chức của Tổng thống Richard Nixon, và về việc Quốc hội Mỹ cắt giảm chi phí cho chiến tranh. Tại hội nghị này, kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu đã được duyệt. Kế hoạch đó được gọi là "Cuộc tổng tiến công 1975 mở rộng, qui mô lớn tại Tây Nguyên".

Đầu tháng 11, Bộ chính trị triệu tập tất cả những nhà lãnh đạo Đảng và chỉ huy trưởng các mặt trận ở miền Nam ra Hà Nội để đánh giá kế hoạch chiến lược cho cuộc Tổng tấn công năm 1975. Một trong số những nhà lãnh đạo từ miền Nam thực hiện chuyến đi ra miền Bắc khi đó là Tướng Trần Văn Trà. Ông Trần Văn Trà từng di chuyển trên đường mòn Hồ Chí Minh trong năm 1959 từ miền Bắc vào miền Nam. Ngày đó con đường mòn này còn sơ khai và được gọi với cái tên là đường 559. Chuyến đi từ Bắc vào Nam của ông ngày đó phải mất bốn tháng mới đến nơi nhưng lần này ông từ Nam ra Bắc chỉ mất mười ngày. Ngày 13/11/1974, ông Trần Văn Trà ngồi trên ghế trước của chiếc xe GAZ 69 do Nga sản xuất, ngoái cổ lại nhìn ông Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, người cấp cao nhất của Cộng sản ở miền Nam. Chiếc GAZ 69 rẽ sang đường 18 đoạn tại Lộc Ninh, nơi đóng chỉ huy sở của Quân khu B-2, vốn được coi là thủ đô của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Khi đã đi cách Sài Gòn gần 100 kilômét, chiếc xe quay đầu nhằm thẳng hướng Bắc tiến trên đường 18 giữa ban ngày. Suốt dọc đường đi, ông Trần Văn Trà chỉ hơi sợ một chút về việc, có thể bị một vài đơn vị nhỏ đã suy yếu của quân đội Việt Nam Cộng hoà được giao nhiệm vụ ở lại trông giữ kho đạn và xăng dầu tấn công. Chưa đầy một giờ sau, ông Trần Văn Trà và những người cùng đi đã vượt biên

giới sang Campuchia, nhằm hướng tây bắc, đi theo bờ sông Mê Kông đến gần Kratie thì dừng lại để đi bằng xuồng máy. Khi đến Nam Lào, họ lại đổi sang đi bằng xe tô tiếp tục chạy trên đường mòn Hồ Chí Minh. Tới Đông Hà, họ nhằm hướng bắc thẳng tiến để hoàn thành nốt chặng cuối cùng của hành trình ra Hà Nội.

Hội nghị kéo dài hai mươi hai ngày, từ ngày 18/12/1974 đến ngày 8/1/1975. Đây là cơ hội để Tướng Trần Văn Trà thanh minh vì ông đã phải trả giá đắt cho kế hoạch năm 1968 của mình để đạt được sự nổi dậy đồng loạt dịp Tết Mậu Thân. Do còn những thiếu sót ông Trần Văn Trà đã lỡ cơ hội vào Bộ Chính trị "nhưng là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Thượng tướng, Tư lệnh các lực lượng quân đội Cộng sản vùng đồng bằng - tức là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tại hội nghị, ông đã trình bày các kế hoạch mới cho miền Nam".

Những người tham dự hội nghị đã có quan điểm rất khác nhau về chiến lược và thời gian biểu mà Tướng Trần Văn Trà trình bày. Một số uỷ viên Bộ chính trị vẫn còn lo ngại về việc Mỹ sẽ phản ứng như thế nào đối với một cuộc tổng tấn công mới. Họ đã từng đánh giá quá thấp Nixon hồi tháng 4 và tháng 12/1972. Ký ức về những trận đánh Linebaker lại hiện lên trước mắt họ. Bùi Tín, người sau này tham gia tiếp nhận đầu hàng của Chính quyền Sài Gòn ngày 30/4/1975, mô tả các đợt đánh bom năm 1972 "giống như một trận bão khiến cây đổ hàng loạt, ánh chớp bom đạn đã biến đêm thành ngày". Nhưng vào lúc này, Nixon không còn là ông chủ trong Nhà Trắng nữa. Vụ Watergate đã phá tan giấc mơ làm tổng thống nhiệm kỳ hai của ông ta. Trước đó, Nixon đã từng nhiều lần cam kết riêng với Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Nguyễn Văn Thiệu rằng Mỹ sẽ không bỏ rơi đồng minh của Mỹ, khi đồng minh gặp phải tình huống bị tấn công giống như kiểu cuộc tấn công đang được vạch ra đây. Phạm Xuân Ẩn nói với Shaplen: "Có lẽ vụ Watergate đã không cho phép Mỹ tổ chức một cuộc ném bom khác - để thực sự huỷ diệt miền Bắc Việt Nam". Shaplen coi nhận định này của Phạm Xuân Ẩn mang một ý rất quan trọng nên đã đánh dấu chú giải "PT PT" sau lời nhận định của ông Ẩn.

Các trận không kích Linebacker còn được coi là một thông điệp cho Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu rằng Cộng sản sẽ phải chịu sự trừng phạt không khoan nhượng như vậy, nếu họ vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hiệp định Paris. Nguyễn Văn Thiệu từng coi bản Hiệp định Paris là một bản hoà ước tự sát nhưng vì cần phải chặn đứng những sự phá rối của phe đối lập, nên ông đã đồng ý ký vào.

Nguyễn Văn Thiệu từng được bóng gió cho biết rằng Henry Kissinger dự định sẽ ký một hiệp định vào tháng 1/1973. Sự lựa chọn của Nguyễn Văn Thiệu là chấp nhận. Ông ta đành phải chấp nhận trước lời hứa của Nixon rằng Mỹ sẽ đưa máy bay B-52 tới ném bom ngay từ khi xuất hiện dấu hiệu đầu tiên Cộng sản vi phạm. Nếu không chấp nhận, Thiệu sẽ phải đứng trước tình trạng quân đội không được hỗ trợ gì.

Dựa vào những lời đảm bảo riêng của Nixon rằng miền Nam Việt Nam sẽ không bao giờ bị bỏ rơi,

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bớt nghiêm khắc hơn với những lực lượng đối lập với mình. Người Mỹ chuẩn bị rút khỏi Việt Nam. Các điều khoản quan trọng nhất của Hiệp định Paris ký ngày 27/1/1973 bao gồm cả việc đình chiến và việc rút quân đội Mỹ khỏi Việt Nam. Mỹ phải ngừng tất cả các hoạt động không quân, hải quân chống miền Bắc Việt Nam và phải tháo dỡ hoặc làm vô hiệu hoá vĩnh viễn toàn bộ số mìn và thủy lôi mà họ đã thả xuống các sông, biển ở miền Bắc Việt Nam. Trong vòng 60 ngày sau khi Hiệp định Paris được ký kết, tất cả các lực lượng Mỹ và các lực lượng đồng minh của Mỹ phải rút khỏi Việt Nam. Hoa Kỳ bị cấm không được cung cấp hoặc đưa trở lại Việt Nam những vật liệu chiến tranh và bị buộc phải tháo dỡ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam. Các lực lượng vũ trang của hai bên Việt Nam được duy trì tại chỗ, nhưng sự ngừng bắn cấm việc đưa quân đội, cố vấn quân sự, nhân viên quân sự, kể cả các nhân viên kỹ thuật quân sự, vũ khí, đạn dược và các vật liệu chiến tranh vào miền Nam Việt Nam. Cả hai bên được phép theo định kỳ thay thế, bổ sung những vật liệu đã bị phá hủy, hư hỏng, hoặc dùng hết trên cơ sở một đôi một dưới sự giám sát và kiểm soát quốc tế.

Hoa Kỳ và miền Bắc Việt Nam hứa tôn trọng nguyên tắc tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, bao gồm cả việc tổ chức bầu cử tự do, dân chủ, dưới sự giám sát của quốc tế. Để thực hiện được điều này, một Hội đồng Hoà giải và Hoà hợp dân tộc được lập ra và Hoa Kỳ bị cấm can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Miền Bắc Việt Nam hoan nghênh Hiệp định Paris như là một thắng lợi lớn. Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, cả chương trình phát đối nội lẫn chương trình đối ngoại đều đã dành mấy ngày liền để đọc đi đọc lại toàn văn nội dung nguyên gốc bản Hiệp định Paris. Tại Hà Nội, Văn phòng Chính phủ công bố Quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ được kéo lên trên khắp mọi miền đất nước trong tám ngày, tính từ phút đầu tiên cuộc ngừng bắn có hiệu lực rơi vào ngày 28/1 cho đến ngày 4/2. Trong suốt ba ngày đêm liên tục, các đường phố Hà Nội đông nghẹt người đổ ra đường để ăn mừng sự kiện chỉ còn 60 ngày nữa sẽ không còn quân đội nước ngoài nào trên đất nước Việt Nam và các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam sẽ phải bị tháo dỡ.

Trong khi đó, tại miền Nam không hề có niềm vui và sự tổ chức ăn mừng nào. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và các cộng sự của ông ta biết rõ rằng ông Lê Đức Thọ đã thắng trong cuộc chiến ngoại giao. Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger đã thương lượng một Hiệp định chẳng đại diện cho cái gì khác ngoài một văn bản lễ tân ngoại giao về sự không can dự của Mỹ. Nhiều người, trong đó có cả trợ lý John Negroponte, đều thấy rõ rằng Ngoại trưởng Kissinger làm như vậy chẳng khác nào "cầu nguyện cho chính quyền Thiệu ở miền Nam Việt Nam nhanh chết".

Vào thời kỳ thực hiện Hiệp định, Hà Nội chưa có kế hoạch nào cho việc mở các cuộc tấn công vào miền Nam trong thời gian gần. Miền Bắc cũng cần có thời gian để phục hồi và chấn chỉnh nhân lực các cấp. Các tài liệu lưu hành nội bộ của Đảng cho thấy năm 1973 miền Bắc đã nghĩ đến việc mở lại

chiến dịch tấn công qui mô lớn sau năm 1976, nhưng một số sự kiện chính trị nội bộ nước Mỹ đã ngăn cản việc thực hiện các kế hoạch này.

Chất lượng và sự khách quan trong đánh giá của Phạm Xuân Ân về các nguồn tin Chính phủ Việt Nam Cộng hoà được thể hiện rõ trong sự phân tích của ông về Hiệp định Paris 1973. Các mối quan hệ nguồn tin của Phạm Xuân Ân làm việc trong Chính phủ của Nguyễn Văn Thiệu, trong Quốc hội, và trong Quân đội Việt Nam Cộng hoà tốt đến mức, những điều mà Phạm Xuân Ân nói với Shaplen khiến người ta có cảm giác như chính ông có mặt tại các cuộc họp diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12/1972. Vài tuần trước khi Hiệp định Paris được ký kết, Phạm Xuân Ân đã nói với Shaplen: "Thiệu sẽ nhận được lời hứa từ Nixon về việc dùng máy bay B-52 để dội bom một cái Tết mới... trong trường hợp có cuộc tổng tấn công lớn của Cộng sản, Nguyễn Văn Thiệu sẽ cần đến máy bay B-52... ông Thiệu cần Mỹ viện trợ kinh tế, đảm bảo về chính trị và máy bay B-52. Viện trợ trong ba năm được vạch ra". Từ ngày 24 đến ngày 26/1/1973, tức là một ngày trước khi ký kết Hiệp định Paris, Shaplen đã viết bài nói rằng: "Người ta có một cảm nhận rằng chúng ta sẽ không cắt viện trợ - không thể làm điều đó trước dư luận thế giới về tái thiết. Nhưng chúng ta có thể cắt cổ Thiệu".

Phạm Xuân Ân đưa ra những sự phân tích tinh tế về tình hình chính trị trước năm 1973. "Ông Ân nói không có bất đồng giữa miền Bắc Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời về việc tiếp tục chiến tranh. Chỉ đơn giản là có hai khả năng. Thứ nhất, ký được Hiệp định Paris. Thứ hai, nếu không ký được Hiệp định Paris thì chiến tranh tiếp tục diễn ra suốt năm 1973. Hiệp định càng được ký sớm càng tốt. Các tài liệu trong tháng 1 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời mà Phạm Xuân Ân đọc được đều nói như vậy. Nhấn mạnh thắng lợi. Mỹ đã đồng ý ra đi... sau đó nguy sẽ nhào... những điều mà từ năm 1966 họ đòi thì nay họ đã có - quyền được tham gia vào chính phủ... Do vậy, giờ đây Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã có điều mà họ muốn. Có thể họ sẽ thúc đẩy trong 60 ngày hoặc là thúc đẩy để cho Thiệu bị lật đổ".

Phạm Xuân Ân cũng chia sẻ với Shaplen những suy nghĩ của ông về chiến lược của Cộng sản sau Hiệp định Paris: "Họ sẽ cố gắng làm bạn với Mỹ - một cuộc tổng tấn công ngoại giao - và sau đó, sẽ gạt bỏ Thiệu. Tấn công Thiệu trên cả ba mặt trận chính trị, kinh tế ngoại giao. Có thể chỉ kéo dài vài năm nếu không bị khiêu khích bởi Quân đội Việt Nam Cộng hoà. Do vậy, đường lối bây giờ là bám chặt Hiệp định. Giờ đây họ đã có tư cách hợp pháp và sẽ không muốn hoặc khao khát quá mức mà dẫn đến vi phạm Hiệp định. Do vậy, lại một nữa nhấn mạnh vấn đề nông thôn và cần thời gian để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thông qua hoà giải và hoà hợp dân tộc. Nhiều thành phố sau này sẽ rơi vào tay họ - trong khi đó, đưa người về nông thôn - trong mùa mưa - và giữ họ ở đó".

Phạm Xuân Ân nói với Shaplen quan điểm của Cộng sản là "thực hiện toàn bộ Hiệp định là điều họ muốn, không còn nghi ngờ gì nữa... Trong khi đó, Chính phủ Việt Nam Cộng hoà chủ trương đi chậm lại. Họ muốn giữ nguyên trạng hoặc là tổ chức tổng tuyển cử theo điều kiện của họ mà Đảng

Cộng sản không thể nào chấp nhận được. Thái độ của họ là Bắc Việt Nam và Mỹ đẩy họ đến tình trạng mọi chuyện đã rồi, một nền hoà bình độc ác, do vậy họ muốn giữ nguyên trạng càng lâu càng tốt và để tăng cường vị trí của họ... Nhưng cũng còn nhiều vấn đề nội bộ ở đây và đó là một lý do khác mà chúng ta không thể thương lượng. Các vấn đề kinh tế, chính trị, và quân sự tham nhũng, vấn đề xã hội phải được giải quyết ôn hoà trước khi chúng ta có thể đề cập đến bên khác".

Có lẽ một khía cạnh của Hiệp định Paris khiến Thiệu đau đớn nhất là ngừng bắn tại chỗ, cho phép quân đội miền Bắc vẫn được ở miền Nam. Tháng 10, Henry Kissinger đi thăm Campuchia rồi trở lại Sài Gòn. Ông ta đi thẳng tới thăm Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đúng lúc Tổng thống Việt Nam Cộng hoà đang trong trạng thái rất căng thẳng và đầy xúc động. Nguyễn Văn Thiệu nói với Kissinger: "Giờ các ông đã công nhận sự có mặt của quân đội Bắc Việt Nam ở đây. Nhân dân Việt Nam cho rằng chúng tôi đã bị Hoa Kỳ bán đứng. Bắc Việt Nam đã thắng trong cuộc chiến tranh". Làm sao Nguyễn Văn Thiệu có thể chấp nhận sự có mặt của từ 200.000 đến 300.000 quân đội Bắc Việt Nam. "Nếu chúng tôi chấp nhận những điều nêu trong Hiệp định, chúng tôi sẽ tự sát". Chỉ lên tám bản đồ treo trên tường, Nguyễn Văn Thiệu nói: "Mất một nước nhỏ như miền Nam Việt Nam thì có hề gì với Mỹ đâu? Đối với các ông, chúng tôi chỉ lớn hơn một dấu chấm trên bản đồ thế giới. Nếu các ông muốn từ bỏ cuộc chiến tranh, chúng tôi sẽ chiến đấu một mình cho đến khi nào chúng tôi hết sức, và đến lúc đó chúng tôi sẽ chết... Đối với chúng tôi, sự lựa chọn là giữa sống và chết. Đặt bút ký vào bản Hiệp định không khác nào một sự đầu hàng, là chấp nhận một bản án tử hình, bởi vì cuộc sống mà không có tự do là chết. Không, nó còn tồi tệ hơn cả cái chết!".

Bằng một hành động làm cho vấn đề còn tồi tệ hơn, Henry Kissinger để lại cho nhà lãnh đạo Campuchia Lon Nol ấn tượng về một điều không có thật rằng Hiệp định đã được ký kết và Nguyễn Văn Thiệu đã chấp nhận bản Hiệp định. Lon Nol vốn sôi nổi và bùng bột liền mở sâm banh ăn mừng: "Cuối cùng thì hoà bình cũng đã đến. Chúng ta phải uống để mừng cho điều đó và cho Tiên sĩ Henry Kissinger vì sự mạng của ông". Lại một lần nữa các mối quan hệ nguồn tin của Phạm Xuân Ẩn tỏ ra là tốt nhất Sài Gòn. Ông nói với Shaplen và được Shaplen ghi lại trong sổ tay: "Ẩn nói rằng Nguyễn Văn Thiệu đã gửi một lá thư. Còn nói với Henry Kissinger: Nếu chúng tôi chết bây giờ hoặc sáu tháng sau, thì cũng chẳng có gì là khác nhau. Cũng nói Alexander Hai đã không tán thành, như thế tốt hơn... Thiệu sẽ chống lại Hiệp định Paris, vận động và đòi Hà Nội phải ký với ông ta. Henry Kissinger đã nói dối Lon Nol".

Phạm Xuân Ẩn đã gửi báo cáo ra Hà Nội về tất cả những sự bất đồng giữa Henry Kissinger và Nguyễn Văn Thiệu. Sau này, Phạm Xuân Ẩn nói với tôi rằng đó là lý do vì sao phóng viên Arnaud de Borchgrave của Tạp chí Newsweek được mời ra Hà Nội để có cuộc phỏng vấn độc quyền với Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Trên thực tế, Arnaud de Borchgrave không xin phỏng vấn nhưng Hà Nội nhìn thấy một cơ hội làm

bồi rổi Henry Kissinger trong con mắt của những người thuộc chính quyền Sài Gòn. Ngày 23/10, Tạp chí Newsweek đăng bài phỏng vấn, dẫn lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói rằng, bản Hiệp định Paris đã thoả thuận xong. Lễ ký kết dự định được tổ chức tại Paris vào ngày 31/10. Hà Nội cũng cho phát toàn văn bản dự thảo Hiệp định Paris, mặc dù nó vẫn còn đang được thảo luận giữa Ngoại trưởng Henry Kissinger và Cố vấn Lê Đức Thọ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đề cập một "sự liên minh tạm thời" và nói rằng các sự kiện đã di nhanh hơn ông Nguyễn Văn Thiệu. Cuộc phỏng vấn với Thủ tướng Phạm Văn Đồng là nhằm đưa ra công luận, đặc biệt là dư luận ở Mỹ, một sự đã rồi. Hơn nữa, cuộc phỏng vấn này còn chứng tỏ ý đồ xấu xa của Richard Nixon và Henry Kissinger trong quá trình tìm kiếm hoà bình: Ngoài ra, cuộc phỏng vấn này còn để chứng tỏ cho Liên Xô và Trung Quốc biết rằng Hà Nội đang thực lòng muốn tìm kiếm một hiệp định với Hoa Kỳ và như vậy thì xứng đáng được tiếp tục nhận viện trợ từ hai nước này. Đại sứ Nguyễn Xuân Phong, Bộ trưởng trong Chính phủ Việt Nam Cộng hoà từ năm 1965-1975 nhớ lại: "Theo ý kiến tôi, đó mới là thành tích lớn nhất của ông Phạm Xuân Ân".

Henry Kissinger bị buộc phải về Washington để tổ chức một cuộc họp báo với tư cách một người tham gia đàm phán Hiệp định Paris về Việt Nam. "Thưa quý bà, quý ông, hiện nay chúng ta đã nghe nói từ cả hai miền Việt Nam và trên thực tế cuộc chiến tranh từng tồn tại hơn mười năm, giờ đây đang đi đến hồi kết. Và đây là sự trải nghiệm đáng buồn cho tất cả các bên tham gia. Tổng thống cho rằng, có lẽ sẽ là hữu ích nếu tôi đến đây để nói với các quý vị về những điều gì chúng ta đang làm, hiện nay chúng ta đang đứng ở đâu và để làm rõ một số lời đồn đại khác nhau và những lời buộc tội... Chúng tôi tin rằng hoà bình đang ở trong tầm tay".

Phạm Xuân Ân cả quyết rằng về mặt cá nhân ông cảm thấy rất hài lòng khi giúp Hà Nội làm cho Henry Kissinger bồi rổi chẳng khác nào việc mỗi lần ông viết được tin bài hay và đúng cho Tạp chí Time. Trưởng đại diện Tạp chí Time, Stanley Cloud tán thành. Phạm Xuân Ân nói với Cloud rằng một số nguồn tin cho biết, đã có một bước đột phá trong cuộc đàm phán ở Paris, nhưng hoà bình vẫn chưa ở trong tầm tay. Phạm Xuân Ân đảm bảo tính chính xác từ một nguồn tin của mình, mặc dù trên thực tế ông có ba nguồn tin bao gồm các mối quan hệ của ông trong cơ quan tình báo Pháp, CIO, và Cộng sản. Sau này tôi có dịp trao đổi với Stanley Cloud, được ông ta khẳng định rằng những thông tin mà Phạm Xuân Ân cung cấp cho Tạp chí Time đều chính xác. Stanley Cloud thậm chí điện thoại cả cho Henry Kissinger để khẳng định điều ông Phạm Xuân Ân nói. Ông Cloud nhớ lại: "Phạm Xuân Ân luôn nói với tôi rằng chưa hề có kế hoạch hoà bình, mọi chuyện vẫn còn chưa rõ ràng, chưa có gì được giải quyết cả. Tôi rất tự hào về những điều ông ấy đã làm cho Tạp chí Time trong bài viết này và nhiều bài khác nữa". Phạm Xuân Ân cho rằng một trong những lý do Arnaud de Borchgrave nêu sự buộc tội trong bài viết của mình là vì ông ta là đặc tình của trung tâm gieo rắc thông tin thất thiệt, đặc biệt là về cuộc hành quân hồi tháng 10/1972. Phạm Xuân Ân nói với tôi nhiều lần rằng

"chúng tôi đã có bài giật gân hay hơn bài của Arnaud de Borchgrave nhiều và ông ta biết rõ điều đó". Ngày 9/8/1974, Tổng thống Richard Nixon phải từ chức. Sự kiện này khiến Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu choáng váng. Nixon từ chức có nghĩa là mọi lời đảm bảo và cam kết của ông ta sẽ không thể thực hiện được. Như vậy, người bảo lãnh cho Thiệu đã ra đi, mặc dù ngày 10/8, Tổng thống mới của Hoa Kỳ Gerald R. Ford viết rằng: "Những cam kết hiện tại mà Hoa Kỳ đã đưa ra trước đây mà còn giá trị, thì chính quyền của tôi sẽ hoàn toàn tôn trọng". Nhưng một làn sóng thủy triều đang dâng lên làm thay đổi chính trị nước Mỹ. Tháng 11/1974, trong cuộc bầu cử Quốc hội, phe Dân chủ thắng lớn giành được ba mươi tư ghế Hạ viện và ba ghế Thượng viện. Kết quả này giúp cho Đảng Dân chủ được hưởng quyền đa số khổng lồ với tỷ lệ 291 - 144 tại Hạ viện và 61 - 39 tại Thượng viện. Người Mỹ đã sẵn sàng từ bỏ Việt Nam và chôn vùi toàn bộ một chương chớp nhúa bản thù của lịch sử. Tất cả những nhân tố này góp phần giải thích tại sao tướng Trần Văn Trà và các chỉ huy trưởng những đơn vị ở miền Nam phải có mặt tại Hà Nội và tại sao Đại tướng Văn Tiến Dũng lại phải nhanh chóng vào miền Nam. Khi phát biểu tại hội nghị, tướng Trần Văn Trà đưa ra ví dụ về một trận thắng lợi lớn của Cộng sản ở tỉnh Phước Long chỉ cách Sài Gòn khoảng 180 kilômet. Tướng Trần Văn Trà nghĩ ra kế hoạch tổ chức trận đánh này là để thử phản ứng của Mỹ. Trong Bộ Chính trị có nhiều người không tán thành với kế hoạch này của tướng Trần Văn Trà, nhưng riêng nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam Lê Duẩn thì lại ủng hộ và phê duyệt kế hoạch trận đánh. Ông Lê Duẩn chỉ cảnh báo người chỉ huy trưởng quân sự cao nhất ở miền Nam là "cứ tiếp tục tấn công... nhưng phải chắc thắng". Phước Long là tỉnh tương đối cô lập, nên là mục tiêu tấn công dễ dàng cho Quân đoàn 301 của Quân đội miền Bắc Việt Nam. Quân đoàn này bao gồm Sư đoàn 7 Quân đội Bắc Việt Nam từng được thử thách nhiều trong chiến tranh, một tiểu đoàn xe tăng T-54 do Liên Xô cung cấp, một Lữ đoàn trọng pháo, một lữ đoàn pháo phòng không, các đơn vị lính công binh địa phương và bộ binh, cùng Sư đoàn 3 Quân đội Bắc Việt Nam mới được thành lập. Trận đánh mở màn ngày 13/12/1974. Thị xã Phước Long bị thất thủ gần như ngay từ đầu đã khiến Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phải triệu tập một cuộc họp khẩn cấp tại Sài Gòn với các tướng lĩnh của ông ta. Một vấn đề đặt ra ngay tại cuộc họp này là có nên tăng viện cho Phước Long hay không?

Đại tướng Văn Tiến Dũng viết: "Tin quân ta đã chiếm được hoàn toàn thị xã Phước Long đến giữa lúc chúng tôi đang họp. Mọi người phấn khởi đứng cả dậy bắt tay nhau chúc mừng thắng lợi... Điều này có ý nghĩa lớn thể hiện rõ năng lực chiến đấu của quân đội ta và sự yếu kém của quân đội địch. Một chương sử mới đã mở ra". Ngày 7/1/1975 toàn bộ tỉnh Phước Long đã hoàn toàn do Cộng sản kiểm soát. Quân đội Việt Nam Cộng hòa và lực lượng đặc biệt đã chiến đấu tốt, nhưng họ đã gặp phải vô vàn điều bất lợi. Trong trận tấn công của Cộng sản được vạch kế hoạch rất khéo này, phía Quân đội Việt Nam Cộng hòa chỉ còn 850 người sống sót trong tổng số 5.400 quân tham chiến. Dân số của tỉnh Phước Long khoảng 30.000 người nhưng chỉ có 3.000 thường dân chạy khỏi địa phương.

Các quan chức tỉnh, thôn ấp bị tiêu diệt. Đại tá Harry Summers đã nói ngắn gọn về trận Phước Long trong vài lời như sau: "Trận đánh nhỏ ít được biết đến ở Phước Long là một trong những trận đánh mang tính chất quyết định nhất, vì nó đánh dấu việc Mỹ từ bỏ đồng minh cũ của mình... trước sự vi phạm trắng trợn Hiệp định Paris này - và nó được thiết kế một cách có tính toán kỹ lưỡng để vi phạm một cách trắng trợn như vậy rõ ràng là nhằm thăm dò thái độ của Mỹ - Tổng thống Gerald Ford giới hạn một cách nhu nhược sự phản ứng của mình chỉ trong một công hàm ngoại giao. Miền Bắc Việt Nam đã được bật đèn xanh cho việc chinh phục miền Nam Việt Nam". Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng sau trận Phước Long, có một lần duy nhất cấp trên còn nghi ngờ đánh giá của ông về tình hình. Hà Nội nhận được các tin tình báo nói rằng tàu sân bay USS Enterprise của Mỹ và các lực lượng hộ tống đã rời Philippines tiến gần tới Việt Nam và sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ ở Okinawa đã được đặt trong tình trạng báo động. Có một số hoạt động tại căn cứ hải quân Mỹ ở Vịnh Subic (Philippines), có thể là dấu hiệu người Mỹ quay trở lại. Phạm Xuân Ân sau này nói: "Tôi đã nói rằng người Mỹ sẽ không đánh đâu. Mặc dù người Mỹ có một vài hành động, nhưng đó là những hành động trống rỗng. Tôi đã báo cáo với Hà Nội rằng người Mỹ sẽ không bao giờ trở lại nữa, thế nhưng vẫn có những hoài nghi. Hà Nội lại cho thử một trận đánh nữa ở Ban Mê Thuột để xem người Mỹ có can thiệp hay không. Chỉ đến khi đó, Hà Nội mới tin điều tôi đã nói là đúng. Tôi gửi cho cấp trên của mình những báo cáo về việc hiện nay các tướng lĩnh của Nguyễn Văn Thiệu đang suy nghĩ đến những điều gì. Sau đó, tôi lên gặp và nói chuyện với Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột. Ông Tỉnh trưởng này chỉ có thể nói rằng Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã từ chối bảo vệ cho tỉnh của ông. Vị Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột đang mất hết nhuệ khí vì biết rằng mọi chuyện đang đến hồi kết, người Mỹ đã ra đi. Khi đó, tôi biết họ đã kết thúc rồi. Tổng thống Thiệu khi đó nghĩ rằng, cứ để mất một tỉnh đi để rồi xem Mỹ sẽ phản ứng thế nào. Nhưng tôi đã hiểu rằng tính khí người Mỹ giờ đã mệt mỏi về chiến tranh. Máy bay ném bom B-52 sẽ không trở lại".

Vào thời gian này, nhà báo Australia Denis Warner chạy đến tìm gặp Phạm Xuân Ân tại phòng giải lao của Khách sạn Continental. Warner vừa đi miền Trung Việt Nam về. Trong chuyến đi này, Warner trực tiếp được thấy hiệu quả từ chương trình cắt giảm viện trợ quân sự của Mỹ. Quân đội Việt Nam Cộng hòa thiếu đạn dược, xăng dầu, và tiền lương. Tinh thần đã suy sụp. Các đơn vị pháo binh buộc phải sử dụng đạn một cách hạn chế, ngắt nghèo và để tiết kiệm xăng dầu, các máy bay trực thăng cũng hạn chế cất cánh và chỉ được bay khi phải vận chuyển y tế.

Phạm Xuân Ân hỏi Warner: "Bạn thấy tình hình ở miền Trung thế nào?".

"Tôi đã nói với ông ấy là tôi nghĩ rằng, miền Trung Việt Nam mặc dù có năm sư đoàn của Quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng quân ở đó, nhưng vẫn có thể bị chọc thủng nếu miền Bắc tấn công".

Mười tám năm sau, Phạm Xuân Ân và Warner hồi tưởng lại cuộc nói chuyện hôm đó của họ. Phạm Xuân Ân nói: "Tôi vừa gửi một chuyến thư cho Trung ương Cục miền Nam xong thì gặp ông. Trong

chuyến thư đó có một thông điệp nói rằng, tôi nghĩ vẫn còn quá sớm để mở một cuộc tổng tấn công qui mô lớn và rằng cuộc tổng tấn công như vậy nên để chậm lại vào cuối năm". Khi tôi hỏi Phạm Xuân Ân rằng, vậy ông đã làm gì sau khi gặp được Warner, ông cho biết: "Tôi luôn nghĩ Warner khi đó đang làm việc cho tình báo Australia. Do vậy mà tôi tin ở báo cáo của Warner và vì thế mà tôi đã gửi ngay một báo cáo mới cho Trung ương Cục miền Nam dựa vào đánh giá của Warner. Sau này, tôi đã cảm ơn Warner vì thực tế chứng tỏ những thông tin ông ấy nói với tôi là rất giá trị".

Phạm Xuân Ân được thưởng Huân chương chiến công vì đã có bản báo cáo về Phước Long đề ngày 30/11/1974. Các sách lịch sử Việt Nam so sánh những đóng góp của Phạm Xuân Ân trong giai đoạn này ngang với báo cáo nổi tiếng của trùm tình báo Liên xô Richard Sorge, trong đó ông Sorge khẳng định rằng "Nhật Bản sẽ không mở mặt trận phía đông". Nhờ báo cáo này của Richard Sorge mà Liên Xô đã yên tâm chuyển các lực lượng quân sự của mình sang phía tây để chặn đứng cuộc tiến quân của quân đội Đức trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Phạm Xuân Ân cũng lấy được bản báo cáo bí mật "Nghiên cứu Chiến lược" trong đó nói rằng Quân đội Việt Nam Cộng hoà đang trong tình trạng cả tinh thần lẫn vật chất đều thấp và rằng máy bay B-52 của Mỹ sẽ không trở lại. Tác giả của bản báo cáo mật này chính là tướng Nguyễn Xuân Triễn, Giám đốc Viện nghiên cứu Chiến lược quân đội đã xác định Ban Mê Thuật là điểm mong manh để chọc thủng nhất trong hệ thống phòng thủ của Việt Nam Cộng hoà.

Phạm Xuân Ân rất hay chỉ trích Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Bằng chứng rõ nhất về điều này có thể tìm thấy trong sổ tay ghi chép của Shaplen, tại đó ông Ân so sánh sự lãnh đạo của Tổng thống Thiệu như một con khỉ làm xiếc nghiện thuốc phiện. Sổ ghi chép của Shaplen: "Ân: Thiệu, chúng ta đã dựng ông ta lên như vậy, và nếu chúng ta để ông ta tự đi, ông ta sẽ chết chìm. Nhiều người Hoa và người Sài Gòn nuôi khỉ, cho khỉ ăn thuốc phiện, thức ăn ngon, dạy làm trò, đội mũ lên đầu, xiếc. Nhưng khi chủ gánh xiếc quay mặt đi chỉ trong ba phút, chú khỉ sẽ trở lại bản năng gốc của nó, lại bốc phân ăn ngay, giống như Nguyễn Văn Thiệu vậy. Vì thế, nếu chúng ta chỉ cần chậm trễ hỗ trợ trong năm phút, Quân đội Việt Nam Cộng hoà sẽ bị nuốt chửng ngay. Chúng ta đã tạo ra một bầu khí hậu con khỉ ở đây". Phạm Xuân Ân giải thích cho Shaplen rằng sự khủng hoảng lãnh đạo ở Sài Gòn là kết quả trực tiếp của việc Hoa Kỳ chẳng làm gì để đào tạo một thế hệ lãnh đạo mới ở miền Nam Việt Nam. "Máu và đô la đã đổ vào đây, nhưng thử hỏi chúng ta đã làm được gì cho người Việt Nam và cho Sài Gòn? Hầu hết mọi người Mỹ đều chỉ tiếp xúc với những con khỉ và chẳng bao lâu nữa, chúng ta sẽ rút đi. Chúng ta chỉ biết có những con khỉ. Khi chúng ta tới đây, chúng ta đã sử dụng những người Việt Nam do Pháp đào tạo và một đám đông quan lại và rồi chúng ta biến họ thành những viên tướng mới, đô la, v.v, và những con khỉ không biết sử dụng những thứ đó như thế nào. Đám người Việt đó chẳng có học thuyết, người Mỹ cũng chẳng có học thuyết gì cả. Chúng ta xây dựng nên những toà nhà trường học, nhưng không có giáo viên. Chúng ta xây dựng đường bộ và mở

những con kênh, nhưng đám người Việt đó không biết sử dụng nó. Chưa bao giờ có sự huấn luyện lãnh đạo thực sự". Phạm Xuân Ẩn dự đoán rằng một khi Hoa Kỳ rút đi, Chính quyền Sài Gòn sẽ chỉ còn là "một cái xác khô".

Sau khi Phước Long thất thủ, Đại tướng Văn Tiến Dũng và các đồng sự của ông theo dõi mọi phản ứng từ phía Mỹ, nhưng chẳng thấy gì. Tướng Trần Văn Trà nhớ lại lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc đó đã nói: "Mỹ đã rút quân phù hợp với Hiệp định Paris - một hiệp định mà Mỹ coi là một sự thắng lợi sau khi đã chịu nhiều thất bại và không tìm được lối ra. Giờ đây Mỹ không còn có thể lại can thiệp bằng cách đưa quân vào miền Nam Việt Nam được nữa. Mỹ có thể hỗ trợ Chính quyền Sài Gòn bằng không quân, hải quân, nhưng điều đó không thể quyết định được vấn đề thắng, bại".

Tướng Trần Văn Trà cười và nói rằng: "Nói cho vui vậy thôi. Tôi nói thật nhé, bây giờ có cho kéo người Mỹ cũng không dám trở lại nữa".

Nghị quyết kết thúc hội nghị ở Hà Nội nhận định: "Chưa bao giờ chúng ta có được các điều kiện chính trị và quân sự thuận lợi như vậy, cũng như chưa bao giờ chúng ta có được lợi thế chiến lược to lớn như hiện nay: Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc...".

Đại tướng Văn Tiến Dũng tạm dừng chân ở Ban Mê Thuột vào đêm giao thừa Tết năm Ất Mão 1975. Ông vui Tết cổ truyền cùng với những người lính của mình tại chi huy sở Sư đoàn 470. Bữa sáng có bánh chưng và thịt. Chặng cuối cùng trong hành trình đã đưa Đại tướng Văn Tiến Dũng đến một thung lũng đầy sương mù, và cây rừng rậm rạp ở phía tây Ban Mê Thuột.

Tại đây, ông đặt đại bản doanh cho chiến dịch sắp tới "Chúng tôi ở trong khu rừng rậm gần với rừng cây khộp, một loại cây vào mùa khô lá rụng rơi đầy dưới mặt đất giống như một tấm thảm vàng. Mục tiêu tấn công là thành phố Ban Mê Thuột - thủ phủ tỉnh Đắk Lắk. "Đây là một thành phố cao nguyên có phong cảnh đẹp nhất. Nơi đây có người dân tộc Ba Na, Ê Đê mặc trang phục thêu sặc sỡ đi bộ trên các đường phố. Nơi đây vẫn còn lâu đài đi săn đồ nát của cựu hoàng Bảo Đại, gọi lại những ngày thanh bình khi vua Bảo Đại và các đại thần tới đây săn bắn lợn lòi, hươu, hổ ở những quả núi xung quanh".

Trong những tuần tiếp theo, Đại tướng Văn Tiến Dũng dành để thảo luận về việc phối hợp và kết thúc các kế hoạch tác chiến. Trong những năm qua, tướng Văn Tiến Dũng đã trở thành nhân vật chủ yếu trong việc đổi mới quân đội miền Bắc Việt Nam thành một cỗ máy chiến tranh hiện đại. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, tướng Văn Tiến Dũng chịu trách nhiệm xây dựng lại lực lượng quân sự của miền Bắc và mở rộng mạng lưới đường bộ dọc đường mòn Hồ Chí Minh. Sản phẩm từ các nỗ lực của ông là miền Bắc đã xây dựng được một lực lượng dân quân 200.000 người để bảo vệ miền Bắc và một lực lượng gồm 22 sư đoàn quân chính qui được hỗ trợ của hàng trăm xe tăng do Liên Xô và Trung Quốc chế tạo, trọng pháo tầm xa, pháo phòng không cỡ lớn, và nhiều loại tên lửa. Nhưng

có lẽ điều quan trọng hơn cả những cỗ hoả lực đơn thuần và những con số về sức mạnh là tính cơ động của lực lượng. Quân đội Bắc Việt Nam có thể đánh bất cứ nơi nào ở miền Nam chỉ trong vòng vài tuần, thậm chí vài ngày.

Đêm 25/2/1975, tướng Văn Tiến Dũng ký giao nhiệm vụ phác thảo trên bản đồ về bố trí lực lượng, đường tấn công vào Ban Mê Thuột. Chỉ trong một vài ngày tiếp theo, Đại tướng Văn Tiến Dũng và các nhà chỉ huy quân sự của ông đã chuẩn bị xong lực lượng, sẵn sàng lâm trận. Ngày 9/3, "Tuấn" đã gửi một bức điện được mã hoá cho "Chiến" ở ngoài Hà Nội nói rằng: "Ngày 10/3, chúng tôi sẽ tấn công Ban Mê Thuột".

Bốn mươi tám giờ sau, quân đội Bắc Việt Nam đã kiểm soát được Ban Mê Thuột. Lúc này, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không thể ngồi yên được nữa. Ông ta ra lệnh phải chiếm lại, chỉ thị cho tất cả các lực lượng triển khai để hỗ trợ cho việc chiếm lại Ban Mê Thuột. Kế hoạch này của Nguyễn Văn Thiệu được đưa ra thực hiện mà không hề tham vấn Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn hay bất kỳ ai khác. Tổng thống Thiệu đã thực hiện một hành động nguy hiểm là triển khai lại lực lượng quân đội của mình giữa lúc đang giao tranh với đối phương. Khi những người dân địa phương nhìn thấy quân đội Sài Gòn từ trong thành phố kéo quân đi ra, họ đã hiểu lầm rằng quân đội Sài Gòn đang tháo chạy chứ không phải là đang triển khai lại lực lượng. Ngay lập tức, dân chúng trở nên hoảng loạn ùn ùn như sóng thủy triều chen nhau bỏ chạy về hướng bờ biển.

Ngày 11/3/1975, "Tuấn" lại gửi tiếp một bức điện được mã hoá khác cho đồng chí "Chiến": "Chúng tôi đã hoàn toàn kiểm soát được Ban Mê Thuột. Chúng tôi đang tiến tới quét sạch các mục tiêu xung quanh".

Ngày hôm sau, "Chiến" đáp lại bằng một bức điện chỉ thị của Bộ Chính trị: "Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, và Võ Nguyên Giáp đồng ý rằng chúng ta phải nhanh chóng quét sạch những đơn vị tàn quân địch ở Ban Mê Thuột" và tiến sang hướng Pleiku. Quân đội Việt Nam Cộng hoà đã hoàn toàn thiếu gắn kết khi lực lượng tham chiến đang giao tranh.

Bắc Việt Nam đã công khai đưa các sư đoàn quân chính qui vào tham chiến ở miền Nam. Tổng thống Mỹ Gerald Ford từng cả đời làm nghị sĩ Quốc hội nên hiểu rằng, Quốc hội sẽ không duyệt chi khoản ngân sách bổ sung theo đề nghị để cung cấp các thiết bị mà Sài Gòn cần để ngăn chặn các cuộc tấn công của đối phương. Tổng thống Gerald Ford phái Đại tướng Tham mưu trưởng Fred Weyand sang Nam Việt Nam để đánh giá tình hình, nhằm đưa ra khuyến nghị cho các hành động tương lai. Weyand đến thăm Nam Việt Nam từ ngày 27/8 đến ngày 4/4/1975, nên được chứng kiến sự thất thủ của Đà Nẵng ngày 30/3. Trở về Mỹ, Weyand đã đến gặp ngay Tổng thống Gerald Ford tại Palm Springs ngày 5/4. Tướng Weyand tán thành rằng, Mỹ còn nợ Chính quyền Nam Việt Nam lời hứa làm tất cả mọi điều có thể để giúp họ bổ sung nguồn lực nhằm đối phó với cuộc tổng tấn công hiện nay. "Chúng ta đến miền Nam Việt Nam để giúp đỡ nhân dân Nam Việt Nam, chứ không phải

để đánh bại quân đội Bắc Việt Nam. Chúng ta chia tay ra với người miền Nam Việt Nam và họ đã nắm lấy. Bây giờ là lúc hơn bao giờ hết, họ cần một bàn tay giúp đỡ" - Weyand nói. Tướng Weyand còn khuyến nghị một khoản viện trợ bổ sung 722 triệu USD giúp Chính quyền Sài Gòn đáp ứng sự tự vệ tối thiểu khi phải đối phó với tình hình hiện tại. Weyand nói: "Bổ sung viện trợ Mỹ là điều có trong cả tinh thần lẫn lời văn của Hiệp định Paris trong khi Hiệp định này vẫn còn khuôn khổ thực tế cho một giải pháp hoà bình ở miền Nam Việt Nam". Cuối cùng, Weyand kết luận: "Tình hình quân sự là rất nguy kịch và khả năng tồn tại của Nam Việt Nam là rất khó".

Trong lần cầu viện cuối cùng, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu viết một lá thư tay gửi riêng cho người mà ông ta chưa từng gặp mặt bao giờ, đó chính là Tổng thống Mỹ Gerald Ford. Tổng thống Thiệu viết: "Ý định của Hà Nội là sử dụng Hiệp định Paris để chiếm miền Nam Việt Nam bằng quân sự là điều chúng tôi đã biết rõ trong suốt quá trình đàm phán về Hiệp định Paris... Sau đó chúng tôi được hứa một cách chắc chắn rằng Mỹ sẽ trả đũa một cách nhanh chóng và mạnh mẽ đối với bất kỳ sự vi phạm nào về Hiệp định... Chúng tôi coi những lời hứa đó là sự đảm bảo quan trọng nhất đối với Hiệp định Paris; những lời hứa đó giờ đây trở nên những lời hứa quan trọng nhất đối với sự sống còn của chúng tôi".

Cuộc tấn công cuối cùng vào Sài Gòn sắp bắt đầu. Buổi chiều ngày 7/4, một chiếc xe gắn máy phóng tới tổng hành dinh của Đại tướng Văn Tiến Dũng. Người ngồi trên xe gắn máy là ông Lê Đức Thọ - người mà cách đây 20 năm đã chủ trì buổi lễ kết nạp Phạm Xuân Ẩn vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông Lê Đức Thọ mang một chiếc cặp bên trong đựng tờ mệnh lệnh cuộc tấn công cuối cùng mang tên "Tiến tới thắng lợi cuối cùng". Tờ lệnh này khẳng định, Đại tướng Văn Tiến Dũng là Tư lệnh chiến dịch, các tướng Trần Văn Trà và Lê Đức Anh là các Phó Tư lệnh chiến dịch. Trong lời dặn dò lúc chia tay, ông Lê Đức Thọ nói với các đồng chí của mình rằng: "Kể cả khi họ (Hoa Kỳ) liều lĩnh can thiệp, họ cũng không thể xoay chuyển được tình hình. Họ chỉ có thể chuốc lấy thất bại nặng nề hơn mà thôi. Chúng ta nhất định thắng". Bộ Chính trị đặt tên cho kế hoạch mới của mình là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trận đánh vào Xuân Lộc, một cứ điểm then chốt của Quân đội Việt Nam Cộng hoà nằm bên quốc lộ 1 mở màn ngày 9/4. Trận Xuân Lộc có thể coi như một trong những trận ác liệt nhất của cuộc chiến tranh vì Sư đoàn 18 quân đội Việt Nam Cộng hoà đã kháng cự ác liệt chứng tỏ đây là sư đoàn tinh nhuệ nhất trong số tất cả các sư đoàn của Quân đội Việt Nam Cộng hoà. Tuy nhiên, sau hai tuần giao tranh ác liệt và sau khi đã phá huỷ 37 xe tăng của quân đội Bắc Việt Nam và 5000 quân, Sư đoàn 18 được lệnh rút lui. Xuân Lộc rơi vào tay quân đội Bắc Việt Nam ngày 22/4. Ngày hôm sau, Tổng thống Gerald Ford nói chuyện tại Trường Đại học Tulane: "Mỹ có thể lấy lại được niềm tự hào từng tồn tại trước Việt Nam. Nhưng niềm tự hào đó không thể đạt được bằng việc lại đánh nhau trong một cuộc chiến tranh mà đối với Mỹ nó đã kết thúc".

Phạm Xuân Ân cung cấp cho Shaplen một bài phân tích chi tiết về tình hình. Shaplen viết: "Ăn sợ nhất là đám lính vô kỷ luật và tàn quân. Ông ấy cầu nguyện cho Sài Gòn".

Kết cục của cuộc chiến tranh đến nhanh hơn mọi người nghĩ. Phạm Xuân Ân bị sốc khi thấy gần một triệu quân của Quân đội Việt Nam Cộng hoà, một quân đội lớn thứ tư trên thế giới, lại có thể vỡ vụn ra chỉ trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 4/1975. Trong sổ tay ghi chép cuối năm 1975 của mình, Shaplen viết: "Ăn nói rằng chưa bao giờ ông nghĩ nó lại dễ dàng đến thế".

Phạm Xuân Ân nói: "Nguyễn Văn Thiệu sẽ tiếp tục chửi bới mọi người, chỉ trừ mỗi bản thân ông ta và sẽ kéo cả toà nhà xuống cùng với ông ta. Theo tôi, đó sẽ là một trận đại hồng thủy" (câu này ông Ân nói bằng tiếng Pháp). Nguyễn Hùng Vương nói với Shaplen: "Cuộc sống của chúng tôi chẳng có gì là đảm bảo cả. Thực tế chúng tôi vẫn còn sống đây, nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì".

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức. Ông ta nói với các cố vấn thân cận nhất của mình rằng, tình hình quân sự đã trở nên vô vọng và rằng sự tiếp tục có mặt của ông ta tại Dinh Tổng thống sẽ là một trở ngại cho một giải pháp hoà bình, đó là điều có thể hình dung được. Ngày 25/4, lúc 9 giờ 30 phút tối Nguyễn Văn Thiệu đáp chiếc máy bay C-118 số hiệu 231 rời phi trường Tân Sơn Nhất đi Đài Bắc. Người ta đồn đại xôn xao rằng, Nguyễn Văn Thiệu đã mang đi theo mười sáu tấn vàng dự trữ trong ngân khố quốc gia. Phó tổng thống Trần Văn Hương đảm nhận chức tổng thống.

Tháng tư là tháng đầy lo âu đối với Phạm Xuân Ân, vì ông rất lo cho sự an toàn của gia đình và bạn bè mình. Ông biết rõ thời gian còn lại rất ngắn. "Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ di tản sang Mỹ, nhưng tôi cứ băn khoăn không biết có nên đưa vợ con sang đó không. Tôi không nhận được một hướng dẫn, chỉ thị nào từ Hà Nội, trong khi tôi luôn bị sức ép từ phía Tạp chí Time thúc giục phải quyết định sớm. Không chỉ riêng Tạp chí Time, mà bạn bè tôi ai cũng muốn giúp đỡ tôi, có rất nhiều người tốt bụng. Malcolm Browne cho biết, ông có thể đưa tên tôi vào danh sách những người của New York Times, mặc dù tôi làm việc cho một tờ báo vốn là đối thủ cạnh tranh của New York Times; Một đại diện của Hãng Reuters đến tiệm cà phê Givral mời tôi và gia đình cùng đi với họ. Jim Robinson làm việc cho Hãng truyền hình NBC cũng sẵn sàng đưa tôi và gia đình tôi lên máy bay mà ông đã thuê bao. Sau đó, ngày 22/4, Bob Shaplen bảo tôi phải quyết định ngay vì sự an toàn của vợ và các con tôi. Tôi đáp: "OK, cho tôi một ngày để suy nghĩ đã".

Phạm Xuân Ân không bao giờ bỏ mặc mẹ mình ở Sài Gòn, tuy nhiên ông vẫn lo rằng có thể ông sẽ nhận được chỉ thị của Đảng rằng phải đi di tản cùng với người Mỹ. Điều đó có nghĩa là ông sẽ phải tiếp tục sứ mạng của mình tại Hoa Kỳ, mà về mặt cá nhân, ông không hề muốn. Để cho kín kẽ, ông tìm cách liên hệ với em trai mình ở Cần Thơ, cách Sài Gòn vài giờ xe chạy về phía nam để xem chú em có thể về Sài Gòn cho một kế hoạch dự phòng chăm sóc mẹ hay không. Nhưng chú em không dám chắc là có thể về được Sài Gòn trước khi Phạm Xuân Ân ra đi, nếu nhận được lệnh của Hà Nội là phải lên đường sang Mỹ.

Một ngày sau khi Nguyễn Văn Thiệu di tản, vợ và bốn con của ông Phạm Xuân Ân đáp chuyến bay của Hãng truyền hình Mỹ CBS News rời Sài Gòn cùng với 89 nhân viên khác của Tạp chí Time.

Phạm Ân - đứa lớn nhất trong bốn con của ông Phạm Xuân Ân, nhớ lại: "Mỗi người chúng cháu chỉ được phát cho một chiếc túi xách nhỏ của Hãng hàng không Pan Am để đựng quần áo. Tất cả chỉ có thế. Lúc đó, chúng cháu không hề sợ gì vì luôn được má che chở và có thể là do chúng cháu còn là trẻ con nên chẳng biết sợ. Ngoài ra, còn là do cách ba má vẫn thường che chở và cách ly chúng cháu khỏi những điều có hại".

Phạm Xuân Ân nói với các đồng nghiệp rằng ông không thể nào rời bỏ mẹ mình được. "Trong cuộc đời mỗi người chỉ có một người mẹ và một người cha. Người Việt Nam chúng tôi không bao giờ bỏ cha, mẹ như thế. Cha đã chết trên tay tôi tại nhà tôi. Mẹ không bao giờ rời bỏ Việt Nam và tôi không bao giờ bỏ mẹ ở lại một mình". Sau khi mọi việc đã ổn thoả, Phạm Xuân Ân nói với những người thân của mình rằng ông sẽ tìm cách đoàn tụ cùng với gia đình của mình. Phạm Xuân Ân rất biết ơn mọi người đã giúp vợ con ông ra đi an toàn và Tạp chí Time đã chăm sóc mọi điều cho vợ con ông. Shaplen viết thư cho Lansdale ngày 10 tháng 5 nói: "Trong số những người ở lại dưới sự giúp đỡ của ông ấy trước mọi lời cầu xin, một người của tôi cũng nằm trong số ấy đó là Phạm Xuân Ân, một người bạn cũ của Tạp chí Time ... Tôi hy vọng ông ấy không hề hấn gì".



Đây là một trong những bức ảnh được yêu thích của gia đình về Phạm Xuân Ân và Thu Nhân (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Có một điều mà Phạm Xuân Ân không hề biết, đó là vào thời điểm ấy đang có một sự cân nhắc rất nghiêm túc của Quân uỷ Trung ương thuộc Bộ Chính trị về việc có nên để cho ông tiếp tục công tác tình báo của mình tại Hoa Kỳ hay không. Chính Đại tướng Văn Tiến Dũng cuối cùng đã quyết định nên để Phạm Xuân Ân ở lại Việt Nam. "Nếu Phạm Xuân Ân tiếp tục công tác đó, chắc chắn ông ấy sẽ thu được nhiều thông tin tình báo có giá trị cho đất nước. Tuy nhiên, sớm muộn gì thì ông ấy cũng bị lộ ở nước ngoài, và như vậy thì sự tổn thất sẽ là rất lớn". Người từng tuyển mộ Phạm Xuân Ân làm tình báo viên là ông Mười Hương thì tỏ ra tiếc đối với quyết định này: "Khả năng của Phạm Xuân Ân sẽ được phát huy tối đa nếu được tiếp tục công tác tình báo ở nước ngoài". Tôi hỏi ông Mai Chí Thọ về ý tưởng tiếp tục để ông Phạm Xuân Ân hoạt động tình báo ở nước ngoài, ông Mai Chí Thọ nói: "Về mặt nghiệp vụ mà nói, thì đó là một ý tưởng hay. Vô bọc ấy vẫn còn nguyên vẹn, ông ấy lại được người Mỹ tin cậy. Bản thân ông ấy cũng đã chuẩn bị ra đi và sẵn sàng ra đi. Nhưng đồng thời lại có những ý kiến ngược lại rằng về mặt nghiệp vụ, Phạm Xuân Ân đã sẵn sàng, nhưng còn các điều kiện khác nữa. Ông ấy đã làm việc quá nhiều rồi".

Khi tôi đề cập việc tiếp tục sứ mạng tình báo ở Hoa Kỳ, Phạm Xuân Ân nhấn mạnh rằng ông coi đó như là một ý nghĩ ngông cuồng: "Tôi thực sự không hiểu mọi người muốn tôi làm gì ở đó. Có lẽ, họ chờ đợi rằng các nguồn tin của tôi sẽ cập nhật cho tôi về việc Lầu Năm Góc đang nghĩ thế nào, nhưng điều đó là không thể vì nhiều mối quan hệ nguồn tin của tôi đang trong các trại tập trung cải tạo, một số khác thì chạy di tản sang Mỹ, chẳng thể tiếp cận được gì. Hay là tôi có thể báo cáo về tổ chức của phòng tin thời sự ở Los Angeles hoặc ở San Francisco", Phạm Xuân Ân nói và liền đó là một nụ cười đầy ẩn ý thường thấy.

Tại Sài Gòn, người ta lan truyền khắp nơi tin đồn rằng, khi quân đội Bắc Việt Nam kéo vào thành phố sẽ có một cuộc tắm máu. William Touhy viết: "Sự căng thẳng được tạo ra không phải từ việc Sài Gòn chắc chắn sắp sụp đổ, mà là do không ai biết chắc nó sẽ sụp đổ như thế nào. Phải chăng sẽ có những trận pháo kích nặng nề trước, tiếp theo là những trận đánh lấn chiếm giành giật nhau từng căn nhà một? Hay sẽ có một cuộc tắm máu, Cộng sản sẽ giết hết tất cả những ai làm việc cho Mỹ hoặc cho chế độ miền Nam Việt Nam? Hoặc có thể là chính những người miền Nam Việt Nam trong con thịn nộ và bối rối đã quay súng lại phía người Mỹ - những người đã bỏ rơi họ và hạ gục tất cả những người mắt xanh nào mà họ gặp Phạm Xuân Ân sợ ở nhà vì biết đâu đạn pháo có thể rơi trúng nhà mình. Nhưng ông đã được cho biết riêng về một thực tế rằng, những người Cộng sản đã xác định ba nơi an toàn, đó là Đại sứ quán Pháp, Bệnh viện Grall, và khách sạn Continental của Pháp. Trong túi Phạm Xuân Ân có đầy những chìa khoá mà các bạn đồng nghiệp khi ra đi để lại. Ông quyết định rằng tốt nhất là cùng với mẹ đến ở tại phòng số 407 của Bob Shaplen tại khách sạn Continental. Trong những ngày cuối cùng của Chính quyền miền Nam này, nhiều bạn bè tìm đến ông để được nghe những lời khuyên, một số người khác đến để bày tỏ sẵn sàng giúp đỡ. Người phụ nữ Mỹ

Jolynne d Ornano và ông chồng là Pierre - một nhà kinh doanh Pháp sinh ra ở Corsica làm chủ tiệm ăn Aterbea ở góc phố Basque, nơi phục vụ món khoai tây chiên phòng ngon nhất Việt Nam, đến để giúp đỡ. Jolynne đến Nam Việt Nam từ năm 1965 làm việc cho Việt Tấn Xã. Cô từng là học sinh của một người bạn thân của Ngô Đình Diệm là ông Wesley Fishel ở Trường Đại học Michigan. Ông Wesley Fishel khuyên cô Jolynne đến miền Nam Việt Nam thì nhớ tìm gặp Phạm Xuân Ẩn. Ông Fishel đã gặp ông Ẩn trước đó rất lâu khi hai người đều được Edward Lansdale cùng quen biết cả hai giới thiệu.

Jolynne yêu cả đất nước và con người Việt Nam. Sau khi gặp Pierre năm 1967, cô quyết định chọn Sài Gòn là nơi ở của mình. Cô chuyển từ căn hộ bên bờ sông sang toà nhà Eden ở ngay bên trên Givral. Tại đây qua nhiều thời kỳ, những người hàng xóm của cô gồm Jack Reynolds, George McArthur, Lou Conein, Francois Sully và cả ông chủ người Án Độ làm nghề đổi tiền. Jolynne và Phạm Xuân Ẩn phát triển một tình bạn đặc biệt thể hiện ở chỗ, hai người thường xuyên có các cuộc thảo luận tại Givral về chó, cỏ dề, thuốc chống bọ, thuốc giun, chính trị, lịch sử, thời sự, và thiên văn. Jolynne nuôi một con chó Dorberman to, màu đen đặt tên là Roscoe lần nào đến tiệm cà phê Givral gặp Phạm Xuân Ẩn cô cũng đều dắt chó theo. Còn Phạm Xuân Ẩn, mỗi lần đến tiệm cà phê Givral cũng dắt theo con chó Đức của mình. "Rất ít người đến gần làm gián đoạn câu chuyện của chúng tôi, vì có hai con chó to như thế đang ngồi bên bàn. Vì thế mà chúng tôi có những cuộc trò chuyện tuyệt vời", Phạm Xuân Ẩn nhớ lại.

Sau khi không làm việc cho Việt Tấn Xã nữa, Jolynne dạy văn học Anh cho Đại học Sài Gòn. Bà kể lại với tôi rằng, có lần một trong trong số các sinh viên của mình bị giam ở nhà tù Côn Sơn vì bị tình nghi là Việt Cộng. Sinh viên này bị ốm, mắc bệnh lao nặng và rất cần thuốc. Jolynne mang chuyện đó nói với Phạm Xuân Ẩn khi hai người ngồi uống cà phê ở tiệm Givral. Phạm Xuân Ẩn bảo với Jolynne để ông đi lấy thuốc và sẽ trở lại khoảng ba giờ chiều. Sau đó, có một người mang thuốc đến. Jolynne nói với tôi: "Tôi nhớ rất rõ Phạm Xuân Ẩn là người dễ cảm thông và luôn quan tâm chăm sóc người khác. Chẳng biết người sinh viên đó có nhận được thuốc không, nhưng Phạm Xuân Ẩn cứ làm như vậy đó".

Jolynne bảo Phạm Xuân Ẩn dùng căn hộ của cô ở bên bờ sông để hai mẹ con ông đến ở tránh những ngày loạn lạc, nhưng Phạm Xuân Ẩn bảo chỗ đó không an toàn. Jolynne và Pierre liền dàn xếp để ông Ẩn đến ở tại nhà riêng của Tuỳ viên quân sự Pháp, ngay sau nhà của Jolynne, nhưng ông quyết định không nhận lời mời này. Trước khi ra đi, quà chia tay Jolynne tặng cho Phạm Xuân Ẩn là một cuốn sổ tay thú y thực hành. Ba mươi năm sau, Phạm Xuân Ẩn rút cuốn sổ tay này từ trên giá sách của mình và bảo tôi chụp ảnh ông đang cầm cuốn sách đó như một món quà cho người bạn quý của mình. Ông vẫn thường xuyên sử dụng cuốn sổ tay thú y thực hành để chữa trị cho các con vật nuôi của ông.

Có nhiều lý do để Phạm Xuân Ẩn phải lo cho tính mạng của mình. Người bạn thân của ông là Nguyễn Hùng Vương đã có thời làm việc cho CIA và đã dàn xếp để ra đi vì biết rõ hậu quả sẽ như thế nào đang chờ những người đã từng cộng tác lâu dài với người Mỹ. Vương nói với Phạm Xuân Ẩn rằng ông ta phải ra đi vì ai cũng biết ông là một phóng viên người miền Nam Việt Nam làm việc cho người Mỹ. Nhiều năm trước đó, Vương đã cố gắng tuyền mộ Phạm Xuân Ẩn vào mạng lưới của CIA, nhưng không thành công. Chỉ cần cái tội có quan hệ như vậy cũng đủ để cho bất cứ người Cộng sản nào cũng thấy cần phải giam ông trong một thời gian dài rồi. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi không biết Cộng sản và họ cũng không biết tôi. Tôi sẽ làm gì nếu một cán bộ chĩa súng vào tôi? Tôi không thể nói với họ rằng: "Hoan nghênh các đồng chí đã trở về, tôi đã từng chờ đợi 20 năm rồi, nhiệm vụ của tôi đến đây là hết. Tôi chỉ muốn được như Tarzan, ra đi cùng với con Jane của tôi và những con vật nuôi của tôi và hãy để cho tôi yên". Tôi đã quá mệt mỏi. Tôi không thể nói với họ về nhiệm vụ bí mật của mình, bởi vì họ sẽ phá lên cười và biết đâu lại bắn tôi ngay vì cho tôi là một thằng điên, sinh ra tại một bệnh viện tâm thần ở Biên Hoà cũng nên. Tôi phải tiếp tục cuộc chơi và hy vọng câu chuyện của tôi sớm đến được Sài Gòn. Ngoài ra, tôi cũng biết rằng khi an ninh đến hỏi tôi về vợ tôi và gia đình tôi. Tất nhiên, tôi sẽ nói rằng tôi đã gửi vợ, con tôi sang Mỹ rồi. Khi đó, họ sẽ không bao giờ tin tôi là người cùng bên với họ. Chắc họ sẽ giết tôi giống như thui con chó của tôi để làm thức ăn cho bữa tối".

Cuối tháng 4, Phạm Xuân Ẩn nói với Shaplen: "Với tôi Sài Gòn là nhà của mình". Ông nói đùa rằng "những người chim và châu chấu" đã hứa chăm sóc ông. Sau đó ông bảo: "Tôi đã sống lâu như vậy là đủ rồi". Sau này Shaplen viết: "Ông ấy muốn nói gì? Dù sao thì ông ấy đã ở lại có thể rắc rối". Tôi hỏi cháu Phạm Ân về câu Phạm Xuân Ẩn nói tới những người châu chấu nghĩa là gì, cháu cho biết: "Ba muốn nói đến những người buôn bán chim và châu chấu. Khi người ta mua cái gì đó mà lúc nào cũng ra mua tại cùng một nơi, thì sẽ phát triển được mối quan hệ tốt trong thời gian dài. Ba cháu đã tỏ ra luôn hào phóng với những người buôn bán chim và châu chấu này và trở thành bạn thân của họ".

Thời gian quân đội Bắc Việt Nam sắp tấn công vào Sài Gòn chỉ còn tính bằng ngày. Phạm Xuân Ẩn nói với Shaplen: "Các chiến thuật rất nhanh. Đây là 1968 và 1972 kết hợp". Bác sĩ Trần Kim Tuyền nói với Shaplen rằng "Ít nhất, cũng sẽ có khoảng từ 200.000 đến 300.000 người bị giết. Một số khác sẽ bị đưa đến trại tập trung". Vương bổ sung thêm "Tôi nghĩ sẽ không có sự giết chóc ngay, nhưng sau này thì có".

Một trong số các phóng viên ra đi là nhà báo Laura Palmer: "Tôi phải nói lời chia tay với ông Phạm Xuân Ẩn tại bậc cửa khách sạn Continental. Tôi đi cùng với một nhóm nhà báo tới chỗ hẹn để được đón đi di tản. Tôi không hề ngoái cổ nhìn lại". David Greenway nhớ lại: "Trong ngày cuối cùng rối loạn của chế độ Việt Nam Cộng hoà, Phạm Xuân Ẩn là người Việt Nam cuối cùng tôi nhìn thấy

trước khi tôi đáp chuyến máy bay trực thăng tại Đại sứ quán Mỹ. Từ trên cao, tôi nhìn xuống những đường phố ướt sũng nước mưa với những đám lửa cháy do đạn thừa vớt trong các thùng rác cháy bị nổ từ phía xa".

Trưởng phân xã Tạp chí Time Roy Rowan vẫn còn nhớ câu nói cuối cùng mà Phạm Xuân Ân đã nói với ông khi hai người cùng bước ra khỏi khách sạn Continental "Đừng lo. Cậu sẽ không sao đâu". Phóng viên ảnh Tạp chí Time-Life Dick Swanson vừa từ nhà anh ở Bethesda bang Maryland, Hoa Kỳ, trở lại Sài Gòn. Anh đã từng đến Sài Gòn lần đầu tiên năm 1966 và kết hôn với Germaine Lộc năm 1969. Phạm Xuân Ân đã dự đám cưới của họ. Germaine Lộc đang làm việc cho Đại sứ quán Nhật Bản thì gặp Nick Turner tại một cuộc họp báo năm 1962. Nick Turner đề nghị sẽ trả lương cao gấp đôi, nếu Germaine Lộc về làm việc cho Reuters. Germaine Lộc nói: "Tôi nhớ ngày đầu tiên tôi bước chân vào Văn phòng Reuters, Phạm Xuân Ân đang ngồi bên bàn của ông cạnh cửa sổ mở ra phía Catinat. Con chó Đức rất to ngồi bên cạnh ông, sủa lên gâu gâu khi nó nhìn thấy tôi, nhưng Phạm Xuân Ân bảo nó "ngoan nào", thế là con chó yên lặng lắng nghe. Phạm Xuân Ân rất thân thiện với tôi nói rằng "Tôi không ở đây nhiều đâu, do vậy cô có thể sử dụng bàn làm việc của tôi bất cứ lúc nào cô muốn". Khi chúng tôi làm việc cùng nhau, bất cứ lúc nào tôi cần thông tin gì là ông ấy luôn sẵn sàng giúp đỡ tôi. Các phóng viên nước ngoài cứ đi theo ông ấy đến mọi nơi, vì ông luôn luôn sẵn sàng chia sẻ thông tin của mình cho họ".

Trước khi vào làm việc trong nghề báo chí, Germaine Lộc là y tá của Quân đội Việt Nam Cộng hoà, đã từng nhảy dù hơn hai mươi lần trong chiến đấu Cô là một trong số ít phụ nữ làm việc với tư cách cộng tác viên Việt Nam cho các Tạp chí Life, Look, hãng tin Anh Reuters và các Hãng truyền hình NBC, CBS, ABC. Lộc là người chống Cộng sản khét tiếng thế mà cho đến tận ngày nay, bà vẫn còn là người bạn thân thiết của cả gia đình ông Phạm Xuân Ân, các con ông Ân đều gọi bà bằng "cô". Tháng 12/1970, bà Lộc rời Việt Nam để sang sống suốt đời bên Mỹ cùng với chồng. Theo dõi tình hình đang diễn biến ở Sài Gòn, Dick Swanson biết rằng ông phải trở lại để đưa mười hai thành viên gia đình nhà vợ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Đã gần trọn hai ngày đêm Swanson không được ngủ khi ông đến gặp Phạm Xuân Ân tại Văn phòng Tạp chí Time. Swanson nhớ lại: "Tôi hỏi ông ấy theo cách nói rút gọn bằng tiếng Việt: Nếu ở lại gia đình tôi và tôi liệu có an toàn không? Ông Phạm Xuân Ân trả lời rằng "có thể". Swanson cười và nói rằng cách ông ấy trả lời "giống hệt như khi ở nhà tại Bethesda tôi hỏi Germaine Lộc nhà tôi rằng "nhà mình có đá không?", "Có" - cô ấy trả lời. Nhưng khi tôi đến tủ lạnh và mở khay đá ra thì thấy khay đầy nước. Bà Lộc nhà tôi lúc ấy nói "Chúng ta có đá, nhưng là đá chưa đông".

Sau đó, Swanson đã hỏi Phạm Xuân Ân một câu mà anh đã từng muốn hỏi trong nhiều năm trước đó: "Ân này, chiến tranh kết thúc rồi. Ngày mai, ngày mốt, ngày tiếp theo nữa. Bất cứ lúc nào.

Chúng ta đã quen biết nhau trong chín năm rồi. Anh có thể nói cho tôi biết anh là người của phía bên

kia phải không?".

Phạm Xuân Ân đáp: "Tôi là người Việt Nam. Tôi không quan tâm đến những người Cộng sản. Tôi muốn ở lại đây".

Swanson hỏi: "Sắp tới, anh có vấn đề rắc rối nào với Cộng sản không?".

Phạm Xuân Ân trả lời: "Vào những thời điểm như lúc này, sự hiểm nguy có thể đến từ mọi phía".

Swanson nói: "OK, rất tốt khi biết rằng nếu tôi bị kẹt lại ở Sài Gòn thì còn có một trong số những người bạn tốt nhất của tôi là một người Cộng sản".

Phạm Xuân Ân mỉm cười.

Sau này, Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Tôi biết rằng nếu Dick Swanson không rời Sài Gòn vào ngày 30/4, thì người ta cũng sớm tống cổ anh ta đi chẳng bao lâu sau đó. Đối với Dick, việc anh ta trở về Mỹ lúc nào thì chẳng có vấn đề gì, nhưng đối với người nhà của cô Germaine Lộc, thì việc ra đi sau đó sẽ không dễ dàng như vậy".

Đại sứ quán Hoa Kỳ đã thông báo cho tất cả các trường phân xã rằng khi nào đến thời điểm phải sơ tán khỏi Sài Gòn, thì Đài phát thanh của các lực lượng vũ trang sẽ phát một bản tin thời tiết đặc biệt nói rằng "Nhiệt độ là 105 độ, và đang tăng lên!". Việc sơ tán sẽ lên đến cực điểm khi Đài phát thanh của các lực lượng vũ trang phát đi bài hát "Đêm Giáng sinh trắng" của nhạc sĩ Irving Berlin do Bing Crosby trình bày. Sáng ngày 29/4/1975, khi các phóng viên và tất cả những người Mỹ còn ở lại Sài Gòn thức dậy đã nghe bản nhạc này phát trên Đài phát thanh các lực lượng vũ trang ở Sài Gòn. Đại sứ quán Mỹ khẳng định: "Đã đến giờ. Mọi người phải rời khỏi đây ngay?".

Bác sĩ Trần Kim Tuyền bị lỡ nhiều cơ hội để đi. Vợ ông, bà Jackie và các con đã sang Singapore dưới sự bảo trợ của Đại sứ quán Anh. Trong 12 năm qua, ông Trần Kim Tuyền khi thì ở trong tù, khi thì bị quản thúc tại gia. Ông vẫn còn ở Sài Gòn vì một số người ủng hộ ông và bạn bè của ông đã bị tống giam từ đầu tháng 4 vì bị vu cáo có âm mưu đảo chính và chống lại Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu. Ông Trần Kim Tuyền không chịu rời miền Nam Việt Nam nếu không có sự đảm bảo rằng những người đó được thả.

Bác sĩ Trần Kim Tuyền ở vị trí cao trong danh sách của CIA về những người di tản. Đầu mối quan hệ với CIA của Trần Kim Tuyền là William Kohlmann, người đã đưa ra lời đảm bảo rằng CIA sẽ không bỏ ông ta. Tuần trước đó, bác sĩ Trần Kim Tuyền đã gặp Kohlmann ít nhất hai lần, bao gồm cả lần Kohlmann đến nhà Phạm Xuân Ân để gặp Trần Kim Tuyền.

Nhưng chính bản thân Kohlmann có khó khăn trong việc ra đi. Do mắc bệnh đậu mùa cách đây hai mươi lăm năm, giờ đây ông ta đi lại chậm chạp với đôi nặng và không sử dụng được cánh tay phải. Ông Kohlmann cần có thêm thời gian và người giúp đỡ lên máy bay trực thăng. Vào thời điểm Trần Kim Tuyền đã chuẩn bị sẵn sàng để ra đi vào ngày 29/4, thì ông Kohlmann đã đi trước rồi.

Từ nhà riêng của mình, Trần Kim Tuyền trước hết tìm cách liên lạc với các sứ quán Anh, Mỹ, Pháp,

cũng như với các bạn nhà báo, nhưng tất cả các đường điện thoại đều đã bị cắt. Trần Kim Tuyền tìm đến một tiệm cà phê nhỏ trên đường Công Lý có một điện thoại vẫn còn làm việc được. Ông ta cố gắng điện thoại cho sứ quán Mỹ, nhưng đường dây bị tắc nghẽn.

Cuối cùng, Trần Kim Tuyền nói được máy với Bob Shaplen tại khách sạn Continental. Shaplen cho biết đang trên đường đến Sứ quán Mỹ và hứa sẽ làm hết sức mình để đưa tên của Trần Kim Tuyền vào danh sách các phóng viên nước ngoài cần di tản vào cuối giờ buổi sáng hôm đó. Shaplen bảo Trần Kim Tuyền về nhà xếp đồ tư trang vào một chiếc vali để có thể mang theo và trở lại khách sạn Continental lúc 11 giờ sáng.

Lúc Trần Kim Tuyền trở lại thì các phóng viên đang được lệnh phải lên xe buýt đỗ trước cửa khách sạn để đi Tân Sơn Nhất, lên máy bay trực thăng di tản. Shaplen nói: "Hết hy vọng rồi". Shaplen đã không thể đưa được tên của Trần Kim Tuyền vào danh sách các phóng viên nước ngoài. Shaplen cố gọi cho Sứ quán Mỹ một lần nữa, nhưng sau mười phút chờ đợi, các phóng viên ngồi trên xe buýt trở nên sốt ruột. Đến giờ đi rồi. Shaplen chỉ còn đủ thời gian móc trong túi quần mình tất cả tiền còn lại rồi đưa cho Trần Kim Tuyền cùng với một chiếc chìa khoá dự trữ của phòng mình tại khách sạn.

Shaplen nói với Trần Kim Tuyền: "Ở cùng với Ân". Một trong những dòng viết cuối cùng của Shaplen trong sổ tay của ông ghi: "Tôi rời khách sạn Continental lúc 10 giờ 15 phút. Chờ đợi. Tony (tức Trần Kim Tuyền) và Nghiêm cùng ngồi trong phòng trước khi tôi rời. Nói với họ ở đây với Ân và đưa cho Tony thông tin đến ngay số nhà 22 phố Gia Long (cuối cùng ông ta có đến đó, hy vọng không quá trễ)".

Trần Kim Tuyền tới Văn phòng Tạp chí Time hỏi Phạm Xuân Ân có đi di tản không? Ông Ân trả lời: "Không. Tạp chí Time đã đưa vợ con tôi ra khỏi đây rồi. Giờ tôi không thể nào đi được. Mẹ tôi già quá, lại ốm nữa, bà cần có tôi bên cạnh. Tất nhiên, anh phải đi".

Một người bạn thân khác của Phạm Xuân Ân là Cao Giao đến chơi. Vợ ông là người đã mai mối cho Phạm Xuân Ân lấy Thu Nhân. Cao Giao ra sức cam đoan với Phạm Xuân Ân và Nguyễn Hùng Vương rằng chế độ mới sẽ có cái nhìn thuận lợi đối với những người Việt Nam theo chủ nghĩa dân tộc. Cao Giao nói: "Tại sao các anh phải ra đi? Chẳng có gì mà phải sợ cả". Phạm Xuân Ân biết hơn, nói: "Không. Không thể như vậy. Các anh phải đi ngay?".

Phạm Xuân Ân và Trần Kim Tuyền quyết định tìm cơ hội khác bằng cách trở lại Sứ quán Mỹ. Lên chiếc xe hơi Renault màu xanh lá cây của Phạm Xuân Ân, hai người lái tới đó, nhưng người đồng đến mức không có cách nào để tiến gần đến cổng Sứ quán Mỹ. Buộc phải lái xe quay trở về Văn phòng Tạp chí Time để lục tìm trong tuyệt vọng một lần nữa từ những mối quan hệ của Phạm Xuân Ân, hy vọng gặp được ai có thể giúp đỡ. Nhưng các đường dây điện thoại đều bận hoặc không còn hoạt động. Trong sự bối rối, Trần Kim Tuyền gợi ý trở lại Sứ quán Mỹ một lần nữa xem sao. Nhưng khi đến nơi, tình hình còn tồi tệ hơn cả lần trước, nên hai người đành trở lại khách sạn Continental.

Phạm Xuân Ân nói với Trần Kim Tuyền: "Trong trường hợp anh không thể đi được, thì anh đừng bao giờ trở về nhà anh nữa. Anh có thể về ở tạm nhà tôi".

Lúc đó độ khoảng 5 giờ chiều. Phạm Xuân Ân và Trần Kim Tuyền ngồi tại Văn phòng Tạp chí Time chẳng biết phải làm gì. Trần Kim Tuyền nói: "Tôi đang nghĩ tới vợ và các con tôi ở Singapore. Chắc tôi không được gặp lại vợ con tôi nữa".

Chợt điện thoại trên bàn làm việc của Phạm Xuân Ân đổ chuông. "Giáo sư thấy đấy, lại một ngày may mắn nữa; lần này là cho Trần Kim Tuyền" - Phạm Xuân Ân nói với tôi. Chuông điện thoại đó là từ phóng viên Dan Southerland của tờ Christian Science Monitor điện thoại cho Phạm Xuân Ân xem tinh thần của ông Ân có vững vàng không và kiểm tra về việc di tản. Trước khi ngắt lời Dan Southerland, Phạm Xuân Ân nói: "Dan này, chúng tôi cần anh giúp đỡ đây? Tôi không có thời gian cho bất cứ việc gì khác. Nhanh lên, xem anh có thể liên hệ với Sứ quán Mỹ và bảo với họ rằng bác sĩ Trần Kim Tuyền vẫn còn đang ở đây với tôi và rằng họ cần phải đưa ông Trần Kim Tuyền ra khỏi đây ngay. Hãy gọi cho Đại sứ nhé". Trước khi cúp máy, Trần Kim Tuyền bảo để cho ông ta nói chuyện với Dan Southerland. Hai người nói với nhau bằng tiếng Pháp. Dan Southerland hứa sẽ làm tất cả những gì có thể và bảo Phạm Xuân Ân cùng Trần Kim Tuyền đừng làm đường dây bận, mà hãy ngồi chờ bên máy để ông ta gọi lại.

Phạm Xuân Ân và Trần Kim Tuyền ngồi lặng yên trong khoảng ba mươi phút thì điện thoại đổ chuông. Dan Southerland đã liên hệ được với Sứ quán Mỹ và đã nói chuyện với Trưởng Trung tâm CIA là Tom Polgar. CIA không thể đưa xe hơi đến đón Trần Kim Tuyền được, nhưng ông Trần Kim Tuyền phải rất khẩn trương trở lại ngay Sứ quán Mỹ. Tom Polgar sẽ chờ Trần Kim Tuyền và khẳng định rằng tên của ông Tuyền đã được đưa vào danh sách của đám lính thủy đánh bộ làm nhiệm vụ an ninh nơi cổng Đại sứ quán Mỹ đang giữ. Tom Polgar nói với Dan Southerland: "Bảo ông ta mang một túi hành lý thôi".

Tom Polgar dặn nếu Trần Kim Tuyền không thể đến Sứ quán Mỹ được, thì đến ngay số nhà 22 phố Gia Long. Đó là một toà nhà căn hộ được Cơ quan Viện trợ Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ sử dụng. Đây cũng chính là nơi mà Shaplen đã nói với Trần Kim Tuyền trước đó vài giờ đồng hồ. Tầng trên cùng của toà nhà này được Phó Trưởng Trung tâm CIA sử dụng và lúc này được sử dụng làm bãi đỗ cho máy bay trực thăng chở người đi di tản. Tên của Trần Kim Tuyền cũng được đưa vào danh sách tại đó. "Nếu ông không đến được đây, thì phải đến đó ngay. Chuyến trực thăng cuối cùng sẽ đến đó rất nhanh. Trần Văn Đôn đang ở đó cùng với khoảng hai mươi hay ba mươi người khác".

Trần Văn Đôn từng làm Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Quốc phòng trong nội các cuối cùng của Nguyễn Văn Thiệu. Và thật mỉa mai, ông ta còn là một nguồn tin bí mật của Phạm Xuân Ân trong thời gian dài. Sau khi trao quyền lực cho Minh "Lớn" ngày 29/4, Trần Văn Đôn có nhiều khó khăn trong việc chạy di tản ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đầu tiên, ông ta gọi cho Ted Overton làm việc

trong Văn phòng CIA đặt trong Sứ quán Mỹ. Ted Overton bảo Trần Văn Đôn đến toà Đại sứ Mỹ ngay. Vợ của Trần Văn Đôn đã chạy sang Pháp, nhưng con trai của ông ta, một vận động viên đi bộ, đang ngồi ở nhà chờ ba về. Trần Văn Đôn về nhà vội vàng lấy được chiếc vali rỗng trong thư viện, mang theo được cuốn hồi ký của mình và một ít tiền trước khi cùng con trai chạy bỏ đến Sứ quán Mỹ.

Lúc Trần Văn Đôn tới được toà Đại sứ Mỹ, thì tình hình ở đó lộn xộn cũng giống như khi Phạm Xuân Ẩn và Trần Kim Tuyền đến. Trần Văn Đôn bèn điện cho Ted Overton và được nói cho biết rằng cần lái xe thẳng đến toà nhà Văn phòng mà Sứ quán Mỹ đã thuê. Nhưng khi cha con Trần Văn Đôn tới nơi, thì ở đó mọi người đã đến quá đông, nên máy bay trực thăng không thể hạ cánh được. Ted Overton liền đưa cha con Trần Văn Đôn tới nhà của Polgar, nhưng tại đó cũng quá đông người rồi. Tiếp đó, Overton liền gợi ý Trần Văn Đôn trở lại toà Đại sứ, nhưng đi bằng cổng bên. Trên đường đi, Trần Văn Đôn bị những người Việt Nam khác cũng đang tìm đường đi di tản phát hiện liền bám theo. Một đoàn xe hơi, người chạy bộ ùn ùn theo Trần Văn Đôn đến toà Đại sứ quán Mỹ, nhưng chính ông Đôn cũng không thể vào bên trong được. Trong một cú điện thoại tuyệt vọng gọi cho Ted Overton, Trần Văn Đôn được Overton hướng dẫn đến số nhà 22 phố Gia Long đó là cơ hội cuối cùng dành cho ông ta. Khi tới đây, Trần Văn Đôn đã may mắn gặp được những người Nùng làm việc cho CIA đang đứng gác. Họ nhận ra Trần Văn Đôn nên cho vào ngay. Một số người Nùng cực kỳ trung thành với người Mỹ và thường làm việc cho các chương trình của các cơ quan dân sự Hoa Kỳ, các đơn vị đặc nhiệm Mỹ, các đơn vị an ninh bảo vệ toà Đại sứ quán Hoa Kỳ, và những cơ sở nhạy cảm khác. Khi Trần Văn Đôn lên được đến tầng thượng của toà nhà, thì Phạm Xuân Ẩn và Trần Kim Tuyền đi xe hơi cũng vừa đến được toà nhà. Trần Kim Tuyền đã không gặp may như Trần Văn Đôn, những người lính gác đã đóng cổng và khoá lại.

Phạm Xuân Ẩn liền phanh gấp cho xe hơi cho dừng lại nhảy ra quát: "Theo lệnh của Đại sứ, người này phải được cho vào". Những người lính gác trả lời rằng không một ai khác nữa được phép vào trong. Trên nóc nhà chiếc máy bay trực thăng cuối cùng chuẩn bị cất cánh. Trên sân thượng toà nhà, nhân viên CIA có tên là O. B. Harnage đang thực hiện chuyến bay đón người di tản cuối cùng trong ngày. Anh ta cho chiếc máy bay trực thăng Huey màu bạc đổ xuống phần mái tum của thang máy để vận chuyển mỗi lần mười lăm người ra phi trường Tân Sơn Nhất để các máy bay trực thăng lớn hơn chở họ ra các tàu chiến của Mỹ đang chờ ở ngoài biển Đông. Sau này, O. B. Harnage được thưởng một huy chương của CIA vì hành động anh hùng ngày hôm đó.

Tình hình có vẻ vô vọng. Nhưng khi cổng đang từ từ khép lại, Phạm Xuân Ẩn theo bản năng chạy lại dùng tay trái chặn cổng lại rồi lấy tay phải đẩy mạnh Trần Kim Tuyền với dáng người bé nhỏ chui qua cổng. Khe hở lúc đó chỉ còn khoảng chưa đầy 46 cm. Không có thời gian cho hai người nói lời tạm biệt và cảm ơn. Phạm Xuân Ẩn nói "Chạy", cùng lúc đó, hai hàng nước mắt bỗng lăn xuống gò

má ông. Trần Kim Tuyền cũng khóc và chẳng thể nói được điều gì ngoài câu: "Tôi sẽ không bao giờ quên".

Thang máy trong toà nhà không hoạt động khiến Trần Kim Tuyền phải chạy bộ tám tầng mới lên đến sân thượng. Mệt đến đứt hơi, Trần Kim Tuyền không thể nói nên lời. Những người di tản cuối cùng đang bước lên máy bay trực thăng. Phạm Xuân Ân đứng bên ngoài lòng dạ rối bời lo Trần Kim Tuyền không kịp lên máy bay. Mãi đến khi ông nhìn thấy cánh tay của Trần Văn Đôn thò ra ngoài cửa đang mở. Trần Kim Tuyền nói: "Nhớ rằng người tôi thấp bé và lên không dễ dàng. Nhưng anh Đôn đã nhắc tôi lên".

Phạm Xuân Ân nói với Henry Kamm: "Tôi rất buồn vào ngày 30 tháng 4 đó. Tôi đã nói tạm biệt Trần Kim Tuyền. Hầu hết những người bạn của tôi đã ra đi và tôi biết rõ, những người không ra đi có thể sẽ gặp phiền toái". Trần Kim Tuyền cũng có những suy nghĩ tương tự: "Một cảm giác lạ. Rất buồn. Sau quá nhiều chết chóc, quá nhiều gia đình bị tàn phá, quá nhiều người Mỹ chết...".

Trần Kim Tuyền không thể không nghĩ đến một sự trớ trêu của chính ông ta (bên đối lập) với Trần Văn Đôn (Bộ trưởng Quốc phòng) đang ngồi cạnh nhau khi cả hai cùng rời miền Nam Việt Nam.

Trên một chặng đường ngắn, hai người chẳng nói với nhau câu nào. Trần Kim Tuyền nhớ lại:

"Chúng tôi không nói chuyện với nhau. Mọi người đều đang suy nghĩ. Buồn".

Tất nhiên, sự trớ trêu lớn hơn ở đây còn là hai người bạn, hai nguồn tin đáng tin cậy nhất của Phạm Xuân Ân lại đang ngồi đối diện nhau trên một trong những chuyến máy bay trực thăng cuối cùng rời Sài Gòn. Họ đang còn cào lo ngại cho một người bạn của họ, nhưng họ chưa biết sự thật về Phạm Xuân Ân.

Giữa lúc đó, tại Sứ quán Mỹ, tình hình trở nên hoàn toàn hỗn loạn. Từ trên tầng mái của toà nhà Sứ quán Mỹ, thiếu tá thủy quân lục chiến James Kean mô tả cảnh tượng tương tự như trong bộ phim Trên bãi biển. Những chiếc máy bay trực thăng CH-46 Sea Knight và cả những chiếc lớn hơn CH-53 Sea Stallion đang vận chuyển những người di tản từ nóc toà nhà Sứ quán Mỹ ra hạm đội của Mỹ ở ngoài khơi. Cuối cùng, lúc 7 giờ 51 phút sáng, giờ Sài Gòn, một chiếc CH-46 sử dụng tín hiệu gọi Swift 22 để phát đi một bức điện cuối cùng: "Tất cả mọi người Mỹ đã ra khỏi, nhắc lại, ra khỏi".

Lúc 12 giờ 10 phút trưa, những chiếc xe tăng đầu tiên của các lực lượng Giải phóng xô đổ cổng Dinh Tổng thống(1). Trong vòng vài phút, cờ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời được kéo lên. Tổng thống cuối cùng của miền Nam Việt Nam là Dương Văn Minh, bạn cũ Minh "Lớn" của Phạm Xuân Ân, đang chờ để duy trì hơi thở cuối cùng của Chính quyền Sài Gòn.

Đại tá Bùi Tín nói với Minh "Lớn": "Chính quyền cũ đã hoàn toàn sụp đổ. Ông không thể bàn giao cái mà ông không có. Các ông phải đầu hàng ngay tức khắc".

Để làm giảm sự căng thẳng giữa những người Việt Nam với nhau, Bùi Tín hỏi Minh "Lớn": "Ông có còn chơi tennis nữa không và ông đã sưu tập hoa phong lan thế nào mà có được đến hơn sáu trăm

loài". Bùi Tín hỏi Minh "Lớn" vì sao tóc ông để dài, trong khi ông đã từng thề là sẽ để tóc ngắn chừng nào mà Nguyễn Văn Thiệu còn làm tổng thống. Minh "Lớn" cười và nói rằng không còn nghi ngờ gì nữa, miền Bắc đã thắng trong cuộc chiến tranh này, tình báo của họ đã luôn làm cho họ được thông tin đầy đủ.

Minh "Lớn" là một trong những nhà lãnh đạo của miền Nam Việt Nam được yêu thích nhất.

Trở lại tháng 10/1971, Phạm Xuân Ẩn đã thuyết phục Minh "Lớn" không nhận với tư cách một nhà lãnh đạo của phái trung lập ra tranh cử với Nguyễn Văn Thiệu. "Minh "Lớn" đến gặp tôi để được nghe lời khuyên của tôi. Ông ta là bạn của tôi và ông ta biết tôi sẽ đưa ra sự phân tích khách quan. Tôi đã nói rằng Thiệu cần ông ra tranh cử để làm ra vẻ cuộc bầu cử cạnh tranh nhau sát nút. Nếu Minh "Lớn" ra tranh cử ông ấy sẽ đóng vai trò giống như một tấm thảm đỏ cho người Mỹ. Người ta cần ông ta tham gia để cuộc bầu cử có vẻ như là dân chủ. Nhưng sau khi ông ta thất bại thì người Mỹ sẽ dẫm lên ông ta, giống như bước trên một tấm thảm đỏ. Người Mỹ cần Nguyễn Văn Thiệu thắng cử. Nguyễn Văn Thiệu là người của Mỹ". Phạm Xuân Ẩn nói với tôi rằng lúc đó, Minh "Lớn" ra sức tranh luận, nhưng Phạm Xuân Ẩn nói: "Xem nhé, ông sẽ thất bại. Nhưng cho dù ông có thắng thì tôi cũng vẫn có tin giật gân cơ mà". Phạm Xuân Ẩn nói với Shaplen rằng "Minh "Lớn" sẽ ra tranh cử, nhưng đến phút chót thì bỏ cuộc để giữ uy tín. Sau đó, ông ta sẽ trở về với những giò phong lan của ông ta... Dù sao thì các cuộc bầu cử cũng đều không chân chính cả, do đó những cuộc bầu cử ấy có gì khác nhau đâu?".

Ngày 3/10/1971, 87% của 7 triệu cử tri đủ tư cách đi bỏ phiếu đã tới các thùng phiếu để bầu cho một ứng cử viên duy nhất trong cuộc bầu cử. Nguyễn Văn Thiệu thu được 94% số phiếu. Vừa đúng với mong muốn của những người Cộng sản là làm mất lòng tin vào chế độ Sài Gòn.

Từ Dinh Tổng thống, Minh "Lớn" được chở đến một Đài phát thanh ở gần Dinh Tổng thống để phát một bức thông điệp rằng tất cả các lực lượng vũ trang của Việt Nam Cộng hoà hãy hạ vũ khí và đầu hàng vô điều kiện. Dương Văn Minh nói: "Tôi tuyên bố rằng Chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương đã hoàn toàn bị giải tán". Chế độ miền Nam Việt Nam không còn tồn tại nữa.

Vài thập kỷ sau, Dan Southerland nhớ lại cái ngày tháng 4/1975 ấy: "Phạm Xuân Ẩn vội vàng chở Trần Kim Tuyền đến địa chỉ đã dặn trước - đến sự tự do. Tôi có thể nói chắc chắn rằng, vào cái ngày cuối cùng ấy của cuộc chiến tranh, Phạm Xuân Ẩn đã giúp cứu mạng sống của một người từng ra sức chống lại những mục tiêu mà ông Ẩn đang bí mật theo đuổi và phụng sự trong suốt cả cuộc đời mình. Tôi sẽ luôn luôn nhớ tới ông Phạm Xuân Ẩn về điều đó".

Bác sĩ Trần Kim Tuyền sẽ không bao giờ quên những gì mà Phạm Xuân Ẩn đã làm tốt cho mình.

Khi các bài báo xuất hiện nói về Phạm Xuân Ẩn hoạt động tình báo, Trần Kim Tuyền đã dễ dàng bỏ qua cho Phạm Xuân Ẩn. Sự biết ơn này được Trần Kim Tuyền bày tỏ trong một lá thư bí mật mà ông Henry Kamm giúp chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh. Phạm Xuân Ẩn nói: "Ông ấy cảm ơn tôi và

nói với tôi là ông ấy đã hiểu. Tôi đã viết thư trả lời Trần Kim Tuyền rằng tôi không muốn nhìn thấy cảnh các con của ông ấy mồ côi, và tôi cũng đã biết vợ ông Trần Kim Tuyền trong một thời gian dài. Tôi cũng biết Trần Kim Tuyền yêu vợ ông ấy nhiều đến mức nào và cả hai người đều yêu nhau. Ông ấy là một người bạn, và chúng tôi đều là người Việt Nam, ông Trần Kim Tuyền đã giúp nhiều cho cả hai bên".

Sau này, Trần Kim Tuyền nói với các bạn rằng ông ta chỉ tin cậy hai người hơn bất kỳ ai khác, đó là Phạm Xuân Ẩn và Phạm Ngọc Thảo. Khi biết cả hai người này đều là những điệp viên cộng sản, Trần Kim Tuyền nói rằng nhìn nhận lại quá khứ, ông ta có thể nghi ngờ Phạm Ngọc Thảo. Nhưng ông không thể nào tin được rằng Phạm Xuân Ẩn đã làm việc cho Cộng sản. Phạm Xuân Ẩn không bao giờ để lại một bằng chứng nào, dù là nhỏ nhất".

Còn Phạm Xuân Ẩn thì nói với tôi: "Bác sĩ Trần Kim Tuyền là một người hành động theo trái tim. Vợ ông ấy đang có bầu. Ông ấy có thể rời Sài Gòn bất cứ lúc nào sớm hơn, nhưng Trần Kim Tuyền đã ở lại để giúp cho người của ông ấy được ra khỏi tù và vì thế mà việc ra đi của ông ấy quá muộn màng. CIA không thể giúp được ông ấy. Bob Shaplen cũng không thể giúp được Trần Kim Tuyền. Tất cả đều tùy thuộc ở tôi".

Ngay sau cuộc di tản, Peter Shaplen tìm kiếm trong tuyệt vọng các thông tin về nơi ở của cha mình. Peter Shaplen nghe được từ Trung tâm chỉ huy Hải quân tại Lầu Năm Góc và từ Vụ quan hệ Công cộng của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ rằng cha của Peter Shaplen đang ở một nơi nào đó trên biển Đông. Trong một lá thư thăm dò gửi tới căn hộ của cha mình ở Hong Kong, Peter Shaplen hỏi: "George McArthur đang ở đâu? Eva Kim, Thư ký của Đại sứ đang ở đâu? Hiện đang ở nơi quái nào tất cả những con chó ấy từ Sài Gòn? Chuyện gì đã xảy ra với 17 triệu USD vàng ở Sài Gòn? Số vàng ấy có được mang ra ngoài không? Vương đang ở đâu? Philippe Francini đang ở đâu? Vinh và gia đình anh đang ở đâu? Họ có ra di hàng loạt không? Francini có ở lại với khách sạn đó không? Phạm Xuân Ẩn có nhận làm việc cho tập đoàn Tạp chí Time, Inc. hay không? Gia đình của Ẩn thế nào? Keyes Beech đang ở đâu? Dannis Waner đang ở đâu? Danh Southerland đang ở đâu?".

Trên thực tế, Phạm Xuân Ẩn có nhận làm việc cho tập đoàn Tạp chí Time, Inc. Trong một thời gian ngắn, ông là phóng viên duy nhất của Tạp chí Time tại Việt Nam.

Một trong những phần ghi chép thể hiện rõ nhất của Bob Shaplen là đoạn ghi chép về ngày cuối cùng của ông với Phạm Xuân Ẩn tại Sài Gòn. "Ẩn - quần chúng nhân dân đang cần hoà bình hơn bao giờ hết, chứ họ không muốn tăng cường Chính quyền Sài Gòn. Quần chúng không muốn chiến tranh, chỉ muốn hoà hợp dân tộc". Phạm Xuân Ẩn luôn mơ ước về một nước Việt Nam thống nhất, hoà hợp dân tộc".



Đây là bức hình do Hubert Van Es chụp được. Người lên cuối cùng trong chuyến bay này là Trần Kim Tuyền.

Trước đó ít phút, Phạm Xuân Ân đã nhờ CIA đưa được Trần Kim Tuyền lọt vào ngôi nhà này.

(ảnh do Nguyễn Học sưu tầm)

[If you looked north from the office balcony, toward the cathedral, about four blocks from us, on the corner of Tu Do and Gia Long, you could see a building called the Pittman Apartments, where we knew the C.I.A. station chief and many of his officers lived. Several weeks earlier the roof of the elevator shaft had been reinforced with steel plate so that it would be able to take the weight of a helicopter. A makeshift wooden ladder now ran from the lower roof to the top of the shaft. Around 2:30 in the afternoon, while I was working in the darkroom, I suddenly heard Bert Okuley shout, Van Es, get out here, there s a chopper on that roof!]

Chú thích:

(1) 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, xe tăng mang số hiệu 843 húc nghiêng cổng phụ dinh và bị kẹt tại đó. Bùi Quang Thận - Đại đội trưởng, chỉ huy xe 843, nhảy xuống xe, cầm cờ chạy bộ vào. Xe tăng 390 húc tung cánh cửa chính của dinh. 11 giờ 30 phút cùng ngày, Trung úy Quân đội Nhân dân Việt Nam Bùi Quang Thận đã hạ lá cờ Việt Nam Cộng hoà trên nóc dinh xuống, kéo lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lên. (NXB).

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương 7

Dưới bóng người cha

Nghề báo sôi động và của quý của ba đã gây ấn tượng mạnh cho tôi. Tôi dự định học nghề báo, tập trung vào các môn kinh tế học, mậu dịch quốc tế, tiếp thị và các nước đang phát triển.

Phạm Xuân Hoàng Ân, trích lý lịch, 1990

Lúc đầu, gia đình Phạm Xuân Ân bay sang Guam, rồi ở đó một tuần để chờ xem ông Ân có sang cùng với gia đình không. Phạm Xuân Ân vẫn giữ liên lạc với vợ ông, bà Thu Nhân, qua máy telex của Văn phòng Tạp chí Time. Cuối cùng, ông khuyên vợ chấp nhận lời mời và sự giúp đỡ của Tạp chí Time, chuyển gia đình sang Hoa Kỳ. Gia đình Phạm Xuân Ân đáp máy bay đi Fort Pendleton, California, để làm các thủ tục giấy tờ cần thiết. Tuy nhiên họ không có thời gian để nghĩ tới việc gia đình chỉ ở cách khu học xá Trường Orange Coast ở Costa Mesa hơn 85 km. Do đã được Tạp chí Time bảo lãnh, nên thủ tục được thông qua nhanh chóng. Gia đình ông Phạm Xuân Ân được nhận thẻ an sinh xã hội, và các giấy tờ khác. Sau đó, vợ con ông được chở bằng xe hơi đến Los Angeles, ở tạm tại một khách sạn nhỏ ven đường cùng với một nhân viên người Việt Nam khác của Tạp chí Time.

Bà Thu Nhân nhớ lại: "Tôi không cảm thấy thoải mái khi ở Los Angeles. Thành phố quá lớn đối với tôi. Do vậy mà tôi đã nói với Tạp chí Time rằng liệu chúng tôi có thể đi Virginia hay không?"

David De Voss của Tạp chí Time đã đi cùng gia đình Phạm Xuân Ân trên một chuyến bay và sau đó, họ đến Arlington, bang Virginia. Lúc đầu gia đình ở tạm trong căn hộ của Beverly Deepe trong ba tháng cho đến khi bà Thu Nhân thuê được nhà. Tạp chí Time đài thọ mọi chi phí liên quan đến việc di chuyển chỗ ở, ngoài ra mỗi tháng còn trả 700 USD tiền lương cho bà Thu Nhân. Các cháu tuổi mười hai, mười một, mười, và tám tuổi đều được bố trí vào học tại Trường tiểu học Patrick Henry. Bà Thu Nhân đã nói được một chút tiếng Anh cơ bản, nên mỗi buổi sáng, bà đi cùng lũ trẻ đến trường rồi ở đó luôn để giúp các cháu, vì bọn trẻ chưa nói được tiếng Anh. Bà Thu Nhân cũng dự một lớp học tiếng Anh nâng cao, và cả gia đình bắt đầu điều chỉnh cho một cuộc sống mới ở Mỹ. Do có rất nhiều người từ miền Nam Việt Nam chạy di tản sang sống ở Washington D.C, và khu vực

trung tâm Virginia, nên không bao giờ thiếu những người bạn có những cử chỉ giúp đỡ xúc động đối với mẹ con bà Thu Nhân khi chồng bà vắng nhà.

Bà Germaine Lộc Swanson nhớ lại: "Bà Thu Nhân đau ốm luôn và lúc nào cũng lo cho chồng mình. Bà không biết chuyện gì đã xảy ra đối với ông Phạm Xuân Ân. Bà Thu Nhân cảm nhận rằng, rất có thể bà sẽ chẳng bao giờ được gặp lại chồng mình. Trong 18 năm qua, bà đã quen với những cảm giác như vậy. Lần này thì khác ở chỗ, vợ chồng bà đang ở cách xa nhau đến nửa vòng trái đất, ở phía bên kia của thế giới. Mặt khác, ông Phạm Xuân Ân có thể bị các lực lượng Quân Giải phóng giết vì cho là có cộng tác với CIA. Còn có điều đáng sợ nữa là sau khi chiến tranh đã kết thúc, các hoạt động tình báo bí mật của chồng bà được công khai, trong khi bà và các con đang sống ở bên Mỹ. Sự an toàn của mẹ con bà có thể bị quấy rầy bởi cộng đồng những người di tản chống Cộng đến tận xương tuỷ. Bà cũng không biết Hà Nội có ra lệnh cho ông Phạm Xuân Ân tiếp tục nghề tình báo ở Mỹ hay không. Tương lai chẳng rõ ràng gì.

Phạm Ân nhớ lại: "Má chẳng bao giờ cho chúng cháu biết rằng má đang lo như thế nào. Chúng cháu hoà nhập với cuộc sống mới rất dễ dàng. Chúng cháu dễ dàng kết thân với những bạn mới. Cháu nhớ hôm đầu tiên chúng cháu đến ở tại căn hộ của cô Deepe. Cháu nhìn qua cửa sổ thấy bọn trẻ con đang chơi dưới sân. Tụi nó giơ tay vẫy cháu và cháu cũng vẫy lại. Tụi nó cùng đi học tại một trường với cháu, và thế là chúng cháu trở thành bạn bè. Cháu học nói tiếng Anh. Thậm chí cháu còn có cả bạn gái nữa. Cháu vẫn còn nhớ tên cô bé ấy là Robin. Cha của cô bé ấy là một cựu binh Việt Nam. Khi cháu phải về nước, cả cô bé ấy và cháu cùng khóc".

Trở lại Sài Gòn, Phạm Xuân Ân cũng buồn và sợ hãi. Sau vài ngày ở khách sạn Continental, Phạm Xuân Ân và mẹ về sống ở nhà. Nhưng Phạm Xuân Ân vẫn sợ cái điều mà ông đã từng mô tả cho tôi nghe đại loại như là: "Khoảng hai giờ sáng, người ta đến gõ cửa nhà tôi rồi bắt tôi đi thủ tiêu, không ai còn được nghe gì về tôi nữa. Cảm giác lo sợ này giống hệt như ngày tôi từ Mỹ trở về Sài Gòn năm 1959. Đây là thời điểm rất nguy hiểm đối với tôi, bởi vì người ta chỉ biết tôi là một phóng viên Sài Gòn làm việc cho Mỹ". Phạm Xuân Ân cho rằng, sẽ là không công bằng khi đất nước thì được thống nhất, còn gia đình ông thì bị ly tán.

Phạm Xuân Ân phải ra trình diện trước các nhà chức trách địa phương. Ông điền vào tờ khai nghề nghiệp là nhà báo, làm việc cho Tạp chí Time. Trước đó vài tháng, trong một lá thư gửi cho Edward Lansdale và vợ mình là Pat, Bob Shaplen nói: "Hầu hết những người bạn cũ của chúng ta đều chán nản, thất vọng, Nguyễn Hùng Vương, Phạm Xuân Ân, v.v... tinh thần của những người Mỹ còn ở lại như Jake và Mark Huss rất thấp. Tất cả họ đang cố cảm cự càng lâu càng tốt, với lại họ còn biết làm gì được nữa? Còn đối với những người Việt như Nguyễn Hùng Vương, Phạm Xuân Ân, họ vẫn giữ vững tinh thần không nao núng, nhưng không vui vì những vết nhơ từng làm việc cho chúng ta khiến họ phải đau đớn về mặt nghề nghiệp".

Phóng viên người Australia Neil Davis và nhà báo Ý Tiziano Terzani là hai trong số ít phóng viên nước ngoài còn ở lại Sài Gòn. Thịnh thoảng, họ lại ghé qua văn phòng Tạp chí Time để trao đổi với Phạm Xuân Ẩn và hỏi quan điểm của ông về thời kỳ quá độ này.

Davis cũng giữ quan hệ thân thiết với Shaplen, cung cấp những thông tin cập nhật về tình hình và giúp chuyển những thông tin từ phía Phạm Xuân Ẩn cho Shaplen. Những bài viết của Davis đặt một chút nghi ngờ rằng, sau khi được giải phóng Sài Gòn là một nơi nguy hiểm. "Tôi bị bộ đội (lính Bắc Việt Nam) bắt ngờ từ trong bụi cây hay đang nấp, hay sau gốc cây nhảy ra chặn lại hỏi giấy tờ tùy thân". Tất cả mọi người bất kể là người nước ngoài hay người Việt Nam, đều phải trình diện chính thức ngay từ đầu với các nhà chức trách mới. Hoặc nguy hiểm hơn nữa là có thể bị những thanh niên mặt mày hớn hở thuộc các đội tự vệ mới chặn lại. Những người này gây phiền hà giống hệt như quân tự vệ trước đây của chính phủ cũ. Việc đăng ký trình diện, ít nhất là tại Sài Gòn, có vẻ như sắp hoàn thành. Cho đến nay thì trình diện là một trong số ít việc làm chứng tỏ quyền lực của chính quyền mới. Tất cả mọi người Việt Nam, từ cựu sĩ quan, binh lính, viên chức chính quyền cũ, nhân viên làm việc cho Mỹ cho đến những người được mô tả kỳ cục như là "nhân viên mật vụ", đều phải khai báo rõ nơi ở, nơi làm việc,... để xác định danh tính".



Phạm Xuân Ẩn đứng trước Tòa thị chính Thành phố trước khi quân đội Bắc Việt Nam tiến vào Sài Gòn, 1975 (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn, với sự cho phép của Lê Minh và Ted Thái)

Đầu tháng 5, Đại tướng thắng trận Võ Nguyên Giáp đã bay từ Hà Nội vào Sài Gòn, đến Dinh Độc lập để dự một cuộc họp với tướng Trần Văn Trà, Chỉ huy các lực lượng vũ trang của Mặt trận Dân

tộc Giải phóng. Tướng Trần Văn Trà vừa được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban quân quản Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đó nhiều năm, cả Đại tướng Võ Nguyên Giáp lẫn tướng Trần Văn Trà đều nhận thông tin từ những báo cáo tình báo của Phạm Xuân Ân. Thế mà giờ đây vài tuần sau giải phóng, trùm điệp viên - người đã đóng góp rất nhiều vào chiến thắng của Hà Nội - ở cách Dinh Độc lập chỉ vài toà nhà, đang phải lo lắng cho sự an toàn của chính mình dưới chế độ mới.

Giờ đây, Phạm Xuân Ân thực sự theo nghĩa đen là người của Tạp chí Time ở thành phố Hồ Chí Minh, giữ mối liên hệ với các đồng nghiệp cũ và đang đóng góp bài vở cho số báo sau 30/4 của Tạp chí Time. Phạm Xuân Ân gửi bằng telex bức điện tới New York: "Tất cả các phóng viên Mỹ đã di tản vì tình trạng khẩn cấp. Văn phòng Tạp chí Time hiện nay do Phạm Xuân Ân điều hành". Ban quảng cáo của Tạp chí Time đăng tấm ảnh Phạm Xuân Ân đang đứng trên một đường phố không người, hút thuốc lá và trông có vẻ thích gây gổ.

Mỗi buổi sáng, Phạm Xuân Ân đến Văn phòng Tạp chí Time làm việc. Tại đây "các lực lượng giải phóng" đã cử một người đến giám sát, kiểm duyệt Phạm Xuân Ân. "Tất cả chỉ có một mình tôi, trừ người giám sát, ông ta không phải là người khó tính, nhưng là một người kiểm duyệt khắt khe. Sau vài tuần, chẳng có tin bài nào được gửi đi", Phạm Xuân Ân nói với tôi như vậy.

Có một điều mà Phạm Xuân Ân cũng có lợi là được sử dụng thiết bị telex của Tạp chí Time để gửi các bức điện cho vợ ông, bà Thu Nhân, thông qua trụ sở chính của Tạp chí Time ở New York. "Tôi chỉ có thể gửi được những bức điện nói rằng cho đến lúc này tôi vẫn OK. Chứ thực sự, tôi không thể nói được điều gì khác vì sẽ có nhiều người đọc bức điện đó của tôi", Phạm Xuân Ân nói.

Bài báo cuối cùng của Phạm Xuân Ân phát đi được đăng trên Tạp chí Time số ra ngày 12/5 mang tựa đề "Cuộc chia tay cuối cùng nghiệt ngã". Dưới đây là một đoạn trích từ bài báo đó: "Hình ảnh cuối cùng về cuộc chiến tranh: Những người lính thủy đánh bộ Mỹ dùng báng súng giáng xuống những ngón tay của nhiều người Việt Nam đang cố bám tường tìm cách vào được bên trong khuôn viên toà Đại sứ Mỹ để chạy trốn khỏi đất nước họ. Một không khí lộn xộn, bừa bãi chẳng khác nào cảnh mô tả trong kinh Khải huyền - một số kẻ cướp ngày lái những chiếc xe hơi của sứ quán bỏ lại chạy như điên quanh thành phố cho đến khi hết sạch xăng; một số kẻ khác vào lục soát Siêu thị PX Tân cảng Sài Gòn vốn được coi là giấc mơ, rập khuôn như vùng ngoại ô của Mỹ. Một người phụ nữ đội hai thùng rượu anh đào và một thùng kẹo cao su Wrigley Spearmint. Ngoài khơi, những chiếc máy bay trực thăng trị giá hàng triệu đô la bị lật nhào khỏi boong tàu cứu hộ Mỹ một cách lãng phí, chẳng khác nào việc ném đi những lon bia, để lấy chỗ cho những chiếc máy bay trực thăng khác sắp đến. Cuối cùng, Việt Cộng và những người Bắc Việt Nam đổ vào Sài Gòn, kéo cờ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời và bắt giữ Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh và Thủ tướng Vũ Văn Mẫu. Đối với nhiều người Mỹ, điều đó giống như một cái chết đã được chờ đợi từ lâu, nhưng đến khi xảy ra thì người ta vẫn cảm thấy bị sốc.

Một cuộc chiến tranh dài nhất của thế kỷ đã kết thúc bằng một cuộc di tản hiệu quả, nhưng nhục nhã. Đó là sự kết thúc giống như một cơn ác mộng, không, có thể còn tồi tệ hơn cả cơn ác mộng; chỉ có rất ít lính Việt Nam Cộng hoà nổ súng vào những người Mỹ đang di tản, nhưng chẳng trúng phát nào. Ít nhất thì người Mỹ cũng đã gây ra cảnh tượng khủng khiếp cuối cùng về người của mình đánh những người bạn và đồng minh của Mỹ đang chen lấn nhau di tản. Mặc dù trên thực tế, người Mỹ đã tìm cách đưa khoảng 120.000 người Việt Nam tị nạn ra đi với họ.

Có lẽ đúng hơn phải nói rằng, cuộc chia tay lần này của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam là một hành động duy nhất không ảo tưởng trong suốt những năm chiến tranh...

Những người cầm quyền mới ở miền Nam Việt Nam tuyên bố rằng họ sẽ "quyết tâm thực hiện một chính sách hoà bình, độc lập, trung lập, và không liên kết".

Đối với những người miền Nam Việt Nam từng cộng tác và làm việc với người Mỹ, cuộc sống chẳng bao lâu sau đã trở nên khó khăn và tàn nhẫn. Một số người như tướng Phạm Văn Phú chỉ huy Quân đoàn II người từng ra lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên, đã chọn cách tự sát bằng thuốc độc còn hơn là đầu hàng Cộng sản. Đối với hầu hết các cựu quan chức cao cấp của chính quyền Sài Gòn còn ở lại, thì chả biết làm gì ngoài chờ đợi chỉ thị của chế độ mới. Đây cũng là thời gian đặc biệt bối rối đối với ông Phạm Xuân Ẩn cùng với rất nhiều bạn bè bởi tương lai không mấy sáng sủa. "Nhiệm vụ tình báo của tôi về mặt kỹ thuật đã hoàn thành, đất nước tôi đã được thống nhất và người Mỹ đã phải rút về nước. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa thể nói được với mọi người về sự thật. Tôi vẫn không được hạnh phúc vì đang phải sống trong cô đơn và sợ hãi. Vợ con tôi vẫn đang ở Mỹ. Tôi không biết liệu mình có được gặp lại vợ con lần nữa hay không? Tôi còn có nhiều bạn bè, họ cũng không thể đi được và tôi cũng không biết điều gì đang xảy ra đối với họ nữa. Có rất nhiều điều chưa rõ".

Một trong số những người đang chờ đợi xem số phận của mình ra sao chính là Nguyễn Xuân Phong, một người bạn của Phạm Xuân Ẩn. Nguyễn Xuân Phong làm việc trong Nội các của Chính quyền Sài Gòn, từng giữ chức Bộ trưởng phụ trách đàm phán ở Paris. Nguyễn Xuân Phong trở về Sài Gòn ngày 25 tháng 4 để sống với cha mẹ già của mình. Cũng giống như Phạm Xuân Ẩn, ông Phong không thể bỏ rơi cha mẹ mình. Nguyễn Xuân Phong từng khước từ lời mời đi di tản của Đại sứ Mỹ Graham Martin. Giờ đây, ông Phong chẳng biết làm gì ngoài chờ đợi. Nguyễn Xuân Phong ngoan ngoãn chấp hành việc ra trình diện với nhà chức trách, mà chẳng biết rằng trình diện xong thì ông sẽ bị tử hình, tù chung thân, hay gì gì đi nữa. "Tôi nghĩ nếu ngồi tù 5 hoặc 10 thì còn có thể chịu đựng được, chứ 20 thì tôi không dám nghĩ tới", Nguyễn Xuân Phong nói.

Tướng Trần Văn Trà đã ra một mệnh lệnh rằng tất cả các quan chức của chế độ cũ từ cấp đứng đầu ngành, các sĩ quan thuộc các lực lượng vũ trang từ cấp trung tá trở lên phải ra trình diện để đi học tập cải tạo tập trung 30 ngày, từ tháng 5 đến hết tháng 6. Các viên chức và sĩ quan quân đội còn lại sẽ học tập cải tạo thời gian 7 ngày tại địa phương nơi họ cư trú. Cứ mỗi ngày trôi qua, bạn bè của Phạm

Xuân Ân lại biến mất dần để đi học tập. Sau khi đã kết thúc 30 ngày, Nguyễn Xuân Phong và bao người khác vẫn chưa được trở về nhà mặc dù lệnh của tướng Trần Văn Trà là chỉ tập trung học tập thời gian 30 ngày. Sở dĩ có thay đổi này vì một số cán bộ từ Hà Nội mới vào miền Nam đã xem xét lại mệnh lệnh của tướng Trần Văn Trà, cho dù ông Trà không tán thành. Nguyễn Xuân Phong nhớ lại: "Chúng tôi được giảng giải rằng, chúng tôi có lỗi lầm là đã chống lại Tổ quốc. Người ta không dùng cụm từ "những kẻ phản bội Tổ quốc", nhưng chúng tôi được giải thích cho hiểu một cách rõ ràng rằng chúng tôi đã có tội tiếp tay cho Mỹ - đế quốc xâm lược kiểu mới, dẫn đến sự chết chóc và huỷ hoại đối với người Việt Nam và dân tộc Việt Nam. Chúng tôi không được biết liệu có bị đưa ra xử trước toà án hay không, hay là nếu xử án thì xử trên cơ sở nào, hoặc tội như vậy thì bị tù trong bao lâu, hay là thời gian giam giữ chúng tôi được xác định như thế nào, theo từng cá nhân hay tập thể".

Cuộc hành trình đi vào thế giới không biết của Nguyễn Xuân Phong bắt đầu từ nhà tù Thủ Đức tháng 6/1975. Tại đây, Phong phải chung phòng giam với 20 người khác. Sau vài tuần, các tù nhân được lệnh ra tập trung ngoài sân, bị xích từng đôi một rồi đưa lên một chiếc xe tải quân sự để chở ra phi trường. Sau đó, họ được chở đến sân bay Gia Lâm, rồi chuyển tiếp đến Trại A15 vẫn được coi là cơ sở phụ của "Hilton Hà Nội". Trại này cách Hà Nội 50 kilômét và trước kia từng là nơi giam giữ nhiều tù binh Mỹ. Nguyễn Xuân Phong và 1.200 bạn tù phải ở trong trại này cho đến khi nào được phép trở về. Đối với trường hợp của Nguyễn Xuân Phong, ngày được trở về là tháng 12/1979; còn nhiều người khác, ngày trở về là 10 hoặc thậm chí 15 năm sau. Không có lời giải thích rõ ràng, chỉ đến lượt tôi cùng với khoảng chục người khác sắp được trả lại tự do. Tiêu chí cho việc phóng thích không thể đoán được.

Cao Giao, một "phát thanh viên chính" của Đài phát thanh Catinat, phải đối mặt với một số phận nghiệt ngã hơn. Những ngày mới giải phóng, ông ta phải dự 80 ngày tập trung học tập cải tạo và sau đó, được cho về nhà. Cao Giao được tự do cho đến tháng 6/1978 thì bị bắt về tội làm gián điệp cho CIA. Bị biệt giam và hàng ngày bị thẩm vấn, trong 9 tháng liên tục ngày nào Cao Giao cũng bị thẩm vấn và tiếp đó là 4 tháng biệt giam trong buồng giam lúc nào cũng đóng cửa. Sau đó, Cao Giao được chuyển đến khám Chí Hoà, giam chung trong một phòng có 72 tù nhân.

Ba năm rưỡi sau, vào năm 1982, Cao Giao được trả lại tự do mà không có một lời giải thích nào. Trong suốt thời gian Cao Giao ở trong tù, Phạm Xuân Ân thường xuyên đến thăm gia đình của Cao Giao, nói cho vợ ông ấy biết những thông tin bí mật về sức khỏe của Cao Giao, cũng như mang đến cho gia đình ông ấy thực phẩm và thuốc men. "Tôi cố gắng hết sức mình để chăm sóc gia đình Cao Giao trong khi ông ấy đang ở trong tù. Hàng ngày nếu có thời gian là tôi lại ghé qua thăm vợ ông ấy", Phạm Xuân Ân nói. Sau khi Cao Giao ra tù, mỗi khi được hỏi về Phạm Xuân Ân, ông ta đều nói rằng Phạm Xuân Ân là "một kẻ lý tưởng hoá bị vỡ mộng và lừa dối". Khi biết Phạm Xuân Ân hoạt

động tình báo, Cao Giao cũng bỏ qua cho Phạm Xuân Ẩn bởi vì "Chúng tôi là người Việt Nam". Một số phận tốt hơn nhiều đã chờ đợi Phạm Xuân Ẩn vài tuần sau ngày giải phóng, có người của lực lượng an ninh chế độ mới đến gặp ông và nói "Ông thì OK".

Phạm Xuân Ẩn nhớ lại: "Ông ta chỉ nói có vậy. Nhưng tôi hiểu tôi được an toàn rồi". Tài liệu về danh tính thật của Phạm Xuân Ẩn cuối cùng cũng đã được chuyển đến. Phạm Xuân Ẩn được xác nhận là "người ba mươi năm cách mạng" - một thuật ngữ được dùng để nói về những người đã tham gia đánh ngoại xâm trong ba thập kỷ qua. Phạm Xuân Ẩn được chính thức chuyển sang bên thắng trận, điều này dễ nhận thấy vì số lượng gạo của ông được tăng thêm, được cấp phát quân phục hàm Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Chế độ mới đặt vấn đề về những hành động của Phạm Xuân Ẩn hôm 30/4/1975 đã giúp đỡ bác sĩ Trần Kim Tuyền kịp lên chuyến máy bay trực thăng cuối cùng tại số nhà 22 phố Gia Long để đi di tản. Phạm Xuân Ẩn đã kể lại hết sự việc cho các nhân viên an ninh nghe, ông nói rằng việc làm của ông chỉ là một cử chỉ nhân đạo. Khi ấy, gia đình ông Trần Kim Tuyền đã rời khỏi Việt Nam, và chiến tranh cũng sắp kết thúc. Sự giải thích này thật dễ hiểu đối với những thành viên trong mạng lưới tình báo phía nam của Phạm Xuân Ẩn, nhưng bên phía an ninh vẫn chưa tin. Phạm Xuân Ẩn nói rằng ông và Trần Kim Tuyền là bạn của nhau, nghĩa là thế nào? Bạn bình thường hay là bạn trong công việc?

Phạm Xuân Ẩn phải viết tường trình về các chi tiết của việc Trần Kim Tuyền trốn thoát. Ông cũng nhận được chỉ thị phải tiết lộ tên của các mối quan hệ và nguồn tin của ông trong thời gian chiến tranh mà ông có được khi đang làm việc với tư cách nhà báo của Tạp chí Time. Như đã được đề cập trước đây, Phạm Xuân Ẩn đã cung cấp đầy đủ nhất theo khả năng liên quan đến mọi chi tiết về bác sĩ Trần Kim Tuyền. Tuy nhiên, về những mối quan hệ của mình trong 15 năm trước đó, thì ông nói trí nhớ của ông rất tồi. Càng nghĩ về Phạm Xuân Ẩn, cơ quan an ninh càng có nhiều câu hỏi về việc tại sao ông Ẩn tồn tại được với tư cách là một điệp viên trong thời gian dài như vậy. "Mọi người nghĩ rằng tôi được ai đó trong CIA bảo vệ, vì không ai có thể may mắn đến như vậy". Thật thú vị cả Bob Shaplen và cơ quan an ninh của Hà Nội đều có những câu hỏi giống nhau về Phạm Xuân Ẩn.

Shaplen viết "Chẳng hạn, tôi thường tự hỏi tại sao ông Phạm Xuân Ẩn lại phiền lòng để cho gia đình ông phải di chuyển tới nơi này, nơi khác tại Mỹ, mặc dù họ được sự giúp đỡ của một cơ quan báo chí Hoa Kỳ, nơi ông ấy đã từng làm việc. Liệu Phạm Xuân Ẩn có thực sự là một người Cộng sản từ đầu đến cuối trong thời gian dài, hay ông đã quyết định trở thành người Cộng sản chỉ sau ngày 30/4/1975 vì các lý do này khác. Liệu có khả năng ông đã hoạt động như một điệp viên hai mang, hoặc thậm chí ba mang? Và phải chăng trước khi trao số phận của mình cho những người Cộng sản, ông muốn đảm bảo chắc chắn rằng đã che đậy kỹ mọi dấu vết? Có một số lý do để tin rằng điều này là có thể". Cuối tháng 3/1976, Phạm Xuân Ẩn được khuyên nên gọi gia đình trở về nước. Đối với nhiều người

bạn của ông, cũng như các nhân viên trước đây làm việc cho Tạp chí Time, đây là tín hiệu đầu tiên cho thấy rằng Phạm Xuân Ẩn có thể đã từng làm việc cho phía bên kia. Phải nói lời chia tay đối với những người bạn Mỹ mới của mình là điều rất khó khăn đối với những thành viên gia đình Phạm Xuân Ẩn. Bà Germaine Lộc Swanson nhớ, có lần bà đã nói với bà Thu Nhân rằng, về mặt ngoại giao bà và các con sẽ sớm được gặp Phạm Xuân Ẩn. Vì bà Lộc tin rằng ông Ẩn có thể được cử làm Đại sứ Việt Nam lý tưởng đầu tiên ở Hoa Kỳ, hoặc chí ít thì cũng là một Tuỳ viên báo chí làm việc trong Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ. Sau này, khi tôi nói điều đó với Phạm Xuân Ẩn, ông mỉm cười và nói: "Điều đó chỉ xảy ra khi bà Germaine Lộc làm Bí thư Đảng, nếu không thì chẳng bao giờ".

Bà Thu Nhân có mối lo ngại riêng của mình khi trở về nước. Bà chỉ nhận được một bức điện vắn vắn có mấy từ: "Trở về nhà thôi". Bà Thu Nhân không hề biết gì về tình trạng của Phạm Xuân Ẩn ở Việt Nam, nên bà phải nghĩ ra một cách để đưa các con về nước mà không gây ra quá nhiều nghi ngờ. Nhiều người ở miền Nam Việt Nam đang chạy trốn khỏi Việt Nam trên những chiếc thuyền mong manh, đánh liều mà chọn cách thả trôi với bọn cướp biển Thái Lan trên biển Đông, còn hơn ở lại Việt Nam.

Đầu tiên, bà Thu Nhân tới Liên hợp quốc để xin phép được đi du lịch sang Pháp. Sau đó bà và các con đáp máy bay từ Washington đi Paris, nhưng bị tạm giữ tại Paris trong ba tháng vì Việt Nam chưa cho phép mở đường bay thẳng từ Paris đi Hà Nội, cũng như chẳng có đường bay thẳng nào đến Sài Gòn. Một khi đã tới Pháp, bà Thu Nhân lại xin phép được đưa bốn con về nước "để đoàn tụ với chồng, vì hoà bình đã được lập lại trên đất nước Việt Nam". Khi đó, bà có thông báo cho Tạp chí Time về quyết định của mình và có nói lại với bà Germaine Lộc Swanson một lần nữa. Bà Germaine Lộc Swanson nói rằng để thận trọng và đề phòng chuyện không hay, Cộng sản giương bẫy chờ mẹ con bà Thu Nhân trở về, bà Lộc có thể giúp nuôi hai con của bà Thu Nhân. Germaine Lộc Swanson không biết thông tin gì về việc Phạm Xuân Ẩn ở Sài Gòn có được an toàn hay không. Stanley Cloud nhớ lại rằng, khi đó từ Paris bà Thu Nhân điện thoại cho ông để xin lời khuyên xem liệu bà và các con có nên trở lại Hoa Kỳ hay không. Cuối cùng, bà Thu Nhân quyết định gia đình bà không sống mỗi người mỗi ngả nữa, mà bà phải trở về nước với hy vọng rằng bức điện ngắn của Phạm Xuân Ẩn gửi cho bà trước đây là bức điện thật và rằng chồng bà vẫn an toàn.

Bà Thu Nhân và các con đáp máy bay từ Paris đi Matxcova và sau đó về Hà Nội. Từ Hà Nội, họ đi tiếp tới Thành phố Hồ Chí Minh bằng xe hơi.

Khoảng tháng 9/1976, bắt đầu có lời đồn đại về cuộc đời bí mật của Phạm Xuân Ẩn. Bằng chứng là Lou Conein nói với Neil Sheehan rằng ông ta "nghe nói Phạm Xuân Ẩn đã nhắn tìm vợ và vợ ông ta đã trở về nước qua đường Paris, Matxcova, Hà Nội, rồi tới Thành phố Hồ Chí Minh mà không hề gặp trở ngại nào. Điều này cho thấy, việc trở về của bà ấy không bị rắc rối, chứng tỏ Phạm Xuân Ẩn là một Việt Cộng hoặc ít nhất thì cũng là một người có cảm tình với Việt Cộng và Đảng Cộng sản đã

có cái nhìn thiện cảm đối với ông ta".



Phạm Xuân Ân nhận danh hiệu Anh hùng do Đại tướng Võ Nguyên Giáp công bố (ảnh trong Bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ân)

Phạm Xuân Ân được mời dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức tháng 12/1976 tại Hà Nội. Những ngày ở đây, Phạm Xuân Ân được phong tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân, được chụp ảnh cùng với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các Anh hùng khác trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Sau Đại hội này, tất cả văn phòng đại diện của các công ty nước ngoài đang hoạt động ở miền Nam Việt Nam đều bị đóng cửa. "Đó cũng là sự chấm dứt việc tôi đi làm tại văn phòng Tạp chí Time ", Phạm Xuân Ân nói.

Mặc dù được phong tặng danh hiệu Anh hùng, nhưng Phạm Xuân Ân vẫn phải tham dự một khoá học chính trị một năm được tổ chức ở gần Hà Nội. Một phần của lý do khiến Phạm Xuân Ân phải tham dự khoá học này là vì ông đã sống quá lâu với người Mỹ. Khi nói chuyện, ông vẫn còn xen vào cách nói đánh giá rất cao đối với kẻ thù đã bị đánh bại của Việt Nam. Chiến tranh đã kết thúc, đất nước của ông đã được thống nhất, và ông vẫn còn khâm phục người Mỹ. Chế độ mới không còn nghi ngờ gì về lòng trung thành của Anh hùng Phạm Xuân Ân đối với Tổ quốc, nhưng họ rất lo ngại về những điều ông nói ra mà dân chúng nghe được thì không có lợi. Phạm Xuân Ân cần phải được lập trình lại tư duy như một người Việt Nam, chứ không phải là tư duy như một người Mỹ.

Tháng 8/1978, Phạm Xuân Ân rời gia đình để đi dự một khoá học của Học viện chính trị cao cấp ở Hải Dương, cách Hà Nội khoảng 30 kilômét. Ông học tại đó cho đến tháng 6/1979. Việc Phạm Xuân Ân hoàn toàn không thấy xuất hiện trong thời gian dài đã dẫn đến một sự hiểu lầm rằng ông đã sang

Mỹ để hoạt động dưới vỏ bọc. Điều này khiến Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố sẽ "cắt cổ Phạm Xuân Ân nếu gặp ông ở Mỹ". Phạm Xuân Ân không để tâm nhiều tới thời kỳ học tập tại trung tâm nói trên. Trong tất cả các cuộc nói chuyện với tôi, ông chưa bao giờ gọi đó là một cuộc cải huấn. Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Thực sự đó không phải là trại cải huấn giống như nhiều người khác đã phải trải qua một cách vât vả. Đó là một học viện chính trị. Tôi cần phải đến đó vì tôi chẳng biết gì về chủ nghĩa Mác - Lênin và duy vật biện chứng. Tôi đã có một cuộc sống khác trong suốt thời gian tôi thi hành nhiệm vụ bí mật của mình. Cuộc sống đó giờ đây đã chấm dứt. Tôi hiểu nhiều về hệ thống Mỹ hơn là hệ thống này, do vậy tôi cần phải đọc tất cả những sách kinh điển về lối tư duy kinh tế Nga". Phạm Xuân Ân nói mà không nở một nụ cười nào, mất hẳn cái cách châm biếm thường thấy của ông. "Đây là năm mà lối tư duy của tôi được chờ đợi là sẽ thay đổi. Tôi đã cố gắng để là một học viên tốt, nhưng do tôi đã biết quá nhiều, nên thay đổi là rất khó khăn".

Phạm Xuân Ân không phản đối việc ông đi học chính trị một năm. Trong năm đó, ông đã được gặp nhiều người thú vị, họ luôn tò mò muốn biết về những sự trải nghiệm của ông và Phạm Xuân Ân luôn thích thú chia sẻ những câu chuyện với nhiều học viên trong lớp của mình. Ông vẫn còn nhớ khi bị chế nhạo là "thằng Mỹ". Chẳng có ai giống ông, vì ông đã có nhiều thời gian sống với người Mỹ hơn hầu hết các sĩ quan của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Các sĩ quan đó chỉ dự khoá huấn luyện một tháng ở Mỹ, còn Phạm Xuân Ân có trọn hai năm sống tự do ở Hoa Kỳ. Phạm Xuân Ân nói: "Chế độ mới coi tôi là quá Mỹ và là tư sản, vì vậy tôi được chờ đợi phải nói như những người mác xít sau một vài tháng nghe giảng và thảo luận". Phạm Xuân Ân đã từng có nhiều thời gian để suy nghĩ. Ông nói: "Giáo sư biết không, đây là lần đầu tiên tôi sống dưới chế độ cộng sản. Tôi có rất nhiều điều để học và cố gắng điều chỉnh mọi thứ, từ cách nghĩ, cách hành động, và thậm chí cả cách nói đùa. Tôi hiểu mọi người muốn gì, nên tôi đã cố gắng".

Sau khi kết thúc khoá học, Phạm Xuân Ân trở về Thành phố Hồ Chí Minh. Ông rất vui vì không còn phải chịu đựng những đêm lạnh của miền Bắc. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, những bạn bè quen biết của ông dần dần xuất hiện trở lại sau thời kỳ họ phải tập trung cải tạo. Chính phủ mới mời Phạm Xuân Ân vào làm việc tại một cơ quan kiểm duyệt, nhưng ông từ chối. Sau đó ông được đề nghị đào tạo các nhà báo Cộng sản, nhưng ông nghĩ, về mặt thực tiễn đó là điều không thể. Tôi có thể dạy được gì cho các nhà báo Việt Nam về nghề của tôi?

Và mặc dù đã qua một khoá học, Phạm Xuân Ân vẫn khó khăn trong quá trình hoà nhập với chế độ mới cũng như vẫn còn những vấn đề về độ tin cậy. Đó là lý do tại sao mỗi khi có một người bạn cũ đến Thành phố Hồ Chí Minh, các quan chức đều nói rằng Phạm Xuân Ân không muốn gặp hoặc là đi vắng, không có mặt trong thành phố. Dan Southerland nhớ lại: "Năm 1982, trên đường đi Campuchia, tôi dừng ở Sài Gòn vài ngày. Vào thời kỳ đó, bất cứ phóng viên nào đi qua Sài Gòn cũng đều có một cuộc gặp cuối cùng với một cán bộ cốt cán Việt Cộng. Trường hợp của tôi, cán bộ

đó là ông Phương Nam. Tôi hỏi ông Phương Nam rằng liệu tôi có thể được gặp Phạm Xuân Ân không? Ông Phương Nam nói để ông kiểm tra đã. Sau đó khi trở lại, ông Phương Nam trả lời tôi: "Ông ấy không gặp khách nước ngoài". Mười ba năm sau đó, Southernland cuối cùng cũng gặp được Phạm Xuân Ân. Tại cuộc gặp lại đầu tiên sau 30 năm giữa hai người, Phạm Xuân Ân nói: "Ông ấy đã không nói gì với tôi. Tôi muốn gặp cậu chứ".

Stanley Karnow cũng kể một câu chuyện tương tự về chuyến thăm năm 1981 của ông: "Tôi đề nghị một quan chức Cộng sản thu xếp cho tôi được gặp ông Phạm Xuân Ân. Quan chức đó ngắt lời tôi, nói rằng hãy quên chuyện ấy đi. Đại tá Phạm Xuân Ân không muốn gặp ông hay bất cứ người Mỹ nào khác".

"Đại tá cơ à?"

"Vâng. Ông ấy là người của chúng tôi", quan chức này đáp.

Phạm Xuân Ân không có sự lựa chọn nào khác ngoài làm công việc mà như ông mô tả là "một ông chồng nội trợ". Ông thường hài hước nói về mình là một "triệu phú thời gian". Suốt ngày ông đọc sách, nghe đài BBC và làm những việc vặt vãnh cho vợ. Ông cũng trở thành nổi tiếng là người huấn luyện gà chọi giỏi nhất Sài Gòn. Trò đá gà ăn tiền bị cấm trong chế độ mới, nhưng người ta vẫn bí mật chơi.

Đúng lúc đó, Nguyễn Xuân Phong, người bạn cũ của Phạm Xuân Ân được ra tù sau 5 năm bóc lịch. Hai "kẻ thù anh em" giờ đây cùng sống trong một nước Việt Nam thống nhất có nhiều điều để chia sẻ: "Trong thời gian 20 năm kể từ năm 1980 đến năm 2000, Phạm Xuân Ân và tôi thường gặp nhau mỗi tuần vài lần. Hầu hết những lần gặp nhau đó, chúng tôi ngồi uống cà phê bên đường phố Đồng Khởi để thư giãn và cũng để quên đi quá khứ. Thậm chí, các nhân viên an ninh chụp ảnh chúng tôi, họ cố gắng tìm hiểu xem chúng tôi đang trao đổi gì?".

Một điều mà Phạm Xuân Ân quan sát thấy ở đất nước đã được thống nhất của ông là sự gắn bó của các nhà lãnh đạo Việt Nam với mô hình Liên Xô đang phải đối mặt với những khủng hoảng. Phạm Xuân Ân nói với Sheehan: "Sau khi chế độ Sài Gòn sụp đổ, mọi thứ hồ sơ đều bị đốt hết, từ sách y học đến các tài liệu của chính quyền - giờ thì đã có sự hối tiếc rồi - nhưng quá muộn - nhiều thứ từ Nga giờ đây trở nên không còn phù hợp. Tôi rất tiếc về những điều xảy ra, nhưng tôi không thể ngăn cản được - có lẽ tôi đã ở với phía bên này quá lâu, nên tôi biết giá trị của những tài liệu đó. Có những hành động hăng hái một cách thái quá, giống như những con ngựa chiến bị che mắt vậy; nếu anh khuyên họ đừng làm, có lẽ họ lại nghĩ anh là phản cách mạng và đây là một tội lớn. Tôi được sinh ra ở Việt Nam, tôi là người Việt Nam, nhưng tôi học được sự văn minh ở nước Mỹ. Đây là điều rắc rối của tôi".

Việc ông Phạm Xuân Ân không được tiếp xúc với những đồng nghiệp cũ của mình đã làm dấy lên những tin đồn vu vơ giữa những đồng nghiệp cũ về vị trí của ông trong chế độ mới. David De Voss,

cựu Trưởng phân xã Tạp chí Time phụ trách khu vực Đông Nam Á, người từng đi cùng bà Thu Nhân và bốn đứa trẻ từ Los Angeles, đã trở lại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Sau chuyến đi này, David De Voss viết cho đồng nghiệp Karsten Prager: "Có lẽ chỉ còn mỗi thuốc lá là sản phẩm mà Việt Nam sản xuất được. Ăn mày thấy ở mọi nơi. Sự yếu kém về năng lực của các cán bộ Việt Cộng đang làm người ta kinh ngạc. Những người tham gia cách mạng từ năm 12 tuổi hiện đang phụ trách về quản lý đất đai, và các chương trình phúc lợi xã hội. Chẳng có cái gì vận hành cả. Văn phòng trước đây của Tạp chí Time tại khách sạn Continental giờ dành cho những người Cuba ở. Ban đêm họ nhảy nhót ở trên đường Tự Do, mặc áo phông in hình những con chim ó què quặt dưới đề dòng chữ Con chim ó này không thể bay". Rất tiếc phải nói rằng Phạm Xuân Ẩn là một cán bộ cao cấp của Bộ Nội vụ (điều này không đúng). Hình như suốt thời gian làm việc cho Tạp chí Time, ông ta là trung tá Việt Cộng. Tôi đã cố tìm gặp ông ta trong thời gian 5 ngày tôi ở Sài Gòn, nhưng ông ấy đã từ chối. Không cuộc tiếp xúc nào được phép đối với những người biết nhau trước giải phóng".

Prager liền chuyển tiếp lá thư của De Voss cho Frank McCulloch, kèm theo một lời nhận xét: "Bro... thân, lời bình luận buồn của De Voss vừa từ Việt Nam trở về. Nghĩ anh muốn xem, đặc biệt là đoạn nói về Phạm Xuân Ẩn. Không thể nào thắng họ tất cả, tôi đoán vậy. Tôi luôn luôn thích Phạm Xuân Ẩn, nhưng chưa bao giờ hoàn toàn tin cậy ông ta".

Tháng 2/1982, Donald Neff của Tạp chí Time viết thư trực tiếp cho McCulloch: "Tôi biết những điều đồn đại về Phạm Xuân Ẩn không phải là mới, nhưng tôi phải thừa nhận rằng mỗi lần đọc được là tôi cảm thấy đau lòng. (Nó cũng khiến tôi bực mình, vì có lần tôi đã tặng Phạm Xuân Ẩn một bộ sách về chim rất đắt)".

De Voss sau này còn nói một điều khiến mọi người rất ngạc nhiên là năm 1981, Phạm Xuân Ẩn đã đề nghị De Voss giúp bí mật đưa gia đình ông ra khỏi Việt Nam: Mục đích của tôi là đi tìm Phạm Xuân Ẩn, nhưng đó là việc không dễ. Các bản đồ cũ về thành phố đã bị tịch thu và đốt hết. Tất cả những đường phố lớn đều mang tên mới. Nhà cửa vẫn còn đánh số, nhưng không liên tục, nên gần như là không thể xác định được nhà nào cần tìm, kể cả trường hợp có địa chỉ trong tay. Cuối cùng, trong con tuyệt vọng, tôi đã hối lộ một quan chức Hà Nội bằng thuốc vitamin cho trẻ em và bộ tã lót trẻ em mua ở Bangkok và nhờ đó mà có được số điện thoại của Phạm Xuân Ẩn. Tôi đã điện thoại cho ông và chúng tôi hẹn gặp nhau tại chợ Chim. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi sẽ đi bộ cùng với những con chó của tôi". Phạm Xuân Ẩn dặn tôi không nói hoặc làm bất cứ điều gì khi chúng tôi nhìn thấy nhau, bởi vì an ninh có thể đang theo dõi. Rõ ràng ngay cả ông, người được phong danh hiệu Anh hùng đang phụ trách về tình báo đối ngoại cho Chính phủ cũng không tránh khỏi việc bị theo dõi. Chợ Chim, trên thực tế, là một đoạn đường phố hai bên treo đầy những lồng bằng tre nhốt những con chim đang hót véo von. Người ta mua những con chim này về để nuôi, cũng có thể mua để phóng sinh theo niềm tin của Phật giáo. Phạm Xuân Ẩn đến chợ Chim cùng với con chó Đức của ông.

Chúng tôi đi ngang qua nhau rồi khẽ gật đầu. Sau đó, Phạm Xuân Ân và tôi mỗi người lên một chiếc xích lô do những người lính của chế độ Sài Gòn trước đây điều khiển. Tôi theo Phạm Xuân Ân về nhà ông.

Khi hai người đã vào trong nhà, Phạm Xuân Ân nói ông rất buồn về những điều diễn ra trên đất nước ông. Ông kể rằng trước đây, ông đã từng hai lần cố gắng đưa gia đình ra nước ngoài, nhưng không thành công. Lần thứ nhất, thuyền bị hỏng máy. Lần thứ hai, thuyền có vẻ đủ sức vượt biển, nhưng thuyền trưởng lại không ra. Việc chạy trốn lúc này bị chệch bại nhiều hơn bởi vì con trai ông sắp được gửi sang học tại một trường ở Matxcova. Phạm Xuân Ân bảo tôi sang Singapore để tìm một người đàn ông bí ẩn tại một khách sạn của người Hoa. Người đàn ông này có thể dàn xếp để ra đi bằng thuyền nếu trả ngay cho ông ta một khoản tiền. Phạm Xuân Ân nói rằng ông rất tuyệt vọng.

Tôi bị choáng váng khi nghe câu chuyện này, đặc biệt là sau khi đã có lá thư của De Voss năm 1981 gửi cho Karsten Prager. Tôi hỏi Phạm Ân xem cháu đánh giá vấn đề này thế nào: "Chúng cháu không sợ bài báo đó, bởi vì những điều ông ấy viết đều có thể kiểm chứng được một cách dễ dàng bởi còn những người ở đây, và thực tế gia đình cháu không bao giờ làm như vậy".

Cách biệt với những người bạn Mỹ, Phạm Xuân Ân tìm cách giúp đỡ những đồng nghiệp Việt Nam ở bên thua trận. Tháng 4/1985, Donald Kirk trở lại Việt Nam lần đầu tiên kể từ ngày còn chiến tranh. Donald Kirk là phóng viên chuyên viết về Đông Nam Á cho tờ tạp chí New York Times, The New Leader, và tờ The Reporter. Những ngày ở Thành phố Hồ Chí Minh Donald Kirk đã gặp một người bạn thân, đồng thời là một đồng nghiệp cũ tên là Lê Việt. Sau này Donald Kirk mới hiểu rằng đồng nghiệp của mình đã bị giam 5 tháng chỉ vì "gặp gỡ một người nước ngoài". Lê Việt bị giam trong một phòng cùng với 60 người. Cứ mỗi tuần vợ ông ta vào nhà lao thăm ông ta một lần, mang theo đồ ăn và thuốc men. Lê Việt nói với Donald Kirk: "Ngày nào họ cũng hỏi tôi về quan hệ của tôi với các nhà báo Mỹ. Họ cho rằng gần như tất cả những nhà báo Mỹ đều làm việc cho CIA. Họ muốn biết về những cái gói mà tôi đã trao cho ông: Họ coi tôi là làm gián điệp cho Mỹ, còn ông là CIA. Tôi đã nói với họ rằng tôi từng làm việc cho người nước ngoài trong thời gian dài qua, đó là chiến tranh chứ không phải trong chính trị".

Đây là đoạn Kirk đã viết như thế nào về phần còn lại của câu chuyện: "Nỗi đau của Lê Việt còn tồi tệ hơn. Ông ta được tạm nghỉ khi vị cảnh sát trưởng đề nghị Phạm Xuân Ân - một Đại tá Việt Cộng từng lên được cấp bậc cao như vậy nhờ những hoạt động tình báo bí mật, trong khi vẫn làm việc cần mẫn như một chuyên gia về chính trị cho các phóng viên Tạp chí Time-Life khờ khạo và cả tin tại khách sạn Continental, để thăm vấn Lê Việt". Cảnh sát trưởng hy vọng rằng Phạm Xuân Ân sẽ thu được một số lời khai của Lê Việt. "Phạm Xuân Ân, lúc này đã trở thành Phó Bí thư của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một vị trí tương đương với Phó Thị trưởng", đã từ chối yêu cầu phản bội một đồng nghiệp, và bạn bè, bắn tiếng lên cảnh sát trưởng "Không cần phải làm khó cho tôi", Lê

Việt nói. Khi tôi hỏi Phạm Xuân Ân về chuyện này, ông đã thờ dài rồi nói: "Những người bên an ninh họ nghĩ ai cũng là CIA, họ chả tin ai cả, thậm chí cả tôi". Trên thực tế, Phạm Xuân Ân chưa bao giờ giữ bất cứ chức vụ nào, cho dù đó là chức vụ đảng hay chính quyền ở địa phương.

Năm 1986, ngọn gió đổi mới cuối cùng rồi cũng thổi tới Việt Nam khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam phát động công cuộc đổi mới. Đó là một chương trình đổi mới kinh tế để cải cách xã hội Việt Nam và kích thích sự tăng trưởng kinh tế. Các nhà lãnh đạo Đảng tuyên bố ý định xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần gồm kết hợp giữa kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, và sở hữu tư nhân. Các nhà đầu tư nước ngoài được khuyến khích và thái độ bao dung hơn được áp dụng liên quan đến mọi sự tiếp xúc với phương Tây và hướng tới bày tỏ quan điểm trong nước.

Năm 1988, Bob Shaplen đến Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị gặp Phạm Xuân Ân. Lần đầu tiên, cơ quan an ninh cho phép gặp với điều kiện có một thành viên của Bộ Ngoại giao cùng dự. Khi cuộc gặp của họ sắp kết thúc, Phạm Xuân Ân xin phép người bạn của ông làm việc tại Bộ Ngoại giao rằng liệu ông và Shaplen có thể đi ăn tối riêng với nhau được không? Phạm Xuân Ân được phép làm điều đó. Phạm Xuân Ân nhớ lại: "Chúng tôi tối ăn tối tại khách sạn Majestic. Tôi nghĩ, đó là lần đầu tiên tôi được phép nói chuyện một mình với một người bạn cũ kể từ khi chiến tranh kết thúc. Tôi không muốn buổi tối hôm đó kết thúc sớm".

Khi trở về Mỹ, Shaplen đã nói với mọi người rằng có lẽ Chính phủ Việt Nam đã nói lỏng việc tiếp xúc của ông Phạm Xuân Ân đối với các đồng nghiệp cũ. Chỉ trong vòng vài tháng, Neil Sheehan, Stanley Karnow, Robert Sam Anson, và Morley Safer cũng được phép đến thăm. Chính trong bối cảnh này mà một câu chuyện đáng lưu ý được giải bày liên quan đến những mối quan hệ tình bạn giữa những đồng nghiệp cũ, giấc mơ của người cha đối với con trai lớn của ông, và sự hoà hợp giữa hai nước mà Phạm Xuân Ân đều yêu quý.

Năm 1988, người con trai lớn của Phạm Xuân Ân là Phạm Xuân Hoàng Ân sang Liên Xô học đại học 5 năm, lúc đầu học ở Học viện Ngoại ngữ Minsk sau chuyển sang khoa Phiên dịch tại Đại học Ngoại ngữ Quốc gia Mátxcova mang tên Mauris Thorez. Phạm Ân tốt nghiệp hạng ưu, thông thạo ngôn ngữ tiếng Anh và viết luận văn ngôn ngữ học về đề tài dịch từ tiếng Nga sang tiếng Anh một đoạn trích từ sách của A.A. Kurznetsova "Bên bờ sông Mê Công và sông Hồng".

Sau khi tốt nghiệp, Phạm Ân trở về quê nhà. Sau này, anh đã viết về cảm xúc của mình sau khi du học trở về: "Khi máy bay bắt đầu hạ cánh, tim tôi đập rộn ràng như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Đây rồi, thành phố thân yêu của tôi. Vậy là sáu mùa hè đã trôi qua kể từ khi tôi rời mảnh đất này. Cổng nhà tôi vẫn mở, tôi cảm nhận được cái nóng tháng tám đang sưởi ấm dần trái tim giá lạnh vì mùa đông Mátxcova của tôi. Một làn gió nhẹ mơn man làn da tôi. Và tại nơi đây, tôi lại được tắm dưới ánh nắng mặt trời giữa màu xanh của cỏ cây. Tôi đưa mắt tìm kiếm những khuôn mặt thân quen. Đây rồi người mẹ thân yêu nhất của tôi và cả các em trai, em gái của tôi nữa. Thời gian đã để

lại trên đầu mẹ những sợi tóc bạc, những nếp nhăn trên má. Nhưng cảm ơn Chúa, mẹ trông vẫn khoẻ mạnh và hạnh phúc. Nước mắt. Những cái hôn. Và vòng tay của mẹ tôi... Chuông bỗng vang lên. Tôi thấy con chó quay ra phía cổng sủa to lên một tiếng. Ba tôi xuất hiện ngay bên ngưỡng cửa. Ba chạy ra, mở toang cửa. Ba nhìn không già hơn, nhưng gầy hơn nhiều. Lưng ba đã bắt đầu còng hơn trước do sức nặng của cuộc sống bận rộn và vất vả... Niềm vui và hạnh phúc tràn ngập trong tôi, tại buổi sum họp gia đình này".

Phạm Xuân Ân từng sống và làm việc với người Mỹ trước khi có cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Ông từng đánh giá cao người Mỹ. Sau chiến tranh, tất nhiên Phạm Xuân Ân muốn con trai mình cũng như vậy. Phạm Xuân Ân nói: "Đảng dạy tôi những điều về hệ tư tưởng. Từ người Mỹ, tôi học được những điều quan trọng khác về nghề báo và phương pháp tư duy. Đó là điều tôi muốn con mình cũng học được như vậy. Tôi muốn con trai tôi có những người bạn là người Mỹ".

Phạm Xuân Ân cũng tin tưởng rằng con trai mình có thể đại diện cho một cây cầu mới nối giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Mỹ trong thời kỳ sau chiến tranh. "Suốt cuộc đời mình, tôi chỉ có hai trách nhiệm. Một là nghĩa vụ của tôi đối với Tổ quốc. Hai là trách nhiệm của tôi đối với những người bạn Mỹ - những người đã dạy cho tôi mọi điều từ A đến Z, đặc biệt là nhân dân Mỹ. Mong ước của tôi là: Đấu tranh cho đến khi đất nước giành được độc lập và sau đó, lập quan hệ ngoại giao và bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, được như vậy thì tôi có thể mỉm cười mà nhắm mắt xuôi tay bất cứ lúc nào cũng thoải lòng rồi".

Phạm Xuân Ân tiên liệu rằng những người bạn Mỹ của ông sẽ giúp đỡ ông, bởi vì họ sẽ còn nhớ ông với tư cách một người đồng nghiệp, chứ không phải là một kẻ thù là đất nước họ, hoặc một kẻ phản bội lại sự tin cậy của họ. "Họ biết rằng tôi là người luôn luôn giúp đỡ họ và rằng tôi không phải là kẻ thù của họ. Tôi đã đấu tranh cho đất nước tôi, chứ không phải chống lại người Mỹ", Phạm Xuân Ân đã nói như vậy, có ý thanh minh cho việc ông từng là một trùm điệp viên của phía bên kia. David Halberstam nói: "Nếu có một người nào đó nắm bắt được giữa hai thế giới, thì người đó chính là Phạm Xuân Ân. Những ai không sống ở Việt Nam trong những năm tháng đó, thì sẽ khó mà hiểu nổi sự phức tạp này".

Vào thời điểm năm 1989, giữa Việt Nam và Hoa Kỳ chưa có mối quan hệ ngoại giao chính thức nào. Không có đại sứ quán, cũng như chẳng có toà tổng lãnh sự. Chỉ có một nhóm nhỏ sinh viên Việt Nam nhận visa sang học tập tại Hoa Kỳ. Sự hợp tác giữa hai nước chỉ mới bắt đầu ở khâu giải quyết số phận những người Mỹ mất tích khi đang làm nhiệm vụ (MIA). Tất cả đều không có gì, mãi cho đến mùa xuân năm 1991, phía Mỹ mới có một văn phòng ở Hà Nội để phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề liên quan tới MIA. Mặc dù vậy, tất cả những điều khó khăn này vẫn không thể cản trở được Robert Sam Anson và Frank McCulloch mở một cuộc vận động nhằm đưa cháu Phạm Ân sang học ở Mỹ, cũng như không thể cản trở nỗi người cha của chàng thanh niên trong việc phối hợp các

nỗ lực từ phía Việt Nam.

Đối với Robert Sam Anson, đây là một cơ hội để ông trả món nợ đời với Phạm Xuân Ẩn. Đối với Frank McCulloch, khi đó là Trưởng ban biên tập của tờ San Francisco Examiner thì đây là cách bày tỏ sự kính trọng đối với Phạm Xuân Ẩn, cũng như niềm tin sâu sắc vào tương lai. Frank chia sẻ niềm hy vọng với Phạm Xuân Ẩn về một sự hoà giải giữa hai kẻ thù cũ. Ông coi việc cháu Phạm Ân sang du học ở Mỹ sẽ là một nhân tố chính của ước mơ hy vọng đó. McCulloch nói với tôi: "Chúng tôi không quên góp tiền cho các con của Nguyễn Văn Thiệu hay Nguyễn Cao Kỳ. Đó là cách thể hiện sự tôn trọng và khâm phục của mọi người đối với Phạm Xuân Ẩn. Chúng tôi đặt điều kiện rằng sau khi hoàn thành khoá học, cháu Phạm Ân phải trở về Việt Nam".

McCulloch có nhiều lý do để đặt niềm tin vào tính cách của chàng thanh niên mà ông đứng ra bảo lãnh. Bài luận mà Phạm Ân viết trong đơn xin học tại Trường Đại học Bắc Carolina thể hiện sự chín chắn và hiểu biết của người viết về quá trình hoà giải: "Chúng ta đang sống trong một thời đại mà không một nước nào có thể tồn tại được nếu đứng riêng ra, bị cô lập với phần còn lại của thế giới. Đây là thời đại của sự hợp tác để cùng tồn tại. Tôi không thấy lý do gì mà Việt Nam lại là một ngoại lệ. Sau hàng loạt sự kiện ở Đông Âu, tôi vui mừng thấy Việt Nam đã có chính sách mở cửa sớm hơn các nước Đông Âu. Nhờ chính sách này, chúng tôi giờ đây đang đi đúng hướng để xoá bỏ đói nghèo. Tôi có thuận lợi là đã từng sống và học tập cả ở Liên Xô và Hoa Kỳ khi tôi còn ở tuổi teen... Tôi mong ước có thể được sang Mỹ học tập ngành báo chí và kinh tế học để tiếp thu những tinh hoa của xã hội Mỹ. Sau đó, khi trở về nước, tôi có thể nói với nhân dân tôi về văn hoá, lịch sử, và con người, cũng như những thành tựu mới nhất trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, và công nghệ của một siêu cường tiên tiến này. Bằng cách đó, tôi hy vọng thiết lập được cầu nối giữa nhân dân hai nước, nhằm xoá bỏ những sự hiểu lầm và những thành kiến giữa hai dân tộc chúng ta... Nguyên vọng của tôi là nhân dân tôi được hạnh phúc và thịnh vượng".

Có lẽ trở ngại lớn nhất cho quá trình thực hiện kế hoạch này là việc Morley Safer cho xuất bản cuốn sách mang tựa đề Hồi tưởng: về chuyến trở lại Việt Nam. Ngay từ đầu, cuốn sách này đã thu hút sự quan tâm rộng rãi, bởi vì có một chương viết về một cuộc thảo luận rất thành thật của tác giả với Phạm Xuân Ẩn. Tạp chí New York Times Chủ Nhật số ra ngày 11/8/1990 đã đăng một đoạn trích trong cuốn sách đó với cái tit giật gân: Làm gián điệp cho Hà Nội cùng lời tựa "Trong 10 năm, Phạm Xuân Ẩn là một phóng viên có giá trị của Tạp chí Time ở Sài Gòn. Nhưng có một điều mà các trưởng ban biên tập của ông không biết, đó là suốt thời gian ấy, ông đã làm gián điệp cho Hà Nội". Trước đó một năm, trên tờ Tin chiến tranh, Bob Anson đã cho in một bài viết của ông về vai trò của Phạm Xuân Ẩn trong việc giải thoát cho chính bản thân Anson khỏi bị giam giữ. Giờ đây đang sống ở Bangkok, Anson nhận được một bản thảo chưa biên tập của Safer do một nhà báo từ New York gửi cho, vì nhà báo này biết cả Anson lẫn Phạm Xuân Ẩn. Khi đọc đoạn nói về Phạm Xuân Ẩn, Anson

cảm thấy ngay người bạn của mình sẽ bị ảnh hưởng. Anson càng nổi cáu hơn khi nghe Safer thừa nhận rằng ông ta không hề ghi chép gì khi nói chuyện với Phạm Xuân Ẩn. Khi đó Safer có một người trợ lý đi cùng và Phạm Xuân Ẩn, ba ông uống hết một chai rượu Uyt-xki Bạch Mã (White Horse) trong lúc nói chuyện. Anson lo ngại rằng người đã từng cứu mạng sống cho ông sắp phải chịu thiệt thòi vì nội dung ông đã trả lời phỏng vấn Safer. Anson đã khẩn trương làm thủ tục xin visa và lấy vé chuyến bay sớm nhất từ Bangkok đi Thành phố Hồ Chí Minh để gặp Phạm Xuân Ẩn.

Phạm Xuân Ẩn nói với tôi rằng, ông cứ nghĩ cuộc nói chuyện của ông với Safer chỉ là cuộc trao đổi không trích dẫn; đó chỉ là một cuộc gặp nhau giữa hai người bạn và uống hết một chai rượu Uyt-xki. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi không hề nghĩ rằng Safer lại cho đăng báo về cuộc nói chuyện của chúng tôi. Hôm đó, tôi rất vui vì có bạn đồng nghiệp nói chuyện cùng".

Sau đó, Anson và Phạm Xuân Ẩn cùng dò từng dòng bản thảo nhằm cấu trúc lại nội dung cuộc trò chuyện.

Hai người biên tập lại để làm giảm sự nhạy cảm xuống đến mức mà Phạm Xuân Ẩn hy vọng sẽ không gây nguy hiểm cho việc xin visa nhập cảnh Mỹ của con trai mình. Phạm Xuân Ẩn không quan tâm đến bất cứ điều gì có thể xảy ra đối với ông. Và do sự tôn trọng nghề nghiệp của mình, Phạm Xuân Ẩn quyết định không tranh cãi với Safer về quyền đăng tải cuộc phỏng vấn. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi có thể kiểm duyệt, nhưng tôi không làm điều đó và tôi chỉ cố gắng làm rõ những gì tôi đã nghĩ và tôi nói thôi".

Cuốn sách nói trên của Safer dự định sẽ được Nhà xuất bản Random House ấn hành. Với Nhà xuất bản này, Anson cũng đã từng xuất bản cuốn Những ý định tốt nhất: Sự giáo dục và Giết chóc của Edmund Perry.

Anson liền điện thoại cho Nhà xuất bản Random House. "Tôi đã cầu xin họ thông qua điện thoại, ba hoặc tám lần gì đó, để bình luận về phương pháp viết bài của Morley Safer", Anson nói. Ngoài ra, Anson còn nói cho Nhà xuất bản biết về chuyến thăm Phạm Xuân Ẩn vừa qua của ông, đồng thời đề nghị Nhà xuất bản Random House và tác giả Safer biên tập lại đoạn dẫn đó trước khi cho in. Cả tác giả và Nhà xuất bản đều đồng ý.

Đoạn kể về cuộc trò chuyện xuất hiện trên bản in cuối cùng đã được làm giảm giọng điệu xuống đến mức đáng kể so với nguyên gốc, nhưng vẫn còn đầy tính thẳng thắn đặc trưng của Phạm Xuân Ẩn. Khi trả lời câu hỏi của Safer liên quan đến cơ quan mà ông đã làm việc: "Sự thật à? Sự thật nào? Chỉ có một sự thật là trong suốt 10 năm, tôi là một phóng viên cho Tạp chí Time và trước đó là cho Reuters. Một sự thật khác nữa là tôi đã tham gia phong trào từ năm 1944 và dù ít dù nhiều, cũng là một phần của phong trào từ đó. Hai sự thật... cả hai sự thật đều là sự thật".

Khi trả lời câu hỏi của Safer về các hoạt động tình báo của Phạm Xuân Ẩn: "Công việc thực sự bắt đầu từ năm 1960, khi tôi đang làm việc cho Reuters. Tôi đã giữ chức trung đoàn trưởng... Trong

những năm làm việc với Tạp chí Time, tôi được thăng hàm đại tá. Tôi đã tiếp cận được tất cả các cơ sở của miền Nam Việt Nam và các chỉ huy của họ. Cấp trên của tôi muốn biết sức mạnh của từng đơn vị khác nhau. Họ muốn đánh giá ước lượng về năng lực của những người chỉ huy - những người tham nhũng và những người có thể tha hoá".

Các câu hỏi và trả lời đạt đến độ nhạy cảm khi Safer hỏi tại sao cuộc cách mạng(1) lại chưa thành công. "Có rất nhiều lý do. Nhiều sai lầm đã mắc phải chẳng qua chỉ vì sự dốt nát. Giống như mọi cuộc cách mạng, chúng tôi gọi đó là cuộc cách mạng của nhân dân, nhưng tất nhiên nhân dân là người đầu tiên phải hứng chịu hậu quả... chừng nào còn những người nằm ngủ bên đường phố, thì chừng đó còn thất bại. Không phải những nhà lãnh đạo là những người độc ác, nhưng tác động hiệu quả của chủ nghĩa gia trưởng và lý thuyết kinh tế đã bị mất niềm tin là như nhau".

Safer hỏi: "Ông có sợ về việc đã nói thẳng thắn như vậy không? Có nguy hiểm gì cho ông không" Phạm Xuân Ân đáp lại giống như ông đã từng nói năm 1990 và năm 2006: "Mọi người đều biết tôi cảm thấy thế nào. Tôi công khai nói điều đó. Tôi chưa bao giờ... Tôi đã già quá đến mức không thể thay đổi được nữa. Tôi đã quá già đến mức không thể im lặng được nữa". Khi Safer hỏi về cải cách kinh tế vừa qua ở Việt Nam, Phạm Xuân Ân nói: "Đó chính là điều làm tôi buồn lòng. Khi nhìn thấy sự nhiệt tình đang diễn ra với sự phấn khích trước một vài cải cách kinh tế. Nó gợi ra một ý về những khả năng nào đó cho đất nước, nếu chúng tôi không chỉ có hoà bình, mà cả những điều khác nữa". Một trong những câu hỏi cuối cùng của Safer đặt ra với Phạm Xuân Ân là ông có cảm thấy hối tiếc điều gì không: Phạm Xuân Ân nói: "Tôi ghét câu hỏi đó. Tôi đã tự hỏi mình với câu hỏi đó cả ngàn lần. Nhưng câu trả lời còn làm cho tôi ghét hơn. Không? Tôi không có gì phải hối tiếc. Tôi phải làm điều ấy. Tôi yêu nước Mỹ, nhưng Mỹ chẳng có quyền gì ở đây. Người Mỹ đã phải ra khỏi Việt Nam bằng cách này hay cách khác. Chúng ta phải tự lựa chọn lấy chỗ này".

Khi cuộc phỏng vấn gần kết thúc, Safer nêu câu hỏi: "Họ có để cho ông ra đi không?" Phạm Xuân Ân đáp: "Tôi không biết. Tôi không muốn đi. Nhưng ít nhất thì tôi cũng muốn các con tôi được sang Mỹ để học tập".

Sau khi cuộc trả lời phỏng vấn của ông với Safer được đưa ra công chúng, tất cả những gì Phạm Xuân Ân có thể làm chỉ là hy vọng rằng nhà chức trách không gây khó dễ đối với ông. Một trong những kết quả tức thì được người bạn của Phạm Xuân Ân là Douglas Pi ke đưa tin nói rằng, sự giám sát đã được tăng cường, bởi vì nhà chức trách tin rằng Phạm Xuân Ân đã "tiết lộ bí mật quốc gia trong cuộc trả lời phỏng vấn của Safer".

"Tôi cũng lo vì dễ có ai đó bên an ninh chỉ vì tôi mà không cho con trai tôi đi. Nhưng lần này tôi đã may mắn. Tôi cho rằng họ đã nghĩ chúng ta có thể làm cho ông ta không nói gì nữa bằng cách gửi con ông ta sang Mỹ. Do vậy mà điều thực sự xảy ra ngược hẳn lại với điều tôi đã nghĩ. Cách nói của họ là "cám ơn về nhà, đọc sách và giữ yên lặng". Khi tôi hỏi Frank tại sao Hà Nội lại cho cháu Ân đi,

Frank cũng nói tương tự như lời Phạm Xuân Ân: "Đề tạo ra cảm giác hoàn hảo. Đó là hãy gia ơn cho ông già, để xem sau khi đã làm một điều tốt lớn lao như vậy, liệu có thể làm cho ông ta bớt nói đi không. Ngoài ra, tôi nghĩ không có bất cứ lý do nào khác để giải thích cho việc tại sao họ lại làm như vậy".

Cho đến nay, tôi vẫn còn chưa hiểu được tại sao Chính phủ Mỹ có thể cho người con cả của một điệp viên Cộng sản lổi lạc vào một đất nước ở thời điểm rất khó xin visa như vậy. Phải chăng đã có một người nào đó điện thoại cho ai đó nói rằng tôi còn nợ anh hoặc là gây áp lực với ai đó tại Bộ Ngoại giao Mỹ hoặc một cơ quan nào đó của Mỹ để buộc phải giúp đỡ con trai của Phạm Xuân Ân? Liệu Phạm Xuân Ân có sự ảnh hưởng như vậy đối với phía bên kia không? Nếu có thì tất cả những cái đó nói lên điều gì? Chẳng hạn, tại sao William Colby lại đề nghị được gặp Phạm Xuân Ân trong cả hai lần ông ta sang thăm Việt Nam? Phạm Xuân Ân nói: "Tôi không thể chấp nhận lời mời bởi vì cái cách người ta nhìn nhận. Họ đã nghi ngờ tôi là CIA". Liệu Colby có phải chỉ muốn thăm một người bạn cũ để ngả mũ ra đùa? Hay là còn có một lớp vỏ sâu hơn nào đó chỉ dẫn đến những câu hỏi mà không bao giờ được trả lời?

Bob Anson đã tình nguyện sử dụng các mối quan hệ của gia đình ông để xem liệu cháu Ân có được chấp nhận vào Khoa Báo chí của Trường Đại học Bắc Carolina hay không? Bây giờ đã cưới vợ mới, Anson có mẹ vợ là bà Georgia Kyser sống ở Chapel Hill đang có quan hệ thân thiết với Trường đại học Bắc Carolina. Anson viết thư cho McCulloch: "Georgia là một phụ nữ miền Nam tuyệt vời. Bà thực sự có mối liên hệ với Trường Đại học Bắc Carolina và cộng đồng, do vậy đó sẽ là điều thuận lợi lý tưởng".

Trên thực tế, bà Georgia có quan hệ rất tốt với Trường Đại học North Carolina ở Chapel Hill. Bà là vợ của ông James Kern "Kay" Kyser, một người nổi tiếng trong giới phát thanh, một lãnh đạo ban nhạc nổi tiếng, một cựu sinh viên Trường Đại học North Carolina, và là một trong những người ủng hộ nhiều nhất cho nhà trường. Năm 1943, ông James Kyser gặp bà Georgia Carroll, một người mẫu tóc vàng từng xuất hiện trong một vài bộ phim, kể cả có lần đóng vai Betsy Ross trong bộ phim ca nhạc Yankee Doodle Dandy của James Cagney năm 1942. Sau đó một năm, hai người cưới nhau. Bà Georgia phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc ba cô con gái Kimberly, Carroll, và Amanda. Gia đình nhà Kysers sống trong một ngôi nhà cổ kính nhất vùng Chapel Hill ở gần khu học xá của Trường Đại học North Carolina.

Bà Georgia đồng ý thu xếp chỗ ở cho cháu Ân tại một căn hộ ở tầng trệt đầy đủ tiện nghi của nhà mình. Cho đến ngày nay, Ân vẫn gọi bà là Mamo, nghĩa là "mẹ thứ hai". Ân cũng tự hào là thủ lĩnh của bé Gigi, con gái của Robert Sam và Amada Anson. Bà Georgia nhớ lại: "Cháu Ân là một trong những sự kiện lớn lao nhất đã từng xảy ra đối với tôi. Chúng tôi ở đây, hai người từ hai nơi khác nhau của thế giới, khác nhau cả về chính trị, và trong quá khứ, hai nước từng có chiến tranh, nhưng

chúng tôi liên kết được với nhau với tư cách là con người. Thực sự đây là lần đầu tiên trong đời mình tôi có một người bạn châu Á. Cháu Ân là niềm vui của tôi".

Xin cho Ân được nhận vào học tại Khoa Báo chí, Trường Đại học North Carolina là một trong những nhiệm vụ dễ dàng nhất có liên quan. Trong một lá thư đề ngày 7/5/1990, Chủ tịch Trường Đại học North Carolina là C. D. Spangler gửi cho Anson nói rằng: "Đại học North Carolina ở Chapel Hill sẽ vui lòng chấp nhận anh Ân vào học tại Khoa Báo chí với tư cách sinh viên phi bằng cấp".

Chương trình phi bằng cấp kéo dài một năm là rất bổ ích cho các sinh viên nước ngoài, vì họ có thể tham dự các lớp học mà không bị ràng buộc vào những yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên, chương trình này không kèm với sự hỗ trợ tài chính thuộc bất kỳ loại nào. Nếu Ân học tốt ở năm đầu tiên và sau đó, làm tốt các bài kiểm tra GRE, cháu hoàn toàn có thể trúng tuyển vào chương trình thạc sĩ báo chí. Ngay trước ngày Quốc tế Lao động vào cuối tuần của năm 1990, Anson nhận được một lá thư của Phạm Xuân Ân - người đang phối hợp các việc từ phía Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu Ân cần ba loại giấy tờ để xin visa xuất cảnh. Thứ nhất, một lá thư chính thức chấp nhận của Trường Đại học, lá thư này đã có. Thứ hai, người bảo lãnh chính thức trong thời gian ở Hoa Kỳ (Trường Đại học cũng yêu cầu điều này). Thứ ba, visa nhập cảnh Hoa Kỳ. Cùng với một số thủ tục khác, việc này cần phải có thời gian hai tuần để kiểm tra an ninh tại Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Bangkok. Anson điện cho McCulloch nói: "Tôi đang làm việc để giải quyết xong những việc này. Và phía Việt Nam, ông Nguyễn Quang Dy, Tuỳ viên báo chí địa phương, đã hứa sẽ làm tất cả mọi điều để giúp tăng tốc các khâu thủ tục".

Nhiệm vụ trước mắt là quyên góp tiền. Do cháu Ân không được nhận hỗ trợ tài chính của Trường Đại học North Carolina, nên phải dựa vào sự giúp đỡ của các đồng nghiệp cũ của ông Phạm Xuân Ân. Hôm đó đang nghỉ cuối tuần và ngày lễ Quốc tế Lao động, nên phải đến ngày thứ ba McCulloch mới có kế hoạch phát động chiến dịch quyên góp tiền. McCulloch điện cho Bob Anson: "Nói với Phạm Xuân Ân là có thiện chí rồi. Bánh xe đã bắt đầu quay, tuy nhiên vẫn còn chậm".

Trong một lá thư gửi cho "những người bạn thân" đề ngày 4/9/1990, McCulloch viết: "Tôi xin lỗi vì đã không thể viết riêng cho từng người, nhưng do thời gian không còn nhiều và cách này có vẻ là hiệu quả nhất. Tôi nghĩ rằng về quan hệ cá nhân hầu hết các bạn đều biết Phạm Xuân Ân hoặc nếu ai không có quan hệ với ông ấy, thì sẽ nhớ ông như một phóng viên của Tạp chí Time-Life ở Sài Gòn. Ông từng là chủ đề cho một chương độc hại trong cuốn sách của Morley Safer được phép đăng tải một số đoạn trích trên Tạp chí New York Time Chủ Nhật vừa qua. Nhiều thế hệ đã thay đổi và giờ đây con trai lớn của Phạm Xuân Ân, cháu Ân, rất muốn tới Mỹ để học ngành báo chí - không phải là cách để chạy trốn ra khỏi Việt Nam mà theo lời cháu, thì khi về nước có nhiều kỹ năng mới để phục vụ nhân dân tôi".

McCulloch cảm ơn Anson vì đã lấy được cam kết từ phía Trường Đại học North Carolina, đã dàn

xếp được nơi ở cho cháu Ân tại nhà bà mẹ vợ của Anson, và đã bắt đầu cho lẫn "bánh xe quan liêu ở cả bên Hoa Kỳ lẫn Hà Nội. Điều mà chúng ta còn thiếu ở đây là nguyên liệu để sắp xếp tất cả những việc nói trên vào với nhau, nói đơn giản tức là tiền. Theo ước tính của chúng tôi thì cháu Ân cần 11.000 USD cho mỗi năm học. Số tiền này để chi phí cho mọi thứ, từ vé máy bay khứ hồi cho đến học phí, tiền mua sách, ăn, ở. Trước khi chiến dịch chính thức phát động, chúng tôi đã quyên góp được 3.000 USD, trong đó 1.000 USD từ Neil Sheehan và 2.000 USD từ Chủ tịch Trường Đại học North Carolina Spangler được coi là quà của cá nhân ông. Anson viết: "Chúng tôi vẫn còn thiếu khoảng 7.500 USD nữa. Tốt nhất là Tạp chí Time gánh hết, nhưng nói thật, tôi không nghĩ rằng Time lại giúp đỡ. Theo bà Susan, vợ của nhà báo Neil Sheehan, hai vợ chồng bà đã nêu vấn đề giúp đỡ Phạm Xuân Ân trong một bữa ăn tối với một vài lãnh đạo của Tạp chí Time cách đây mấy tháng. Với cách nhìn cho rằng Phạm Xuân Ân đã làm việc cho Tạp chí Time trong một thời gian dài mà bị trả lương thấp, hơn nữa hiện nay ông vẫn còn tiếp tục giúp đỡ bất cứ ai và toàn bộ phóng viên của Tạp chí Time ghé qua Sài Gòn. Nhưng các nhà lãnh đạo Tạp chí Time đã thẳng thừng bác bỏ. Tôi thấy hành động của Tạp chí Time là thô lỗ và rất lạ, nhưng nó vẫn xảy ra như thế đấy".

Anson gợi ý cần có người đến tiếp cận với báo New Yorker và nhận sự trợ giúp để tưởng nhớ Robert Shaplen, người đã qua đời tháng 5/1988. Nhưng Anson e ngại rằng, không có tổ chức, cơ quan nào bảo trợ, thì việc quyên góp từ các cá nhân sẽ trở nên khó khăn hơn. Anson lập một danh sách những người có thể tiếp cận được để vận động quyên góp gồm "David Greenway, Dick Clurman, Murray Gart, và tiếp đó là những phóng viên như Bill Stewart đang là trưởng phân xã ở Hong Kong, mà chính ông Phạm Xuân Ân cũng đã viết thư trực tiếp đề nghị giúp đỡ, Stanley Cloud - người vừa đến gặp Phạm Xuân Ân, Laura Palmer - người luôn hết lòng vì Phạm Xuân Ân, Jim Willwerth của phân xã Los Angeles, Burt Pines của Quỹ Di sản, Bill Marmon, Pippa Marsh, Jon Larsen, Jim Wilde, John Sarr - cựu phóng viên Tạp chí Time tại Sài Gòn, nhưng nay đang viết cho Tạp chí People, Dick Swanson và Germaine - người chống Cộng sản điên cuồng, và... Beverly Deepe.

Việc thông tin liên lạc với Phạm Xuân Ân cũng là một vấn đề khó khăn. Sau cuộc trả lời phỏng vấn của Safer, sự giám sát đối với ông được tăng cường. Phạm Xuân Ân lại không có máy điện thoại hoặc fax. Anson phân trần với McCulloch: "Thậm chí cho đến bây giờ, tôi vẫn phải tự bay sang Sài Gòn hoặc gửi thư như kiểu gửi qua chim bồ câu mỗi khi có phóng viên nào sang Việt Nam. Nhưng rồi "chim bồ câu" cũng có trục trặc, vì thời gian đó rất ít khi có phóng viên sang Sài Gòn. Rất may, tôi đã "tuyển" được ít nhất là một người giúp làm liên lạc. Người đó là cô Alison Krupnick làm việc cho Chương trình "Ra đi có trật tự" (ODP) của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Là người nói trôi chảy tiếng Việt, Alison đến Sài Gòn thường xuyên và chuyến đi sắp tới của cô dự định vào ngày 3 tháng 9. Nếu ông có thông tin gì cho Phạm Xuân Ân từ nay đến thời gian đó, thì fax ngay cho tôi càng sớm càng tốt. Tôi hy vọng là cô Alison sẽ giúp chúng ta như một con chim bồ câu thường xuyên bay sang đó,

nhưng việc cô ấy sang Sài Gòn sắp tới cũng chưa có quyết định chính thức".

Alison Krupnick làm việc 10 năm trong ngành ngoại giao, được phân công làm việc cho Chương trình ODP từ tháng 12/1988 đến tháng 7/1992. Có lẽ, cô đã từng hơn 30 lần sang Việt Nam trong thời kỳ đó.

"Thời kỳ cao điểm của Chương trình ODP rơi vào nhiệm kỳ công tác của tôi. Mỗi tháng, chúng tôi sang Việt Nam hai lần, mỗi lần để tổ chức hai cuộc phỏng vấn mỗi cuộc kéo dài hai tuần". Alison Krupnick nhớ lại hôm đến thăm nhà ông Phạm Xuân Ẩn, bề ngoài là để hỏi ông về việc liệu Ẩn có biết cha mình là tình báo viên trong thời gian chiến tranh hay không. "Tôi rất nhớ tôi đã bị ấn tượng mạnh, bởi phong cách đầy phẩm hạnh của ông Phạm Xuân Ẩn. Việc được gặp ông lại thêm một minh chứng nữa cho tôi về sự phức tạp của cuộc đấu tranh vì độc lập của người Việt Nam. Rõ ràng là rất nhiều nhà báo đã tỏ lòng kính trọng và tin cậy Phạm Xuân Ẩn. Vậy mà ông lại là một điệp viên. Điều đó khiến tôi tự hỏi phải chăng ông là con người luôn làm việc theo lương tâm của mình, một người luôn đấu tranh với lương tâm của mình, hay đơn giản đó chỉ là một người cơ hội... Là một người Mỹ còn trẻ tuổi và ngây thơ, lại chưa từng trực tiếp trải qua chiến tranh, tôi chỉ có thể mừng rỡ tưởng tượng rằng người ta có thể làm được điều đó một khi nguyên tắc của họ bị xâm phạm hoặc an ninh của gia đình họ bị đe dọa. Câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn giống như những câu chuyện của nhiều người mà tôi đã từng gặp đã nhắc nhở tôi một điều rằng mọi thứ trên đời không phải lúc nào cũng rõ ràng như hai màu đen và trắng".

Phạm Xuân Ẩn nhớ lại: "Alison Krupnick đến để kiểm tra tôi và muốn biết con trai tôi có biết gì về cuộc chiến tranh không. Tôi đã nói với cô ấy rằng tôi hoạt động đơn tuyến, nên chẳng có ai giúp đỡ tôi và rằng tôi là một con sói cô đơn. Vì thế, con trai tôi chẳng biết gì. Cháu hoàn toàn mù tịt về những gì tôi đã làm. Cháu nó chỉ biết vào năm 1976, tôi được phong tặng danh hiệu Anh hùng". Sau đó, câu chuyện của hai người chuyên sang đề tài chiêm tinh học và Phạm Xuân Ẩn phát hiện ra rằng cả ông và cô Alison Krupnick đều thuộc cung xử nữ. "Sau đó, tôi cho cô Alison Krupnick mượn cuốn thuật bói toán bằng tiếng Pháp của tôi. Tôi nói với cô ấy rằng tôi rất mê tín, sinh ra dưới sao chiếu mệnh cung xử nữ, và tôi cảm thấy một dấu hiệu tốt lành khi có một phụ nữ đến để kiểm tra tất cả những điều này. Tôi cảm thấy đây là dấu hiệu của việc mình được bảo vệ". Krupnick khẳng định có một cuộc trao đổi như vậy đã diễn ra và cô còn nói thêm rằng "vâng tôi là người mang mệnh xử nữ. Tôi vẫn thấy buồn cười mỗi khi nhớ lại một người đầy nhân cách như ông Phạm Xuân Ẩn có lần hỏi tôi có bị rối loạn tiêu hoá không bởi vì những người nào mang cung mệnh này rất hay bị rối loạn tiêu hoá. Hình như những cuộc chuyện trò chẳng đâu vào đâu như vậy thường thấy ở Việt Nam". Krupnick cũng nói với ông Phạm Xuân Ẩn rằng cô đã sống ở Monterey thời kỳ học tiếng Việt tại Học viện quốc tế học Monterey và đã được nhận bằng cử nhân văn chương. Phạm Xuân Ẩn kể lại cho cô nghe chuyện ngày ông được mời dạy tiếng Việt cho một đoàn cố vấn Mỹ chuẩn bị sang Việt

Nam và nghĩ một cách hài hước rằng, nếu ngày ấy ông nhận công việc đó chắc ông đã là thầy giáo dạy tiếng Việt cho cô rồi.

Giờ đây, Anson làm việc phối hợp chặt chẽ với bà Judith Ladinsky - người đã vạch ra kế hoạch rất chi tiết để giúp cháu Ân nhận được visa. Bà Judith Ladinsky còn sẵn sàng làm giúp mọi thủ tục giấy tờ giữa Hà Nội và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, một khi xác nhận được ai là người bảo trợ cho cháu Ân. Công việc của bà Ladinsky là một huyền thoại ở Việt Nam: Bà đã giúp đỡ Ủy ban Hoa Kỳ về Hợp tác khoa học xây dựng một phòng khám đa khoa phát đạt thiết lập chương trình nghiên cứu hỗn hợp và chương trình chăm sóc sức khoẻ ban đầu nhi khoa, giải phẫu, dinh dưỡng, HIV/AIDS và điều trị bệnh ung thư. Một phần nhiệm vụ của Ủy ban Hoa Kỳ về Hợp tác khoa học là thúc đẩy cho sinh viên Việt Nam được sang Hoa Kỳ học tại các trường đại học. Chương trình trao đổi giáo dục Việt Nam của bà Judith Ladinsky tổ chức kiểm tra tiếng Anh TOEFL mỗi năm hai lần ở Việt Nam. Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Con trai tôi chắc sẽ chẳng đi được nếu không có sự giúp đỡ của bà Judith Ladinsky". Một trong những lời khuyên quan trọng nhất của bà Ladinsky là cần có một lá thư gửi cho ông Henry Dearman, Trưởng Khoa Đào tạo sau đại học, để đề nghị ông cho miễn giấy của người bảo lãnh để cháu Ân có thể được áp dụng mẫu nhập cư I-20 khi xin visa. Anson liền gợi ý tất cả các nhà báo bạn bè của ông Phạm Xuân Ân ký tên vào đơn, rồi chuyển cho Trường Đại học North Carolina. Trong danh sách đó có cả tên của Giám đốc CIA William Colby, bạn của ông Phạm Xuân Ân "vì biết chắc là chẳng ai kiểm tra điều đó".

Rất may, ông Trưởng khoa Dearman đã miễn mục yêu cầu về người bảo trợ, vì Chủ tịch Spangler của Trường UNC đã có quà riêng cho cháu Ân, hơn nữa gia đình Kyser có mối quan hệ tốt với Nhà trường UNC. Tôi hỏi bà Amanda Anson vì sao ông Chủ tịch Spangler lại giúp đỡ Ân nhiều như vậy? Bà đáp: "Vì ông ấy là chủ tịch mới của Trường UNC và sống chỉ cách nhà mẹ tôi có hai toà nhà. Ông Spangler vừa được bổ nhiệm thay thế một vị chủ tịch rất được nhiều người yêu mến tên là Bill Friday. Đây là trường hợp một nhân vật mới trợ giúp một sự nghiệp chân chính. Thời gian về sau càng chứng tỏ rằng, ông ấy tin tưởng ở Ân rất nhiều, giống như bất kỳ ai khác. Sau này, ông Spangler đã đến thăm gia đình Phạm Xuân Ân ba lần tại Việt Nam và đó cũng là dịp để cha của cháu Ân bày tỏ lời cảm ơn".

Trong giai đoạn này, những nỗ lực của Frank McCulloch trở nên đáng kể nhất, vì đúng vào lúc chính gia đình ông đang trải qua một cuộc khủng hoảng. Con trai của Frank McCulloch ốm rất nặng và sắp qua đời, nên ông phải nghỉ việc để dành thời gian cho gia đình. Mười lăm năm sau, Phạm Xuân Ân nhờ tôi chuyển giúp vài lời ghi âm sau đây đến Frank McCulloch: "Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với ông, vì đã giúp đỡ con trai tôi ở mức cao nhất mà ông có thể làm được, đặc biệt là trong hoàn cảnh rất khắc nghiệt đối với ông, vì ông chỉ có một đứa con trai, cháu làm luật sư, nhưng bị ốm nặng và không thể bình phục. Mọi người đều biết rằng cháu sắp từ bỏ ông mà đi vì không có thể

sống được lâu... trong hoàn cảnh căng thẳng và đầy áp lực như vậy mà ông vẫn dành nhiều thời gian để quyên góp tiền cho con trai tôi. Tôi thực sự biết ơn và đánh giá ông rất cao".

Nhờ sự giúp đỡ của bà Judith Ladinsky, Phạm Ân đã ký vào đơn gửi Chương trình Trao đổi Giáo dục Việt Nam để xin đi học báo chí ở Hoa Kỳ. Bà Ladinsky nhớ lại cuộc chuyện trò của bà với Phạm Ân: "Cháu là một thanh niên thú vị và dễ chịu, luôn biết đánh giá cao tất cả những gì mà cha cháu cũng như bạn bè của cha đã và đang làm cho cháu. Tôi đã hỏi Phạm Ân về vai trò của cha trong thời gian chiến tranh. Cháu cho biết, cha đã phải chịu áp lực rất lớn và cha đã biết ơn đến mức nào đối với những gì mà Tạp chí Time đã làm cho gia đình. Phạm Ân nói với tôi rằng cháu không thể hiểu nổi, vì sao cha có thể sống một cuộc sống đầy nguy hiểm như vậy trong một thời gian rất dài".

Trước đó gần 10 năm, Karsten Prager từng viết thư cho McCulloch, nói rằng: "Tôi luôn thích Phạm Xuân Ân, nhưng chưa bao giờ tôi hoàn toàn tin cậy ông". Sau này, Karsten Prager trở thành một mối liên lạc mới giữa Ân và Anson mỗi khi Frank đi vắng. Anson đã nói với Phó Phòng Lãnh sự Lay Woodruff tại Đại sứ quán Mỹ ở Bangkok: "Mỹ đã biết lai lịch của Phạm Xuân Ân trong thời kỳ chiến tranh và thấy về phía chúng ta không có sự rắc rối đặc biệt nào đối với cháu Ân. Woodruff trả lời rằng cháu Ân sẽ không gặp trục trặc nào trong việc nhận visa nhập cảnh Hoa Kỳ và bản thân ông đã cho điện về Washington đề nghị cho bánh xe quay theo hướng này".

Vào dịp lễ Tạ ơn năm 1990, mọi việc thẩm tra về an ninh đối với Phạm Ân đã được thông qua và cháu được cấp visa sinh viên hạng F-1. Những người bạn và đồng nghiệp của Phạm Xuân Ân đã quyên góp đủ tiền chi phí cho học trong hai năm ở Trường Đại học North Carolina. Phạm Xuân Ân gửi toàn bộ tiền hưu trí của ông do Tạp chí Time trả cùng với 8.000 USD nữa để đóng góp vào quỹ này. Các nhà báo tham gia đóng góp với tư cách cá nhân gồm Neil Sheehan, Stanley Karnow, John Larsen, John Apple, Morley Safer, John Gnyffm, Bill Plante, Don Moser, Stanley Cloud, Dan Brehs, Laura Palmer, Dick Swanson, Jason Shaplen, Dick Clurman, và một phần đóng góp của Tạp chí Time. Hầu hết, các đồng nghiệp đều chia sẻ những tình cảm mà Jack Laurence viết như sau: "Tôi rất vui lòng tham gia chiến dịch gây quỹ... tôi biết ơn các bạn đã cho tôi biết có một việc làm chính nghĩa đang cần được giúp đỡ".

Mọi giấy tờ của Ân đang chờ ở Đại sứ quán Mỹ tại Bangkok. Đến phút chót, một sự cố xảy ra. Trước hết, Ân phải bay ra Hà Nội để trực tiếp đến Đại sứ quán Thái Lan xin visa nhập cảnh Thái Lan. "Cô Judith Ladinsky đã giúp đỡ cháu rất nhiều ở công đoạn này", sau này cháu nói với tôi như vậy. Sau vài ngày ở Hà Nội, cháu lại phải trở về Thành phố Hồ Chí Minh trước khi bay sang Bangkok. Tại Bangkok, các nhân viên của Tạp chí Time đã giúp bố trí khách sạn và dẫn cháu đi mua một bộ complet mới. Hôm sau, cháu đến làm các thủ tục visa, qua một cuộc phỏng vấn ngắn gọn của Đại sứ quán Mỹ. Từ Bangkok, cháu bay thẳng sang New York, Anson ra sân bay John F. Kennedy đón cháu.

Bob Anson kể: "Tôi vẫn còn nhớ Ân đã vui thích như thế nào khi đến nhà tôi. Đón cháu tại sân bay, Ân vẫn còn mặc bộ complet mới mà Tạp chí Time đã mua cho ở Bangkok. Cháu giống như một đứa trẻ, rất vui thích khi được đến Disneyland".

Phạm Ân đã học hai năm ở Trường Đại học North Carolina, làm việc một nửa thời gian tại thư viện của nhà trường và có một kỳ thực tập ngắn tại một toà báo, giống hệt như cha cháu đã từng làm trước đó 30 năm tại báo Sacramento Bee. Trong một cử chỉ gọi cho tôi nhớ về cha cháu, Phạm Ân chạy đến một chiếc hộp ngăn kéo trong phòng đọc sách của gia đình, rồi rút ra những mẫu cắt báo những bài mà cháu đã viết.

Bài đầu tiên khiến tôi gần như không còn nghi ngờ gì về sự ảnh hưởng từ bóng dáng của cha cháu, nhưng đồng thời cháu cũng có những nét riêng. Bài báo xuất hiện trên tờ Chapel Hill Herald- Sun số ra ngày 29/5/1993, có tựa đề Nơi che chở động vật điều trị, phóng thích những con vẹt bị thương được ký tên "Ân Phạm, phóng viên".

Như đã hứa, năm 1993, Phạm Ân đã trở lại Việt Nam để bắt đầu làm việc tại Bộ Ngoại giao. Năm 1999, cháu giành được học bổng Fulbright, được học một khoá tại khoa Luật, Trường Đại học Duke, Hoa Kỳ. Khi cháu cần sự giúp đỡ về tài chính để dự thêm một học kỳ mùa hè tại Trường Đại học Duke, Chủ tịch Trường Đại học North Carolina Spangler đã không ngần ngại giúp cháu.

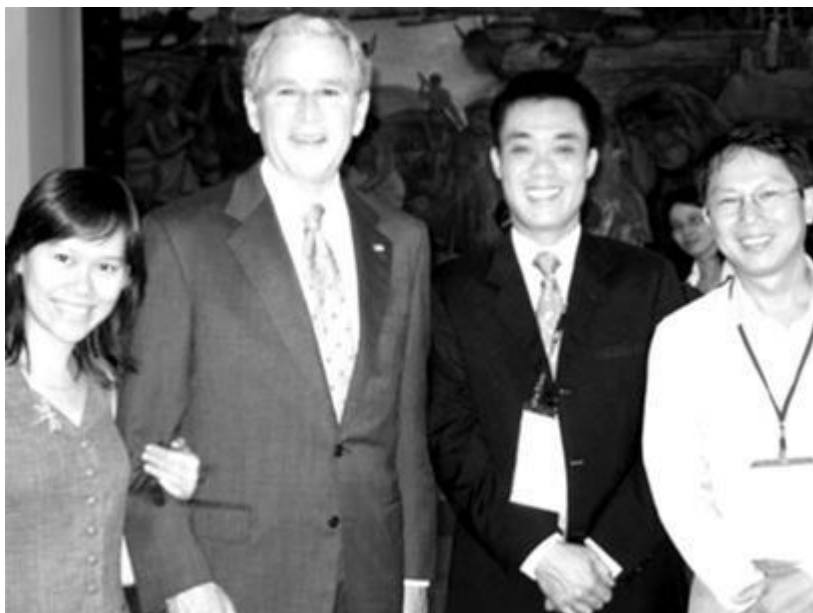
Mặc dù trong suốt ba năm học luật tại Trường Đại học Duke phải ở Durham, nhưng lễ Giáng sinh nào, Ân cũng về với gia đình Kysers. Ngày 16/12/2000, trong một bưu ảnh Giáng sinh gửi cho bà Georgia Kyser, Phạm Xuân Ân viết: "Vợ tôi và tôi rất biết ơn bà và mọi người đã coi cháu Phạm Ân là một thành viên trong gia đình mình. Đối với cháu, nhà bà chính là nơi ở thứ hai của cháu và cháu rất may mắn được trở lại bang North Carolina để được học thêm".

Tôi muốn kết thúc bằng một câu chuyện ngắn liên quan đến tôi của một người bạn tôi là Đại úy Mark Clodfelter thuộc Trường Cao đẳng Chiến tranh Quốc gia - người từng đưa lớp học của mình sang Việt Nam mùa xuân năm 2006. Mark và các bạn của ông đã được dự một buổi tiếp của ông Lê Quốc Hùng, Vụ trưởng một vụ ở Bộ Ngoại giao và là sếp của cháu Ân. Khi đó, Phạm Ân cùng dự, trao đổi và nói vài lời nhận xét trong phần hỏi đáp. "Ngày 8/5/2006, Phạm Ân gặp nhóm của chúng tôi gồm tám học viên (gồm cả không quân, bộ binh, hải quân, và thủy quân lục chiến, một người của Bộ Ngoại giao, một người của Bộ Không lực dân sự). Tất cả chúng tôi đều có ấn tượng sâu sắc bởi sự hiểu biết rất tinh tế của Phạm Ân về các mối quan hệ -đối ngoại của Hoa Kỳ, cũng như khả năng tiếng Anh lưu loát và cách diễn đạt của anh. Khi ra về, tất cả chúng tôi đều có ấn tượng mạnh trước sự hiểu biết tuyệt vời của anh Phạm Ân về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ".

Trong thời gian Tổng thống Mỹ George W. Bush thăm Việt Nam tháng 9/2006, Phạm Xuân Hoàng Ân được chọn làm phiên dịch cho cuộc trao đổi giữa Tổng thống Bush và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Phạm Ân nói với tôi: "Cháu ước gì ba cháu có mặt ở đây để chứng kiến những giây phút

này. Giọng của cháu đôi lúc đã nghẹn lại trong quá trình phiên dịch cho Tổng thống và Chủ tịch nước, cháu đã cố kiềm chế những giọt nước mắt của mình vì quá xúc động".

Vâng, cha của cháu đã từng tự hào về con trai mình, nhưng tôi nghĩ chắc ông còn cảm thấy hạnh phúc hơn khi các mối quan hệ giữa hai nước đã trở nên rất thân thiết và gần gũi với trái tim ông.



Phạm Xuân Hoàng Ân đứng cạnh Tổng thống George W. Bush tại Trung tâm chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (ảnh được in với sự đồng ý của Phạm Ân)

Chú thích:

(1) Cuộc các mạng trong phát triển kinh tế - xã hội. (NXB).

Larry Berman

Điệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

Chương kết

Một cuộc đời hai mặt khác thường

Vĩnh biệt người anh, người thầy, và người đồng nghiệp của chúng tôi - Hai Trung, một người Anh hùng Việt Nam trầm lặng, có nhiều phẩm chất khác thường, nhưng nhân đạo đến mức ông được cả

bạn bè lẫn kẻ thù kính trọng. Sự nhân đạo trong ông lớn hơn cuộc đời thực, gần như tất cả đều là sự bí ẩn. Giờ ông đã ra đi, cầu mong ông được yên nghỉ trong cuộc đời tiếp theo của mình. Tất cả mọi nỗi đau, sự trở trêu sự bí ẩn, và những kỷ ức về những ngày xưa tốt đẹp không phải tất cả đã được người thời hiểu đúng, cũng được ông mang theo sang thế giới bên kia.

Nguyễn Quang Dy, lưu bút trong sổ tang, ngày 22/9/2006



Sau hai ngày để cho công chúng đến viếng, tang lễ ông Phạm Xuân Ân được cử hành tại Nhà tang lễ của Bộ Quốc phòng

Tôi vừa hoàn thành bản thảo Điệp viên hoàn hảo, thì Phạm Xuân Ân qua đời vì bệnh phổi ngày 20/9/2006, chỉ 8 ngày sau sinh nhật lần thứ 79 của ông. Có một vài lý do khiến tôi khi nghe tin ông mất, liền nhớ về sinh nhật lần thứ 74 của ông, mà theo Phạm Xuân Ân, đó là "ngày xấu nhất trong đời tôi". Hai chiếc máy bay đã đâm vào Trung tâm Thương mại Thế giới cũng là lúc tại nửa bên kia của múi giờ quốc tế, Phạm Xuân Ân nhận được điện thoại bảo mở máy thu hình. "Tôi bị sốc lâm sàng. Tôi không nói không rằng và luôn trong tình trạng buồn phiền chán nản suốt một thời gian dài. Tôi không còn tâm trạng nào để tổ chức sinh nhật của mình hoặc làm bất cứ điều gì Tôi buồn quá". Cuộc chuyện trò đó diễn ra khi chúng tôi vừa gặp nhau. Vài năm sau, Phạm Xuân Ân đã đọc và hiểu thấu đáo báo cáo của Ủy ban 11/9. Trong hai ngày liền, ông nặng nề đòi tôi phải lắng nghe sự phân tích của ông về tình báo Mỹ trước cuộc tấn công 11/9. Ngồi tại phòng khách nhà ông, tôi viết vài chữ đại ý rằng nhà tình báo hàng đầu Việt Nam trong chiến tranh, thế mà nay vẫn còn thiết triều để bàn luận về những thất bại của tình báo con người.

Sau này tôi mới biết Phạm Xuân Ân chưa dứt ra hoàn toàn khỏi nghề tình báo, ông vẫn còn là "cố vấn" cho Tổng cục Tình báo ở Hà Nội mãi đến thời điểm sáu tháng trước khi ông qua đời mới thôi.

Phạm Xuân Ân nói: "Tôi có nhiệm vụ đọc những tài liệu này, rồi đưa ra những phân tích của mình. Mọi người biết rõ tôi sẽ đưa ra những đánh giá chân thực nhất, bởi vì tôi chẳng cần gì cả. Nhưng bây giờ tôi mệt quá rồi và nhiều khi tôi không có thời gian đọc tất cả để phân tích theo khả năng của mình".

Sau đó, tôi nhắc lại ngày tôi đến thăm Phạm Xuân Ân cùng với hai người bạn. Tôi vừa từ Khe Sanh trở về, nơi mà cách đây 35 năm PFC Michael Holmes, một lính thủy đánh bộ Mỹ thuộc Sư đoàn 9 "đi đến đâu chết chóc đến đó", bị những vết thương đe dọa đến tính mạng. Michael mang theo trong túi một tấm Huân chương Dũng cảm của chính quyền Sài Gòn vì "những thành tích trong việc hỗ trợ các lực lượng Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống nổi dậy của Cộng sản". Đại úy H. M.

Baker đã phục vụ với tư cách cố vấn bộ binh cho Sư đoàn 9 Quân đội Việt Nam Cộng hoà từ tháng 1 đến tháng 9/1969. Baker trở lại Sài Gòn vào tháng 4/1975 để giúp sơ tán những người bạn và các đồng bào Việt Nam. Baker cũng lục tìm lại ký ức về những ngày trước đây của ông dọc sông Mang Thít và tại Sa Đéc. Michael thì hy vọng xua đuổi được những bóng ma ám ảnh ông từ cái ngày thế giới thay đổi diễn ra hôm 13/4/1968, trên đồi 861. Đó là lần đầu tiên Michael và Baker trở lại Việt Nam kể từ ngày chiến tranh.

Phạm Xuân Ân ra mở cánh cổng màu xanh, mời cả ba chúng tôi vào nhà và ngồi xuống ghế trong lúc vợ ông pha trà. Phạm Xuân Ân hỏi: "Hai ông đã từng phục vụ ở đâu?". Ngay sau đó, trong suốt hai giờ liền, Phạm Xuân Ân kể lại rất chi tiết những vấn đề chiến lược tại Khe Sanh và các hoạt động tình báo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phạm Xuân Ân biết một số người bạn của Baker thuộc Sư đoàn 9 Quân đội Việt Nam Cộng hoà. Thiếu tướng Trần Bá Di từng là Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9 Quân đội Việt Nam Cộng hoà trong thời kỳ Baker làm cố vấn cho Sư đoàn này từ năm 1968 - 1969. Sau chiến tranh, Trần Bá Di mất 17 năm và 5 ngày ở trong các nhà tù của cộng sản. Baker đã bằng mọi cách tìm kiếm nơi Trần Bá Di đang ở, nhưng đều không có kết quả. Mãi đến khi gặp được Phạm Xuân Ân - người vẫn giữ liên lạc với Trần Bá Di, Baker mới biết Trần Bá Di đang ở Hoa Kỳ, làm việc trong Disneyland. Những lời bình luận của Phạm Xuân Ân hôm đó rất khách quan và mang tính phân tích sâu sắc. Ông không hề nói từ nào có ý ám chỉ ông là người của bên thắng trận. Phạm Xuân Ân luôn làm chủ trong nghề nghiệp của mình.

Tôi đã ghi chép được hồi ức của ông về những ngày, những con người, cũng như việc ông cung cấp các thông tin mà họ cần cho việc thực hiện những chuyến phiêu lưu cá nhân.

Khi chúng tôi rời nhà ông, Michael nhận xét: "Khi tôi đến miền Nam Việt Nam năm 1968, lúc đó chẳng có ai nói cho biết lý do vì sao chúng tôi lại đến đây. Chúng tôi chỉ làm theo mệnh lệnh và không bao giờ nghĩ đến việc phải tìm hiểu kẻ thù và đặt câu hỏi tại sao họ lại chống lại chúng ta. Bây giờ, sau 35 năm tôi mới được gặp kẻ thù và cuối cùng tôi mới hiểu". Baker thì nhận xét: "Cái ông tướng đó" sao mà khiêm tốn đến thế. Ông ấy chẳng hề tỏ ra một chút gì tự phụ và ông luôn kiểm soát

được việc "thông báo tin tức". Đó chính là nét đặc trưng cho tính cách Phạm Xuân Ân.

Lần cuối cùng tôi gặp Phạm Xuân Ân vào tháng 6 năm 2006. Chúng tôi dành cả buổi sáng để thảo luận về cuộc phỏng vấn của tôi với ông Tư Cang về cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Phạm Xuân Ân mở đầu cuộc nói chuyện: "Hôm nay tôi cảm thấy trong người rất yếu và mệt mỏi, nên có thể chúng ta chỉ trao đổi trong một giờ thôi nhé". Bốn tiếng đồng hồ sau, Phạm Xuân Ân nói đã đến giờ đi nằm rồi. Đây là dấu hiệu để tôi hiểu là đến giờ thu xếp đồ ra về. Sớm hôm sau, trước khi rời Việt Nam về Mỹ, tôi nói với ông rằng tôi muốn được gặp lại ông một lần nữa vào đầu tháng 10, trước khi cuốn sách được ấn hành. Phạm Xuân Ân mỉm cười và nói: "Tôi cũng hy vọng như vậy. Nhưng giờ thì giáo sư đã có đủ tư liệu rồi, quá nhiều rồi".

Khi tôi trở lại vào tháng 10, sự hiện diện của Phạm Xuân Ân vẫn còn ở bất cứ nơi đâu trong nhà ông. Theo truyền thống của người Việt Nam, một căn phòng được biến thành nơi đặt bàn thờ để tưởng nhớ Phạm Xuân Ân. Trên bàn thờ, một bức chân dung cỡ lớn Phạm Xuân Ân mặc quân phục cấp tướng, rất nhiều huân, huy chương, bằng khen được trưng bày nổi bật. Một bát com được thay mỗi bữa để ông Phạm Xuân Ân ở thế giới bên kia không bị đói. Một bát khác để cắm những nén hương nghi ngút, cạnh đó là một chiếc cốc uống cà phê của Phạm Xuân Ân hồi còn ở Trường Orange Coast College do các bạn nhân viên nhà trường tặng có ký tên từng người. Bốn quyển sổ tang ghi cảm tưởng, tưởng niệm, suy nghĩ của những người đến viếng thăm Phạm Xuân Ân.

Tôi đến đây để bày tỏ sự kính trọng của tôi đối với gia đình Phạm Xuân Ân trong thời gian để tang. Tôi nhờ một người bạn dạy cho từ tiếng Việt "chia buồn" để diễn tả ý tôi muốn chia buồn cùng với gia đình ông bằng tiếng Việt Nam. Khi gặp bà Thu Nhân, tôi nói "chia buồn". Sau đó, chúng tôi cùng ngồi xuống và nói chuyện về Phạm Xuân Ân, chồng bà. Cuối ngày hôm ấy cháu Phạm Ân đưa tôi đến thăm mộ của cha để tôi thắp hương cho ông và để tôi bày tỏ sự biết ơn và đánh giá cao của mình về tất cả những gì mà ông và tôi đã bộc bạch với nhau trong suốt 5 năm qua.

Suốt mấy ngày tiếp theo, tôi đã có thể nói chuyện được với một người hiểu biết Phạm Xuân Ân hơn bất kỳ ai khác, đó là vợ ông. Bà Thu Nhân biết rằng cuốn sách của tôi đã hoàn thành, nhưng tôi vẫn còn một số câu hỏi. Bà Thu Nhân đã bình tĩnh và có phương pháp trình bày rất thuyết phục để giúp đỡ tôi theo cách mà trước đó, tôi không dám nghĩ tới. Bà và cháu Phạm Ân đã cố gắng hết sức để giúp tôi chẳng khác nào việc làm một nhịp cầu nối liền các ký ức. Sau này tôi được đưa tới tỉnh Long An để gặp gỡ và ăn trưa cùng bà Nguyễn Thị Ba - người từng làm liên lạc cho Phạm Xuân Ân trong suốt thời gian dài. Sau đó, tôi được phỏng vấn người đã từng tìm nguồn tiền để cử Phạm Xuân Ân sang Mỹ, đó là tướng Mai Chí Thọ, em trai của ông Lê Đức Thọ.

Trong chuyến thăm này, tôi được gặp hai người Việt Nam viết hồi ký cho ông Phạm Xuân Ân, cũng như gặp người làm bộ phim tư liệu về cuộc đời ông Phạm Xuân Ân của đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên, chúng tôi nói chuyện với nhau về quá khứ của Phạm Xuân Ân. Mỗi

người trong chúng tôi đều cố gắng tìm một chỗ đứng cho ông trong lát cắt lịch sử đầu tiên của riêng mình. Trong khi chúng tôi trao đổi những câu chuyện về Phạm Xuân Ẩn, tôi tự hỏi vậy ai - ngoài vợ của ông - là người thực sự hiểu biết về ông? Tôi đã dành toàn bộ thời gian này với ông Phạm Xuân Ẩn, thu được rất nhiều thông tin về những mối quan hệ đan chéo nhau trong cuộc đời của ông. Thế mà tôi cũng mới chỉ biết được một phần mà Phạm Xuân Ẩn quyết định cho tôi được biết thôi. Làm sao tôi có thể dám chắc rằng tôi đã chẳng lần tới đoạn cuối cùng cuộn chỉ cuộc đời của một trùm điệp viên có vỏ bọc hoàn hảo? Có lẽ Phạm Xuân Ẩn lại một lần nữa thể hiện nguyên tắc lý trí và kỹ năng chia cắt thành nhiều ngăn cuộc đời ông, giống như ông đã từng áp dụng trong chiến tranh khiến cho không người bạn Mỹ hay bạn Việt Nam nào thực sự hiểu được ông.

Tại một trong những cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi, Phạm Xuân Ẩn đã khiến tôi ngạc nhiên khi ông nói rằng: "Giáo sư đã có gần đủ tư liệu để viết sách rồi, nhưng bây giờ ông cần phải đọc cái này đã rồi chúng ta mới có thể tiếp tục cuộc trao đổi ngày mai". Phạm Xuân Ẩn vừa nói vừa trao cho tôi cuốn sách *Quá khứ tiếp diễn* - một cuốn sách mà tôi chưa bao giờ được biết. Trong những năm đầu của thập kỷ 1980, các cơ quan an ninh chính trị của Việt Nam đã đặt hàng nhà văn được đánh giá cao Nguyễn Khải viết tiểu thuyết tư liệu về cuộc đời của các anh hùng ở miền Nam - những người đã hiến dâng cuộc đời mình cho cách mạng. Nguyễn Khải sau này viết trong cuốn sổ tang: "Ông sẽ mãi mãi nằm trong ký ức của bạn đọc và sẽ mãi mãi là một người Anh Lớn đối với tôi". Được xuất bản năm 1983, tiểu thuyết của Nguyễn Khải đã phác họa cho bạn đọc cuộc đời của ba nhân vật chính đấu tranh cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng và nhân dân Việt Nam. Đó là các nhân vật Quân, một điệp viên; Vinh, một tu sĩ Thiên Chúa giáo; và Ba Huế, nữ Tiểu đoàn trưởng một đơn vị du kích tinh nhuệ của Việt Cộng. Nhân vật Quân, một điệp viên hoạt động bí mật, được cài vào vị trí chủ chốt trong Bộ Thông tin của Chính quyền Sài Gòn, được xây dựng trên cơ sở cuộc đời của ông Phạm Xuân Ẩn. Nhà văn Nguyễn Khải đã phỏng vấn rất kỹ Phạm Xuân Ẩn có thể đan xen những sự kiện có thật với tên của các nhân vật hư cấu, nhằm nguy trang chân dung thực của Phạm Xuân Ẩn. Về chuyện này, Phạm Xuân Ẩn đã từng cười và nhận xét: "Đó là thể loại học được từ các trường viết văn Xô viết".

Càng đọc cuốn *Quá khứ tiếp diễn*, tôi càng chìm sâu vào cái thế giới đang điên đảo mà cô Alice đã từng có lần nói đến. Đây là đoạn nhà văn Nguyễn Khải mô tả như thế nào về nhân vật Quân đối với nhân dân Việt Nam hồi năm 1983: Quân là một cựu binh của hai cuộc chiến tranh giải phóng, nhưng trong suốt 30 năm phục vụ quân đội, anh chưa bao giờ được nhìn thấy mặt đồng đội của mình, mà trái lại, chỉ toàn nhìn thấy mặt kẻ thù. Anh đã kết bạn và làm quen với nhiều cố vấn Mỹ và các quan chức của Chính quyền Sài Gòn, từ Quân đoàn I đến Quân đoàn IV. Anh biết những sĩ quan từ các lực lượng đặc biệt và từ những đơn vị tinh nhuệ bí mật nhất của Tham mưu trưởng MACV. Anh là một kiểu lính đặc biệt trên chiến trường đặc biệt, không được tiếp xúc với đồng đội sống với kẻ thù,

hít thở chung một bầu không khí với kẻ thù, và luôn biết rõ rằng, những kẻ đang coi anh là người bạn thân hôm nay có thể trở thành kẻ sẽ tra tấn anh ngày mai...

Mỗi một hành động, thậm chí mỗi giây phút đối với anh đều phải được xem là một nhân tố phục vụ cho nhiệm vụ của mình. Anh phải sống dưới vỏ bọc của mình, nhưng phải làm sao để cuộc sống vỏ bọc giống như thật, từ suy nghĩ đến hành động. Anh phải đeo mặt nạ, chỉ mặt nạ của mình, và lúc nào cũng với chiếc mặt nạ của mình. Giả nhưng là thật, thật nhưng lại là giả trong từng ngày, từng tháng, từng năm. Và tại các thời điểm chiến tranh đang lan rộng và ngày càng ác liệt hơn, người ta cảm thấy rằng hình như anh sẽ phải sống theo cách đó vĩnh viễn.

Nhưng khi chiến tranh kết thúc, đúng là như vậy, anh phải trở về và sống như một người bình thường... cho đến lúc này anh phải tự chôn vùi mình trong cái cuộc sống giả tạo mà anh đã sống với sự tồn tại của một con người được anh tạo ra, nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ của mình. Giờ đây, làm sao anh có thể tìm được phong cách đích thực của mình? Anh không thể tiếp tục sống cuộc đời mà anh đã từng sống trong 30 năm qua. Vậy trước thời gian đó, anh là ai? Con người ấy bây giờ có còn tồn tại hay không? Bất cứ khi nào tôi quan sát anh trong một xã hội mới đều thấy, dường như anh chỉ là tạm bợ, dường như anh mò mẫm tìm một từ nào để nói cho đúng. Trong anh có một cái gì đó toát lên sự e thẹn và vụng về. Khi chúng tôi nói chuyện với nhau, anh luôn đưa thêm vào một mệnh đề khi mở đầu câu nói mang tính tạm thời để không chịu trách nhiệm, đại loại như "theo cách nghĩ của tôi thì... có lẽ". Hoặc là "theo kinh nghiệm của tôi thì... tôi nghĩ rằng". Thế nhưng, không có ý kiến nào của anh tiếp theo đó là trần trụi hay xáo rỗng tầm thường. Những ý kiến đó luôn sắc sảo, đóng góp một cách có ý nghĩa vào bất cứ vấn đề gì đang được thảo luận...

Quân đã từng là một điệp viên trong 30 năm và đã thiết lập được những mối quan hệ với giới chóp bu của chế độ Sài Gòn, thế mà lòng trung thành đích thực của anh chưa bao giờ bị nghi ngờ. Anh đã tự nghĩ ra được nhiều cách để kiểm tra chéo tay đôi, tay ba với các nguồn tin và đặc tình của mình, cốt để giữ cho chính anh được sống. Nhưng khi tôi lắng nghe anh, tôi có thể nghe được cả những điều anh đã đánh mất.

Ngày hôm sau, Phạm Xuân Ân đã chỉ cho tôi những chỗ là trong đó, tên người và sự kiện được che dấu, thỉnh thoảng ông nói: "Đó là sự thật, đúng như được miêu tả". Nhưng lúc khác, Phạm Xuân Ân lại nói: "Ông ta đã thay đổi tên, trên thực tế là Peter Smark đã nói với tôi như thế, chứ không phải là Rufus Phillips".

Tôi hỏi Phạm Xuân Ân: "Vậy làm sao tôi có thể biết được đâu là thật và đâu là không thật?".

Phạm Xuân Ân nói: "Tôi sẽ nói cho giáo sư biết, nhưng chỉ có những chuyện này ông được phép đưa vào sách của mình thôi. Vẫn còn rất nhiều điều nữa tôi không thể nói được". Không còn nghi ngờ gì nữa, ông đang áp dụng cách xử lý tình huống của Mad Hatter.

Sau đó, Phạm Xuân Ân nói dài về sự cô đơn và trần trụi của ông. "Chiến tranh đã kết thúc rồi, và tôi

chỉ muốn giống như Tarzan ở trong rừng rậm, thoát khỏi sự ràng buộc của mọi nghĩa vụ. Tôi đã từng muốn sang Mỹ để tiếp tục công việc của mình với Tạp chí Time, có thể là làm một phóng viên ở bờ Tây nước Mỹ, thường trú tại Costa Mesa chẳng hạn". Tôi nói đùa với Phạm Xuân Ân rằng như thế ít nhất ông cũng được ở gần 17 - Mile Drive, nơi bán tinh hoàn hải cẩu. "Cái thứ đó tốt hơn rất nhiều so với Viagra, thật đấy", ông nói và hơi nhếch mép cười.

Tôi cho rằng mỗi người trong số chúng ta sẽ nhớ Phạm Xuân Ân theo cách của riêng mình. Đọc lướt qua những bài báo về cáo phó và ca ngợi Phạm Xuân Ân do những đồng nghiệp xưa viết, tôi đặc biệt bị lôi cuốn bởi ba bài vượt quá giới hạn chuẩn mực của một bài về tiểu sử. Viết trên tờ Interdependent, Bruce Palling quan sát được như sau: "Thủ đoạn, một khi nó được nhằm mục đích làm tăng khả năng tác động của một tình báo viên lên kết quả của một cuộc chiến tranh kéo dài, Phạm Xuân Ân xứng đáng được coi là một trong những điệp viên vĩ đại nhất của thế kỷ XX". Palling nhắc đến vai trò của Phạm Xuân Ân trong hai thời điểm mang tính chất bước ngoặt của cuộc chiến tranh, đó là trận Ấp Bắc năm 1968 và cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968.

Trên tờ Boston Globe, nhà báo David Greenway - người thường hay mua những con chim có giọng hót hay từ Bangkok mang cho Phạm Xuân Ân, đặt câu hỏi: "Có phải tất cả tình bằng hữu của Phạm Xuân Ân đều là giả dối và phản bội hay không? Có rất nhiều sự giả dối, rất nhiều sự phản bội, rất nhiều sự trung thành, xung đột trong cuộc phiêu lưu bất hạnh của Mỹ ở Việt Nam đến mức, bất cứ cảm giác nào về việc chúng ta đã sai cũng trở nên phai nhạt".

Và trên Tạp chí Time, cựu trưởng phân xã Sài Gòn Stanley Cloud viết: "Tôi đã từng cảm thấy mình rất hiểu Phạm Xuân Ân, thế nhưng tôi đã sai". Nhà báo Cloud coi Phạm Xuân Ân là một người theo chủ nghĩa dân tộc, yêu đất nước của mình hơn bất cứ ý thức hệ tư tưởng nào. "Trong thời gian chiến tranh, một đồng nghiệp của chúng tôi đã nói: "Tôi nghĩ, Phạm Xuân Ân là một ví dụ hoàn hảo về một xã hội Việt Nam tốt đẹp nhất". Khi đó, tôi cũng đã nghĩ như vậy, và bây giờ tôi cũng vẫn còn nghĩ như vậy".

Tôi tương đối chắc rằng những người bạn của Phạm Xuân Ân đều nhìn nhận ông theo cách của nữ phóng viên Jolynne d Ornano: "Tôi vô cùng khâm phục bằng cách nào mà ông, trong một lúc, sống nhiều cuộc đời thành công như vậy, và tôi tin là như thế, rất chân thành". Jolynne d Ornano viết như vậy trong một lá thư bà gửi cho Phạm Xuân Ân trong những ngày cuối cùng của cuộc đời ông. Lá thư viết tiếp: "Đặt gia đình sang một bên, ông có hai lòng trung thành - một đối với đất nước của ông, và một đối với tình yêu nước Mỹ và những người Mỹ mà ông đã kết bạn. Tôi không nhận thấy bất kỳ sự xung đột nào trong những việc ông đã làm. Ông có thể yêu một đất nước khác vì những điều mà đất nước đó đại diện, nhưng ông vẫn chống lại những chính sách của nước đó, đặc biệt là khi các chính sách ấy đang tàn phá đất nước của ông và dân tộc ông. Theo bản chất của mình, ông không thể chỉ ngồi yên, chẳng làm gì cả và cứ để cho tự nhiên và những sự kiện cứ thế diễn ra. Vai

trò mà ông đóng trong việc làm nên lịch sử không chỉ cần niềm tin mãnh liệt, mà cần cả sự can đảm ghê gớm, và tôi khâm phục ông đã làm được điều đó".

Tất cả những điều mà Phạm Xuân Ân mong muốn chỉ là nhân dân Việt Nam có cơ hội để quyết định tương lai của mình, tự do không còn bị ảnh hưởng của ngoại bang. Việc ông tham gia cách mạng thấm đậm những ý tưởng của người theo chủ nghĩa dân tộc, đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân với những niềm hy vọng tạo ra một xã hội mới dựa trên sự bình đẳng kinh tế và công bằng xã hội. Khi người Mỹ đến Việt Nam, mang theo những cố vấn và đô la, tiếp đến là quân sự, Phạm Xuân Ân đã nhận và thực hiện nghĩa vụ của ông đối với dân tộc là hoạt động tình báo. Ông không hề thích thú làm một điệp viên. Khi chiến tranh kết thúc, ông đặc biệt đau đớn tìm cách làm giảm đi những thành tựu tình báo của mình.

Bốn mươi năm sau kể từ lần gặp cuối cùng với Lee Meyer, một nữ biên tập viên trẻ tuổi mà ông đã yêu ngày còn ở Trường Orange Coast, Phạm Xuân Ân viết một bức email dài cho người phụ nữ này: "Nay là lúc để tóm tắt lại những gì tôi đã làm kể từ khi rời Orange County. Mùa hè năm 1959, tôi thực tập tại toà báo Sacramento Bee, sau đó bỏ ra bảy ngày để một mình lái xe đi dọc nước Mỹ trên chiếc Mercury đã mười hai năm tuổi của tôi đến New York để tham dự các hoạt động báo chí tại Liên hợp quốc, rồi trở về Việt Nam. Tôi đã làm việc cho Việt Tấn Xã trong năm 1960, rồi chuyển sang làm cho Hãng tin Reuters đến mùa hè năm 1964, tiếp đó là làm cho tờ New York Herald Tribune cho đến khi ấn phẩm toàn quốc bị đóng cửa vào mùa hè 1965. Rồi tôi được Tạp chí Time thuê và tôi làm việc cho họ đến khi kết thúc chiến tranh, sau đó tôi còn tiếp tục làm cho Tạp chí Time đến khi Văn phòng của tờ Tạp chí này bị đóng cửa vào năm 1976. Nghề yêu thích của tôi đã chấm dứt từ đó và chế độ mới biến tôi thành một nhà tư vấn thương mại".

Như thế đấy. Không hề có một lời nào nói về việc làm tình báo; về việc được phong danh hiệu Anh hùng hoặc là được thăng quân hàm cấp tướng. Phạm Xuân Ân đang làm cái điều mà ông đã từng làm trong suốt 5 thập kỷ qua, thể hiện cho mọi người thấy ông là một con người như thế. Phạm Xuân Ân còn rất nhiều điều bí mật đối với nhiều người, thế nhưng hình như ông đã kết bạn với hầu như tất cả mọi người. Dường như ông vẫn còn sống một cuộc đời có nhiều vách ngăn từ hồi còn chiến tranh. Đó là cuộc đời của một nhà báo đối với các bạn Mỹ, và cuộc đời của một người anh hùng đối với dân tộc của ông. Khi chiến tranh kết thúc, có người đã nghĩ mình hiểu Phạm Xuân Ân như bất kỳ ai khác. Thế mà ông ta đã phải tự hỏi, làm sao có thể có trên đời một người mà ông ta từng phụ thuộc nhiều vào lời khuyên của người ấy trong một thời gian dài, và người ấy lại là một điệp viên Cộng sản. Người điệp viên ấy không một mảy may thể hiện chút gì về đường lối Cộng sản. Rob Shaplen viết: "Chắc chắn Phạm Xuân Ân là người thạo tin nhất thành phố Sài Gòn và ông có nhiều nguồn tin vô kể đến mức, không ai có nhiều nguồn tin như ông. Tại các cuộc chuyện trò của chúng tôi trong nhiều năm, mỗi cuộc thường kéo dài nhiều giờ, tôi phát hiện ra rằng những thực tế và những ý kiến

mà ông cung cấp liên quan đến Cộng sản, Chính quyền Sài Gòn, những cá nhân và những tổ chức đang đấu tranh - bao gồm cả Phật giáo và Thiên Chúa giáo từng chống cả hai bên xung đột - bao giờ cũng chất lượng hơn những thông tin mà tôi thu được từ các nguồn khác. Các thông tin của Phạm Xuân Ẩn cung cấp còn chất lượng hơn cả các thông tin do Đại sứ quán Mỹ cung cấp. Đại sứ quán Mỹ hiểu biết ít một cách đáng ngạc nhiên về tình hình đang diễn ra trong số những người Việt Nam không thuộc tổ chức nào".

Vậy Phạm Xuân Ẩn tự nhìn nhận mình như thế nào? Các giá trị Nho giáo trong Phạm Xuân Ẩn có lẽ là chìa khóa để hiểu được con người ông. Một người bạn của Phạm Xuân Ẩn là Douglas Pike viết: "Phạm Xuân Ẩn rất sùng bái Nho giáo - riêng về điều này là tôi dám chắc. Ông ấy là người sống rất đạo đức, do vậy ông luôn tự soi mình và hành động trên cơ sở các giá trị của Nho giáo. Một trong những giá trị này liên quan đến tình bạn. Nho giáo nhấn mạnh sự thủy chung trong tình bạn và ngăn cấm việc khai thác, lợi dụng một người bạn".

Tôi chưa bao giờ nghe Phạm Xuân Ẩn nói điệp viên là một cái gì khác ngoài nhiệm vụ được giao, mà nhiệm vụ ấy đã kết thúc khi đất nước thống nhất. Mỗi khi Phạm Xuân Ẩn nói về công việc của ông ngày còn làm ở Tạp chí Time hay ở báo Barnacle, trong giọng nói của ông luôn hào hứng, sôi nổi. Có lẽ hầu hết mọi người đều nói rằng trước khi Phạm Xuân Ẩn qua đời, trên các bức tường trong nhà ông không hề treo huân chương, bằng khen, giấy chứng nhận danh hiệu Anh hùng. Trên thực tế, ông để tất các những thứ đó trong ngăn kéo hoặc trên tường phòng ngủ ở tầng hai. Trong suốt thời gian tôi được biết Phạm Xuân Ẩn, chưa bao giờ tôi nhìn thấy một bức ảnh nào ông mặc quân phục treo ở dưới tầng trệt. Trong khi đó tại nhà của các Anh hùng Nguyễn Thị Ba và Tư Cang, ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, những huân chương, cuống huân chương và bằng khen được trang hoàng đầy tường.

Tài sản dễ nhìn thấy nhất của Phạm Xuân Ẩn là sách, chất tầy trên giá sách, trên mấy cái bàn ở gần đó và một đồng Tạp chí Time mà ông nhận được hàng tuần. Những người đến thăm, nếu biết sở thích của ông, thì mang cho ông những cuốn sách mới. Phạm Xuân Ẩn là người đọc đủ mọi thứ sách. Ai có thời gian để lắng nghe ông sẽ học được rất nhiều điều.

Trong hậu quả trực tiếp từ cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, có lẽ Phạm Xuân Ẩn là người duy nhất của bên thắng không cảm thấy cay đắng đối với kẻ thù từng gây ra biết bao chết chóc và tàn phá đất nước ông. Phạm Xuân Ẩn nói: "Tôi đã sống và làm việc với người Mỹ trong thời gian rất dài. Tôi biết họ là những người tốt. Hầu hết người Mỹ đều tin những điều mà Chính phủ Mỹ nói với họ. Họ không biết sự thật về người Việt Nam. Tôi chẳng có lý do gì để ghét người Mỹ, cũng giống như những người Mỹ biết tôi trước chiến tranh chẳng có lý do gì để ghét tôi".

Chế độ mới nhận ra rằng việc họ lập trình lại cách nghĩ của Phạm Xuân Ẩn đã không có tác dụng, bởi vì trí tuệ của ông sẽ không thể phát huy được trong một xã hội còn đóng cửa. Bà Germaine Lộc

Swanson nói với tôi rằng "Phạm Xuân Ân là một người yêu nước. Ông ấy trở thành người Cộng sản chẳng qua chỉ là nghĩa vụ". Thế nhưng, cho dù những nhà bình luận đã viết gì, Phạm Xuân Ân vẫn không lên án sự tham nhũng đã trở nên tràn lan ở Việt Nam hoặc lên án chế độ một cách chung chung. Mỗi khi được hỏi, ông chỉ nói lên sự thật, giống hệt như ông đã từng làm trong suốt thời gian chiến tranh. Ông nói một cách diễu cợt về "những nhà tư sản đỏ" hoặc "những người Cộng sản xanh". Phạm Xuân Ân nói với tôi và với những người khác rằng "Tôi không đấu tranh để có được những thứ ấy". Chưa bao giờ Phạm Xuân Ân chỉ trích chính phủ. Ông chỉ nói những suy nghĩ của mình về một tầm nhìn khác đối với tương lai. Phạm Xuân Ân luôn tỏ ra tiếc nuối vì sự vô vị của chiến tranh dẫn đến rất nhiều thương vong cho cả hai phía. Tháng 12/1969, ông viết thư cho Rich và Rosann Martin: "Về cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đó là một điều rất buồn".

Có một lần tôi hỏi Phạm Ân, theo cháu thì cuốn sách tôi viết về cha cháu nên đặt tên là gì. Suy nghĩ một lúc, Phạm Ân gợi ý đặt tên là Những người bạn và những điệp viên: "Dù sao đối với ba cháu, hai điều này luôn không đi cùng nhau trong nghề tình báo. Cháu hy vọng ba cháu luôn được nhớ tới như một người thủy chung với bạn và trung thành với Tổ quốc của ba. Đôi khi, trong cuộc đời, người ta cần phải lựa chọn giữa những lợi ích. Trong tiếng Việt có chữ tâm nghĩa là "trái tim". Ba cháu đã luôn luôn hành động theo trái tim, chứ không phải là vì những lợi ích cho mình. Khi người ta không có điều gì phải hối hận trong con tim, thì người ta luôn có hành động đúng. Ba cháu chẳng có điều gì phải hối hận".

Trong thời kỳ 1975-1986, khi Phạm Xuân Ân đang bị theo dõi chặt chẽ, ông đã dành nhiều thời gian để đọc sách cùng với các con mình. Ông luôn cố gắng truyền đạt những giá trị cơ bản mà ông đã từng học được từ rất nhiều người bạn của mình. "Tôi muốn các cháu biết tôn trọng nhân văn và nhận ra được rằng sự hiểu biết, kiến thức quý giá hơn tiền bạc. Cháu Phạm Ân đã học được điều này tại gia đình cháu ở đây và tại gia đình thứ hai của cháu ở Chapel Hill, giống hệt như cách mà tôi đã học được văn hoá Mỹ từ California. Người Mỹ rất nhân bản, họ biết cách cười như thế nào, tự do như thế nào, đó là điều đặc biệt".

Báo chí đưa tin rộng rãi rằng năm 1997, chính phủ Việt Nam đã khước từ cấp visa xuất cảnh cho Phạm Xuân Ân đi dự một hội nghị cùng với các nhà báo khác tại New York để thảo luận vấn đề di sản của Việt Nam. Bộ Ngoại giao Việt Nam nói: "Như chúng tôi được biết, do tuổi già và sức yếu, ông Phạm Xuân Ân đã không xin visa xuất cảnh".

Tuy nhiên, Phạm Xuân Ân nói với tôi: "Tôi rất muốn dự cuộc họp đó. Họ không hiểu tôi nên lo ngại. Tôi biết vì sao không ai muốn ký để cấp thị thực xuất cảnh cho tôi và chịu trách nhiệm để cho tôi đi nước ngoài. Vì nếu tôi ra ngoài mà phát ngôn hay làm điều gì sai, sẽ hại đến nghề nghiệp và chức vụ của người đó".

Sau đó, Phạm Xuân Ân nói đùa: "Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi tìm được một bạn gái ở Mỹ?".

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sự tức giận từ phía những người cho rằng Phạm Xuân Ẩn phải chịu trách nhiệm đối với những cái chết của không phải là hàng trăm, mà là hàng ngàn người Mỹ. Ross Johnson, cựu Thượng nghị sĩ bang California, đồng thời là người từng sống chung ký túc xá với Phạm Xuân Ẩn trước đây nói: "Phạm Xuân Ẩn không thể làm được những điều như ông ta đã làm mà người Mỹ không phải trả giá bằng những mạng sống. Bất cứ ai nói rằng ông ta không làm như vậy, thì người đó là ngây thơ".

Thật khó mà phản bác lại được kết luận rằng nhiều người đã chết vì sự thành công của trùm điệp viên này. Nhưng tôi nghĩ, sự tức giận ấy đã làm lu mờ đi một thực tế rằng Phạm Xuân Ẩn đang bảo vệ đất nước của ông. Wendy Larsen, người đã từng có thời gian ở cùng với Phạm Xuân Ẩn khi chồng bà làm Trưởng phân xã Tạp chí Time ở Sài Gòn, đã viết thư cho tôi: "Tôi muốn nghĩ rằng nếu ở trong tình huống đó có lẽ tôi chỉ thể hiện được một phần trăm sự can đảm mà Phạm Xuân Ẩn đã làm cho đất nước của ông".

Sau khi biết tin Phạm Xuân Ẩn qua đời, Jul Owings, con gái của Mills Brandes, đã viết thư cho tôi về "sự qua đời của một trong những người bạn thân thiết nhất của gia đình tôi. Tôi không hề ngạc nhiên khi thấy chú Phạm Xuân Ẩn trung thành trước hết là với Tổ quốc của chú ấy. Chẳng lẽ người Mỹ chúng ta không làm như vậy sao?".

Phạm Xuân Ẩn đã sống đủ lâu để được chứng kiến một chương mới mở ra trong quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Trên thực tế, ông đã trở thành một phần của quá trình hoà giải rộng lớn hơn giữa hai kẻ thù xưa. Và tại đây tôi tin rằng cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn đã dừng lại ở đúng cái điểm làm cho vòng tròn được hoàn toàn khép kín. Nhân dịp Đại sứ Hoa Kỳ Raymond F. Burghardt sắp kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam, Phạm Xuân Ẩn được mời dự một buổi chiêu đãi để chào mừng phái đoàn ngoại giao mới và để chia tay Đại sứ. Vài ngày trước khi diễn ra sự kiện này, Phạm Xuân Ẩn bị một con chim ưng quý của ông mổ, khiến ông không thể đi dự buổi chiêu đãi được. Cháu Ẩn đại diện cho gia đình đến dự cuộc chiêu đãi đó.

Khi biết Phạm Xuân Ẩn đang ở nhà, Đại sứ Raymond F. Burghardt đã nói người lái xe chở ông đến đó để trực tiếp có lời chia tay với ông Ẩn. Đại sứ Burghardt nói với tôi: "Câu chuyện và cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn thật không thể nào tin được, nhưng vượt lên trên tất cả những điều đó, Phạm Xuân Ẩn là một biểu tượng quan trọng của tình hữu nghị mới giữa hai nước chúng ta. Và con trai của Phạm Xuân Ẩn cũng là một người xuất sắc như thế".

Vài tuần sau, Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh Emi Lynn Yamauchi đã ăn Tết Việt Nam với gia đình Phạm Xuân Ẩn. Cháu Ẩn nói: "Mọi người trong gia đình cháu muốn bà Emi Lynn Yamauchi, với tư cách một người bạn, được cùng với một gia đình Việt Nam điển hình đón thời khắc quan trọng này trong năm. Điều quan trọng là chúng ta hiểu biết được văn hoá và truyền thống của nhau".

Một số vòng hoa viếng trong đám tang Phạm Xuân Ân đã nói lên rất nhiều điều về vai trò của ông trong quá trình hoà giải: "Kính viếng người thầy kính yêu Phạm Xuân Ân. Chúng con sẽ luôn giữ mãi sự uyên bác và tình hữu nghị của thầy" - Dự án Việt Nam Trường Đại học Harvard; "Với sự biết ơn sâu sắc nhất đối với những lời tư vấn và khích lệ của thầy" - Chương trình giảng dạy Kinh tế học Fullbright; và tất nhiên còn cả những lời từ một người bạn thân: "Sự khâm phục và những ký ức đáng yêu đối với Phạm Xuân Ân" - Neil, Susan, Catherine, và Maria Sheehan.

Phạm Xuân Ân được sùng bái và tôn kính tại Việt Nam vì sự đóng góp của ông vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Sau khi Phạm Xuân Ân qua đời ngày 20/9/2006, linh cữu của ông được quàn hai ngày cho công chúng đến viếng trước khi một lễ tang với đầy đủ nghi thức quân đội được cử hành. Ông được mai táng cạnh ông Ba Quốc và những nhà tình báo khác tại một khu vực đặc biệt trong nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh.

Một bài đăng trên báo Thanh Niên viết rằng Phạm Xuân Ân "đã làm được những điều mà rất ít nhà tình báo khác có thể làm được. Thật dễ hiểu vì sao ông được tổ chức lựa chọn. Nhưng chúng ta sẽ còn phải mất nhiều thời gian để đánh giá một cách chính xác về con người và những điều ông để lại. Ông Tư Cang đã viết một bài thơ như sau để tưởng nhớ ông Phạm Xuân Ân qua đời. Tôi nghĩ bài thơ này đóng vai trò như một phép ẩn dụ về một cuộc chiến tranh và về một cuộc đời mà vẫn còn rất ít người hiểu được:

Và thế là kết thúc cuộc đời của một nhà tình báo.

Một người trung với Đảng, hiếu với Dân

đã hoàn thành món Nợ của mình đối với Dân tộc.

Anh là người sống suốt thời kỳ loạn lạc.

Anh thực sự xứng đáng với danh hiệu "Anh hùng"

Xuân Ân ơi, từ nay Anh sẽ thực sự là "Ân".

Bạn bè sẽ luôn đau buồn trước sự mất anh.

Larry Berman

Diệp Viên Hoàn Hảo

Dịch giả: Nguyễn Đại Phương

LỜI CẢM ƠN

Món nợ lớn nhất của tôi đối với Phạm Xuân Ân là ông đã cho phép tôi viết về cuộc đời không bình thường của ông. Tôi đã nhớ nhiều cuộc trao đổi dài của chúng tôi. Tôi mắc nợ với vợ ông Phạm Xuân Ân, bà Thu Nhân, vì bà đã nói chuyện với tôi trong lúc bà đang phải để tang chồng. Cháu Ân và tôi đã nói với nhau nhiều lần trong thời gian 5 năm qua, nhưng cháu còn giúp tôi nhiều hơn nữa là đồng ý đọc và nhận xét cho bản thảo cuối cùng của tôi. Cháu chưa bao giờ một lần bảo tôi phải sửa một câu nào về cha của cháu, mà chỉ thỉnh thoảng lại đánh dấu "Cháu không biết chuyện này về ba cháu".

Tôi dần dần hiểu được vì sao các nhà báo lại coi Frank McCulloch là người giỏi nhất trong nghề. Frank đã dành nhiều giờ để nói chuyện với tôi về một người mà ông đã tuyển để làm việc cho Tạp chí Time, cũng như nói về chuyên môn nghề báo của Phạm Xuân Ân. Robert Sam Anson đã giúp sắp xếp lại các sự kiện liên quan đến việc ông bị bắt và thả, cũng như việc ông cung cấp những tài liệu quan trọng liên quan đến việc cháu Ân học tập tại Mỹ. Stanley Karnow chia sẻ quan điểm của ông về Phạm Xuân Ân, về bác sĩ Trần Kim Tuyền, và những âm mưu nằm trong những âm mưu làm nên các đặc điểm của Sài Gòn đầu thập kỷ 1960. Dick Swanson và Germaine Lộc Swanson, mỗi người đều đã hướng dẫn tôi ngay từ khi bắt đầu cuốn sách này và sau này hai người đã giúp xem lại những phần chủ chốt của bản thảo. Tôi đặc biệt được hưởng lợi từ cách nhìn của Germaine về tình bạn, sự trung thành, và chiến tranh. Dick cũng đã giúp đỡ tôi rất hiệu quả trong việc trả lời nhiều câu hỏi về những tấm ảnh, đồng thời giới thiệu tôi với các đồng nghiệp của ông. Dan Southerland đã giúp tôi sắp xếp lại các sự kiện tháng 4/1975, khi ông và Phạm Xuân Ân giúp bác sĩ Trần Kim Tuyền chạy trốn khỏi đất nước và ông cũng đã đọc rất thận trọng bản thảo. Ron Steinman, Trưởng phân xã truyền hình NBC đã đọc toàn bộ bản thảo và cung cấp cho tôi những cái nhìn quý giá vào bên trong. Đại sứ Bùi Diễm đã cố vấn cho tôi về tình hình chính trị Sài Gòn và sự giao lưu của ông với Phạm Xuân Ân. Đại sứ Nguyễn Xuân Phong đã dành nhiều giờ để nói với tôi về Phạm Xuân Ân và về khái niệm kẻ thù anh em. Nguyễn Thái cung cấp những cái nhìn bên trong quý báu về quan hệ của Phạm Xuân Ân với gia đình họ Ngô.

Tôi được hưởng lợi từ những cuộc trao đổi với một số đồng nghiệp trước đây, cũng như những bạn riêng của Phạm Xuân Ân như: David Lamb, George McArthur, Horst Faas, Eva Kim, Jolynne d Ormano, Bernard Kalb, Neil Sheehan, David Halberstam, David Burnett, Judith Ladinsky, Gerald Hickey, Nick Turner, Ted Thái, Rufus Philips, Jon Larsen, Stanley Cloud, David De Voss, Alison Krupnick, và Wendy Larsen.

Tôi có ba món nợ đặc biệt về tri thức đối với bản cuối cùng. Merle Pribbenow, một cựu sĩ quan ngôn ngữ, sĩ quan tác chiến, và sĩ quan nhân sự cho CIA từ năm 1968 đến 1995, đã thường xuyên cung cấp cho tôi các bản dịch sang tiếng Anh của hầu hết những tài liệu viết bằng tiếng Việt về Phạm Xuân

Ăn và mạng lưới tình báo của ông. Liên Hằng T. Nguyễn tại Trường Đại học Kentucky đã dịch một số bài báo và đọc toàn bộ bản thảo cũng như các trang bìa. Edward Miller tại Dartmouth đã đọc một số bản thảo đầu tiên, kiểm giúp cho bản copy về cuộc phỏng vấn kỹ lưỡng của David Butler với bác sĩ Trần Kim Tuyền từ các số báo Butler ở Dartmouth và cung cấp cho tôi các bản sao về những cuộc phỏng vấn Phạm Xuân Ẩn.

Hằng và Ed đã giúp đỡ tôi trong những lúc tôi còn nghi vấn và bối rối. Tôi đã yêu cầu các đồng nghiệp trẻ của tôi phải kiên trì và họ đã làm việc chẳng tiếc sức. Ed và Hằng đại diện cho những người tốt nhất trong thế hệ tiếp theo nghiên cứu về Việt Nam. Tôi hân hạnh cảm ơn sự giúp đỡ và tình bạn của James Reckner, Steve Maxner, và Khanh Lê ở Trung tâm Việt Nam thuộc Trường Đại học Texas Tech. Nhờ có Jim, tôi mới được gặp Phạm Xuân Ẩn. Khanh đã giới thiệu tôi với phía Việt Nam; Steve đã tạo điều kiện để tiếp cận với các nguồn tài liệu và ảnh gốc. Cũng giống như các quyển sách trước của tôi, để làm chứng, mọi tài liệu nghiên cứu của tôi sẽ được gửi lưu giữ tại trung tâm Lưu trữ về Việt Nam.

Một số đồng nghiệp và bạn bè đã cung cấp những lời khuyên vô giá. Kathy Olmsted, Nguyễn Kỳ Phong, Fred Brown, Nguyễn Mạnh Hùng, Andy Birtle, David Seerman, Bill Laune, Mark Clodfelter, David Biggs, John Prados, Anh Thu Lu và Sedgwick Tourison đã giúp đỡ bất cứ khi nào tôi đề nghị. Stephen Routh và H. M. Baker đọc toàn bộ bản thảo và đưa ra nhiều gợi ý bổ ích. Rosann Rhodes (Martin), Judy Coleman (Lanini), Ross Johnson, Pete Conaty và Bruce Nott đã cung cấp cho tôi những đồ vật sưu tầm lại. Rosann đọc bản thảo cuối cùng trong chương về OCC, Bruce - người đã chấp nối lại với Phạm Xuân Ẩn, luôn cố gắng giúp đỡ tôi nhiều hơn cả sự chờ đợi của tôi. Pete đã cung cấp cho tôi những bản gốc của báo Barnacle. Jim Carnett, Douglas C. Benentt, và Mary Roda tại Trường Orange Coast College đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong thời gian tôi đến thăm OCC.

Tôi cảm ơn Jul Owings và Jud Brandes vì đã cung cấp cho tôi rất nhiều thông tin về cha của họ và về mối quan hệ của gia đình với Phạm Xuân Ẩn.

Người trợ lý nghiên cứu của tôi, TiTi Mary Trần đã dịch toàn bộ phần tiểu sử bằng tiếng Việt của Phạm Xuân Ẩn, cũng như rất nhiều bài báo và bài luận. TiTi sau này đi Sài Gòn để tiến hành hai cuộc phỏng vấn một mình rất giá trị với Phạm Xuân Ẩn. Tôi được hưởng lợi từ băng video dài hai giờ đồng hồ phỏng vấn của San McMorris với Phạm Xuân Ẩn. Tracy Eckard đã thực hiện công việc mang tính chuyên môn cao, dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Anh.

Tôi biết ơn những người bạn của tôi tại Tổng lãnh sự Mỹ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng lãnh sự Seth Winnick, Phó Tổng lãnh sự Kenneth Chern, nhân viên phụ trách các vấn đề công cộng Kimberly Gillen Bruce Nash, cựu sĩ quan liên lạc tổ chức phi chính phủ tại Tổng lãnh sự quán Mỹ đã giúp tìm kiếm ảnh của Phạm Xuân Ẩn trên boong tàu USS Vandegriff. Cựu Đại sứ Mỹ tại Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Raymond Burghardt đã nói chuyện dài với tôi về Phạm Xuân Ẩn.

Trong thời gian nhiều chuyến thăm của tôi đến Sài Gòn, tôi được hưởng lợi nhiều từ các cuộc giao lưu với Hoàng Hải Vân, Lê Thông Lan, Nguyễn Thị Ngọc Hải, Nguyễn Văn Lang, và Nguyễn Thị Xuân Phong. Trợ lý nghiên cứu và phiên dịch cho tôi tại Sài Gòn Nguyễn Thị Thanh Phương là người không thể thiếu được trong nhiều trường hợp, nhưng đặc biệt là trong việc phiên dịch cuộc phỏng vấn với bà Nguyễn Thị Ba và ông Tư Cang. Đặng Đình Quy tại Đại sứ quán Việt Nam ở Washington D.C đã luôn luôn giúp đỡ khi tôi chuẩn bị cho rất nhiều chuyến đi của tôi. Các bạn của tôi tại Khách sạn Quê hương Liberty - 2 đã luôn đảm bảo cà phê hoặc trà nóng có sẵn mang đến cho tôi lúc 4 giờ sáng để tôi có thể bắt đầu viết. Bất cứ khi nào tôi cần chụp sao tài liệu, họ đều làm giúp tôi rất cẩn thận, chu đáo. Tôi đã tiến hành nghiên cứu tại một số kho tư liệu và đánh giá cao sự giúp đỡ từ Jacquelyn Sundstrand tại Trường đại học Nevada, Trung tâm Reno lưu trữ bản thảo, Carol Leadenham tại Trung tâm lưu trữ Hoover, và các nhân viên làm việc tại Trung tâm lưu trữ lịch sử xã hội Wisconsin.

Lời cảm ơn đặc biệt của tôi dành cho Georgia Kyser và gia đình bà, Kimberly, Amada, Clayton, và Jay Bryan vì đã nói chuyện với tôi. Bà Gerald Barrett đã từng hai lần đến thăm Phạm Xuân Ân, cung cấp cho tôi nhiều cái nhìn bên trong xác đáng. Chi Hà và Anh Nguyễn tại tiệm ăn Minh s ở Arlington tạo bối cảnh hoàn hảo cho những cuộc nói chuyện trong các bữa ăn trưa và tối với bạn bè và đồng nghiệp của Phạm Xuân Ân. John Shelton luôn đảm bảo rằng tôi không bao giờ bị trễ đối với bất kỳ cuộc phỏng vấn nào.

Người giúp việc của tôi John Wright, là người đầu tiên tin vào ý tưởng của tôi về cuốn sách này và tại nhà sách Smitthsoman Books, ông đã tìm thấy sự phù hợp hoàn hảo. Người biên tập viên của tôi Elisabeth Kallick Dyssegaard đã giúp tôi hiểu tầm quan trọng của việc sử dụng hình ảnh và đã viết về cuộc đời của Phạm Xuân Ân như là một kịch bản sân khấu. Cô là người tiếp cận gần hơn bất kỳ ai khác để cảm nhận được câu chuyện, và tôi không thể đòi hỏi được gì hơn ở sự gắn bó với công việc của người biên tập viên này.

Dan Crissman, một trợ lý biên tập tại Smithsonian Books đã tích cực giúp đỡ tôi trong tất cả mọi chuyện phải làm với việc chuẩn bị bản thảo và các sổ lộ trình ảnh.

Raymond Tse thiết kế trang web www.larryber-manperfectsdv.com tại Trường Đại học California Davis, Wayne Fischer và Hielam Chan đã tiết kiệm cho tôi hơn một chiếc máy vi tính, khi chiếc máy tính của tôi bỗng dưng bị treo không chịu làm việc. Tôi đánh giá cao sự giúp đỡ của các nhân viên làm việc tại Trường Đại học California Davis, như Kelly Ramos, Gloria Castillo, Cindy Koga Simmons, Sande Dyer, và Micki Eagle. Tại Washington, May Byrne, Karen Akerson, Rodger Rak, Mike Sesay, và Sara Lombardo đã có những giúp đỡ khác nhau trong toàn bộ dự án này.

Các đồng nghiệp của tôi Miko Nincic, don Rothchild, Emily Goldman, Ed Constantini, James Desveaux và Larry Peterman đã giúp đỡ theo cách chỉ có bạn bè hiểu.

Trong 5 năm qua, tôi đã luôn ở nơi này nơi khác, mà ít khi ở nhà; thậm chí khi ở Davis, đầu óc tôi cũng luôn nghĩ về cuốn sách này. Tôi biết ơn và đánh giá cao Nicole vì sự hiểu biết và thông cảm đối với tôi là không thể đo đếm được.

Những chỗ in sai trong sách:

1. *Đã thương thì thương cho "trót". (chót)*
2. *Ai cũng phải "gia súc" chống thực dân Pháp cứu nước. Hồi anh em binh (ra sức)*
3. *Mọi người ở nước tôi chỉ đi xe đạp, khi đi ra ngoài đường, người quê tôi vẫn mặc đồ pajamas (trang 152) (pyjama)*
4. *Trong đó bao gồm các bài viết Nghệ thuật chiến tranh của tác giả Sun Tzu; (trang 218) (Sun Tzu= Tôn Tử) (?)*
5. *Những người bạn thân nhất của chúng tôi cũng là những người làm báo như chúng tôi. Phạm Xuân Ẩn của Reuters, Nguyễn Ngọc Rao của UPI, Võ Huỳnh của NBC và Hà Thúc Cản của CBS. Trang 244*

Nguyễn Ngọc Giao chứ không phải Nguyễn Ngọc Rao

Lời cuối: Cảm ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Người gõ: Mõ Hà Nội (Nguyễn Học)

Nguồn: Mõ Hà Nội (Nguyễn Học)

Được bạn: mrs đưa lên

vào ngày: 15 tháng 10 năm 2007